



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1	0028002039	BLADE COVER/HTR5600	BẢO VỆ LƯỖI/HTR5600	544,320
2	0028109009	BLADE COVER/HTR7610	BẢO VỆ LƯỖI/HTR7610	380,160
3	0301140000	CHIP RECEIVER/HTR7610	BỘ CHỨA MÀNH VỤN/HTR7610	514,800
4	040026-001	BLADE CHANGING ROD/SJ401	THANH CHẶN MỔ LƯỖI/SJ401	11,000
5	122193-4	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	345,600
6	122202-9	TRIMMER BASE ASSY/3700B,N3701,3703,3704,4403	ĐỀ PHAY/3700B, N3701,3703,3704, 4403	764,500
7	122230-4	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	1,209,600
8	122238-8	TRIMMER BASE ASSY/3700B, N3701, 3703, 3704, 4403	ĐỀ PHAY TRONG SUỐT/3700B, N3701, 3703, 3	396,000
9	122256-6	GUIDE HOLDER ASSY	THANH DẪN HƯỚNG	632,500
10	122291-4	NOZZLE ASS"Y/CL104D	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO THAM	469,800
11	122296-4	DUST BAG ASSY/9924DB	TÚI CHỨA BỤI/9924DB	340,200
12	122334-2	NOZZLE COMPACT TYPE A 38MM (DRY)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN A 38MM (KHÔ)	534,600
13	122335-0	NOZZLE COMPACT TYPE B 38MM (WET)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN B 38MM (ƯỚT)	502,200
14	122343-1	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP BA VỐ	770,000
15	122351-2	DUST BAG ASSY/LS1011N,LS1030	TÚI CHỨA BỤI/ LS1011N,LS1030	124,200
16	122391-0	STRAIGHT GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	192,500
17	122402-1	DUST BAG ASSY/1911B	TÚI CHỨA BỤI/1911B	1,231,200
18	122446-1	HOLDER ASSY/LS1211s	GIÁ ĐỖ/LS1211	902,000
19	122464-9	GRIP ASSY	TAY CẦM	491,400
20	122470-4	WISE ASSY	KẸP NGANG	2,860,000
21	122472-0	SET PLATE ASSY	TẤM CHẶN THÉP	66,000
22	122473-8	ANGLE GUIDE ASSY	THANH DẪN GÓC	1,089,000
23	122536-0	WISE ASSY	KẸP THẲNG ĐỨNG	242,000
24	122548-3	DUST BAG ASSY/9910,9911	TÚI CHỨA BỤI/9910,9911	129,600
25	122562-9	DUST BAG ASSY/9912,9403	TÚI CHỨA BỤI/9912,9403	361,800
26	122563-7	WISE ASSY	KẸP NGANG	1,540,000
27	122567-9	VICE ASSY	KẸP NGANG	1,496,000
28	122574-2	DRILL CHUCK ASSY	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1,386,000
29	122576-8	STOPPER POLE ASSY/DHP481	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHP481	43,200
30	122652-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI	54,000
31	122683-7	BASE SET/4112HS	ĐỀ/4112HS	841,500
32	122699-2	TRIMMER GUIDE ASSY/MT362	THANH CỬ/MT362	66,000
33	122700-3	GUIDE HOLDER ASSY	ĐẦU DẪN HƯỚNG	335,500
34	122703-7	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP	181,500
35	122704-5	STRAIGHT GUIDE ASSEMBLY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP THẲNG	93,500
36	122707-9	RULER ASSY	THƯỚC ĐO	259,200
37	122716-8	SUB PLATE ASSY	Miếng Chèn	82,500
38	122727-3	SIDE GRIP ASSY	TAY CẦM HÔNG	685,800
39	122793-0	DUST BAG ASSY/KP0810,KP0800,DKP180	TÚI CHỨA BỤI/KP0810,KP0800,DKP180	550,800
40	122846-5	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	247,500
41	122847-3	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	269,500
42	122852-0	DUST BAG ASSY/LS1016,LS1216,LH1040,BLS713	TÚI CHỨA BỤI/LS1016,LS1216,LH1040,BLS713	70,200
43	122853-8	DUST BAG ASSY/PC5000C	TÚI CHỨA BỤI/PC5000C	108,000
44	122854-6	WISE ASSEMBLY	KẸP	467,500
45	122864-3	TOOLLESS LOCK NUT ASSEMBLY M14/GA037G	MẶT BÍCH NGOÀI/GA037G	1,254,000
46	122884-7	DUST BAG ASSEMBLY/DLS600	TÚI BỤI/DLS600	135,000
47	122889-7	WHEEL COVER 180K ASSEMBLY/GA7050	CHỤP BẢO VỆ 180K/GA7050	181,500
48	122890-2	WHEEL COVER 180K ASSY/MT902	NÁP CHỤP BẢO VỆ 180K/MT902	170,500
49	122891-0	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	192,500
50	122892-8	WHEEL COVER 230 ASSY/MT903	CHỤP BẢO VỆ Đĩa ĐÁ MÀI/MT903	225,500
51	122893-6	TOOLLESS WHEEL COVER 100K ASSY/DGA404	CHỤP BẢO VỆ/DGA404	242,000
52	122896-0	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 150MM	209,000
53	122906-3	SHOULDER STRAP/DUR369A	DÂY ĐEO VAI/DUR369A	518,400
54	122909-7	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀIDÙNG KHI CẮT	126,500
55	122913-6	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	319,000
56	122914-4	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	357,500
57	122930-6	WISE ASSY	KẸP NGANG	2,706,000
58	122939-8	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	203,500
59	122940-3	VICE ASSY	BỘ KẸP THẲNG	264,000
60	122A18-8	SIDE GRIP/DDA460	TAY CẦM BỀN/DDA460	367,200
61	122A37-4	BAND ASSEMBLY/UH006G	DÂY ĐEO/UH006G	540,000
62	122C02-5	SIDE GRIP/DDF486	TAY CẦM BỀN/DDF486	545,400
63	122D08-9	GRIP ASSEMBLY/HP001G	TAY CẦM BỀN/HP001G	566,500
64	122D10-2	GRIP ASSEMBLY/DHP486	TAY CẦM BỀN/DHP486	556,200
65	122D16-0	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỒ A 400G/DGP180	1,944,000
66	123001-2	RUBBER PAD ASSEMBLY FOR DRILL 98MM	ĐỀ CAO SU DÙNG CHO MÁY KHOAN 98MM	154,000
67	123004-6	SHARPENING HOLDER ASSY	BỀ MÀI LƯỖI BẢO	82,500
68	123006-2	SHARPENING HOLDER ASSY	BỀ MÀI LƯỖI BẢO	165,000
69	123009-6	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CẠNH LƯỖI	346,500
70	123022-4	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP CHO MÁY PHAY	346,500
71	123029-0	STRAIGHT GUIDE ASSY/3600H	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG/3600H	654,500
72	123055-9	SHARPENING HOLDER ASSY	BỀ MÀI LƯỖI BẢO	93,500
73	123060-6	GUIDE RULE ASSY	THƯỚC DẪN	399,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
74	123062-2	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CẠNH LƯỖI	75,600
75	123099-9	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	121,000
76	123138-5	SIDE GRIP ASSEMBLY/DHR400	BỘ TAY CẦM/DHR400	486,000
77	123145-8	TOOLLESS WHEELCOVER 125AK ASSY/DGA506Z	CHỤP BẢO VỆ/DGA506Z	165,000
78	123230-7	WHEEL COVER 150AK ASSEMBLY/MT905	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150K/MT905	143,000
79	123241-2	DUST BAG ASSEMBLY/UB1103	TÚI CHỨA BỤI/UB1103	129,600
80	123245-4	NOZZLE ASS'Y/UB1103	ỐNG THỔI/UB1103	91,800
81	123246-2	LONG NOZZLE ASSEMBLY/DUB185	ỐNG THỔI DÀI/DUB185	275,400
82	123328-0	DUST BAG ASS'Y/M9400B	TÚI CHỨA BỤI/M9400B	113,400
83	123422-8	SHOULDER STRAP/UR101C	DÂY ĐEO VAI/UR101C	86,400
84	123485-4	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	226,800
85	123486-2	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	216,000
86	123488-8	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	216,000
87	123539-7	NOZZLE BLACK 28	ĐẦU HÚT T MÀU ĐEN 28	216,000
88	123584-2	TELESCOPIC PIPE ASSY	ỐNG DẪN HƯỚNG	444,960
89	123636-9	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	168,480
90	123784-4	HIGH PRESSURE HOSE 10M/HW1200	DÂY DẪN 10MM	486,000
91	125097-9	WHEEL COVER ASSY/9015B	CHỤP BẢO VỆ/9015B	132,000
92	125157-7	ARM 6 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 6/9032	1,584,000
93	125158-5	ARM 9 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 9/9032	852,500
94	125159-3	ARM 13 ASS'Y/9032	THANH TRƯỢT 13/9032	2,200,000
95	125172-1	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	209,000
96	125185-2	WHEEL COVER ASSY/4112HS	CHỤP BẢO VỆ/4112HS	3,234,000
97	125266-2	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	66,000
98	125268-8	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	82,500
99	125336-7	WHEEL COVER ASSY/4114S	CHỤP BẢO VỆ/4114S	3,740,000
100	125516-5	BAND ASSEMBLY/PDC01	DÂY ĐEO/PDC01	75,600
101	125520-4	BAND ASSEMBLY/RBC413U	DÂY ĐEO VAI/RBC413U	129,600
102	125729-8	NOZZLE ASSEMBLY/BHX2500	ỐNG NỔI/BHX2500	232,200
103	125885-4	WHEEL COVER 100AK ASSY/GA4030	CHỤP BẢO VỆ/GA4030	88,000
104	126206-3	FLEXIBLE ASSEMBLY/DVR450Z	DÂY ĐÀM DỪNG/DVR450Z	6,112,800
105	126285-1	SHEAR BLADE ASSEMBLY/EH7500S	BỘ LƯỖI CẮT/EH7500S	1,628,000
106	126331-0	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV181, DJV182	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV181, DJV182	64,800
107	126412-0	GRIP ASSEMBLY/DDF481	TAY CẦM/DDF481	556,200
108	126413-8	GRIP ASSEMBLY/DHP481	TAY CẦM/DHP481	561,600
109	126477-2	WHEEL COVER 100M ASSEMBLY/MT91A	CHỤP BẢO VỆ/MT91A	60,500
110	126599-8	DUST BAG/DSP600	TÚI CHỨA BỤI/DSP600	237,600
111	126617-2	WISE ASS'Y/LS1019L	KẸP GIỮ VẬT LIỆU/LS1019L	500,500
112	126642-3	PLASTIC BLADE ASSEMBLY/Y255-M10/DUR365U	LƯỖI CẮT CỎ NHỰA Y255-M10/DUR365U	329,400
113	126688-9	DUST BAG ASSEMBLY/M4001B	TÚI CHỨA BỤI BẰNG VAI/M4001B	124,200
114	126738-0	DUST BAG ASSEMBLY/4100KB	TÚI BỤI/4100KB	135,000
115	126751-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG HÚT BỤI	475,200
116	126756-8	BENT PIPE ASSEMBLY/DVC260	ỐNG HÚT BỤI/DVC260	194,400
117	126766-5	HIGH PRESSURE HOSE 5M/DHW080	ỐNG XỊT NƯỚC ÁP LỰC CAO 5M/DHW080	394,200
118	127093-3	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOCK 28MM	ỐNG NỔI HÚT BỤI CONG CÓ KHÓA 28MM	302,400
119	127104-4	STORAGE BOX ASSEMBLY/DHW080	THÙNG Đựng NƯỚC/DHW080	1,792,800
120	127147-6	115/125MM DUST COVER K SET/PC5010C	CHỤP BẢO VỆ/PC5010C	869,000
121	127214-7	DUST CASE ASSEMBLY/DX10	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/DX10	1,210,000
122	127224-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 6.4MM/DRV250	ĐẦU LẮP MŨI 6.4MM/DRV250	396,000
123	127228-6	NOSEPIECE ASSEMBLY 4.0MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 4.0MM/DRV150	390,500
124	127229-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 3.2MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 3.2MM/DRV150	390,500
125	127230-9	NOSEPIECE ASSEMBLY 2.4MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 2.4MM/DRV150	407,000
126	127474-1	JAW PUSHER ASSEMBLY 4.0/DRV250	THANH ĐẨY ĐINH 4.0/DRV250	154,000
127	127476-7	JAW PUSHER ASSEMBLY 3.1/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 3.1/DRV150	148,500
128	127477-5	JAW PUSHER ASSEMBLY 2.5/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 2.5/DRV150	154,000
129	127478-3	JAW PUSHER ASSEMBLY 1.9/DRV150	THANH ĐẨY ĐINH 1.9/DRV150	148,500
130	127482-2	DUST CAP ASSEMBLY/DCS553	BỘ ĐẦU NỔI HÚT BỤI/DCS553	626,400
131	127508-0	BAND ASSY/DUX18	BỘ DÂY ĐEO BĂNG VAI/DUX18	108,000
132	127512-9	DUST BAG/LS002G	TÚI CHỨA BỤI/LS002G	210,600
133	127552-7	SIDE GRIP LONG/DF001G	TAY CẦM BỀN DÀI/DF001G	540,000
134	127579-7	SIDE GRIP SHORT/DF001G	TAY CẦM BỀN NGẮN/DF001G	550,000
135	127605-2	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28MM/DVC155	ỐNG HÚT BỤI ĐIỀU CHỈNH ĐỘ DÀI 28MM/DVC15	885,600
136	127607-8	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC155Z	HỘP Đựng DỤNG CỤ/DVC155Z	426,600
137	127622-2	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC156	KHAY Đựng PHỤ KIỆN HÚT BỤI/DVC156	432,000
138	127713-9	TOOLLESS WHEEL COVER 180MM ASSY/GA037G	CHỤP BẢO VỆ LƯỖI CẮT 180MM/GA037G	236,500
139	127714-7	TOOLLESS WHEEL COVER 230MM ASSY/GA038G	CHỤP BẢO VỆ LƯỖI CẮT 230MM/GA038G	264,000
140	127725-2	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	156,600
141	127759-5	BAND ASSEMBLY L/UX01G	DÂY ĐEO L/UX01G	129,600
142	127825-8	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET/WHITE/CL001G	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO SÀN VÀ THẢM/MÀU TRẮNG/CL001G	302,400
143	127827-4	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET/BLUE/CL002G	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẢM/MÀU XANH/CL002G	302,400



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
144	127828-2	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET/BLACK/CL001G	ĐẦU HÚT BỤI DỪNG CHO SÀN VÀ THẢM/ MÀU ĐEN/CL001G	302,400
145	12L	CUTTER HSS(LONG)12X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(ĐÀI)12X55MM	627,000
146	12S	CUTTER HSS(SHORT)12X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)12X35MM	423,500
147	132025-7	NOZZLE CLEANER 220MM ASSY/DUB182	ĐẦU HÚT BỤI 220MM/DUB182	135,000
148	133533-1	WHEEL COVER 150 ASS'Y	CHỤP BẢO VỆ150/	286,000
149	134279-2	BORER ATTACHMENT	BỘ KẸP	4,114,000
150	134743-3	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE:17X 31	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 17X31	330,000
151	134744-1	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE:19X 33	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 19X33	335,500
152	134745-9	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD 9.5MM (3/8") SQUARE DRIVE	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 9.5MM (3/8")	434,500
153	134746-7	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD 12.7MM (1/2") SQUARE DRIVE	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 12.7MM (1/2")	330,000
154	134825-1	SOCKET 13-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 13-38	115,500
155	134829-3	SOCKET 17-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 17-38	121,000
156	134830-8	SOCKET 17-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 17-52	121,000
157	134840-5	SOCKET 23-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 23-38	154,000
158	134853-6	SOCKET 26-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-52	258,500
159	134854-4	SOCKET 26-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-95	522,500
160	134855-2	SOCKET 27-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-52	258,500
161	134856-0	SOCKET 27-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-95	522,500
162	134857-8	SOCKET 30-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-52	258,500
163	134858-6	SOCKET 30-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-95	522,500
164	134859-4	SOCKET 32-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-95	522,500
165	134860-9	SOCKET 35-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-56	313,500
166	134861-7	SOCKET 35-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-95	550,000
167	134862-5	SOCKET 36-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-56	324,500
168	134863-3	SOCKET 36-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-95	583,000
169	134864-1	SOCKET 35-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-80	572,000
170	134865-9	SOCKET 36-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-80	572,000
171	134870-6	EXTENSION BAR 25.4 ASSY	KHỚP NỐI DỪNG SIẾT BU LÔNG 25.4	2,894,400
172	134871-4	SOCKET 32-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-52	269,500
173	134872-2	SOCKET 41-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 41-80	616,000
174	134874-8	EXTENSION BAR 12.7 ASSY	KHỚP NỐI DỪNG SIẾT BU LÔNG 12.7	815,400
175	134877-2	UNIVERSAL JOINT 12.7 ASSY	KHỚP NỐI ĐA NĂNG 12.7	2,354,400
176	134890-0	SIDE HANDLE 68 ASSY	TAY CẦM BỀN 68	1,188,000
177	134909-5	SIDE HANDLE ASSY	TAY CẦM BỀN	885,600
178	135108-2	TOOLLESS WHEEL COVER 125 ASSY	CHỤP BẢO VỆ KHÔNG CẦN DỤNG CỤ 125MM	154,000
179	135125-2	ANGLE HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/MZ)	3,146,000
180	135132-5	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	140,400
181	135183-8	ANGLE HEAD(E-FORM/NZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/NZ)	2,948,000
182	135192-7	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ 150MM	137,500
183	135197-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	691,200
184	135200-4	ANGLE HEAD(C-FORM)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (C-FORM)	2,794,000
185	135201-2	ANGLE WRENCH HEAD 9.5MM (3/8") SQUARE DRIVE	ĐẦU SIẾT BU LÔNG GÓC 9.5MM (3/8")	3,036,000
186	135209-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	669,600
187	135222-4	DUST BAG ASSY/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	129,600
188	135246-0	DUST BOX ASSEMBLY WITH PAPER DUST BAG	HỘP ĐỰNG TÚI BỤI GIẤY	108,000
189	135269-8	SIDE HANDLE 82 ASSY	TAY CẦM HỒNG 82	1,274,400
190	135302-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	81,000
191	135327-0	DUST BOX ASSEMBLY	HỘP ĐỰNG BỤI	129,600
192	135332-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	637,200
193	135380-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	685,800
194	135963-2	HOOK ASSY/DHR280	MỐC TREO/DHR280	93,500
195	136018-6	DUST CASE ASSY/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	2,019,600
196	136257-8	DUST CASE ASSY/HR2651T	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651T	1,944,000
197	136258-6	DUST CASE ASSY/HR2651/HR2650	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651/HR2650	1,870,000
198	136362-1	SIDE HANDLE/HM001G	TAY CẦM BỀN/HM001G	626,400
199	13L	CUTTER HSS(LONG)13X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(ĐÀI)13X55MM	649,000
200	13S	CUTTER HSS(SHORT)13X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)13X35MM	429,000
201	140073-2	STEEL CARRYING CASE COMPLETE/PC5000C	THÙNG MÁY/PC5000C	2,678,400
202	140115-2	DUST BAG COMPLETE/BO3710	TÚI CHỨA BỤI/BO3710	48,600
203	140248-3	CLOTH FILTER COMPLETE	TÚI ĐỰNG PHAO	302,400
204	140401-1	PLASTIC CASE COMPLETE/HR2611F	HỘP NHỰA/HR2611F	529,200
205	140441-9	PAD COMPLETE/BO3710	TẤM LÓT/BO3710	77,000
206	140G04-3	HOSE COMPLETE 28-2.0M WITH FRONT CUFFS 38/DVC750	ỐNG MỀM HÚT BỤI 28MM-2.0M VỚI VÒNG BÍT TRƯỚC 38/DVC750	194,400
207	140G19-0	ALUMINUM TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY/DVC261	ỐNG NỐI HÚT BỤI(NHÔM)/DVC261	506,000
208	140G26-3	BENT PIPE COMPLETE WITH PIPE LOCK	ỐNG CONG LOẠI CỐ KHÓA	248,400
209	140G50-6	GRIP COMPLETE/DUT130	GIỮ CỐ ĐỊNH/DUT130	324,000
210	140H92-6	HOSE COMPLETE/CL121D	ỐNG DẪN BỤI/CL121D	259,200
211	140H94-2	SOFT BRUSH 360 COMPLETE	CHỔI TRÒN 360 XANH	108,000
212	140H95-0	SEAT NOZZLE 120 COMPLETE	ĐẦU HÚT T 120 XANH(DỌN GHẾ XE HƠI)	129,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
213	140J64-3	BLOWER NOZZLE COMPLETE	ĐẦU THỔI KHE MỀM XANH	199,800
214	140K23-3	VALVE STAY COMPLETE/DFCL280F	MIẾNG ĐỆM GẢI ĐẦU HÚT BỤI/DFCL280F	43,200
215	140N45-1	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 125MM	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 125MM	423,500
216	140X75-2	GRIP/PV301D	TAY CẦM BỀN/PV301D	143,000
217	140Y23-7	WATER SUPPLY HOSE COMPLETE/DCC500	ỐNG DẪN NƯỚC/DCC500	183,600
218	141856-3	PLASTIC CASE COMPLETE/DF456D	THÙNG MÁY/DF456D	448,200
219	141873-3	BELT HOOK COMPLETE/VC3211M	DÂY ĐEO CỐ MÓC GIỮ/VC3211M	43,200
220	141P46-4	WHEEL COVER 125 COMPLETE/GA5090	NẮP CHỤP BẢO VỆ 125/GA5090	154,000
221	142088-5	GRIP 36 COMPLETE/MT660	TAY CẦM/MT660	48,600
222	142845-1	CHARGER CASE COMPLETE	VỎ BỘ SẠC	1,814,400
223	143603-8	PLASTIC CARRYING CASE	HỘP NHỰA BẢO VỆ	766,800
224	143627-4	DUST BAG COMPLETE/M9203B	TÚI CHỨA BỤI/M9203B	64,800
225	143677-9	VALVE STAY COMPLETE/CL182FD	MIẾNG ĐỆM GẢI ĐẦU HÚT/CL182FD	43,200
226	143787-2	HOSE 28-1M	ỐNG MỀM 28-1M	680,400
227	144408-9	HOSE 28-1.5 WITHOUT CUFFS	ỐNG MỀM 28-1.5 KHÔNG KHÓA	653,400
228	144675-6	FOOT COMPLETE/DCU180	CHÂN PHỤ/DCU180	145,800
229	14L	CUTTER HSS(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(DÀI)14X55MM	671,000
230	14S	CUTTER HSS(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(NGẮN)14X35MM	434,500
231	150662-5	SUB FENCE COMPLETE	TÀM CHÂN PHỤ	167,400
232	150980-1	STEEL PLATE COMPLETE	TÀM ĐỆM THÉP	198,000
233	151780-2	DUST BAG COMPLETE	TÚI CHỨA BỤI	59,400
234	152490-4	SIDE GRIP/N9500N	TAY CẦM CHO MÁY MÀI/N9500N	70,200
235	152491-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	86,400
236	152492-0	GRIP 36 COMPLETE/9015B	TAY CẦM /9015B	86,400
237	152539-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	54,000
238	152892-4	GRIP COMPLETE/UT1305	TAY CẦM/UT1305	280,800
239	152992-0	HOSE 28-1.5	ỐNG MỀM 28-1.5	793,800
240	153489-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	32,400
241	153504-2	GRIP 36 COMPLETE/GA4030	TAY CẦM 36/GA4030	43,200
242	153909-6	OUTER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	NẮP CHỤP NGOÀI/6922NB	1,540,000
243	154665-1	WHEEL COVER 230MM COMPLETE/M0921B	CHỤP BẢO VỆ 230MM/M0921B	220,000
244	154666-9	WHEEL COVER 180 COMPLETE/M0920B	CHỤP BẢO VỆ 180/M0920B	115,500
245	154672-4	WHEEL COVER 230MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 230MM	170,500
246	154674-0	WHEEL COVER 180MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 180MM	121,000
247	154755-0	WHEEL COVER COMPLETE/9500NB	CHỤP BẢO VỆ/9500NB	71,500
248	155263-4	TRIMMER SHOE	ĐÈ CẮT VÁT CẠNH CHO MÁY PHAY	770,000
249	158024-1	HOOK COMPLETE	MÓC	38,500
250	158131-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	340,200
251	158237-4	GRIP 36 COMPLETE/DGA413	TAY CẦM/DGA413	64,800
252	158323-1	PAD COMPLETE/BO4555	ĐÈ LÓT/BO4555	99,000
253	158324-9	PAD COMPLETE/BO4556	ĐÈ LÓT/BO4556	93,500
254	158595-8	PAD COMPLETE	ĐÈ LÓT/MT921	77,000
255	158796-8	PAD COMPLETE/MT920	ĐÈ LÓT/MT920	55,000
256	158980-5	KNOB 55 COMPLETE	TAY CẦM	205,200
257	15L	CUTTER HSS(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(DÀI)15X55MM	687,500
258	15S	CUTTER HSS(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(NGẮN)15X35MM	440,000
259	161347-8	SHOULDER BELT/DWT310	DÂY ĐEO VAI/DWT310	135,000
260	161377-9	HARNESS/DUP361	BỘ DÂY ĐEO/DUP361	761,400
261	161379-5	HOLSTER/DUP361	TÚI ĐEO/DUP361	307,800
262	161464-4	SHOULDER BELT/197941-0	DÂY ĐEO VAI/197941-0	108,000
263	161603-6	HARNESS/DUP362	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ/DUP362	750,600
264	161846-0	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	357,500
265	161884-2	BAND COMPL/DVF154	DÂY ĐEO VAI/DVF154	334,800
266	161887-6	GUIDE BAR 10/DUC204	LAM 10/DUC204	528,000
267	161888-4	GUIDE BAR 8/DUC204	LAM 8/DUC204	484,000
268	162315-4	LATCH/DFS251	CHÓT GẢI/DFS251	33,000
269	162341-3	BRACKET/DTW1001	GIÁ TREO/DTW1001	156,600
270	162518-0	FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC BỤI/DVC750L	367,200
271	162523-7	SHOULDER BELT/VC750D	DÂY ĐEO VAI/VC750D	118,800
272	162544-9	SHOULDER BELT/CL121D	DÂY ĐEO VAI/CL121D	113,400
273	162547-3	SPROCKET NOSE BAR FOR M11	LAM BÁNH XE DÀNH CHO CỐT M11	726,000
274	162555-4	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 100MM	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 100MM	1,017,500
275	162635-6	HEPA FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC HEPA/DVC750L	226,800
276	162662-3	ADAPTER/DGP180	ĐẦU BƠM MỖ/DGP180	934,200
277	162669-9	GUIDE BAR M11 250MM	LAM M11 250MM	2,134,000
278	162706-9	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	445,500
279	162708-5	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 125MM	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	214,500
280	162742-5	WHEEL COVER 230/DCE090	BỘ BẢO VỆ LƯỚI 230/DCE090	770,000
281	162744-1	PIPE 4.1 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 4.1/DRV250	385,000
282	162745-9	PIPE 3.4 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 3.4/DRV250	1,364,000
283	162746-7	PIPE 2.6 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.6/DRV150	605,000
284	162747-5	PIPE 2.2 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.2/DRV150	605,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
285	162755-6	NYLON BRUSH/DTR180	CHÒI VỆ SINH ỐNG KỀM/DTR180	901,800
286	162947-7	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	264,000
287	163080-8	TEMPLER GUIDE 29	DẪN HƯỚNG 29	335,500
288	163445-4	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	335,500
289	163446-2	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	335,500
290	163467-4	LATCH/DPB180	CHÓT GÁI/DPB180	38,500
291	163539-5	GUIDE RULE/M1100B	THUỐC CẠNH MÉP/M1100B	302,400
292	164019-4	GUIDE RULE	THUỐC DẪN	220,000
293	164095-8	GUIDE RULE/MT583	THUỐC DẪN/MT583	75,600
294	164350-8	PIPE/4107R	ỐNG DẪN/4107R	777,600
295	164367-1	GUIDE RULE/N5900B	THUỐC DẪN/N5900B	97,200
296	164379-4	TEMPLER GUIDE 9.5	DẪN HƯỚNG 9.5	412,500
297	164388-3	TEMPLER GUIDE 12	DẪN HƯỚNG 12	379,500
298	164393-0	TEMPLER GUIDE 20	DẪN HƯỚNG 20	566,500
299	164405-9	PIPE	ỐNG DẪN	232,200
300	164470-8	TEMPLER GUIDE 27	DẪN HƯỚNG 27	396,000
301	164471-6	TEMPLER GUIDE 30	DẪN HƯỚNG 30	363,000
302	164472-4	TEMPLER GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	594,000
303	164533-0	GUIDE BAR	LAM	1,072,500
304	164775-6	TEMPLER GUIDE 11	DẪN HƯỚNG 11	379,500
305	164776-4	TEMPLER GUIDE 13	DẪN HƯỚNG 13	418,000
306	164834-6	STRAIGHT GUIDE/RO0900	THANH DẪN HƯỚNG/RO0900	110,000
307	165046-4	TEMPLER GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	544,500
308	165153-3	GUIDE RULE/RS001G	THUỐC DẪN/RS001G	216,000
309	165201-8	GUIDE BAR/EA3601F	LAM/EA3601F	385,000
310	165215-7	WHEEL COVER/9067	CHỤP BẢO VỆ/9067	148,500
311	165216-5	WHEEL COVER/9069	CHỤP BẢO VỆ/9069	231,000
312	165364-0	TEMPLER GUIDE 24	DẪN HƯỚNG 24	385,000
313	165366-6	TEMPLER GUIDE 17B	DẪN HƯỚNG 17B	390,500
314	165431-1	BASE/4114S	ĐỂ/4114S	440,000
315	165447-6	SUB BASE	ĐỂ PHỤ	399,600
316	165486-6	COVER FOR CUT OFF WHEEL 150MM	CHỤP BẢO VỆ KHI CẮT 150MM	1,012,000
317	165714-9	WHEEL COVER 125	CHỤP BẢO VỆ / GS5000	170,500
318	165757-1	MIXING BLADE 165/M6600XB	LƯỖI TRỘN 165/M6600XB	165,000
319	166043-3	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	38,880
320	166058-0	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	248,400
321	166094-6	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	81,000
322	168349-5	SHAFT/M6600B	THANH TRỤC TRỘN SƠN/M6600B	528,000
323	168407-7	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	1,958,000
324	168408-5	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	412,500
325	16L	CUTTER HSS(LONG)16X55MM	Mũi khoan từ HSS(DÀI)16X55MM	709,500
326	16S	CUTTER HSS(SHORT)16X35MM	Mũi khoan từ HSS(NGẮN)16X35MM	462,000
327	170043110N	GUARD	CHẴN BẢO VỆ	237,600
328	17L	CUTTER HSS(LONG)17X55MM	Mũi khoan từ HSS(DÀI)17X55MM	731,500
329	17S	CUTTER HSS(SHORT)17X35MM	Mũi khoan từ HSS(NGẮN)17X35MM	489,500
330	181490-7	HAMMER GREASE 30G	MỖ 30G	77,000
331	183N93-7	PLASTIC WITH ACCESSORY	THÙNG Đựng máy kèm phụ kiện	642,600
332	183P96-3	FRONT NOZZLE SET/DUB184	ỐNG THỔI TRƯỚC/DUB184	216,000
333	183R02-0	LONG NOZZLE SET/DUB362	BỘ ống thổi DÀI/DUB362	135,000
334	183R04-6	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI A/DUB363ZV	302,400
335	183R06-2	PIPE 90-72 ASSEMBLY/DUB363	ỐNG THỔI 90-72/DUB363	210,600
336	183R08-8	VACUUM PIPE B/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI B/DUB363ZV	151,200
337	18L	CUTTER HSS(LONG)18X55MM	Mũi khoan từ HSS(DÀI)18X55MM	770,000
338	18S	CUTTER HSS(SHORT)18X35MM	Mũi khoan từ HSS(NGẮN)18X35MM	506,000
339	1910C2-9	FLEXIBLE SHAFT 32-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TỔNG 32-2.4 SET/VR003G	9,136,800
340	1910C4-5	FLEXIBLE SHAFT 38-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TỔNG ĐỀO 38-2.4 SET/VR003G	9,244,800
341	1910C7-9	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/CL003G	BỘ LỌC HIỆU SUẤT CAO/CL003G	291,600
342	1910C9-5	FILTER H SET/CL003G	BỘ LỌC H/CL003G	367,200
343	1910D3-4	CYCLONE UNIT SET WHITE//DCL180/280/281 • CL001/003	BỘ PHÂN LY TÂM (MÀU TRẮNG)DCL180/280/281 • CL001/003	1,296,000
344	1910D4-2	CYCLONE UNIT SET BLUE/DCL180/280/281 • CL001/003	BỘ PHÂN LY TÂM (MÀU XANH)DCL180/280/281 • CL001/003	1,296,000
345	1910D5-0	CYCLONE UNIT SET BLACK/DCL180/280/281 • CL001/003	BỘ PHÂN LY TÂM (MÀU ĐEN)DCL180/280/281 • CL001/003	1,296,000
346	1910E1-5	FLEXIBLE SHAFT 32-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TỔNG 32-1.2 SET/VR003G	8,424,000
347	1910E2-3	FLEXIBLE SHAFT 32-1.7 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TỔNG 32-1.7 SET/VR003G	8,834,400
348	1910E3-1	FLEXIBLE SHAFT 38-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TỔNG 38-1.2 SET/VR003G	8,532,000
349	1910G0-1	CHARGER DC18WC	SẠC PIN DC18WC	1,518,000
350	1910H8-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/DUH506	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH506	1,408,000
351	1910H9-0	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/DUH606	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH606	1,496,000
352	1910J1-0	XGT BATTERY COVER 4.0Ah AND 8.0Ah	VỎ BẢO VỆ PIN XGT 4.0Ah VÀ 8.0Ah	1,879,200



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
353	1910J4-4	BATTERY CASE H SET/VR001G	CHỤP BẢO VỆ PIN LOẠI H/VR001G	718,200
354	1910J6-0	ANGLE CHANGE ATTACHMENT FOR CORDLESS POLE SAWS/DUA300	PHỤ KIỆN THAY ĐỔI GÓC/DUA300	1,584,000
355	1910M4-5	HIGH PERFORMANCE DUST BAG SET/CL002G	TÚI CHỨA BỤI HIỆU SUẤT CAO/CL002G	178,200
356	1910M7-9	ADAPTER PIPE 104-72 SET/UB002C	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 104-72/UB002C	388,800
357	1910N0-0	WATER FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC NƯỚC/VC006G	464,400
358	1910R1-6	HOSE ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ỐNG NÓI/DHW080	545,400
359	1910R2-4	STRAINER ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ĐẦU NÓI BỘ LỌC/DHW080	783,000
360	1910R3-2	POLY VINYL BAG 10PCS SET/VC006G	TÚI BỤI NHỰA VINYL 10PCS/SET/VC006G	356,400
361	1910T1-0	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 500MM/DUH507	907,200
362	1910T2-8	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 600MM/DUH607	945,000
363	1910V6-4	SAW CHAIN 480TXL	DÂY XÍCH 80TXL	330,000
364	1910W0-3	GUIDE BAR 10MM	LAM 100MM	517,000
365	1910Y3-1	TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY+NOZZLE HOLDER/CL117FD	ỐNG NÓI HÚT BỤI + ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI/CL117FD	297,000
366	1910Y4-9	FILTER BAG SET 35L/VC006GM	TÚI LỌC BỤI BẰNG VẢI DỆT 35L/VC006GM/VC007GL	685,800
367	1911A1-3	SOLID CARVING BAR 250MM/25AP	LAM ĐIỀU KHẮC 250MM/25AP	2,024,000
368	1911B3-6	FUNCTIONAL UNIT FOR FLAT BUCKET + FLAT BUCKET/DCU605	KHUNG THÙNG CHỨA PHẪNG + THÙNG CHỨA/DCU65	22,000,000
369	1911B4-4	DAMPER SET/VC006G	BỘ GIẢM RUNG/VC006G	91,800
370	1911B5-2	PRE-FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC TRƯỚC/VC006G	280,800
371	1911B6-0	POWDER FILTER M SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI M/VC006G	540,000
372	1911B7-8	POWDER FILTER H SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI H/VC006G	567,000
373	1911H9-6	WIRE GIDE B/DTR181	DÂY DẪN HUỐNG MÀU ĐEN LOẠI B/DTR181	858,000
374	1911J1-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH507	1,408,000
375	1911J2-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH607	1,518,000
376	1911J4-0	NOZZLE FOR HARD FLOOR	ĐẦU HÚT SÀN	718,200
377	1911J6-6	NOZZLE FOR CARPET	ĐẦU HÚT THAM	383,400
378	1911K0-5	TOOL HANGER SET/DHR183	BỘ MÓC TREO/DHR183	132,000
379	1911K4-7	TIRE 330 ASSEMBLY	LỚP XE 330	2,700,000
380	1911K5-5	GRAY TIRE 330 ASSEMBLY	LỚP XE XÁM 330	2,786,400
381	1911K6-3	GRAY TIRE 210 ASSEMBLY	LỚP XE XÁM 210	1,922,400
382	1911L1-0	STAND FOR CLEANER	CHÂN ĐỨNG CHO MÁY HÚT BỤI CẦM TAY	912,600
383	1911L9-4	DC40WA BATTERY CHARGER SET	BỘ SẠC PIN DC40WA	3,850,000
384	1911M9-1	EXTENSION PIPE SET/DGP180	THANH NỐI DÀI/DGP180	319,000
385	1911P2-6	DUST COLLECTION SYSTEM SET DX16/DHR183	HỆ THỐNG LỌC BỤI DX16/DHR183	1,760,000
386	1911P5-0	DUST CASE SET/DHR183	HỘP LỌC BỤI/DHR183	604,800
387	1911P8-4	DUSTCUP SET/DHR183	LY CHỨA BỤI/DHR183	448,200
388	1911R0-4	HOLSTER/DUC101	TÚI ĐEO/DUC101	604,800
389	1911T4-0	HOLDER B SET FOR CAUKING GUN 600ML	BỘ ỐNG ĐỖ SILICON B 600ML	3,014,000
390	1911T5-8	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 400ML	BỘ ỐNG ĐỖ SILICON D 400ML	2,970,000
391	1911W1-7	SHEAR BLADE L SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH L/UP100D	418,000
392	1911W2-5	SHEAR BLADE U SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH U/UP100D	418,000
393	1911W4-1	PROTECTION COVER SET/VC008G	CHỤP BẢO VỆ/VC008G	432,000
394	1911X4-8	PROTECTOR U SET (330MM FOR NYLON CORD)/UR015G	CHỤP BẢO VỆ CHỮ U (DÀNH CHO ĐẦU CẮT NYLON 330MM)/UR015G	394,200
395	1911Y0-3	PROTECTOR FOR CHISEL BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT CỎ/UR013G	934,200
396	1911Y1-1	PROTECTOR FOR SHLEDDER BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT CỎ/UR013G	621,500
397	1911Y2-9	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Φ2.7)/UR013G	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TÀI NHANHΦ2.7)/UR013G	734,400
398	1911Y3-7	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Φ2.7)/UR014G	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TÀI NHANHΦ2.7)/UR014G	777,600
399	1912G2-9	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN422MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN422MP	1,061,500
400	1912G3-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN402MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	1,606,000
401	1912R3-4	FILTER BAG SET 10L/VC001GL	TÚI LỌC BỤI/VC001GL	340,200
402	1912R9-2	BLOWER ATTACHMENT/UB402MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB402MP	2,484,000
403	1912T2-0	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN422MP	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN422MP	4,774,000
404	1912U0-1	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN402MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	5,104,000
405	191383-0	SHEAR BLADE SET (2PCS/SET)	BỘ LƯỠI CẮT TON (2 LƯỠI/BỘ)	902,000
406	1913D1-6	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN424MP	PHỤ KIỆN TỈA SÁT ĐẤT/EN424MP	5,500,000
407	1913E8-9	BATTERY ADAPTER SET 40V MAX/BAP001G	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 40V MAX/BAP001G	2,415,600
408	191454-3	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	421,200
409	191455-1	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	275,400
410	191496-7	FLEXIBLE HOSE	ỐNG HÚT BỤI ĐEOCL 104D	243,000
411	191569-6	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	151,200
412	191657-9	ROUND BRUSH BLACK 38MM	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐEN 38MM	361,800
413	191679-9	BATTERY 7000	PIN 7000	851,040
414	191681-2	BATTERY 9000	PIN 9000	1,356,480
415	191725-8	EXTENSION GUIDE SET	DẪN HƯỚNG	440,000
416	191852-1	JOINT 38-75MM/45	KHỚP NỐI HÚT BỤI 38-75MM/45	194,400
417	191897-9	CUTTING WAX	SÁP CẮT	357,500
418	191A01-6	AUXILIARY WHEEL ATTACHMENT SET/DCU180	BÁNH XE PHỤ/DCU180	3,388,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
419	191A50-3	SOCKET ADAPTOR 9.5 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 9.5/WR100D	484,000
420	191A51-1	SOCKET ADAPTOR 6.35 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 6.35/WR100D	478,500
421	191A52-9	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	4,026,000
422	191A53-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	2,700,000
423	191A57-9	GALVANIZED TIE WIRE SET 50PCS/SET	ĐÂY BUỘC MẠ KÈM 50 CUỘN	6,578,000
424	191A62-6	PORTABLE POWER PACK SET(18V/18Vx2)/PDC02	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 2P/PDC028V/18Vx2/PDC02	18,532,800
425	191A67-6	PORTABLE POWER PACK SET(18Vx2)/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 18Vx2/PDC011	16,027,200
426	191A76-5	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÁI BƠM MỖ/DGP180	3,110,400
427	191A77-3	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỖ GÓC/DGP180	1,826,000
428	191A78-1	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BƠM MỖ(3CÁI/BỘ)/DGP180	1,053,000
429	191A79-9	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 1200/DGP180	2,090,000
430	191A80-4	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 600/DGP180	1,447,200
431	191A81-2	BARREL ASSEMBLY B SET 450G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỖ B 450G/DGP180	2,442,000
432	191A86-2	KEYLESS DRILL CHUCK/DA333D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA333D	176,000
433	191A87-0	KEYLESS DRILL CHUCK/HP331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HP331D	220,000
434	191B03-8	GUTTER NOZZLE SET FOR BLOWER	BỘ PHỤ KIỆN THỔI TRÊN CAO	2,268,000
435	191B12-7	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỖ A 400G/DGP180	2,024,000
436	191B15-1	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOCK SET	ỐNG NỒI HÚT BỤI CÓ KHÓA	764,500
437	191B26-6	BATTERY BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	PIN BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	5,616,000
438	191B36-3	BATTERY BL4025(LI-ION,40V, 2.5AH)	PIN BL4025(LI-ION,40V,2.5AH)	4,536,000
439	191B44-4	BATTERY BL4025 SET(LI-ION, 40V, 2.5AH)	PIN BL4025(LI-ION, 40V, 2.5AH)	4,536,000
440	191B54-1	PROTECTOR U 430 SET MG/DUR369	NẮP BẢO VỆ U 430 SET MG/DUR369	396,000
441	191B55-9	PROTECTOR/DUR369A/UR101C	CHỤP BẢO VỆ/DUR369A/UR101C	429,000
442	191B56-7	TANK ASSEMBLY SET A/DVC150L	BỘ HỘP CHỨA BỤI A/DVC150L	1,892,000
443	191B57-5	TANK ASSEMBLY SET B HEP A/DVC157L	BỘ HỘP CHỨA BỤI B HEP A/DVC157L	1,936,000
444	191B63-0	FUNCTIONAL UNIT FOR MANUAL DUMP/DCU603/DCU604	GIÁ ĐỖ CHO XE ĐÁY/DCU603/DCU604	22,220,000
445	191B67-2	FRAME CARRIER/DCU604/DCU602	KHUNG XE ĐÁY/DCU604/DCU602	11,066,000
446	191B69-8	BUCKET/DCU603/DCU602	THÙNG CHỨA/DCU603/DCU602	15,994,000
447	191C03-4	ACCESSORY SET B FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DRV150	396,000
448	191C04-2	ACCESSORY SET B FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.0/DRV150	401,500
449	191C05-0	HOOK SET/JR3051T	MỐC TREO/JR3051T	198,000
450	191C11-5	INTERCHANGEABLE ADAPTER/ADP10	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V SANG PIN 40V MAX/ADP10	1,232,000
451	191C13-1	SHEAR BLADE 600MM/DUN600L	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUN600L	2,618,000
452	191C14-9	SHEAR BLADE 500MM/DUN500W	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUN500W	2,288,000
453	191C15-7	ADAPTER B/UB400MP,UB401MP	KHỚP NỐI ỐNG THỐI B/UB400MP,UB401MP	221,400
454	191C17-3	SHARPENING HOLDER ASSEMBLY SET	BỆ MÀI LƯỖI	132,000
455	191C19-9	BLADE GAUGE ASSEMBLY SET	THƯỚC CẠNH LƯỖI BẢO	86,400
456	191C20-4	ELBOW SET/DKP181	ỐNG NỒI HÚT BỤI/DKP181	151,200
457	191C21-2	DUST BAG ASSEMBLY SET/DKP181	TÚI CHỨA BỤI/DKP181	658,800
458	191C22-0	CHAMFERING RULE ASSEMBLY/DKP181	THƯỚC PHAY/DKP181	2,095,200
459	191C23-8	GUIDE RULE ASSEMBLY SET/DKP181	THƯỚC DẪN/DKP181	669,600
460	191C26-2	FILTER BAG SET 10 PCS/DVC665	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/DVC665	410,400
461	191C30-1	DUST BAG ASSEMBLY/DVC660,DVC665	TÚI CHỨA BỤI VẢI/DVC660,DVC665	307,800
462	191C37-7	HOOK SET/DHK180	MỐC TREO/DHK180	264,000
463	191D12-9	MAIN HEPA FILTER SET/DVC660	TẦM LỌC BỤI HEPA/DVC660	237,600
464	191D33-1	CHIP RECEIVER 600MM/DUH604S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH604S	642,600
465	191D34-9	CHIP RECEIVER 750MM/DUH754S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH754S	853,200
466	191D38-1	SHEAR BLADE ASSY 600MM/DUH604S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH604S	3,366,000
467	191D39-9	SHEAR BLADE ASSY 750MM/DUH754S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750MM/DUH754S	3,784,000
468	191D41-2	ROTARY LAWN MOWER BLADE 380MM	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 380MM	346,500
469	191D43-8	ROTARY LAWN MOWER BLADE 430MM/DLM432	LƯỖI CẮT CỎ ĐÁY 430MM/DLM432	401,500
470	191D46-2	MULCHING PLUG SET/DLM382	NẮP CHẶN CỎ/DLM382	297,000
471	191D47-0	SWING BACK BLADE 460 SET/4PCS	LƯỖI THAY THẾ CHO LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 460/4CÁI	929,500
472	191D48-8	SWING BACK BLADE 530 SET/4PCS	LƯỖI THAY THẾ CHO LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 530/4CÁI	1,006,500
473	191D49-6	SWING BACK BLADE460	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 460	1,045,000
474	191D50-1	SWING BACK BLADE530	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 530	1,144,000
475	191D51-9	ROTARY LAWN MOWER BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 460	638,000
476	191D52-7	ROTARY LAWN MOWER BLADE/DLM530	LƯỖI CẮT CHO MÁY CẮT CỎ ĐÁY/DLM530	687,500
477	191D60-8	CHAIN BLADE(M11) 1/4" 1.1X250MM	ĐÂY XÍCH(M11) 1/4" 1.1X250MM	737,000
478	191D63-2	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	405,000
479	191D65-8	LONG SASH NOZZLE/DVC560	ĐẦU HÚT KHE/DVC560	97,200
480	191D67-4	ROUND BRUSH/DVC560	CHỔI TRÒN/DVC560	178,200
481	191D69-0	BRUSH COMPLETE/DVC560	BÀN CHẢI/DVC560	1,047,600
482	191D71-3	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/WHITE)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KHÓA/MÀU TRẮNG)	777,600
483	191D73-9	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KHÓA/MÀU ĐEN)	777,600
484	191D75-5	CYCLONE ATTACHMENT SET(BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU ĐEN	777,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
485	191D76-3	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/WHITE)	ỐNG HÚT BỤI THẮNG(CÓ KHÓA/MÀU TRẮNG)	194,400
486	191D77-1	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/BLACK)	ỐNG THẮNG NHỰA 340(CÓ KHÓA/MÀU ĐEN)	194,400
487	191D78-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE 340MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THẮNG 340MM(MÀU XANH)	183,600
488	191D79-7	STRAIGHT PIPE 321 SET/DCL181F	ỐNG HÚT BỤI THẮNG/DCL181F	108,000
489	191D80-2	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLACK)	ỐNG HÚT BỤI THẮNG 320MM(MÀU ĐEN)	108,000
490	191D81-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THẮNG 320MM(MÀU XANH)	108,000
491	191D89-4	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.0MMX4M)/4INCH	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)/4INCH	426,600
492	191D90-9	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.4MMX3M)/4INCH	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3M)/4INCH	426,600
493	191D92-5	TRIMMER HEAD 96-M8R SET (2.0MMX4M)/4INCH	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)/4INCH	426,600
494	191D93-3	TRIMMER HEAD 121-M10L SET (2.4MMX4M)/5INCH	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC 121-M10L (2.4MMX4M)/5INCH	615,600
495	191E07-8	FAST CHARGER DC40RA	SẠC NHANH DC40RA	3,542,000
496	191E19-1	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỒNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1,620,000
497	191E23-0	SHAFT EXTENSION ATTACHMENT/LE400MP	PHỤ KIỆN THANH NỐI KÉO DÀI/LE400MP	4,070,000
498	191E30-3	FLEXIBLE HOSE WITH PIPE LOCK	ỐNG MỀM CÓ KHÓA	345,600
499	191E39-5	MAIN FILTER H (HEPA FILTER)/DVC560	LỌC BỤI HEPA/DVC560	237,600
500	191E41-8	GRIP ASSEMBLY SET/HP002G/DF002G	TAY CẦM/HP002G/DF002G	766,800
501	191E43-4	PROTECTOR ASSEMBLY SET PDC01/A	BỘ DÂY ĐEO CHO PDC01/A	329,400
502	191E53-1	DX12 DUST COLLECTION SYSTEM SET/HR001G/HR003G	DX12 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR001G/HR003G	3,234,000
503	191F23-6	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỖ C 500G/DGP180	2,750,000
504	191F24-4	CARTRIDGE BARREL A SET 400/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ LOẠI A 400/DGP180	1,914,000
505	191F25-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ B 450G/DGP180	2,310,000
506	191F27-8	CARTRIDGE BARREL C SET 500G GREASE/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ C 500G/DGP180	2,596,000
507	191F45-6	TOOL HANGER SET/HR3001C	MÓC TREO/HR3001C	346,500
508	191F49-8	DUST CASE SET/DX10	BỘ THU BỤI/DX10	1,274,400
509	191F58-7	TOOL HANGER SET/TD001G	BỘ GIỮ MÁY/TD001G	1,386,000
510	191F68-4	BLOWER ATTACHMENT/UB400MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB400MP	4,838,400
511	191F78-1	ACCESSORY SET FOR 6.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.4/DRV150	687,500
512	191F79-9	ACCESSORY SET A FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DRV150	687,500
513	191F80-4	ACCESSORY SET A FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI/DRV150	1,342,000
514	191F81-2	DUST COLLECTION FOR WHEEL GUARD 125MM	CHỤP BẢO VỆ 125MM	907,200
515	191F82-0	POWDER FILTER HEPA SET/VC3210L/2510L	BỘ LỌC HEPA/VC3210L/2510L	988,200
516	191F95-1	DX10 DUST CORRECTION SYSTEM /HR3011FCWJ	DX10 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR3011FCWJ	3,036,000
517	191G05-4	DUST COLLECT COVER SET FOR X-LOCK DIAMOND WHEEL 125MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI X-LOCK 125MM	2,178,000
518	191G06-2	DUST COLLECT COVER SET FOR DIAMOND WHEEL 125MM(TOOL LESS)	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM(KHÔNG CẦN DỤNG CỤ)	1,919,500
519	191G08-8	RING SET/TW007G	VÒNG ĐỆM/TW007G	682,000
520	191G09-6	GARDEN NOZZLE ASSEMBLY SET/DUB186, DUB185	ỐNG THỔI SÂN VƯỜN/DUB186, DUB185	151,200
521	191G10-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HẮM ĐAI ỐC 35	60,500
522	191G11-9	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	363,000
523	191G13-5	GUIDE BAR 200MM	LAM 200MM	346,500
524	191G14-3	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	357,500
525	191G15-1	GUIDE BAR 300MM	LAM 300MM	374,000
526	191G16-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	385,000
527	191G17-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	418,000
528	191G22-4	GUIDE BAR 250MM	LAM 250MM	412,500
529	191G23-2	GUIDE BAR 300MM	LAM 300MM	390,500
530	191G24-0	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	385,000
531	191G25-8	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	418,000
532	191G26-6	GUIDE BAR 450MM	LAM 450MM	440,000
533	191G33-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	715,000
534	191G34-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	797,500
535	191G52-5	GUIDE BAR 500MM	LAM 500MM	1,144,000
536	191G64-8	HOOK ASSEMBLY SET/DPB183	MÓC TREO/DPB183	137,500
537	191G67-2	EXTENSION HANDLE FOR IMPACT WRENCH	TAY CẦM MỖ RỘNG CHO MÁY SIẾT BU LÔNG	3,630,000
538	191G76-1	MESH SLEEVE HOSE 28-5 SET	ỐNG HÚT BỤI CÓ LƯỚI BẢO VỆ 28MMX5M	2,484,000
539	191G86-8	NOZZLE ASSEMBLY SET 28MM	ĐẦU HÚT BỤI 28MM	750,600
540	191G87-6	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET 38MM (WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THAM 38MM (MÀU TRẮNG)	756,000
541	191G88-4	CLOTH FILTER SET/DVC156	TÚI LỌC BỤI/DVC156	399,600
542	191G89-2	TELESCOPIC PIPE SET	BỘ ỒNG HÚT BỤI	1,144,800
543	191G96-5	SAW CHAIN 1.3MM/.050" / 1/4" 25AP	DÂY XÍCH 1.3mm/.050" / 1/4" 25AP	682,000
544	191G99-9	SAW CHAIN 1.1MM/.043" 3/8" LP 90PX	DÂY XÍCH 1.1mm/.043" 3/8" LP 90PX	214,500
545	191H00-0	SAW CHAIN 40 1.1MM/.043"X3/8"/90PX	DÂY XÍCH 40 1.1MM/.043"X3/8"/90PX	264,000
546	191H01-8	SAW CHAIN 300 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	DÂY XÍCH 300 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	423,500
547	191H02-6	SAW CHAIN 350 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	DÂY XÍCH 350 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	440,000
548	191H03-4	SAW CHAIN 400 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	DÂY XÍCH 400 3/8" LP, 1.1mm/.043" 90PX	462,000
549	191H08-4	SAW CHAIN 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	357,500
550	191H09-2	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	583,000
551	191H10-7	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	374,000
552	191H11-5	SAW CHAIN 350 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 350 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	385,000
553	191H12-3	SAW CHAIN 400 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 400 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	325,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
554	191H13-1	SAW CHAIN 450 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 450 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	550,000
555	191H20-4	SAW CHAIN 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91VXL	DÂY XÍCH 250 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91VXL	434,500
556	191H44-0	SAW CHAIN 1.5MM/.058" 73DPX	DÂY XÍCH 1.5mm/.058" 73DPX	638,000
557	191H51-3	SAW CHAIN 450MM/1.5MM/.058" 3/8" 73LPX	DÂY XÍCH 450mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	704,000
558	191H52-1	SAW CHAIN 1.5MM/.058" 73LPX	DÂY XÍCH 1.5mm/.058" 73LPX	808,500
559	191H54-7	SAW CHAIN 600MM 1.5MM/.058" 3/8" 73LPX	DÂY XÍCH 600mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	836,000
560	191J13-3	ADAPTER FOR GUTTER NOZZLE/DUB362/363	ĐẦU NỐI ỐNG THỜI GÓC TRÊN CAO/DUB362/363	259,200
561	191J48-4	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO VAI/UB001C	232,200
562	191J50-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	2,700,000
563	191J51-5	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	3,952,800
564	191J59-9	POLY COATED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚT PHỦ POLI 50 CUỘN	8,514,000
565	191J81-6	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4025*2+DC40RA)	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4025*2+DC40RA)	12,386,000
566	191J97-1	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4040*2+DC40RA)	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4040*2+DC40RA)	14,542,000
567	191K37-5	BAND ASSEMBLY SET/DUA300	DÂY ĐEO VAI/DUA300	518,400
568	191K57-9	TOOL HANGER SET/DTW300	MỐC TREO/DTW300	1,386,000
569	191L00-4	BATTERY CHARGER DC4001/PDC1200	SẠC DC4001/PDC1200	4,290,000
570	191L13-5	ADAPTER PIPE 80-72 SET/DUB184	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 80-72/DUB184	129,600
571	191L23-2	AUTOFEED ATTACHMENT SET/FS6300	ĐẦU BÀN VÍT TỰ ĐỘNG NAP/FS6300	2,134,000
572	191L29-0	BATTERY BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	PIN BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	3,456,000
573	191L47-8	BATTERY BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	PIN BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	6,480,000
574	191L80-0	BATTERY CHARGER DC1002	SẠC PIN DC1002	533,500
575	191L91-5	SPACER SET/HR3011FC	VÒNG ĐỆM/HR3011FC	140,400
576	191L94-9	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO/UB001C	199,800
577	191L96-5	ADAPTER PIPE 85-72/UB001C,UB001G	KHỚP NỐI ỐNG THỜI 85-72/UB001C,UB001G	280,800
578	191M20-4	VACUUM ATTACHMENT WITH VACUUM HOSE/HM1511	PHỤ KIỆN THU BỤI VỚI ỐNG HÚT BỤI/HM1511	1,533,600
579	191M21-2	VACUUM ATTACHMENT/HM1511	PHỤ KIỆN THU BỤI/HM1511	577,800
580	191M27-0	EXTENSION HANDLE SET/DTR180	TAY CẮM NỐI DÀI/DTR180	4,838,400
581	191M30-1	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHỔI	280,800
582	191M32-7	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	291,600
583	191M34-3	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	313,200
584	191M39-3	WET FILTER SET/DVC750L	BỘ LỌC BỤI ỨỚT/DVC750L	297,000
585	191M40-8	CHIP RECEIVER SET/DUN500W,DUN600L	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUN500W,DUN600L	615,600
586	191M44-0	PORTABLE POWER PACK SET/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI/PDC01	13,370,400
587	191M48-2	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500Z	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500Z	1,209,600
588	191M50-5	BATTERY ADAPTER FOR BL CLEANERS/BAP18C	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V/BAP18C	1,188,000
589	191M57-1	ROTARY SCISSORS ATTACH SET E/EM407MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ/EM407MP	17,402,000
590	191M75-9	ROTARY SCISSORS SET E/EM407MP	ĐẦU CẮT CỎ/EM407MP	16,610,000
591	191M77-5	JOINT A 32 SET	ỐNG NỐI BỘ A 32	297,000
592	191M78-3	JOINT B 35 SET	ỐNG NỐI BỘ B 35	275,400
593	191M79-1	JOINT C 38 SET	ỐNG NỐI BỘ C 38	275,400
594	191M83-0	STRAP SET/TW001G	DÂY ĐEO VAI/TW001G	464,400
595	191M90-3	CHARGER 40V/DC40RC	SẠC 40V/DC40RC	2,486,000
596	191N09-8	2PORT FAST CHARGER 40V/DC40RB	SẠC NHANH 2 CỒNG 40V/DC40RB	5,544,000
597	191N23-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY 110 SET/DUM111	LƯỠI CẮT/DUM111	671,000
598	191N24-2	HEDGE TRIMMER BLADE 200MM/UM110D	LƯỠI TỈA/UM110D	467,500
599	191N25-0	GRASS RECEIVER SET/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	237,600
600	191N34-9	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 300MM/EM408MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 300MM/EM408MP	2,464,000
601	191N46-2	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 330MM/EM409MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 330MM/EM409MP	2,178,000
602	191N60-8	DUST COVER COMPLETE/DBS180	BỘ NẮP CHẨN BỤI/DBS180	669,600
603	191N62-4	BATTERY ADAPTER FOR 40V MAX BATTERY MODELS/PDC1200/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN DÙNG CHO MÁY 40V MAX/PDC1200/PDC01	3,672,000
604	191N69-0	BATTERY BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	1,836,000
605	191N76-3	BATTERY BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	PIN BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	1,620,000
606	191N81-0	VACUUM ATTACHMENT/HR006G	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR006G	2,203,200
607	191N83-6	DUST COVER SET/DCC500	BỘ HÚT BỤI/DCC500	517,000
608	191N90-9	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẮM BỌT BIỂN 80MM	253,800
609	191N91-7	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẮM BỌT BIỂN 80MM	318,600
610	191N92-5	WOOL PAD 80MM SET	ĐỆM LÔNG CỬU 80MM	313,200
611	191P00-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY 460/DUN461W	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 460/DUN461W	1,210,000
612	191P11-3	HANDLE SET	BỘ TAY CẮM	3,608,000
613	191P18-9	MAGNET TAPE SET/DRC300	BĂNG KEO CẮM ỨNG/DRC300	912,600
614	191P20-2	MAIN BRUSH COMPLETE SET/SOFT TYPE/DRC300	CHỔI LẦN QUÉT BỤI/LOẠI MỀM/DRC300	1,209,600
615	191P22-8	MAIN BRUSH COMPLETE SET/STANDARD/DRC300	CHỔI LẦN QUÉT BỤI/LOẠI TIÊU CHUẨN/DRC300	1,101,600
616	191P26-0	SIDE BRUSH(SOFT TYPE)/DRC300	CHỔI QUÉT BỤI(LOẠI MỀM)/DRC300	318,600
617	191P28-6	SIDE BRUSH(STANDARD TYPE)/DRC300	CHỔI QUÉT BỤI(LOẠI TIÊU CHUẨN)/DRC300	318,600
618	191P31-7	HEPA FILTER/DRC300	BỘ LỌC HEPA/DRC300	253,800
619	191P37-5	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỐNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1,728,000
620	191P40-6	DUST BAG SET/DUB363	BỘ TÚI BỤI/DUB363	788,400
621	191P75-7	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	5,032,800
622	191P83-8	FAN UNIT 2PCS SET	BỘ QUẠT 2 CÁI/BỘ	1,252,800
623	191P89-6	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 400ML	BỘ ỐNG ĐỔ SILICON D 400ML	2,200,000
624	191P97-7	END NOZZLE 80/UB001G	ỐNG THỜI 80/UB001G	205,200



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
625	191R02-6	DUST EXTRACTION SET/DTM51	BỘ THU BỤI/DTM51	286,000
626	191R06-8	BATTERY BL6440 SET(LI-ION,64V, 4.0AH)	PIN BL6440(LI-ION,64V, 4.0AH)	9,936,000
627	191R51-3	CHIP RECEIVER 600 E SET/UH004G	KHAY CHỨA CỎ 600 E/UH004G	1,101,600
628	191R52-1	CHIP RECEIVER 750 SET/UH005G	KHAY CHỨA CỎ 750/UH005G	1,792,800
629	191R53-9	SHEAR BLADE 600 SET/UH004G	BỘ LƯỠI CẮT 600/UH004G	3,014,000
630	191R54-7	SHEAR BLADE 750 SET/UH005G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 750/UH005G	3,630,000
631	191R55-5	SHEAR BLADE 600 SET/UH006G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 600/UH006G	3,520,000
632	191R56-3	SHEAR BLADE 750 SET/UH007G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 750/UH007G	3,850,000
633	191R57-1	SHEAR BLADE 600 SET/UH008G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 600/UH008G	1,716,000
634	191R58-9	SHEAR BLADE 750 SET/UH009G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 750/UH009G	1,958,000
635	191R81-4	SIDE GRIP/DA001G	TAY CẦM BỀN/DA001G	685,800
636	191S58-5	BATTERY CHECKER SET (BTC04+BTC05+BTC06)	BỘ KIỂM TRA PIN(BTC04+BTC05+BTC06)	11,335,680
637	191T15-9	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI	220,000
638	191T41-8	POLE SAW ATTACHMENT SET 300MM/91PX/EY403MP	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH 300MM/91PX/EY403MP	7,843,000
639	191T43-4	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET/DUN461W	KHAY CHỨA CỎ/DUN461W	378,000
640	191T44-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500 SET/DUH501	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 500MM/DUH501	2,882,000
641	191T47-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750S SET/DUH751	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 750MM/DUH751	1,672,000
642	191T62-0	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL1860B*1+BL4025*1+ADP10+DC40RA)	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL1860B*1+BL4025*1+ADP10+DC40RA)	11,990,000
643	191T64-6	POWER SOURCE KIT(BL1860B*2+BL4025*2+ADP10+DC40RA)	BỘ PIN SẠC(BL1860B*2+BL4025*2+ADP10+DC40RA)	19,360,000
644	191T85-8	GUIDE BAR 250MM 80TXL	LAM 250MM 80TXL	374,000
645	191T86-6	80TXL GUIDE BAR (300MM)/UC010G	LAM 80TXL (300MM)/UC012G	379,500
646	191T87-4	80TXL GUIDE BAR (350MM)/UC012G	LAM 80TXL (350MM)/UC012G	429,000
647	191T88-2	80TXL GUIDE BAR (400MM)/UC012G	LAM 80TXL (400MM)/UC012G	484,000
648	191T89-0	SAW CHAIN 250MM 80TXL/1.1MM/.043"	XÍCH (250MM)80TXL/1.1MM/.043"	528,000
649	191T90-5	SAW CHAIN 80TXL 300MM	DÂY XÍCH 80TXL 300MM	572,000
650	191T91-3	80TXL SAW CHAIN (350MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (350MM)/UC012G	671,000
651	191T92-1	80TXL SAW CHAIN (400MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (400MM)/UC012G	715,000
652	191T96-3	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI LỌC BỤI 10 CÁI/BỘ/DVC560	432,000
653	191T97-1	CABLE UNIT C	DÂY CÁP C	93,500
654	191U00-8	POWER SOURCE KIT(BL4040*2+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC(BL4040*2+DC40RB+MAKPAC)	16,610,000
655	191U13-9	POWER SOURCE KIT(BL4050F*2+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC(BL4050F*2+DC40RB+MAKPAC)	17,820,000
656	191U28-6	POWER SOURCE KIT(BL4040*4+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC(BL4040*4+DC40RB+MAKPAC)	25,520,000
657	191U42-2	POWER SOURCE KIT(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)	30,360,000
658	191U58-7	CABLE UNIT A	DÂY CÁP A	159,500
659	191U84-6	EXTENSION SET/DHW080	CÁN NỐI DÂY/DHW080	291,600
660	191U86-2	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XỊT THĂNG, ĐỆT/DHW080	621,000
661	191U88-8	VARIO SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XỊT RỬA/DHW080	874,800
662	191V01-2	BIT2-137 SET/DFR452	MŨI VÍT PH2-137MM/DFR452	632,500
663	191V02-0	BIT2-155 SET/DFR551	MŨI VÍT PH2-155MM/DFR551	489,500
664	191V15-1	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4020*2+DC40RC+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC PSKG1(BL4020*2+DC40RC+MAKPAC)	7,920,000
665	191V35-5	POWER SOURCE KIT(BL4050F*2+DC40RA*1+TYPE2 CPC)	BỘ PIN SẠC(BL4050F*2+DC40RA*1+TYPE2 CPC)	15,950,000
666	191V54-1	WHEEL COVER FOR CUTTING	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CẮT	199,800
667	191V67-2	WATER FILTER SET FOR VC001G/VC003G	BỘ LỌC NƯỚC DỪNG CHO VC001G/VC003G	513,000
668	191V68-0	DAMPER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ GIẢM RUNG DỪNG CHO VC002G/VC004G	199,800
669	191V69-8	PRE FILTER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC TRƯỚC DỪNG CHO VC002G/VC004G	766,800
670	191V70-3	POWDER FILTER H(HEPA) SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC BỤI NHỎ (HEPA) DỪNG CHO VC002G/VC004G	534,600
671	191V71-1	CLOTH FILTER SET FOR VC005G	BỘ LỌC VẢI DỪNG CHO VC005G	529,200
672	191V90-7	SPROCKET 6/90PX/91PX	NHÔNG XÍCH 6/90PX/91PX	135,000
673	191V91-5	DRIVE SPROCKET 7/80TXL	NHÔNG XÍCH 7/80TXL	280,800
674	191V96-5	BLADE 530 SET/LM001J	LƯỠI CẮT 530/LM001J	720,500
675	191V97-3	BLADE 480 SET/DLM480	LƯỠI CẮT 480/DLM480	676,500
676	191W19-9	BATTERY CHARGER DC64WA SET	SẠC PIN 64V DC64WA	3,476,000
677	191W37-7	CHARGER 18V DC18WB	SẠC PIN 18V DC18WB	990,000
678	191W58-9	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 1200/DGP180	1,063,800
679	191W59-7	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	BỘ ỐNG MỀM 600/DGP180	1,706,400
680	191W60-2	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BOM MỖ(3CÁI/BỘ)/DGP180	753,500
681	191W61-0	ADAPTER/DGP180	ĐẦU BOM MỖ/DGP180	308,000
682	191W87-2	GRASS COLLECTING BLADE 530MM/LM003	LƯỠI CẮT CỎ 530MM/LM003	792,000
683	191W90-3	HOOK SET/HR007G	MỐC TREO/HR007G	308,000
684	191W93-7	CASING 41 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BÀN VÍT 41/DFR452	4,026,000
685	191W94-5	CASING 55 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BÀN VÍT 55/DFR452	4,004,000
686	191X01-4	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500	1,320,000
687	191X03-0	80TXL GUIDE BAR (450MM)/UC012G	LAM 80TXL (450MM)/UC012G	616,000
688	191X04-8	80TXL SAW CHAIN (450MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (450MM)/UC012G	781,000
689	191X06-4	NOZZLE ASSEMBLY SET FLAT TYPE WHITE	ĐẦU HỤT BỤI T DẠNG DẸP MÀU TRẮNG	1,317,600
690	191X11-1	NOZZLE FOR NARROW PLACE/AS001G	ĐẦU THỔI CHỖ HẸP/AS001G	48,600
691	191X13-7	NOZZLE FOR CLEANING FILTER/AS001G	ĐẦU THỔI LÀM SẠCH BỘ LỌC/AS001G	48,600
692	191X15-3	NOZZLE FOR BLOWING/AS001G	ĐẦU THỔI QUẠT/AS001G	48,600
693	191X17-9	NOZZLE FOR INFLATING FLOAT/AS001G	ĐẦU BƠM PHAO/AS001G	64,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
694	191X19-5	WIDE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI RỘNG/AS001G	108,000
695	191X21-8	FLEXIBLE TUBE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI ĐA NĂNG/AS001G	324,000
696	191X23-4	AIR VENT NOZZLE ATTACHMENT/AS001G	ỐNG THÔNG HƠI/AS001G	432,000
697	191X25-0	RUBBER ATTACHMENT 20-30 SET/AS001G	BỘ CAO SU ĐI KÈM 20-30/AS001G	97,200
698	191X27-6	RUBBER ATTACHMENT 65 SET/AS001G	BỘ CAO SU ĐI KÈM 65/AS001G	102,600
699	191X29-2	FILTER C/AS001G	BỘ LỌC C/AS001G	91,800
700	191X35-7	SPONGE SHEET SET/DRC300	TÀM ĐỂ BỌT BIỂN/DRC300	351,000
701	191X39-9	DX15 DUST COLLECTION SYSTEM SET /HR007G	DX15 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR007G	2,574,000
702	191X62-4	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE 32MM	ỐNG NỐI HÚT BỤI NHÔM 32MM	874,500
703	191X65-8	BATTERY BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	PIN BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	9,720,000
704	191X78-9	LONG NOZZLE SET/AS001G	BỘ ỚNG THỜI DÀI/AS001G	205,200
705	191X80-2	MAKPAC ORGANIZER SET	THÙNG MAKPAC CHO PHỤ KIỆN	1,576,800
706	191Y14-1	HARNNESS COVER SET/VC008G	BỘ DÂY ĐEO/VC008G	243,000
707	191Y22-2	TRIANGULAR PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TÀM ĐỂ TAM GIÁC (GAI VÀ XÙ)/DBO480	199,800
708	191Y23-0	RECTANGULAR PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TÀM ĐỂ CHỮ NHẬT (GAI VÀ XÙ)/DBO480	178,200
709	191Y24-8	SQUARE PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TÀM ĐỂ VUÔNG (GAI VÀ XÙ)/DBO480	145,800
710	191Y25-6	SQUARE PAD(CLAMP)/DBO481	TÀM ĐỂ VUÔNG (KEP)/DBO481	129,600
711	191Y44-2	CUTTER BLADE 200-8 SET/DUR194	LƯỠI CẮT CỎ 200-8/DUR194	220,000
712	191Y46-8	BLADE 230 SET/DLM230	LƯỠI CẮT CỎ 230/DLM230	264,000
713	191Y64-6	BLADE 480 SET FOR MULTING/DLM480	LƯỠI CẮT CỎ 480MM/DLM480	621,500
714	191Y65-4	BLADE 530 SET FOR MULTING/DLM538	LƯỠI CẮT CỎ 530MM/DLM538	654,500
715	191Y69-6	BATTERY BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	PIN BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	21,924,000
716	192035-6	DUST NOZZLE/3612BR	VÒNG HÚT BỤI/3612BR	421,200
717	192121-3	KEYLESS DRILL CHUCK 44/NZ	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 44/NZ	896,500
718	192173-4	DRILL CHUCK & KEY SET 44/NZ	ĐẦU KHOAN CỎ KHÓA 44/NZ	940,500
719	192176-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1,276,000
720	192202-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	55,000
721	192212-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,716,000
722	192219-6	SAFETY GOGGLE(STRAP)	KÍNH BẢO HỘ(ĐÂY ĐEO)	108,000
723	192227-7	SUPER FLANGE	MẶT BÍCH CHO MÁY MÀI	396,000
724	192236-6	ANCHOR NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	151,200
725	192278-0	HOSE 28MM 1.5M/DBS180	ỐNG NHỰA 28MM 1.5M/DBS180	1,058,400
726	192279-8	HOSE 28MM 3.0M/DBS180	ỐNG NHỰA MỀM 28MM 3.0M/DBS180	1,598,400
727	192349-3	JOINT 25-50	KHỚP NỐI 25-50	172,800
728	192352-4	ABRASIVE PAPER SET	GIẤY CHÀ NHĂM	54,000
729	192412-2	WHEEL GUARD FOR WIRE BEVEL BRUSH 85MM	CHỤP BẢO VỆ CHÒI ĐÁNH KIM LOẠI 85MM	577,500
730	192439-2	RATSCHE HEAD	ĐẦU CHUYỀN SIẾT BU LÔNG	4,224,000
731	192440-7	STRAIGHT HEAD(NZ)	ĐẦU CHUYỀN VẦN VÍT(NZ)	1,848,000
732	192454-6	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	1,249,600
733	192486-3	STRAIGHT HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẦN VÍT THẲNG(E-FORM/MZ)	1,606,000
734	192523-3	PUNCH PLATE	ĐỀ ĐỘT GIẤY NHĂM	726,000
735	192557-6	ANTI-SPLITTING DEVICE	TÀM CHẶN MÀN CỬA	167,400
736	192562-3	BENDING PIPE	ỐNG UỐN CONG	401,500
737	192563-1	STRAIGHT PIPE	ỐNG THẲNG	313,500
738	192595-8	BATTERY 9122	PIN 9122	2,017,440
739	192621-3	HOLDER SET	BỘ NÔNG THÉP	269,500
740	192622-1	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	2,002,000
741	192625-5	WISE SET	KEP	506,000
742	192628-9	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	1,254,000
743	192629-7	WOOL PAD 180MM	NỈ ĐÁNH BÓNG 180MM	496,800
744	192655-6	ABRASIVE PAPER SET	BỘ GIẤY CHÀ NHĂM	54,000
745	192669-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	2,332,000
746	192672-6	WISE SET	KEP	540,000
747	192732-4	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	210,600
748	192799-2	JOINT 38-56MM/55 ASSEMBLY	KHỚP NỐI 38-56MM/55	129,600
749	192877-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	1,078,000
750	192887-5	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	363,000
751	192936-8	CHARGER DC1439	SẠC PIN DC1439	3,515,600
752	192954-6	FLEXIBLE ASSY	PHỤ KIỆN ĐẦU MỀM	6,050,000
753	192968-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	6,358,000
754	192970-8	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	319,000
755	192985-5	SIDE HANDLE SET	TAY CẦM HÔNG	324,000
756	192988-9	COLLET CONE 8MM	CÔN 8MM	858,000
757	192989-7	PUNCH PLATE/BO3710	ĐỀ ĐỘT GIẤY NHĂM/BO3710	187,000
758	193011-3	COLLET CONE 3MM	CÔN 3MM	799,200
759	193012-1	COLLET CONE 6MM	CÔN 6MM	676,500
760	193036-7	HOOD SET/2012NB	BỘ TÀM CHẶN/2012NB	540,000
761	193043-0	TEMPLET GUIDE 14.5	DẪN HƯỚNG 14.5	286,000
762	193059-5	BATTERY 1235 SET	PIN 1235 SET	2,268,000
763	193060-0	BATTERY 1435 SET	PIN 1435 SET	2,592,000
764	193061-8	BATTERY 1835	PIN 1835	3,179,520
765	193066-8	WHEEL COVER SET	CHỤP BẢO VỆ SET	8,778,000
766	193067-6	DRILL CHUCK & KEY SET/DP4010	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DP4010	665,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
767	193178-7	COLLET CONE 8 ASSY	CÔN 8MM	656,640
768	193179-5	COLLET CONE 6.35 ASSY	CÔN 6.35MM	874,800
769	193180-0	COLLET CONE 6MM SET	BỘ CÔN 6 MM	739,800
770	193288-0	FELT PAD	ĐỆ NI	507,600
771	193312-9	STRAIGHT GUIDE	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	3,454,000
772	193326-8	HOSE COMPLETE 38-2.5	GIÁ ĐỖ 38-2.5	2,068,000
773	193448-4	CIRCULAR GUIDE SET/DCO181	BỘ THANH DẪN HƯỚNG CONG/DCO181	907,500
774	193449-2	DUST COLLECTION COVER/DCO181	NẮP TÚI BỤI/DCO181	232,200
775	193450-7	DRYWALL GUIDE BIT 3MM/DCO181	MŨI KHOẸT THẠCH CAO 3MM/DCO181	148,500
776	193470-1	SPONGE PAD 190MM	ĐỆ ĐỆM 190MM	1,015,200
777	193471-9	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHÈN	49,500
778	193472-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1,144,000
779	193516-3	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	275,400
780	193517-1	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH DẪN HƯỚNG	1,028,500
781	193523-6	PAD	ĐỆ MÁY CHÀ NHẪM	429,000
782	193540-6	SET PLATE 82 SET	TÀM THÉP 82	275,000
783	193618-5	STAND SET/DBS180	BỘ GIÁ ĐỖ/DBS180	1,017,500
784	193682-6	AUTOMATIC REFRESHING ADAPTER/ADP03	BỘ XẢ PIN TỰ ĐỘNG/ADP03	4,773,600
785	193710-7	BATTERY 9050 SET	PIN 9050 SET	658,800
786	193730-1	FLUORESCENT LIGHT SET	BỘ ĐÈN HUỖNH QUANG	82,500
787	193751-3	WATER SUPPLY PIPE ASSEMBLY	ỐNG DẪN NƯỚC	324,000
788	193794-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	4,378,000
789	193822-6	DRILL CHUCK S13/HP2070	ĐẦU KHOAN S13/HP2070	671,000
790	193864-0	DC1414 BATTERY CHARGER SET	SẠC PIN DC1414	968,000
791	193879-7	BATTERY CHARGER DC1850	SẠC PIN DC1850	954,800
792	193894-1	DUST COVER SET/MT362	NẮP CHỤP BỤI/MT362	48,600
793	193903-6	DUST COVER ATTACHMENT SET/GA5080	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI/GA5080	270,000
794	193959-9	BATTERY 7050	PIN 7050	401,760
795	194026-3	PORTABLE BAND SAW STAND/2107F	ĐỂ CỬA VÒNG DI ĐỘNG/2107F	25,476,000
796	194033-6	OUTER SLEEVE 22-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 22-49	2,926,000
797	194034-4	OUTER SLEEVE 24-49 SET/6924N	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 24-49/6924N	2,618,000
798	194041-7	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	302,500
799	194044-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	7,018,000
800	194079-2	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	1,760,000
801	194085-7	PLASTIC CASE/MT814KSP	VỎ HỘP MÁY/MT814KSP	864,000
802	194086-5	LEFT TABLE SET	BÀN PHỤ TRÁI	1,078,000
803	194087-3	REAR TABLE SET	BÀN MỞ RỘNG MẶT SAU	1,078,000
804	194092-0	OUTER SLEEVE 7/8-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 7/8-49	3,379,200
805	194093-8	STAND SET/2704	GIÁ ĐỖ MÁY CỬA BÀN/2704	10,450,000
806	194098-8	SAW CHAIN SET 60 1,3MM/.050"X1/4"/25AP	DÂY XÍCH 60 1,3MM/.050"X1/4"/25AP	682,000
807	194254-0	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1,094,500
808	194267-1	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐỀ MÁY SOI	324,500
809	194268-9	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐỀ MÁY SOI	302,500
810	194269-7	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐỀ MÁY SOI	1,474,000
811	194270-2	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐỀ MÁY SOI	1,298,000
812	194289-1	DUST COVER ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	93,500
813	194303-3	DUST COLECTING WHEELCOVER SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,804,000
814	194305-9	LOCK NUT RELEASE SOCKET 35 SET	ĐẦU TUÝP THẢO ỐC 35	1,540,000
815	194310-6	INNER SLEEVE 22-48 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 22-48	4,884,000
816	194311-4	INNER SLEEVE 24-49 SET/6924N	NẮP CHỤP TRONG/6924N	4,862,000
817	194312-2	INNER SLEEVE 1-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 1-49	4,404,400
818	194368-5	GUIDE RAIL 1400MM	THANH RAY 1400MM	1,320,000
819	194385-5	CLAMP SET(STANDARD TYPE)	KEP(LOẠI TIỂU CHUẨN)	984,500
820	194416-0	REPAIR TAPE/LONG RULAR(SHEET)	BẢNG KEO CHỐNG TRƯỢT BẢNG TẮM CAO SU	957,000
821	194417-8	REPAIR TAPE/LONG RULAR(RUBBER SHEET)	BẢNG KEO CHỐNG TRƯỢT BẢNG TẮM CAO SU	1,210,000
822	194483-5	LOOP HANDLE SET	TAY CẦM	216,000
823	194514-0	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	388,800
824	194533-6	BATTERY CHARGER SET DC18SD	BỘ SẠC PIN DC18SD	2,090,000
825	194543-3	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	480,600
826	194565-3	PAPER FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 10PCS/SET	PHIN LỌC BỤI BẰNG GIẤY 10 CÁI/BỘCL104D	154,000
827	194579-2	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH RÀNH TRƯỢT	1,210,000
828	194580-7	DUSTCUP SET	LY CHỨA BỤI	561,600
829	194581-5	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	426,600
830	194582-3	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	145,800
831	194583-1	GRIPBASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	102,600
832	194588-1	CHARGER DC10WA	SẠC PIN DC10WA	1,100,000
833	194621-9	CHARGER DC18SE	SẠC PIN DC18SE	2,486,000
834	194671-4	SHEAR BLADE ASSY SET	BỘ DAO TỈA HÀNG RÀO/BUH550	1,843,600
835	194673-0	SHEAR BLADE ASS"Y SET/BUH650 / UH650D	BỘ DAO TỈA HÀNG RÀO/BUH650	2,156,000
836	194677-2	CORD HOLDER COMPLETE SET	BỘ GIỮ DÂY	49,500
837	194679-8	ARM BAND COMPLETE SET	BỘ GẮNG TAY	129,600
838	194681-1	CHIP RECEIVER ASSY SET	BỘ CHỨA MẢNH VỤN	660,000
839	194684-5	GRIP ATTACHMENT SET	GẮ KEP	456,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
840	194691-8	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỖI CỬA VÒNG13-1140	599,500
841	194692-6	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỖI CỬA VÒNG 13-1140	610,500
842	194733-8	DUST NOZZLE	ỐNG NỒI HÚT BỤI	75,600
843	194746-9	PAPER DUST BAG 5PCS	TÚI BỤI GIẤY 5PCS	118,800
844	194759-0	HOOK SET/DF0300	MỐC TREO/DF0300	154,000
845	194869-3	FAST CHARGER DC36RA	SẠC NHANH DC36RA	4,268,000
846	194904-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	82,500
847	194925-9	GUIDE RAIL 1900MM	THANH RAY 1900MM	1,836,000
848	194929-1	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐỀ	242,000
849	194930-6	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐỀ	467,500
850	194947-9	PUNCH PLATE SET	ĐỀ ĐÓT GIẤY NHẪM	226,800
851	195050-9	CHIP RECEIVER ASSEMBLY/DUH523	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH523	761,400
852	195055-9	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	232,200
853	195059-1	DUST COVER ATTACHMENT	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	346,500
854	195081-8	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	220,000
855	195134-3	FILTER SET 5PCS	BỘ LỌC 5PCS	248,400
856	195136-9	STRAIGHT GUIDE WITH MICRO ADJUSTMENT/RT001G	BỘ THANH CỨ CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH/RT001G	1,232,000
857	195149-0	CUTTER ASSY SET/BBC300L	LƯỖI CẮT/BBC300L	691,200
858	195173-3	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	135,000
859	195178-3	SHEAR BLADE ASSY SET/UH200D	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO/UH200D	673,200
860	195179-1	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	210,600
861	195232-3	ANTI KICK BACK HEAD ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	7,304,000
862	195237-3	DUST COVER SET	PHỤ KIỆN THU BỤI	1,276,000
863	195240-4	HOLDER 200 SET	BỘ NÒNG THÉP 200	203,500
864	195246-2	SAFETY GOGGLE(PLASTIC)	KÍNH BẢO HỘ(NHỰA)	70,200
865	195253-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	2,398,000
866	195267-4	SHEAR BLADE ASSY SET 160MM	LƯỖI CẮT CỎ 160MM	1,606,000
867	195272-1	SHEAR BLADE ASSEMBLE SET	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO/UH200D	770,000
868	195274-7	BLADE COVER SET	BỘ BẢO VỆ LƯỖI	140,400
869	195284-4	VACUUM KIT	TÚI HÚT CHẶN KHÔNG	3,283,200
870	195300-2	CUTTER BLADE SET	LƯỖI CẮT	616,000
871	195311-7	BAP36N/BATTERY ADAPTER SET	BAP36N/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	1,298,000
872	195334-5	JOINT DUST NOZZLE/HS301D	ỐNG NỒI VỚI MÁY HÚT BỤI/HS301D	27,000
873	195354-9	TOOLLESS LOCK NUT SET	ĐAI ỐC HỖM	1,320,000
874	195384-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,364,000
875	195387-4	DUST COVER SET FOR GRINDER 180MM,230MM	BẢO VỆ ĐĨA HÚT BỤI CHO MÁY MÀI 180MM,230MM	1,555,200
876	195423-6	CHARGER DC18WA	SẠC PIN DC18WA	1,188,000
877	195432-5	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	183,600
878	195433-3	HOSE COMPLETE 28-3.5 SET	ỐNG MỀM 28-3.5	1,533,600
879	195434-1	HOSE COMPLETE	ỐNG HÚT BỤI	1,425,600
880	195435-9	HOSE 38-5	ỐNG MỀM 38-5	2,613,600
881	195436-7	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/24/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC 22/24/38	1,814,400
882	195437-5	HOSE 28-2.5	ỐNG MỀM 28-2.5	1,231,200
883	195438-3	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1,123,200
884	195439-1	CLEANING SET	BỘ LÀM SẠCH	2,552,000
885	195440-6	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	194,400
886	195441-4	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1,339,200
887	195534-7	WATER SET/EK7651	ỐNG DẪN NƯỚC/EK7651	858,600
888	195544-4	HOLDER 10-33 SET	BỘ BẾ ĐỖ 10-33	22,000
889	195545-2	FRONT CUFF 38 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 38	140,400
890	195546-0	FRONT CUFF 24 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 24	64,800
891	195547-8	FRONT CUFF 22 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 22	48,600
892	195548-6	JOINT 22-38 SET	ĐẦU NỐI 22-38	291,600
893	195549-4	NOZZLE ASSY A SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI A (HÚT KHÔ)	448,200
894	195550-9	NOZZLE ASSY B SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI B (HÚT ƯỚT)	432,000
895	195551-7	NOZZLE ASSEMBLY SET	VỎI HÚT BỤI	653,400
896	195552-5	DAMPER SET	BỘ GIẢM SỐC	216,000
897	195553-3	PRE-FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	496,800
898	195554-1	PRE-FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	648,000
899	195555-9	FILTER FOR WATER SET	BỘ LỌC BỤI ƯỚT	880,200
900	195556-7	FILTER FOR WATER SET/VC2510L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC2510L	923,400
901	195557-5	FILTER	LỌC BỤI	475,200
902	195558-3	FILTER	LỌC BỤI	556,200
903	195559-1	DUST NOZZLE	ỐNG HÚT BỤI	70,200
904	195562-2	OFFSET BASEE SET	ĐỀ PHAY	2,398,000
905	195564-8	GUIDE HOLDER SET	THANH DẪN HƯỚNG	126,500
906	195584-2	FAST CHARGER DC18RC	SẠC NHANH DC18RC	2,750,000
907	195611-5	FILTER FOR WATER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC3210L	912,600
908	195612-3	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC BỤI	621,000
909	195624-6	CUTTER BLADE 305MM	LƯỖI CẮT CỎ (2 RĂNG) 305MM	341,000
910	195637-7	HOLDER CUFF SETFRONT CUFF 22 FRONT CUFF 24,HOLDER 10-33	BỘ ĐẦU GIỮ KHỚP NỐI, VÒNG BÍT TRƯỚC 22,VÒNG BÍT SAU 24, KHỚP NỐI 10 - 33	129,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
911	195638-5	TOOL BAG SET/DSL801	TÚI Đựng Dụng Cụ/DSL801	1,663,200
912	195707-2	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR400MP	PHỤ KIỆN XỐI ĐẤT 160MM/KR400MP	8,558,000
913	195716-1	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR400MP	PHỤ KIỆN XỐI ĐẤT 160MM/KR400MP	8,558,000
914	195726-8	COFFEE HARVESTER ATTACHMENT/EJ400MP	PHỤ KIỆN HÁI CÀ PHÊ/EJ400MP	8,445,600
915	195769-0	SHEAR BLADE COMPLETE SET 520MM	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 520MM	1,232,000
916	195779-7	HOOK SET/DCO181	MÓC TREO/DCO181	99,000
917	195798-3	BATTERY PROTECTOR S	ÓP BẢO VỆ PIN	1,166,400
918	195854-9	DUST CASE SET/DX01	TÚI Đựng BỤI/DX01	637,200
919	195855-7	FILTER SET/DX01	BỘ LỌC/DX01	318,600
920	195866-2	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	2,052,000
921	196008-1	DRILL CHUCK/DUT131	ĐẦU KHOAN/DUT131	385,000
922	196022-7	DUST ATTACHMENT SET	ỐNG NỐI ĐEP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI	96,800
923	196066-7	BATTERY BL1013(LI-ION, 10.8V, 1.3AH)	PIN BL1013(LI-ION, 10.8V, 1.3AH)	907,200
924	196073-0	STRING TRIMMER ATTACHMENT/ER400MP	PHỤ KIỆN TỈA CỎ/ER400MP	7,524,000
925	196074-8	VACUUM ATTACHMENT/HR4511C	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR4511C	2,548,800
926	196094-2	PLUNGE BASE SET	ĐỂ SOI	1,980,000
927	196125-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	82,500
928	196152-4	FELT PAD	TÀM ĐỂ NỈ	437,400
929	196167-1	SHEAR BLADE COMPLETE SET	BỘ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO	1,232,000
930	196193-0	KEYLESS DRILL CHUCK/M8101B	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/M8101B	390,500
931	196205-9	SAW CHAIN SET 40 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 40 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	357,500
932	196207-5	SAW CHAIN SET 52 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 52 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	385,000
933	196208-3	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	325,600
934	196235-0	BATTERY BL1815N(LI-ION,18V,1.5AH)	PIN BL1815N (LI-ION, 18V,1.5AH)	1,728,000
935	196252-0	HEPA POWDER FILTER SET/VC3211M	BỘ LỌC BỤI HEPA/VC3211M	394,200
936	196254-6	DAMPER SET/VC3211M	BỘ GIẢM RUNG/VC3211M	113,400
937	196264-3	END COVER & BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỠI CẮT CÀNH/EN410MP	205,200
938	196272-4	ADAPTER A SET/TM3000C	BỘ CHUYỂN ĐỔI LƯỠI/TM3000C	110,000
939	196280-5	BATTERY BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	2,592,000
940	196303-9	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT SET/EN401MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN401MP	7,854,000
941	196306-3	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF453	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF453	346,500
942	196308-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DA331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA331D	280,500
943	196309-7	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF343	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF343	275,000
944	196315-2	POLE SAW ATTACHMENT SET/91VXL	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH/91VXL	5,403,200
945	196324-1	NYLON HEAD SET (2.4MMX3.6M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3.6M)	599,400
946	196326-7	STAND CHAIN VISE AND COVER SET/2107F	BỘ ĐỂ CỬA VÒNG VÀ VỎ BẢO VỆ/2107F	28,402,000
947	196351-8	KIT OF HOLDER A 300ML	GIÁ ĐỔ A 300ML	831,600
948	196353-4	PROTECTOR SET	BỘ BẢO VỆ	329,400
949	196426-3	4 PORT CHARGER DC18SF	SẠC PIN 4 CỘNG DC18SF	5,940,000
950	196432-8	WATER SUPPLY PIPE SET/M4100B	ỐNG CẤP NƯỚC/M4100B	297,000
951	196497-0	SAW CHAIN SET 45 1.3mm/ .050"3/8"/91PX	DÂY XÍCH 45 1.3mm/ .050"3/8"/91PX	360,800
952	196499-6	NOZZLE SET(0.7,0.8)/PM7650H	BÉC PHUN(0.7,0.8)/PM7650H	192,500
953	196519-6	SAW CHAIN SET 45 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 45 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	583,000
954	196520-1	JOINT (DUST NOZZLE)	ỐNG KẾT NỐI MÁY HÚT BỤI	108,000
955	196521-9	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	715,000
956	196536-6	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	1,684,800
957	196550-2	DUST ATTACHMENT SET FOR TM3010C	ỐNG NỐI ĐEP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI CHO MÁY TM3010C	164,160
958	196564-1	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	363,000
959	196568-3	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	367,200
960	196571-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	934,200
961	196586-1	HOOK SET/DPB182	MÓC TREO/DPB182	88,000
962	196613-4	TRIMMER BASE SET/DRT50	ĐỂ TỈA MÉP/DRT50	660,000
963	196643-5	FLEXIBLE HOSE SET	BỘ ỐNG MỀM CHO MÁY THỎI	313,200
964	196664-7	BEVEL GUIDE SET	BỘ DẪN GÓC XIÊN	891,000
965	196684-1	PAD 150 SET (SOFT)/BO6030	MIẾNG ĐỆM/BO6030	901,800
966	196685-9	PAD 150MM SET SUPER HARD/BO6030	BỘ TÀM ĐỆM 150MM SIÊU CỨNG/BO6030	907,200
967	196686-7	PAD 150MM SET SUPER SOFT/BO6030	BỘ TÀM ĐỆM 150MM SIÊU MỀM/BO6030	1,047,600
968	196687-5	SHEAR BLADE ASS"Y SET/BUH550/BUH650	BỘ DAO TỈA HÀNG RÀO/BUH550	2,340,800
969	196688-3	SHEAR BLADE ASS"Y SET/BUH650	BỘ DAO TỈA HÀNG RÀO/BUH650	2,851,200
970	196733-4	BAND/PM001G	DÂY ĐEO/PM001G	69,120
971	196741-5	SAW CHAIN SET 52 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	DÂY XÍCH 52 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	440,000
972	196742-3	SAW CHAIN SET 56 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	DÂY XÍCH 56 1,1MM/.043"X3/8"/90PX	360,800
973	196745-7	BLADE SET 203MM/EE400MP	LƯỠI CẮT 203MM/EE400MP	324,500
974	196751-2	EDGER ATTACHMENT/EE400MP	PHỤ KIỆN TỈA MÉP/EE400MP	3,520,000
975	196792-8	SIDE HANDLE 73 SET/DHR400	TAY CẦM/DHR400	648,000
976	196797-8	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI CẮT/EH6000W	1,562,000
977	196809-7	BCV03/BATTERY CONVERTER SET	BCV03/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/BCV03	2,706,000
978	196817-8	SHOULDER BELT SET(A-60589)	DÂY ĐEO VAI(A-60589)	129,600
979	196818-6	HARNES/BAP182	VỎ CHỨA PIN/BAP182	901,800
980	196829-1	BATTERY CHARGER DC1001	SẠC PIN DC1001	374,000
981	196845-3	DUST COLLECT COVER K SET / GA5021C	TÚI BỤI/GA5021C	1,980,000
982	196846-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 125MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM	2,068,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
983	196858-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/HR2512C	TÚI BỤI/HR2512C	2,073,600
984	196877-0	BATTERY BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	1,728,000
985	196896-6	ACCESSORY SET 2PCS/SET/EM3400U	CỔ LỀ/EM3400U	110,000
986	196924-7	GRIP ATTACHMENT SET	BỘ TAY CÀM	1,628,000
987	196933-6	2 PORT FAST CHARGER DC18RD	SẠC NHANH 2 CỒNG DC18RD	4,070,000
988	196943-3	BASE COVER SET/DCC500	BẢO VỆ ĐỂ/DCC500	108,000
989	196952-2	JOINT DUST NOZZLE/DHS680	ỐNG NỔI /DHS680	43,200
990	196953-0	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS680	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHOTHANH DẪN HƯỚNG/DHS680	885,500
991	196961-1	DUST NOZZLE SET/DHS680	BỘ KHỚP NỔI/DHS680	32,400
992	197024-6	LOCATOR LONG	CỦ ĐÀI	192,500
993	197025-4	LOCATOR SHORT	CỦ NGẮN	192,500
994	197027-0	LOCATOR 3/8" SET/FS2500	ĐẦU ĐIỀU CHỈNH MŨI VÍT3/8"/FS2500	93,500
995	197043-2	TOOL CATCHER	MỐC TREO	984,500
996	197166-6	Powder Filter H Set /VC860D	BỘ LỌC BỤI/VC860D	1,382,400
997	197168-2	VACUUM ATTACHMENT SET/HM1306	ĐẦU NỔI MÁY HÚT BỤI/HM1306	1,188,000
998	197195-9	HOLDER C SET FOR CAULKING GUN 800ML	BỘ ỚNG ĐỖ SILICON C 800ML	1,771,200
999	197200-2	TOOL KIT/EK8100	BỘ DỤNG CỤ/EK8100	110,000
1000	197221-4	JOINT (DUST NOZZLE)/HS7600	ĐẦU NỔI HÚT BỤI/HS7600	91,800
1001	197224-8	WIDE HOOK SET/DHR182	MỐC TREO/DHR182	55,000
1002	197243-4	BAND ASSEMBLY SET/PDC01	DÂY ĐEO VAI/PDC01	162,000
1003	197252-3	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS710	BỘ CHUYỂN ĐỔI THANH DẪN HƯỚNG/DHS710THANH DẪN HƯỚNG/DHS710	1,760,000
1004	197254-9	BATTERY BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	1,944,000
1005	197265-4	BATTERY BL1840B(LI-ION, 18V, 4.0AH)	PIN BL1840B(LI-ION, 18V, 4.0AH)	2,592,000
1006	197280-8	BATTERY BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	PIN BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	3,132,000
1007	197294-7	PROTECTION GUARD FOR BRUSH CUTTING BLADES/UR002G	BẢO VỆ LƯỖI DỪNG CHO MÁY CẮT CỎ /UR002G	518,400
1008	197296-3	STRING TRIMMER HEAD/DUR365	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CUỐC/DUR365	475,200
1009	197297-1	STRING TRIMMER HEAD (2.0MMX3M)/DUR189	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CUỐC (2.0MMX3M)/DUR189	550,800
1010	197323-6	HOSE STAND	GIÁ ĐỖ ỚNG HÚT BỤI	4,158,000
1011	197324-4	TOOL KIT/EA4301F	BỘ DỤNG CỤ/EA4301F	159,500
1012	197343-0	CHARGER DC10WD	SẠC PIN DC10WD	1,320,000
1013	197363-4	FAST CHARGER DC10SB	SẠC NHANH DC10SB	1,650,000
1014	197367-6	SHEAR BLADE L SET(STANDARD)	LƯỖI CẮT CÀNH L(TIỂU CHUẨN)	1,496,000
1015	197393-5	BATTERY BL1016(LI-ION,12V MAX,1.5AH)	PIN BL1016(LI-ION,12V MAX, 1.5AH)	972,000
1016	197396-9	BATTERY BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	PIN BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	1,188,000
1017	197406-2	BATTERY BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	PIN BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	1,620,000
1018	197422-4	BATTERY BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0 AH)	PIN BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)	3,672,000
1019	197439-7	GREASE VESSEL SET 80ML	MỖ BỎ 80ML	231,000
1020	197462-2	GUIDE RAIL ADAPTER/HS6600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHOTHANH DẪN HƯỚNG/HS6600	561,000
1021	197538-5	RING SET(RING+BRACKET)/DTW1001	BỘ VÒNG TREO MÁY (VÒNG TREO VÀ GIÁ TREO)/DTW1001	297,000
1022	197581-4	BATTERY ADAPTER SET/BAP182	BỘ PHỤ KIỆN KẾT NỐI PIN VỚI MÁY/BAP182	4,488,000
1023	197588-0	SHEAR BLADE U (STANDARD)/DUP361	LƯỖI CẮT CÀNH U (TIỂU CHUẨN)/DUP361	1,606,000
1024	197599-5	BATTERY BL1830B (LI-ION, 18V, 3.0 AH)	PIN BL1830B (LI-ION, 18V,3.0AH)	2,052,000
1025	197615-3	BATTERY BL1430B SET(LI-ION,14.4V,3.0AH)	PIN BL1430B(LI-ION,14.4V, 3.0AH)	2,592,000
1026	197624-2	POWER SOURCE KIT MKP1RT182(BL1850B*2/DC18RC)	BỘ PIN SẠC MKP1RT182(BL1850B*2/DC18RC)	7,854,000
1027	197626-8	POWER SOURCE KIT MKP3PT184(BL1850B*4/DC18RD)	BỘ PIN SẠC MKP3PT184(BL1850B*4/DC18RD))	14,454,000
1028	197629-2	POWER SOURCE KIT MKP3PT182(BL1850B*2/DC18RD)	BỘ PIN SẠC MKP3PT182(BL1850B*2/DC18RD)	9,086,000
1029	197652-7	POWER SOURCE KIT MKP1SY122(BL1016*2+DC10SB)	BỘ PIN SẠC 12V MAX MKP1SY122(BL1016*2+DC10SB)	3,278,000
1030	197709-4	BATTERY BL1460B SET(LI-ION,14.4V, 6.0 AH)	PIN BL1460B(LI-ION,14.4V, 6.0AH)	3,996,000
1031	197722-2	END NOZZLE 90-68 SET/EB7660TH	ỚNG THỎI 90-68/EB7660TH	183,600
1032	197723-0	LONG PIPE 90 SET/EB7660TH	ỚNG THỎI 90/EB7660TH	302,400
1033	197742-6	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN410MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN410MP	4,136,000
1034	197749-2	SHEAR BLADE L SET/DUP361	LƯỖI CẮT CÀNH/DUP361	1,540,000
1035	197768-8	SHEAR BLADE ASEMBLY SET ME/EN410MP	LƯỖI CẮT/EN410MP	1,474,000
1036	197810-5	CONNECTOR SET/HW1300	ĐẦU NỔI/HW1300	194,400
1037	197822-8	VARIABLE NOZZLE ASSY	ĐẦU XỊT RỬA	302,400
1038	197824-4	CYCLONE JET NOZZLE SET	ĐẦU XỊT DẠNG XOÁY	324,000
1039	197828-6	WASH BRUSH ASSY	ĐẦU XỊT DẠNG BÀN CHẢI	232,200
1040	197831-7	ROTATION BRUSH ASSY	BÀN CHẢI XOÁY	448,200
1041	197837-5	PIPE CLEANING HOSE ASSY 10M	VỎI XỊT LÀM SẠCH ỚNG 10M	750,600
1042	197840-6	PIPE CLEANING HOSE ASSY 15M	VỎI XỊT LÀM SẠCH ỚNG 15M	918,000
1043	197842-2	TRIGGER GUN SET	SÚNG XỊT RỬA	442,800
1044	197845-6	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 5M	DÂY ẤP SUẤT CAO 5M	707,400
1045	197847-2	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 8M	DÂY ẤP SUẤT CAO 8M	945,000
1046	197850-3	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 10M	DÂY ẤP SUẤT CAO 10M	1,101,600
1047	197853-7	ACCESSORY JOINT ASSY	ĐẦU NỔI	172,800
1048	197859-5	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XỊT GỐC/DHW080	797,500
1049	197864-2	CYCLONE GUARD SET	BÀN CHẢI XOÁY	518,400



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1050	197867-6	TWIST PREVENTION JOINT SET	ĐẦU NỐI CHỐNG XOẮN/HW1200	475,200
1051	197870-7	EXTENDED HOSE ASSY	ĐẦU NỐI DÀI	1,210,000
1052	197873-1	SELF-SUCTION HOSE ASSY	ỐNG HÚT NƯỚC	885,600
1053	197876-5	VARIOSPRAY LANCE SET	ĐẦU XỊT RỬA	529,200
1054	197879-9	CLEANER PIN ASSY	PHỤ KIỆN VỆ SINH	66,000
1055	197881-2	ABSORPTION CONNECTER ASSY	ĐẦU NỐI	113,400
1056	197883-8	ONE TOUCH JOINT ASSY	ĐẦU NỐI NHANH	108,000
1057	197886-2	FOAM NOZZLE ASSY	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	491,400
1058	197888-8	EXTENSION NOZZLE SET/DUB184	ĐẦU THỐI MỎ RỘNG/UB001G	151,200
1059	197889-6	FLAT NOZZLE SET/DUB362	ĐẦU THỐI DẸP/UB001G	129,600
1060	197898-5	DUST BAG ASSY/DVC261	TÚI CHỨA BỤI/DVC261	469,800
1061	197899-3	DUST BAG ASSEMBLY/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI VAI/DVC261/265	513,000
1062	197900-4	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	118,800
1063	197901-2	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	129,600
1064	197902-0	FILTER BAG SET 10PCS/DVC261	TÚI LỌC BỤI 10 CÁI/BỘ/DVC261	496,800
1065	197903-8	FILTER BAG SET/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI GIẤY/DVC261/265	383,400
1066	197920-8	WOOL PAD 125 SET	MŨ ĐÁNH BÓNG	367,200
1067	197923-2	PAD 125MM SET	TÀM ĐỆM ĐÁNH BÓNG 125MM	1,404,000
1068	197935-5	CONNECTOR SET/HW1200	ĐẦU NỐI/HW1200	237,600
1069	197940-2	TOOL HANGER SET(WITH OUT SHOULDER BELT)/197941-0	BỘ MÓC TREO (KẾT HỢP VỚI DÂY ĐEO VAI)/197941-0	165,000
1070	197941-0	TOOL CATCHER SET/DTW300	DÂY ĐEO KÈM MÓC TREO/DTW300	341,000
1071	197952-5	POWER SOURCE KIT/MKP1RF182(BL1830B*2/DC18RC)	BỘ PIN SẠC/MKP1RF182(BL1830B*2/DC18RC)	5,984,000
1072	197993-1	STRING TRIMMER HEAD(2.4MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.4MM*3M)	388,800
1073	198000-3	BATTERY BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	PIN BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	1,080,000
1074	198043-5	SIDE GRIP/DPO500	TAY CẦM/DPO500	205,200
1075	198044-3	GRIP 36 SET	TAY CẦM	210,600
1076	198051-6	DRILL CHUCK 13 SET	ĐẦU KHOAN S13	110,000
1077	198061-3	GROUNDTRIMMER ATTACHMENT/EN420MP	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN420MP	6,974,000
1078	198091-4	POWER SOURCE KIT MKP3PG184(BL1860B*4+DC18RD)	BỘ PIN SẠC MKP3PG184(BL1860B*4+DC18RD)	17,138,000
1079	198116-4	POWER SOURCE KIT/MKP1RG182(BL1860B*2/DC18RC)	BỘ PIN SẠC/MKP1RG182(BL1860B*2/DC18RC)	9,196,000
1080	198149-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(IVORY)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẨM (MÀU NGÀ)	388,800
1081	198150-4	NOZZLE ASSY SET (IVORY)	ĐẦU HÚT BỤI (MÀU NGÀ)	388,800
1082	198170-8	BATTERY TIMER/BPS01	BỘ HEN GIỜ CHO PIN /BPS01	3,132,000
1083	198186-3	BATTERY BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	PIN BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	1,512,000
1084	198192-8	BATTERY BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	PIN 14V BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	1,188,000
1085	198195-2	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỖI CẮT/EN420MP	1,034,000
1086	198225-9	NOZZLE 0.7 SET/PM7650H	BÉC PHUN 0.7/PM7650H	102,600
1087	198259-2	DRIVE SPROCKET TYPE 1/4"	NHÔNG XÍCH LOẠI 1/4"	86,400
1088	198266-5	CUTTER ASSY 110-M10L (2.4MMX6M)/5INCH	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX6M)/5INCH	691,200
1089	198362-9	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	270,000
1090	198363-7	ADP07 AC ADAPTER SET/DF001D	ADP07 CỤC SẠC PIN/DF001D	220,000
1091	198379-2	DUST COLLEC COVER K SET C/GA9020	NÁP CHỨA BỤI/GA9020	2,772,000
1092	198380-7	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND WHEEL 230MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM	3,168,000
1093	198383-1	PLASTIC BLADE 255MM	LƯỖI CẮT CỎ NHỰA 255MM	577,800
1094	198385-7	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	432,000
1095	198401-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	156,600
1096	198408-1	SHEAR BLADE 200MM/UH201D	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 200MM/UH201D	550,000
1097	198412-0	GRASS RECEIVER 160 SET/UH201D	BỘ BẢO VỆ LƯỖI/UH201D	280,800
1098	198413-8	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100C SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CÁT KIM CƯƠNG100MM	368,500
1099	198414-6	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100CD SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	335,500
1100	198415-4	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125C SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,540,000
1101	198416-2	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125CD SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1,540,000
1102	198426-9	REPLACEMENT PLASTIC BLADE 255MM(12PCS)	LƯỖI CẮT CỎ NHỰA 255MM LOẠI RỜI(12 CÁI)	248,400
1103	198440-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 230MM/GA038G	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM/GA038G	3,635,500
1104	198444-7	CHARGER DC18RE	SẠC DC18RE	3,146,000
1105	198486-1	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/UM600D	PHỤ KIỆN TAY CẦM NỐI DÀI/UM600D	1,518,000
1106	198514-2	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND WHEEL 180MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 180MM	3,740,000
1107	198524-9	NOZZLE ASSY SET (RED)	ĐẦU HÚT BỤI (MÀU ĐỎ)	388,800
1108	198525-7	NOZZLE ASSY SET FOR RUG AND CARPET(WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI CHO THẨM (MÀU TRẮNG)	388,800
1109	198526-5	NOZZLE ASSY SET (BLACK)	ĐẦU HÚT BỤI (MÀU ĐEN)	388,800
1110	198527-3	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLUE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẨM (MÀU XANH)	388,800
1111	198528-1	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(WHITE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẨM (MÀU TRẮNG)	388,800
1112	198529-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLACK)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẨM (MÀU ĐEN)	388,800
1113	198532-0	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET(WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẨM(MÀU TRẮNG)	648,000
1114	198533-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 38MM	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẨM CÓ CÔNG TẮC38MM	772,200
1115	198534-6	SHELF BRUSH BLUE	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI DẸP MÀU XANH	156,600
1116	198535-4	SHELF BRUSH RED	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI DẸP MÀU ĐỎ	156,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1117	198536-2	SHELF BRUSH BLACK	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI DỆP MÀU ĐEN	156,600
1118	198537-0	SHELF BRUSH/IVORY	CHỖI HÚT BỤI DỪNG CHO KỆ/MÀU NGÀ	156,600
1119	198538-8	SHELF BRUSH(BLUE)	CHỖI DỌN KỆ (MÀU XANH)	156,600
1120	198540-1	SHELF BRUSH(BLACK)	CHỖI DỌN KỆ (MÀU ĐEN)	156,600
1121	198541-9	FLEXIBLE HOSE	ỐNG MỀM MÀU XANH	243,000
1122	198543-5	FLEXIBLE HOSE	ỐNG MỀM MÀU ĐEN	243,000
1123	198544-3	FLEXIBLE HOSE(IVORY)	ỐNG MỀM(MÀU NGÀ)	221,400
1124	198545-1	FLEXIBLE HOSE(BLUE)	ỐNG MỀM (MÀU XANH)	243,000
1125	198547-7	FLEXIBLE HOSE(BLACK)	ỐNG MỀM (MÀU ĐEN)	243,000
1126	198548-5	ROUND BRUSH IVORY	BÀN CHẢI TRÒN MÀU NGÀ	145,800
1127	198550-8	ROUND BRUSH RED/CL104D	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐỎ	145,800
1128	198552-4	ROUND BRUSH(IVORY)	CHỖI TRÒN (MÀU NGÀ)	162,000
1129	198553-2	ROUND BRUSH(BLUE)	CHỖI TRÒN (MÀU XANH)	162,000
1130	198555-8	ROUND BRUSH(BLACK)	CHỖI TRÒN (MÀU ĐEN)	162,000
1131	198560-5	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28	ỐNG NỐI BẰNG NHỰA 28	496,800
1132	198570-2	GUIDE RAIL ADAPTER/HS0600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHO THANH DẪN HƯỚNG/HS0600	4,708,000
1133	198589-1	TOOL BAG SET	TÚI Đựng MẪY/CP100	637,200
1134	198604-1	MULTI CUTTER BLADE SET/CP110D	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/CP100D	170,500
1135	198641-5	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540,000
1136	198642-3	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540,000
1137	198643-1	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC(20 CÁI)/FJ206D	372,600
1138	198644-9	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC/FJ206D	388,800
1139	198673-2	GUIDE RAIL ADAPTER SET	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHO THANH DẪN HƯỚNG	506,000
1140	198687-1	STAND SET	BỘ ĐỂ SET	11,469,600
1141	198688-9	STAND SET	GIÁ ĐỨNG	3,110,400
1142	198692-8	TOOL KIT/EK6101	BỘ DỤNG CỤ/EK6101	121,000
1143	198704-7	GUIDE RAIL ADAPTER SET/DJV184	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH RAY/DJV184	621,500
1144	198730-6	MAKPAC ADAPTER SET(CONNECTING MAKPAC TO AC VACUUM CLEANER)	PHỤ KIỆN LIÊN KẾT MÁY HÚT BỤI VÀ THÙNG MAKPAC	1,382,400
1145	198731-4	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	928,800
1146	198732-2	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	972,000
1147	198744-5	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 10 PCS/SET	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN(10CÁI/ BỘ)	172,800
1148	198745-3	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 5PCS/SET	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN (5 CÁI/ BỘ)	86,400
1149	198747-9	DUST BAG	TÚI BỤI VẢI	86,400
1150	198749-5	EASY SHAKE OFF DUST BAG	TÚI BỤI VẢI CAO CẤP	156,600
1151	198750-0	PRE FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	86,400
1152	198751-8	PRE FILTER	BỘ LỌC TRƯỚC	102,600
1153	198752-6	HIGH PERFORMANCE FILTER	BỘ LỌC CAO CẤP	167,400
1154	198757-6	HOSE COMPLETE 38-1.5M SET	ỐNG HÚT BỤI 38MM X 1.5M	1,468,800
1155	198847-5	PLASTIC BLADE 230MM SET	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM	415,800
1156	198848-3	PLASTIC BLADE 230MM SET/UR100D	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM/UR100D	475,200
1157	198850-6	PLASTIC BLADE 230MM SPARE SET/UR100D	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM LOẠI RỖI/UR100D	151,200
1158	198853-0	CUTTER ASSEMBLY SET/UR100D	ĐẦU LƯỠI CẮT CỎ/UR100D	484,000
1159	198854-8	STRING TRIMMER HEAD(1.65MM*8M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(1.65MM*8M)	513,000
1160	198868-7	FLEXIBLE HOSE(WHITE)	ỐNG MỀM (MÀU TRẮNG)	243,000
1161	198872-6	SHEFT BRUSH	ĐẦU HÚT CỎ CHỖI DỪNG CHO KỆ MÀU TRẮNG	156,600
1162	198873-4	SHELF BRUSH(WHITE)	CHỖI DỌN KỆ (MÀU TRẮNG)	156,600
1163	198878-4	ROUND BRUSH(WHITE)	CHỖI TRÒN (MÀU TRẮNG)	162,000
1164	198885-7	CONECT ADAPTER	KẾT NỐI THANH DẪN HƯỚNG	539,000
1165	198889-9	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOR EXTENTION/DUR369A	BẢO VỆ LƯỠI VỚI ĐẦU MỎ RỘNG/DUR369A	394,200
1166	198893-8	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	410,400
1167	198909-9	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/HW1200,HW1300	ĐẦU XỊT GÓC/HW1200,HW1300	739,800
1168	198915-4	FILTER 10PCS PKG	BỘ LỌC (10 CÁI/BỘ)	178,200
1169	198918-8	CORNER NOZZLE 300-28(WHITE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	91,800
1170	198919-6	LONG SASH NOZZLE SET 300-28 WHI	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	97,200
1171	198971-4	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	459,000
1172	198975-6	SPONGE SET FOR MAKPAC	MIẾNG LÓT THÙNG MAKPAC	156,600
1173	198981-1	DUST CASE SET/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	695,200
1174	198982-9	DUST CASE SET/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	699,600
1175	198987-9	TILT BASE SET	ĐỂ NGHIỀNG	748,000
1176	198989-5	CORNER NOZZLE 300-28(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU XANH)	91,800
1177	198990-0	CORNER NOZZLE 330(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 330 (MÀU XANH)	97,200
1178	198992-6	CORNER NOZZLE 330(BLACK)	ĐẦU HÚT KHE 300 (MÀU ĐEN)	97,200
1179	198993-4	GREASE VESSEL SET	MỖ BÔI TRƠN	214,500
1180	199006-4	USB CABLE SET/SK312GD	CÁP USB/SK312GD	302,500
1181	199007-2	HAND STRAP SET/SK312GD	DÂY ĐEO/SK312GD	48,600
1182	199008-0	BUCKET SET/DCU180	THÙNG CHỨA/DCU180	3,844,800
1183	199009-8	CARRIER SET/DCU180	THÙNG ĐE HẰNG DẠNG KHUNG/DCU180	5,456,000
1184	199013-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DRH400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI KHOAN/DRH400	1,879,200
1185	199016-1	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DHR400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI DET/DHR400	346,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1186	199018-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DHR400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI TRÒN/DHR400	1,001,000
1187	199038-1	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠI(MÀU TRẮNG)	194,400
1188	199039-9	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(BLACK)	ĐẦU HÚT BỤI CHO GHẾ NGỒI XE HƠI 28(MÀU ĐEN)	194,400
1189	199041-2	SEAT NOZZLE 28(BLUE)	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠI (MÀU XANH)	194,400
1190	199063-2	DRIVE SPROCKET 3/8"LP	NHÔNG XÍCH 3/8"LP	70,200
1191	199069-0	SHOULDER STRAP/DSC102/SC103D	DÂY ĐEO VAI/DSC102/SC103D	356,400
1192	199083-6	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M10 (2PCS)/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN M10/DSC102	1,716,000
1193	199084-4	CUTTER BLADE SET M8/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN M8/DSC102	1,672,000
1194	199085-2	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M8 (2PCS)/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN M8/DSC102	1,716,000
1195	199086-0	CUTTER BLADE SET M6/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN M6/DSC102	1,760,000
1196	199087-8	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M6 (2PCS)/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN M6/DSC102	1,716,000
1197	199089-4	TRIMMER BASE ASSEMBLY CLEAR	ĐỀ SOI	502,200
1198	199098-3	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500 SET	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM	2,442,000
1199	199100-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750 SET	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750	3,300,000
1200	199137-9	TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚC BẰNG KIM LOẠI MỀM 50 CUỐN	4,774,000
1201	199140-0	GUIDE RAIL 1000	THANH RAY 1000	1,083,500
1202	199141-8	GUIDE RAIL 1500	THANH RAY 1500	1,452,000
1203	199142-6	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	PHỤ KIỆN THU BỤI/DHR400	2,052,000
1204	199143-4	VACUUM ATTACHMENT WITHOUT VACUUM HOSE SET/DHR400	PHỤ KIỆN THU BỤI KHÔNG CÓ ỐNG HÚT/DHR400	432,000
1205	199144-2	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	BỘ HÚT BỤI DÀNH CHO MÁY ĐỤC/DHR400	1,058,400
1206	199151-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	572,400
1207	199154-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DHP485	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP485	363,000
1208	199155-7	BIT 2-130 SET 1SET=5PCS/FS6300	BỘ Mũi VÍT 2-130(5PCS/SET)/FS6300	918,500
1209	199168-8	SHEAR BLADE U SET(FOR HARD BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH U(CÀNH CỨNG)	2,112,000
1210	199169-6	SHEAR BLADE L SET(FOR HARD BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH L(CÀNH CỨNG)	2,662,000
1211	199171-9	SHEAR BLADE L SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH L(CÀNH MỀM)	2,618,000
1212	199176-9	LOOP HANDLE SET/GA7070	TAY CẦM CÔNG/GA7070	588,500
1213	199178-5	USB CABLE SET/SK105	DÂY SẠC/SK105	291,500
1214	199185-8	CULTIVATOR ATTACHMENT 220MM/KR401MP	PHỤ KIỆN XỐI ĐẤT 220MM/KR401MP	7,920,000
1215	199204-0	ROTOR LR SET/KR401MP	CỤM LƯỖI XỐI ĐẤT/KR401MP	2,024,000
1216	199231-7	HOOK SET	BỘ MÓC TREO	165,000
1217	199232-5	GUIDE RAIL ADAPTER I SET/DHS660	BỘ CHUYỂN ĐỔI RAY DẪN HƯỚNG/DHS660	1,061,500
1218	199246-4	FAN UNIT SET/DFJ210(A-67527)	QUẠT/DFJ210(A-67527)	1,036,800
1219	199248-0	TIPPED SAW BLADE (230MMX32T)	LƯỖI CẮT CỎ TCT (230MMX32T)	539,000
1220	199294-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 100MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 100MM	1,364,000
1221	199295-1	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND WHEEL 100MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 100MM	1,320,000
1222	199296-9	TOOL HANGER/DCS553	MÓC TREO/DCS553	297,000
1223	199311-9	BRANCH CATCHER SET/DUP361	BỘ GIỮ CÀNH/DUP361	5,588,000
1224	199314-3	SHEAR BLADE U SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH U(CÀNH MỀM)	2,222,000
1225	199323-2	POWER BRUSH ATTACHMENT/BR400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT/BR400MP	12,614,400
1226	199344-4	SWEEPER ATTACHMENT/SW400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT NƯỚC/SW400MP	12,679,200
1227	199367-2	BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 460	302,500
1228	199378-7	BAND ASSEMBLY SET/DUR369A	BỘ DÂY ĐEO CHO MÁY CẮT CỎ/DUR369A	1,339,200
1229	199386-8	HOOK SET/HS780D	BỘ MÓC TREO/HS780D	374,000
1230	199388-4	HOSE 38MM WITH FRONT SLEEVE 1.5M	ỐNG MỀM 38MM VỚI KHỚP NỐI TRƯỚC 1.5M	1,576,800
1231	199393-1	WIRELESS UNIT SET/WUT01	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT01	1,628,000
1232	199424-6	WOOL PAD 150MM	TÀM ĐỆM ĐANH BÓNG 150MM	631,800
1233	199428-8	TOOL CATCHER SET/DHP485	MÓC TREO BẰNG THÉP/DHP485	1,430,000
1234	199431-9	F/C SWITCHING T-NOZZLE 28 BLU	ĐẦU HÚT T 28 CHUYÊN ĐỔI SÀN/THAMMÀU XANH	712,800
1235	199439-3	LONG NOZZLE 415	ỐNG DÀI 415	97,200
1236	199443-2	CUTTER BLADE 5/16 SET/DSC102	LƯỖI CẮT SẮT REN W5/16/DSC102	1,839,200
1237	199450-5	GREASE VESSEL SET 80ML	MỖ BƠ 80ML	302,500
1238	199453-9	HOSE 32MM WITH FRONT SLEEVE 1.0M	ỐNG HÚT BỤI 32MM 1.0M	459,000
1239	199454-7	NOZZLE ASSEMBLY FLAT TYPE 28MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP 28MM	723,600
1240	199455-5	NOZZLE ASSEMBLY SET 38MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG ĐẸP 38MM	723,600
1241	199486-4	SHOULDER BELT/DVC750L	DÂY ĐEO VAI/DVC750L	156,600
1242	199491-1	CYCLONE ATTACHMENT SET(WHITE)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU TRẮNG	777,600
1243	199493-7	HOSE COMPLETE 32-1.7M	ỐNG NỐI HÚT BỤI 32-1.7M	432,000
1244	199514-5	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ CHẮN BỤI CHO MÁY MÀI	648,000
1245	199542-0	MULTI TOOL STARLOCK BLADES SET WITH TOOL BOX	BỘ LƯỖI ĐA NĂNG STARLOCK (KÈM HỘP MÁY)	1,848,000
1246	199555-1	DUST CASE SET	HỘP LỌC BỤI	973,500
1247	199557-7	FILTER SET	TÚI LỌC BỤI	248,400
1248	199561-6	DX06 DUST COLLECTION SYSTEM /DHR242	DX06 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR242	2,838,000
1249	199579-7	DX08 DUST COLLECTION SYSTEM SET /DHR280/DHR282	DX08 HỆ THỐNG HÚT BỤI /DHR280/DHR282	3,102,000
1250	199586-0	DUST CASE SET/HR2653	HỘP LỌC BỤI/HR2653	977,400



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1251	199593-3	TOOL CATCHER SET/DHR182	MÓC TREO BĂNG THÉP/DHR182	572,000
1252	199595-9	DUST CASE SET/DX05	HỘP LỌC BỤI/DX05	913,000
1253	199596-7	FILTER SET/DHR182	BỘ LỌC BỤI/DHR182	172,800
1254	199598-3	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500S SET	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500S	1,474,000
1255	199599-1	SHEAR BLADE ASSEMBLY 600S SET	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600S	1,694,000
1256	199600-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750S SET	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750S	1,914,000
1257	199618-3	DUST ATTACHMENT SET	ỐNG NỐI DỆP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI	181,500
1258	199624-8	DUST ATTACHMENT SET/ TM3010C	ỐNG NỐI DỆP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM3010C	198,000
1259	199627-2	DUST ATTACHMENT SET /DTM51	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/DTM51	253,800
1260	199630-3	DUST ATTACHMENT SET /TM30D	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM30D	264,000
1261	199652-3	TIPPED SAW BLADE 255 SET (250MMX36T)	LƯỠI CẮT CỎ TCT (250MMX36T)	621,500
1262	199658-1	DX05 DUST COLLECTION SYSTEM SET /DHR182	DX05 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR182	1,826,000
1263	199687-4	TWO PORT MULTI CHARGER/DC18SH	SẠC PIN 2 CỒNG/DC18SH	3,190,000
1264	199710-5	CUTTING WHEEL COVER ATTACHMENT 125MM	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 125MM	242,000
1265	199725-2	ACCESSORY SET FOR 6.0/DRV250	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.0/DRV250	660,000
1266	199728-6	ACCESSORY SET FOR 3.2/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 3.2/DRV150	803,000
1267	199729-4	ACCESSORY SET FOR 2.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 2.4/DRV150	841,500
1268	199730-9	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	517,000
1269	199731-7	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	440,000
1270	199810-1	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT02	2,024,000
1271	199818-5	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ CHUYỂN ĐỔI THU VÀ PHÁT KHÔNG DÂY/WUT02	5,698,000
1272	199822-4	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY	5,786,000
1273	199826-6	RATCHET CLAMP COMPLETE(QUICK TYPE)	BỘ KẸP TỰ ĐỘNG(LOẠI NHANH)	2,244,000
1274	199827-4	PRE FILTER AND DAMPER SET/DVC750L	BỘ LỌC TRƯỚC VÀ BƠ GIẢM SỐC/DVC750L	324,000
1275	199843-6	ALUMINUM STRAIGHT PIPE 32	ỐNG HÚT BỤI 32 BẰNG NHÔM	220,000
1276	199844-4	ALUMINUM JOINT PIPE (L=465MM)	ỐNG NỐI HÚT BỤI BẰNG NHÔM (L=465MM)	198,000
1277	199868-0	PLASTIC BLADE 305 SET	LƯỠI CẮT NHỰA 305	907,200
1278	199870-3	PLASTIC BLADE 305 BLADE SET	LƯỠI CẮT NHỰA 305	685,800
1279	199872-9	CHISEL BLADE 255MM/UR012G	LƯỠI CẮT PHÁ DẠNG TRÒN 225MM/UR012G	599,500
1280	199873-7	PROTECTOR 225 SET MG/UR640AD	TẦM CHẮN BẢO VỆ 255/UR640AD	653,400
1281	199874-5	SHREDDER BLADE 270MM/UR012G	LƯỠI CẮT PHÁ DẠNG NGHIỀM 270MM/UR012G	907,500
1282	199875-3	PROTECTOR SET MG/UR640AD	TẦM CHẮN BẢO VỆ/UR640AD	550,000
1283	199884-2	TRIMMER HEAD 105-M10L SET MG/UR012G	BỘ ĐẦU CẮT CỎ 105-M10L MG/UR012G	675,000
1284	199895-7	DUST ATTACHMENT SET/MT980	PHỤ KIỆN HÚT BỤI/MT980	648,000
1285	199900-0	TOOL BAG/CL121D/DCL184(490*210*230)	TÚI Đựng MÁY/CL121D/DCL184Z(490*210*230)	761,400
1286	199901-8	TOOL BAG SET/FOR CLEANER(600*210*190)	TÚI Đựng MÁY/MÁY HÚT BỤI(600*210*190)	680,400
1287	199911-5	PLANER BLADE 306/2012NB	BỘ LƯỠI BẢO 306 (2 LƯỠI/ 1 BỘ)/2012NB	2,156,000
1288	199925-4	POLE SAW ATTACHMENT SET/91VXL/EY401MP	PHỤ KIỆN CỬA CẢNH TRÊN CAO/91VXL/EY401MP	7,524,000
1289	199937-7	EXTENSION HANDLE SET/DSL800	TAY CẦM MỞ RỘNG/DSL800	4,644,000
1290	199938-5	PAD 220 SET/DSL800	BỘ ĐỆ 220/DSL800	1,562,000
1291	199939-3	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐỆ 210/DSL800	1,430,000
1292	199940-8	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐỆ 210/DSL800	1,628,000
1293	199966-0	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/DCL280F	TÚI LỌC BỤI CAO CẤP/DCL280F	156,600
1294	199971-7	HOLDER SET/DCL280F	GIÁ ĐỠ/DCL280F	140,400
1295	199989-8	HEPA FILTER SET/DCL280F	MÀNG LỌC BỤI HEPA/DCL280F	151,200
1296	19L	CUTTER HSS(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(ĐÀI)19X55MM	814,000
1297	19S	CUTTER HSS(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(NGẮN)19X35MM	511,500
1298	20L	CUTTER HSS(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(ĐÀI)20X55MM	858,000
1299	20S	CUTTER HSS(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(NGẮN)20X35MM	572,000
1300	21L	CUTTER HSS(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(ĐÀI)21X55MM	885,500
1301	21S	CUTTER HSS(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỨ HSS(NGẮN)21X35MM	594,000
1302	224019-7	OUTER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI 50/GS5000	231,000
1303	224053-7	OUTER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH NGOÀI 65/5103N	148,500
1304	224080-4	INNER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍT TRONG/4100NB	22,000
1305	224081-2	OUTER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍT NGOÀI/4100NB	22,000
1306	224177-9	OUTER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH NGOÀI 28/CC300D	16,500
1307	224180-0	INNER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍT TRONG/5806B	55,000
1308	224181-8	INNER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH TRONG 65/5103N	154,000
1309	224184-2	INNER FLANGE 100/4112HS	MẶT BÍCH TRONG 100/4112HS	297,000
1310	224200-0	INNER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH TRONG 55/4107R	176,000
1311	224208-4	OUTER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH NGOÀI 140/2416S	473,000
1312	224209-2	INNER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH TRONG 140/2416S	489,500
1313	224257-1	INNER FLANGE 78	MẶT BÍT TRONG/	170,500
1314	224270-9	INNER FLANGE 30	MẶT BÍT TRONG 30	60,500
1315	224275-9	OUTER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH NGOÀI 40/LS002G	49,500
1316	224280-6	INNER FLANGE 40/PJ7000	MẶT BÍT TRONG/PJ7000	88,000
1317	224286-4	OUTER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH NGOÀI 55/4107R	110,000
1318	224299-5	FLANGE 90/MT243	MẶT BÍT TRONG/MT243	60,500
1319	224301-4	OUTER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH NGOÀI/N5900B	49,500
1320	224303-0	INNER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍT TRONG/N5900B	66,000
1321	224308-0	INNER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍT TRONG/LC1230	346,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1322	224314-5	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG	33,000
1323	224325-0	OUTER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH NGOÀI/HS0600	154,000
1324	224329-2	OUTER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍT NGOÀI/5806B	38,500
1325	224333-1	FLANGE 53/LH1040	MẶT BÍT TRONG/LH1040	60,500
1326	224347-0	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍT NGOÀI/2704	44,000
1327	224366-6	OUTER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH NGOÀI 40/4131	60,500
1328	224370-5	INNER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH TRONG 40/4131	44,000
1329	224379-7	OUTER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍT NGOÀI/LC1230	308,000
1330	224386-0	INNER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍT TRONG/MT583	33,000
1331	224387-8	OUTER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍT NGOÀI/MT583	44,000
1332	224391-7	INNER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍT TRONG/DCS550	27,500
1333	224401-0	INNER FLANGE 53	MẶT BÍT TRONG 53	77,000
1334	224404-4	OUTER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍT NGOÀI/DCS550	66,000
1335	224405-2	OUTER FLANGE 35/SP6000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/SP6000	137,500
1336	224406-0	INNER FLANGE 35/CA5000X	MẶT BÍCH 35/CA5000X	140,800
1337	224409-4	OUTER FLANGE 35/DHS680	MẶT BÍCH NGOÀI/DHS680	27,500
1338	224415-9	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 42	49,500
1339	224423-0	INNER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍT NGOÀI/4100NH2	44,000
1340	224424-8	OUTER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍT TRONG/4100NH2	44,000
1341	224428-0	INNER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍT NGOÀI/LS1016	60,500
1342	224429-8	OUTER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍT TRONG/LS1016	71,500
1343	224431-1	INNER FLANGE 53/LS1216	ÓP LƯỖI SAU/LS1216	66,000
1344	224432-9	OUTER FLANGE 53/LS1216	ÓP LƯỖI TRƯỚC/LS1216	60,500
1345	224435-3	INNER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH TRONG 28/CC300D	33,000
1346	224442-6	INNER FRANGE 30/MT90	MẶT BÍCH NGOÀI/MT90	27,500
1347	224443-4	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	148,500
1348	224444-2	INNER FLANGE 40	MẶT BÍT NGOÀI 40	60,500
1349	224445-0	OUTER FLANGE 40/DLM431	MẶT BÍT NGOÀI/DLM431	71,500
1350	224447-6	INNER FLANGE 42	MẶT BÍT TRONG 42	88,000
1351	224455-7	OUTER FLANGE 22/TM30D	MẶT BÍCH NGOÀI/TM30D	27,500
1352	224457-3	INNER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍT NGOÀI/GS5000	368,500
1353	224478-5	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	319,000
1354	224479-3	OUTER FLANGE 35/CA5000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/CA5000	462,000
1355	224482-4	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	49,500
1356	224483-2	INNER FLANGE 30	MẶT BÍT TRONG 30	27,500
1357	224485-8	LOCK NUT 14-45	MẶT BÍT NGOÀI 14-45	60,500
1358	224490-5	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 14-45	38,500
1359	224491-3	INNER FLANGE 30	MẶT BÍT TRONG 30	38,500
1360	224493-9	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍT NGOÀI 10-30	22,000
1361	224494-7	INNER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH TRONG/HS0600	49,500
1362	224501-6	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍT NGOÀI/	60,500
1363	224502-4	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍT NGOÀI/	60,500
1364	224505-8	LOCK NUT 10-40/PJ7000	MẶT BÍT NGOÀI/PJ7000	55,000
1365	224515-5	SANDING LOCK NUT M14-48	MẶT BÍT NGOÀI M14-48	121,000
1366	224523-6	SANDING LOCK NUT 16-48/9207SPB	MẶT BÍT NGOÀI/9207SPB	137,500
1367	224526-0	LOCK NUT 12-30	MẶT BÍT NGOÀI/	88,000
1368	224543-0	LOCK NUT 14-45/9067	MẶT BÍT NGOÀI/9067	88,000
1369	224554-5	LOCK NUT 14-45/9015B	MẶT BÍT NGOÀI/9015B	60,500
1370	224559-5	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI	33,000
1371	224577-3	LOCK NUT 14-45/SG1251	MẶT BÍT NGOÀI/SG1251	165,000
1372	224578-1	LOCK NUT 10-30/9500N	MẶT BÍT NGOÀI/9500N	71,500
1373	224584-6	LOCK NUT 14-45/M0920B	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45/M0920B	44,000
1374	224585-4	LOCK NUT 10-30/MT90	MẶT BÍCH NGOÀI/MT90	22,000
1375	224593-5	INNER FLANGE 35/DHS660	MẶT BÍCH TRONG/DHS660	38,500
1376	224600-4	OUTER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍT NGOÀI 38/DHS900	33,000
1377	224604-6	OUTER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH NGOÀI 46/DCE090	77,000
1378	224605-4	INNER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH TRONG 46/DCE090	71,500
1379	224609-6	INNER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍT TRONG 38/DHS900	99,000
1380	224610-1	LOCK NUT 10-29/M0910B	MẶT BÍCH 10-29/M0910B	22,000
1381	224614-3	INNER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH TRONG 40/LS002G	44,000
1382	227947-5	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V MAX MODEL	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V MAX	27,000
1383	22L	CUTTER HSS(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)22X55MM	924,000
1384	22S	CUTTER HSS(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)22X35MM	616,000
1385	23L	CUTTER HSS(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)23X55MM	957,000
1386	23S	CUTTER HSS(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)23X35MM	632,500
1387	24L	CUTTER HSS(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)24X55MM	1,001,000
1388	24S	CUTTER HSS(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)24X35MM	654,500
1389	25L	CUTTER HSS(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)25X55MM	1,122,000
1390	25S	CUTTER HSS(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)25X35MM	737,000
1391	26L	CUTTER HSS(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)26X55MM	1,166,000
1392	26S	CUTTER HSS(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)26X35MM	759,000
1393	273457-0	GRIP 32	TAY CẮM 32	172,800
1394	273466-9	GRIP 37	TAY CẮM 37	194,400



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1395	273467-7	GRIP 32	TAY CẦM 32	183,600
1396	273495-2	GRIP 32	TAY CẦM 32	162,000
1397	273649-1	GRIP 34	TAY CẦM 34	148,500
1398	27L	CUTTER HSS(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)27X55MM	1,210,000
1399	27S	CUTTER HSS(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)27X35MM	781,000
1400	281012-4	HOOK	MỐC TREO	275,000
1401	28L	CUTTER HSS(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)28X55MM	1,276,000
1402	28S	CUTTER HSS(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)28X35MM	869,000
1403	29L	CUTTER HSS(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)29X55MM	1,342,000
1404	29S	CUTTER HSS(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)29X35MM	896,500
1405	3082130	INLET FITTING 3/4" WITH WATER FILTER 840.034	ĐẦU NỒI	43,200
1406	3082280	GUN/HW101	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW101	405,000
1407	3082290	HP HOSE QUICK CONNECT 5MT PVC OPP GUN	ĐẪY DẪN 5MM	610,200
1408	3082661	QUICK COUPLING	ĐẦU NỐI NHANH	275,400
1409	30L	CUTTER HSS(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)30X55MM	1,408,000
1410	30S	CUTTER HSS(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)30X35MM	918,500
1411	318685-1	GRIP ATTACHMENT SET	TAY CẦM	55,000
1412	319371-7	PRESSURE DISC 20.0/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	181,500
1413	319372-5	PRESSURE DISC 25.4/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	225,500
1414	31L	CUTTER HSS(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)31X55MM	1,474,000
1415	31S	CUTTER HSS(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)31X35MM	946,000
1416	321144-6	DEPTH GAUGE/MT814	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/MT814	21,600
1417	321308-2	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	533,500
1418	321472-9	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN 12.7	566,500
1419	321492-3	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	616,000
1420	321493-1	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	473,000
1421	322279-6	BIT PIECE	ĐẦU CHÈM MŨI VÍT	49,500
1422	323018-7	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	198,000
1423	323023-4	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	539,000
1424	323448-2	TEMPLET GUIDE 9.5	KHUÔN DẪN	550,000
1425	323449-0	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN	462,000
1426	325896-1	BASE FRAME	KHUNG SƯỜN	105,600
1427	326649-1	SHAFT HOLDER 1/2-M14/DUT130	ĐẦU NỐI CÁN TRỘN 1/2-M14/DUT130	198,000
1428	327280-6	JOINT 6.4/DRV150	ỐNG NỐI 6.4/DRV150	118,800
1429	327285-6	JOINT 4.8/DRV150	ỐNG NỐI 4.8/DRV150	97,200
1430	327687-6	ADAPTER D/DDG460	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOAN/DDG460	1,028,500
1431	327A93-1	NOZZLE 4.5/PM001G	ĐẦU BẾC PHUN 4.5/PM001G	77,000
1432	327B34-3	SHAFT HOLDER 1/2-M12/UT001G	TRỤC NỐI 1/2-M12/UT001G	143,000
1433	32L	CUTTER HSS(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)32X55MM	1,518,000
1434	32S	CUTTER HSS(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)32X35MM	973,500
1435	331886-4	DEPTH GAUGE/DHR280	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHR280	48,600
1436	331955-1	DEPTH GAUGE/DHR400	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHR400	81,000
1437	3320120	ROTO POWER OPP SERIES 840.004	ĐẦU XỊT DẠNG XOÁY	91,800
1438	3320130	EXTENSION LANCE READY 1ST TOOLING 8	ỐNG XỊT MỞ RỘNG	91,800
1439	3320152	GUN/HW102	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW102	410,400
1440	33L	CUTTER HSS(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)33X55MM	1,584,000
1441	33S	CUTTER HSS(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)33X35MM	1,067,000
1442	341650-5	GUIDE BAR	LAM	1,892,000
1443	341705-6	STEEL PLATE	TÀM ĐỆM THÉP	71,500
1444	341796-7	WASHER	VÒNG ĐỆM	16,500
1445	341947-2	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐỆM PHẪNG	346,500
1446	342390-8	DEPTH GUIDE	THANH HƯỚNG DẪN SÂU	66,000
1447	342428-9	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐỆM PHẪNG	132,000
1448	343411-9	CUTTER	LƯỚI LỐC	1,001,000
1449	343577-5	TEMPLET GUIDE 10	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 10	16,500
1450	344364-5	TEMPLET GUIDE 16	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 16	66,000
1451	346555-4	CORD CUTTER/UR100D	LƯỚI CẮT/UR100D	22,000
1452	346909-5	HOOK/DF031D	MIẾNG ĐỆM GÀ/DF031D	22,000
1453	347478-9	WHEEL COVER 100/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	555,500
1454	347479-7	WHEEL COVER 115/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	110,000
1455	347480-2	WHEEL COVER 125/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	132,000
1456	347618-9	WHEEL COVER 125/DGA419	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DGA419	176,000
1457	347776-1	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	181,500
1458	34L	CUTTER HSS(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)34X55MM	1,672,000
1459	34S	CUTTER HSS(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)34X35MM	1,100,000
1460	35L	CUTTER HSS(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(DÀI)35X55MM	1,738,000
1461	35S	CUTTER HSS(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỪ HSS(NGẮN)35X35MM	1,122,000
1462	3640090	COMPL. DETERG. TANK M - READY 870.113	BÌNH CHỨA CHẤT TẨY RỬA	81,000
1463	3640380	FOAM TANK ROLE RIDE 840.015	BÌNH CHỨA	82,500
1464	3640630	HP HOSE 5 MT M- READY 840.026	ĐẪY DẪN 5MM	572,400
1465	3640640	MULTI LANCE OPP (1.04) BLACK 840.021	ĐẦU XỊT THĂNG, ĐỆT	156,600
1466	3640650	MULTI LANCE OPP (1.00) RED 840.020	ĐẦU XỊT THĂNG, ĐỆT	102,600
1467	3640660	STEEL ARMED HOSE 12MM 5,5MT 840.027/HW111	ĐẪY DẪN 5,5MM/HW111	1,036,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1468	3640670	FOAM NOZZLE OPP 840.033	ỐNG PHUN	59,400
1469	3640950	BAYONET FIX BRUSH 840.013	BÀN CHẢI/HW111	140,400
1470	3641590	HIGH PRESSURE HOSE/ HW111	DÂY DẪN NƯỚC/HW111	1,015,200
1471	410047-0	WRENCH HOLDER 5.6	CỖ LÊ BĂNG NHỰA 5.6	11,000
1472	410048-8	WRENCH HOLDER 3.4/4304	CỖ LÊ NHỰA 3.4/4304	11,000
1473	410054-3	GUIDE BAR CASE/5012B	VỎ BẢO VỆ LAM XÍCH/5012B	129,600
1474	410306-2	CORNER NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	59,400
1475	411111-0	GAUGE PLATE	THƯỚC CANH	37,800
1476	411780-7	KEY HOLDER 10/6501	GIÁ TREO MỔ ĐẦU KHOAN 10/6501	10,800
1477	412028-0	VINYL TUBE 5X9X5000	ỐNG NHỰA VINYL 5X9X5000	270,000
1478	412088-2	VINYL TUBE 5	ỐNG DẪN NƯỚC	70,200
1479	412137-5	VINYL TUBE 5/M0401B	ỐNG DẪN NƯỚC/M0401B	43,200
1480	412758-3	END NOZZLE 80/UB001C	ỐNG THỐI 80/UB001C	145,800
1481	412768-0	BLADE COVER 500MM/DUH504S	BẢO VỆ LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	70,200
1482	412769-8	BLADE COVER/DUH604S	BẢO VỆ LƯỠI TĨA HÀNG/DUH604S	75,600
1483	412770-3	BLADE COVER/DUH754S	BẢO VỆ LƯỠI TĨA HÀNG RÀO/DUH754S	86,400
1484	412911-1	BLADE COVER/UH004G/UH004G	BẢO VỆ LƯỠI/UH004G	162,000
1485	412912-9	BLADE COVER/UH005G/UH005G	BẢO VỆ LƯỠI/UH005G	172,800
1486	413148-3	OFFSET BASE PLATE	ĐỂ PHAY	110,000
1487	413150-6	TILT BASE PLATE	ĐỂ NGHIÊNG	60,500
1488	413720-1	BLADE COVER/DUN461W/DUN461W	BẢO VỆ LƯỠI/DUN461W	86,400
1489	413769-1	SASH NOZZLE 28 IVO	ĐẦU HÚT DỆP 28 IVO	21,600
1490	413770-6	SASH NOZZLE/WHITE/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU TRẮNG/CL001G	21,600
1491	413809-5	SASH NOZZLE/BLACK/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU ĐEN/CL001G	21,600
1492	413859-0	SASH NOZZLE/BLUE/CL002G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU XANH/CL002G	21,600
1493	413885-9	BLADE COVER 110/UM110D	BẢO VỆ LƯỠI 110/UM110D	21,600
1494	413B75-6	PROTECTOR/DTWA260	VỎ BỌC BẢO VỆ MÁY/DTWA260	1,663,200
1495	413B98-4	BLADE COVER 600/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 600MM/UH013G	189,000
1496	413B99-2	BLADE COVER 750/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 750MM/UH013G	226,800
1497	413F05-1	DUST NOZZLE/DJV184	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV184	97,200
1498	413F67-9	LOOP HANDLE/PV001G	TAY CÀM BĂNG NHỰA/PV001G	286,200
1499	413L55-2	MULTING PLUG/LM002G	MIẾNG CHẶN CỎ/LM002G	140,400
1500	413L57-8	DISCHARGE CHUTE/LM002G	MIẾNG CHẶN XÁ CỎ/LM002G	297,000
1501	413L91-8	BLADE COVER/DUH507	MIẾNG BỌC LƯỠI CẮT 500/DUH507	118,800
1502	413L92-6	BLADE COVER/DUH606	MIẾNG BỌC LƯỠI CẮT 600/DUH606	124,200
1503	415021-3	NOSE JOINT 38 CUFFS 38	ĐẦU KHỚP NỐI 38MM	162,000
1504	415579-2	SET PLATE 4	TÀM ĐỆM	121,000
1505	416041-0	SASH NOZZLE/IVORY	ĐẦU HÚT KHE/MÀU NGÀ	21,600
1506	416043-6	SASH NOZZLE HOLDER 28 (IVORY)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU NGÀ	21,600
1507	416256-9	LOOP HANDLE	TAY CÀM DẠNG VÒNG	264,600
1508	417349-5	PROTECTOR USE FOR CORDLESS IMPACT DRIVER	VỎ BẢO VỆ DÙNG CHO MÁY VẠN VÍT	341,000
1509	417724-5	LATCH/HR1830	NÁP GÁI THÙNG MÁY/HR1830	10,800
1510	417852-6	COVER PLATE	NÁP BẢO VỆ	54,000
1511	417926-3	SHOULDER STRAP/ML187	DÂY ĐEO VAI/ML187	10,800
1512	418198-3	KEY HOLDER 9/MT653	GÁ ĐỖ KHÓA MỔ/MT653	11,000
1513	418500-0	JOINT 38-28MM/38	KHỚP NỐI 38-28MM/38	91,800
1514	418647-0	CHIP DEFLECTOR/MT372	TÀM CHẶN/MT372	48,600
1515	418919-3	SASH NOZZLE/MT401	ĐẦU ỐNG THỐI/MT401	21,600
1516	418920-8	JOINT/MT401	ỐNG NỐI/MT401	10,800
1517	419242-9	CHAIN COVER	TÀM BẢO VỆ	86,400
1518	419288-5	CHAIN COVER	TÀM BẢO VỆ	86,400
1519	419620-3	DUST NOZZLE	ỐNG NỐI	59,400
1520	421093-8	CORK RUBBER PLATE	TÀM ĐỆM CAO SU	91,800
1521	421342-3	DUST CUP 5	LY CHỨA BỤI 5	43,200
1522	421641-3	RUBBER CAP/DFS600	NÁP CAO SU/DFS600	16,200
1523	421664-1	DUST CUP 9	LY CHỨA BỤI 9	86,400
1524	421905-5	NOZZLE/MT401	ỐNG THỐI/MT401	70,200
1525	422163-6	RUBBER CAP(LARGE)/DFS600	NÁP CAO SU/DFS600	59,400
1526	422437-5	RUBBER NOZZLE 330	ĐẦU HÚT KHE 330 XÁM	178,200
1527	422449-8	DAMPER/DVC750L	GIẢM SỐC/DVC750L	70,200
1528	422718-7	PROTECTOR CLEAR/TD112D	VỎ BẢO VỆ/TD112D	939,600
1529	422807-8	BATTERY PROTECTOR/DBO380	ỚP BẢO VỆ PIN/DBO380	91,800
1530	422827-2	PROTECTOR CLEAR/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU TRẮNG SUỐT/DFT060T	588,500
1531	422828-0	PROTECTOR RED/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ/DFT060T	682,000
1532	422829-8	PROTECTOR BLUE/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH/DFT060T	682,000
1533	422830-3	PROTECTOR YELLOW/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG/DFT060T	682,000
1534	422872-7	NOSE ADAPTER/PT002G	ĐẦU BẢO VỆ MŨI/PT002G	55,000
1535	422992-7	SEALING CAP(5PCS/SET)/DX16	MIẾNG ĐỆM(5CÁI/BỘ)/DX16	16,200
1536	424009-2	JOINT 38-28MM/H	KHỚP NỐI 38-28MM/H	32,400
1537	442040661	SPROCKET NOSE BAR/EA3503S	LAM/EA3503S	990,000
1538	443053651	SPROCKET NOSE BAR 530MM	LAM 530MM	1,782,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1539	443060-3	FILTER	LỌC GIÓ	21,600
1540	445045631	SPROCKET NOSE BAR 450MM	LAM 450MM	836,000
1541	445045655	SPROCKET NOSE BAR 450MM	LAM 450MM	836,000
1542	445050451	GUIDE BAR (SPROCKET NOSE BAR 500MM)/EA5600F	LAM BÁNH XE 500MM/EA5600F	2,222,000
1543	445050655	SPROCKET NOSE BAR 500MM	LAM 500MM	913,000
1544	445060455	SOLID NOSE BAR	LAM	2,068,000
1545	450066-4	PUNCH PLATE	TẤM DẠNG LỖ	33,000
1546	450128-8	BATTERY COVER	NẮP BẢO VỆ PIN	16,200
1547	451241-5	PLASTIC STRAIGHT WHITE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU TRẮNG 28	59,400
1548	451242-3	SASH NOZZLE HOLDER 28(WHITE)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU TRẮNG	21,600
1549	451244-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLUE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU XANH DƯƠNG 28	59,400
1550	451329-1	NOZZLE	ỐNG HÚT	43,200
1551	451340-3	GRIP	TAY CẮM	102,600
1552	451424-7	PLASTIC STRAIGHT PIPE IVORY 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU NGÀ 28	59,400
1553	451749-9	HANDLE/DTW180	TAY CẮM/DTW180	32,400
1554	451816-0	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỖI	57,200
1555	451880-1	CHID DECEIVER	CHID DECEIVER	57,200
1556	452055-5	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỖI	70,200
1557	452093-7	GUIDE BAR CASE	VỎ BẢO VỆ LAM	64,800
1558	452198-3	CLANK COVER/UH201D	VỎ BẢO VỆ LƯỖI/UH201D	32,400
1559	452685-2	BLADE COVER/DUH523	VỎ BẢO VỆ LƯỖI TIA HÀNG RÀO/DUH523	108,000
1560	452947-8	BIT HOLDER	PHỤ KIỆN GIỮ MŨI VÍT	11,000
1561	453974-8	LATCH/HR1841	NẮP GAI/HR1841	16,200
1562	454279-9	BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỖI TIA HÀNG RÀO/EN410MP	91,800
1563	454703-2	JOINT/DUB185	ĐẦU NỐI/DUB185	10,800
1564	454880-0	GRASS RECEIVER 110/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	88,000
1565	455292-0	LOOP HANDLE	TAY CẮM VÒNG	205,200
1566	456585-8	SASH NOZZLE HOLDER 28(BLACK)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU ĐEN	21,600
1567	456586-6	SASH NOZZLE	ĐẦU HÚT BỤI ĐẸP	21,600
1568	456587-4	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLACK 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU ĐEN 28	59,400
1569	457247-1	LATCH(WHITE)	NẮP GAI(MÀU TRẮNG)	21,600
1570	457273-0	PROTECTION GUARD NARROW TYPE/UR101C/UR101C	TẤM CHẮN BẢO VỆ/UR101C	307,800
1571	457426-1	GRASS RECEIVER 160	KHAY CHỨA CỎ 160	81,000
1572	457801-1	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV102, DJV103	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV102, DJV103	113,400
1573	457867-1	COVER PLATE/DJV184	TẤM CHE BỤI/DJV184	37,800
1574	457924-5	FRAME	KHUNG CHỨA QUẠT	75,600
1575	457974-0	KEY HOLDER/DA332D	VÒNG KHÓA/DA332D	22,000
1576	458101-2	HOLDER JOINT	PHỤ KIỆN KẾT NỐI ỐNG HÚT BỤI	64,800
1577	458184-2	BENDING PIPE ASSEMBLY WITHOUT SLEEVE 38/32MM	KHỚP NỐI HÚT BỤI CONG 38/32MM	145,800
1578	458191-5	DUST COVER/JV103D	MIẾNG CHẮN BỤI/JV103D	21,600
1579	458342-0	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỖI	91,800
1580	458345-4	BLADE COVER/EN420MP	BẢO VỆ LƯỖI/EN420MP	108,000
1581	458359-3	BLADE COVER/UH353D	BỌC LƯỖI DAO/UH353D	75,600
1582	458501-6	BAR COVER 250MM	TẤM BẢO VỆ 250MM	113,400
1583	458891-7	WIDE NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT T/DVC750L	81,000
1584	458919-1	SASH NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT KHE/DVC750L	37,800
1585	458940-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE FOR PIPE LOCK(IVORY)	ỐNG THẲNG BẰNG NHỰA CÓ KHÓA(MÀU NGÀ)	54,000
1586	458942-6	PLASTIC STRAIGHT PIPE 479MM(BLACK)	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 479MM(MÀU ĐEN)	59,400
1587	459036-0	SASH NOZZLE HOLDER 28 FOR PIPE LOCK(IVORY)	KẸP GIỮ ỐNG 28(MÀU NGÀ)	16,200
1588	459038-6	SASH NOZZLE HOLDER BLACK/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU ĐEN/DCL280F	16,200
1589	459056-4	MAT NOZZLE	ĐẦU HÚT T XANH(DỌN SÀN, THẢM)	64,800
1590	459120-1	BLADE COVER 500S/DUH502	VỎ BỌC LƯỖI 500/DUH502	140,400
1591	459121-9	BLADE COVER 600S/DUH602	VỎ BỌC LƯỖI 600/DUH602	162,000
1592	459122-7	BLADE COVER 750S/DUH752	VỎ BỌC LƯỖI 750/DUH752	172,800
1593	459206-1	SEALING CAP/DX10	NẮP ĐẦY/DX10	16,200
1594	459234-6	DUST NOZZLE/DLS800	ỐNG THU BỤI/DLS800	118,800
1595	459249-3	HOSE JOINT/DLS211	KHỚP NỐI HÚT BỤI/DLS211	86,400
1596	459353-8	PIPE/DCL281F	ỐNG HÚT BỤI/DCL281F	59,400
1597	459354-6	SASH NOZZLE HOLDER WHITE 28/DCL281F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU TRẮNG 28/DCL281F	16,200
1598	459355-4	SASH NOZZLE HOLDER BLUE/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU XANH/DCL280F	16,200
1599	459356-2	PIPE/DCL280F	ỐNG HÚT BỤI/DCL280F	59,400
1600	459404-7	PROTECTOR RED/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DỪNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800
1601	459405-5	PROTECTOR BLUE/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DỪNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800
1602	459406-3	PROTECTOR YELLOW/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DỪNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800
1603	459407-1	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DỪNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800
1604	459408-9	PROTECTOR CLEAR/DTDA040	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DỪNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1605	459409-7	PROTECTOR RED/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1606	459410-2	PROTECTOR BLUE/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1607	459411-0	PROTECTOR YELLOW/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1608	459412-8	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1609	459413-6	PROTECTOR CLEAR/DTDA100	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1610	459887-1	SIDE DISCHARGE MOUTH/DLM530Z	KHỚP NỔI BẰNG NHỰA/DLM530Z	102,600
1611	459997-4	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA040	874,800
1612	459998-2	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO MÁY CHỈNH LỰC/DTDA100	615,600
1613	4YT-1023	JIG FOR DEMONSTRATION	MÔ HÌNH DEMO CHO MÁY SIẾT BU LÔNG 5 ĐẦU	28,209,600
1614	5019001000	TOOL KIT	DỤNG CỤ MỞ ỐC	82,500
1615	50954	DETERGENT TANK	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	205,200
1616	50955	ADJUSTABLE LANCE	ĐẦU XỊT RỬA	372,600
1617	523093672	SAW CHAIN SET 1,5MM/.058"X325"	DÂY XÍCH 1,5MM/.058"X325"	638,000
1618	528099672	SAW CHAIN SET 72 1,5MM/.058"X3/8"	DÂY XÍCH 72 1,5MM/.058"X3/8"	808,500
1619	528099684	SAW CHAIN SET 84 1,5MM/.058"X3/8"	DÂY XÍCH 84 1,5MM/.058"X3/8"	803,000
1620	531291656	SAW CHAIN SET 56 1,1MM/.050"X3/8"/90PX	DÂY XÍCH 56 1,1MM/.050"X3/8"/90PX	360,800
1621	531492646	SAW CHAIN SET 46 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 46 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	303,600
1622	531492656	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	325,600
1623	531492662	SAW CHAIN SET 62 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	DÂY XÍCH 62 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	360,800
1624	534686072	SAW CHAIN SET 72 1,5MM/.058"X325"	DÂY XÍCH 72 1,5MM/.058"X325"	561,000
1625	6018505200	BLADE (UPPER)	LƯỠI DAO CỬA MÁY TỈA HÀNG RÀO	963,600
1626	6018505301	BLADE (LOWER)	LƯỠI DAO CỬA MÁY TỈA HÀNG RÀO	963,600
1627	6018505400	UPPER BLADE	LƯỠI DAO CỬA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1,061,500
1628	6018505500	LOWER BLADE	LƯỠI DAO CỬA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1,061,500
1629	630B63-0	FAST CHARGER DC40RA SET(BULK)	BỘ SẠC NHANH DC40RA(KHÔNG ĐÓNG GÓI)	3,542,000
1630	632006-6	BATTERY 7000 EN/FR/DE	PIN 7000 EN/FR/DE	889,920
1631	632C23-4	BATTERY (LI-ION, 10.8V, 1.5 AH)	PIN (LI-ION, 10.8V, 1.5 AH)	777,600
1632	632F69-8	BATTERY BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)(BULK)	PIN BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)(PIN KHÔNG ĐÓNG GÓI)	3,391,200
1633	632G12-3	BATTERY BL1830B (LI-ION, 18V, 3.0 AH)(BULK)	PIN BL1830B (LI-ION, 18V,3.0AH)(PIN KHÔNG ĐÓNG GÓI)	1,900,800
1634	632G25-4	BATTERY BL1430B(BULK)	PIN BL1430B(LI-ION 14.4V, 3AH)(KHÔNG ĐÓNG GÓI)	2,354,400
1635	632G42-4	BATTERY BL1460A (LI-ION, 14.4V, 6.0 AH)(BULK)	PIN BL1460A (LI-ION,14.4V,6.0 AH)(BULK)	4,320,000
1636	632N82-4	BATTERY 40VMAX, 2.5AH(BULK)	PIN BL4025(LI-ION, 40V, 2.5AH)(KHÔNG ĐÓNG GÓI)	4,363,200
1637	632R12-9	BATTERY (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	PIN (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	842,400
1638	6417015003	BAND ASSY	NEP	770,000
1639	654575-7	TERMINAL BLOCK/PC5000C	ĐẦU NỐI NHANH/PC5000C	38,500
1640	6659500901	PIPE	ỐNG CAO SU	135,000
1641	6679504400	END PIPE	ĐẦU ỐNG	616,000
1642	682575-7	CORD GUARD 12-90/VC3210L	DÂY TREO MỀM 12-90/VC3210L	16,200
1643	6908031000	NOZZLE 1 HEAD	BÉC 1 ĐẦU	415,800
1644	6919500000	NOZZLE 4 HEAD	BÉC 4 ĐẦU	766,800
1645	6939024000	JET NOZZLE	VỎI PHUN	5,788,800
1646	6939025000	NOZZLE C-2	VỎI PHUN C-2	4,125,600
1647	6958018000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	561,600
1648	6958025000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	826,200
1649	6958029000	NOZZLE COMPLETE/DVF154	ĐẦU PHUN CHỮ Y/DVF154	243,000
1650	723050-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 6	LƯỠI CỬA KIỂM 150MM TPI 6	176,000
1651	723065-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 14	LƯỠI CỬA KIỂM 150MM TPI 14	225,500
1652	723067-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 24	LƯỠI CỬA KIỂM 150MM TPI 24	225,500
1653	723068-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 10	LƯỠI CỬA KIỂM 150MM TPI 10	225,500
1654	723069-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 18	LƯỠI CỬA KIỂM 225MM TPI 18	341,000
1655	723070-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 10	LƯỠI CỬA KIỂM 225MM TPI 10	341,000
1656	723071-A5	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 10	LƯỠI CỬA KIỂM 300MM TPI 10	418,000
1657	723074-A3	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 6	LƯỠI CỬA KIỂM 300MM TPI 6	346,500
1658	723075-A3	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 9	LƯỠI CỬA KIỂM 150MM TPI 9	352,000
1659	723076-A3	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 9	LƯỠI CỬA KIỂM 225MM TPI 9	297,000
1660	723078-A5	RECIPRO SAW BLADE 200MM TPI 6	LƯỠI CỬA KIỂM 200MM TPI 6	319,000
1661	724104-1	ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	ĐÁ CẮT 100MM	151,200
1662	724107-5	ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	ĐÁ CẮT 100MM	86,400
1663	725163-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỠI CẮT A/EH7500S	1,210,000
1664	725164-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI CẮT B/EH7500S	1,342,000
1665	725184-0	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI TỈA CÀNH/EH6000W	506,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1666	725185-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỠI TIA CÀNH A/EH7500S	467,500
1667	725186-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI TIA CÀNH B/EH7500S	467,500
1668	725187-4	SHEAR BLADE/EN401MP	LƯỠI CẮT/EN401MP	500,500
1669	725197-1	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỠI CẮT/EN420MP	297,000
1670	733237-1	STRAIGHT BIT 12E/MT360	MŨI THẲNG 12E/MT360	264,000
1671	733238-9	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẲNG 6E	236,500
1672	741015-5	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 24P	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 24P	486,000
1673	741016-3	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 36P	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 36P	486,000
1674	741421-4	DEPRESSED CENTER WHEEL 230-24	ĐÁ MÀI TÂM TRÙNG 230-24	502,200
1675	741422-2	DEPRESSED CENTER WHEEL 230-36	ĐÁ MÀI TÂM TRÙNG 230-36	496,800
1676	741425-6	DEPRESSED CENTER WHEEL 180-24	ĐÁ MÀI TÂM TRÙNG 180-24	237,600
1677	741426-4	DEPRESSED CENTER WHEEL 180-36	ĐÁ MÀI TÂM TRÙNG 180-36	243,000
1678	741458-1	DEPRESSED CENTER WHEEL 115-36	ĐÁ MÀI TÂM TRÙNG 115-36	129,600
1679	741614-3	WHEEL POINT 1-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 1-19-60	81,000
1680	741615-1	WHEEL POINT 4-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 4-19-60	113,400
1681	743008-8	RUBBER PAD 170	ĐỆ CAO SU 170	414,720
1682	743009-6	RUBBER PAD 76	ĐỆ CAO SU 76	60,500
1683	743012-7	RUBBER PAD 170	ĐỆ CAO SU 170	434,500
1684	743015-1	RUBBER PAD 115	ĐỆ CAO SU 115	226,800
1685	743016-9	RUBBER PAD 125	ĐỆ CAO SU 125	253,800
1686	743025-8	PLASTIC PAD 120	ĐỆ NHỰA 120	108,000
1687	743033-9	RUBBER PAD 147	ĐỆ CAO SU 147	642,600
1688	743036-3	RUBBER PAD 100	ĐỆ CAO SU 100	226,800
1689	743053-3	PAD 165 M14	ĐỆ 165 M14	507,600
1690	743054-1	PAD 165 M16	ĐỆ 165 M16	594,000
1691	743081-8	PAD 123/BO5041	ĐỆ 123/BO5041	478,500
1692	743124-6	PAD 50MM	TÀM ĐỆ 50MM	378,000
1693	743125-4	PAD 75MM	TÀM ĐỆ 75MM	1,015,200
1694	743126-2	ADAPTER /DPV300	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/DPV300	99,000
1695	743327-2	WIPER/DVC860L	CÀN GẠT NƯỚC/DVC860L	54,000
1696	743328-0	BRUSH/DVC860L	BÀN CHAI/DVC860L	64,800
1697	744003-1	ROUND FILE 4MM	Dũa TRÒN 4MM	66,000
1698	744015-4	ROUND FILE 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC254ZNR	Dũa TRÒN 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC254ZNRDUC254ZNR	93,500
1699	762001-3	TRIANGULAR RULE/LH1040	THƯỚC CÀNH/LH1040	21,600
1700	762007-1	THICKNESS GAUGE	THƯỚC ĐO	75,600
1701	762013-6	THICKNESS GAUGE/JS1601	THƯỚC ĐO ĐỘ DÀY/JS1601	75,600
1702	762014-4	MAGNETIC HOLDER	GIÁ ĐỖ CỎ TỪ TÍNH	135,000
1703	762016-0	BLADE GAUGE/2012NB	THƯỚC CÀNH LƯỠI/2012NB	113,400
1704	763066-8	DRILL CHUCK S16/DS5000	ĐẦU KHOAN S16/DS5000	1,094,500
1705	763077-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	159,500
1706	763114-3	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	335,500
1707	763115-1	DRILL CHUCK S13/6307	ĐẦU KHOAN S13/6307	258,500
1708	763142-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	429,000
1709	763170-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	110,000
1710	763174-5	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	1,111,000
1711	763181-8	KEYLESS DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	203,500
1712	763182-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	319,000
1713	763183-4	DRILL CHUCK S13/DDA450	ĐẦU KHOAN S13/DDA450	577,500
1714	763229-6	KEYLESS DRILL CHUCK 10/HP330D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10/HP330D	154,000
1715	763232-7	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	93,500
1716	763235-1	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	22,000
1717	763236-9	COLLET NUT6/GD0603	TÀM GIỮ MŨI 6/GD0603	44,000
1718	763238-5	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF332D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10/DF332D	165,000
1719	763241-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DDF483	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF483	379,500
1720	763242-4	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	198,000
1721	763243-2	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	220,000
1722	763244-0	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	93,500
1723	763245-8	DRILL CHUCK S10/DA332D	ĐẦU KHOAN S10/DA332D	671,000
1724	763248-2	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DF458D	ĐẦU KHOAN 13/DF458D	528,000
1725	763250-5	DRILL CHUCK S-13/DDA460	ĐẦU KHOAN S-13/DDA460	742,500
1726	763251-3	CHUCK KEY S-13/DDA460	KHÓA S-13/DDA460	82,500
1727	763252-1	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP481	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP481	528,000
1728	763260-2	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	346,500
1729	763262-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	396,000
1730	763415-9	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	66,000
1731	763418-3	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	44,000
1732	763430-3	CHUCK KEY S13/6307	KHÓA MỖ ĐẦU KHOAN S13/6307	27,500
1733	763432-9	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	60,500
1734	763441-8	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	27,500
1735	763442-6	CHUCK KEY S6	KHÓA ĐẦU KHOAN S6	22,000
1736	763447-6	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	16,500
1737	763448-4	CHUCK KEY S13/DUT131	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DUT131	44,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1738	763449-2	CHUCK KEY S6.5	KHÓA ĐẦU KHOAN S6.5	16,500
1739	763450-7	CHUCK KEY S10/DA332D	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DA332D	38,500
1740	763452-3	CHUCK KEY S10/MT80A	KHÓA ĐẦU KHOAN S10/MT80A	16,500
1741	763453-1	CHUCK KEY S13/MT80B	KHÓA MỔ ĐẦU KHOAN S13/MT80B	22,000
1742	763601-2	COLLET CHUCK 12MM	ĐAI KẸP 12MM	913,000
1743	763602-0	COLLET CHUCK 1/2"	ĐAI KẸP 1/2"	827,200
1744	763606-2	COLLET NUT 6	CỖN 6MM	104,500
1745	763610-1	COLLET CONE 3MM	CỖN 3MM	71,500
1746	763615-1	COLLET NUT	ĐAI ỐC CỖN	82,500
1747	763618-5	COLLET CONE 8 MM	CỖN 8 MM	88,000
1748	763619-3	COLLET CONE 3/8"	CỖN 3/8"	77,000
1749	763620-8	COLLET CONE 6MM	CỖN 6	324,500
1750	763622-4	COLLET CONE 12.7	CỖN 12.7	412,500
1751	763627-4	COLLET CONE 3MM	CỖN 3MM	363,000
1752	763628-2	COLLET CONE 12	CỖN 12	687,500
1753	763629-0	COLLET NUT	ĐAI ỐC CỖN	121,000
1754	763632-1	COLLET CONE 13MM	CỖN 13MM	814,000
1755	763636-3	COLLET CONE 6MM	CỖN 6MM	286,000
1756	763637-1	COLLET CONE 1/4"	CỖN 1/4"	264,000
1757	763645-2	COLLET NUT	ĐAI ỐC CỖN	82,500
1758	763646-0	COLLET CONE 6/GD0800C	CỖN MÃI 6/GD0800C	297,000
1759	763661-4	COLLET NUT 6	CỖN 6	60,500
1760	763662-2	COLLET CONE 6MM	CỖN 6MM	110,000
1761	763663-0	COLLET CONE 6.35	CỖN 6.35	93,500
1762	763664-8	COLLET NUT 6	TÁN GIỮ MŨI 6	38,500
1763	763665-6	COLLET CONE 6.0	CỖN 6.0	82,500
1764	763668-0	COLLET NUT/GD0602	CỖN CHỤP/GD0602	33,000
1765	763669-8	COLLET CONE 3MM	CHẤU BÓP 3MM	544,500
1766	763670-3	COLLET CONE 6MM	CHẤU BÓP 6MM	313,500
1767	763671-1	COLLET CONE 8MM	CHẤU BÓP 8MM	544,500
1768	763674-5	COLLET NUT	CHẤU BÓP DÙNG CHO MÁY PHAY	154,000
1769	763675-3	COLLET NUT/DCO180	TÁN GIỮ MŨI/DCO180	132,000
1770	763678-7	COLLET CONE 6MM/DCO181	CHẤU BÓP 6MM/DCO181	209,000
1771	763679-5	COLLET CONE 3.0/DCO181	CHẤU BÓP 3.0/DCO181	203,500
1772	763801-4	COLLET SLEEVE FOR 6 MM BIT	ỐNG SOI 6 MM	93,500
1773	763803-0	COLLET SLEEVE FOR 1/4" BIT	ỐNG SOI 1/4"	88,000
1774	763805-6	COLLET SLEEVE FOR 3/8" BIT	ỐNG SOI 3/8"	82,500
1775	763806-4	COLLET SLEEVE F/INCH CHUCK,10M	ỐNG SOI 10M	93,500
1776	763807-2	COLLET SLEEVE FOR 10 MM BIT	ỐNG SOI 10 MM	104,500
1777	763808-0	COLLET SLEEVE 6.35MM	ỐNG SOI 6.35MM	99,000
1778	763809-8	COLLET SLEEVE 6.35/MT362	CHẤU BÓP 6.35/MT362	55,000
1779	763810-3	COLLET SLEEVE 9.53/MT362	CHẤU BÓP 9.53/MT362	55,000
1780	764352-0	INNER SLEEVE 22-85 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 22-85	4,422,000
1781	764353-8	INNER SLEEVE 3/4-84 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-84	3,982,000
1782	764354-6	INNER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-170/6922NB	14,344,000
1783	764356-2	INNER SLEEVE 16-82/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-82/6922NB	3,476,000
1784	764357-0	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	3,388,000
1785	764361-9	OUTER SLEEVE 20-37/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI/6922NB	1,083,500
1786	764362-7	OUTER SLEEVE 16-35/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-35/6922NB	1,100,000
1787	764363-5	OUTER SLEEVE 20-83	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-83	2,926,000
1788	764364-3	OUTER SLEEVE 22-85	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-85	2,904,000
1789	764365-1	OUTER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-170/6922NB	8,646,000
1790	764367-7	OUTER SLEEVE 16-81/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-81/6922NB	1,892,000
1791	764400-5	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	11,990,000
1792	764402-1	INNER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 20-100/6922NB	11,418,000
1793	764404-7	INNER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-100/6922NB	12,716,000
1794	764405-5	INNER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-200/6922NB	17,886,000
1795	764406-3	OUTER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-100/6922NB	7,722,000
1796	764408-9	OUTER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-100/6922NB	5,082,000
1797	764410-2	OUTER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-100/6922NB	5,082,000
1798	764411-0	OUTER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-200/6922NB	9,394,000
1799	764416-0	INNER SLEEVE 16-36/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-36/6922NB	3,036,000
1800	764417-8	INNER SLEEVE 20-38 COMPLETE/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	2,882,000
1801	764418-6	INNER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	2,948,000
1802	764419-4	INNER SLEEVE 3/4-38 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-38	2,521,200
1803	764420-9	INNER SLEEVE 5/8-36 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 5/8-36	2,635,600
1804	765027-4	ADJUSTMENT GRIP	BỘ ĐIỀU CHỈNH LỰC	555,500
1805	766012-0	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF0300	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF0300	220,000
1806	766014-6	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	82,500
1807	766016-2	DRILL CHUCK S13/DUT131	ĐẦU KHOAN 13/DUT131	203,500
1808	766019-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/M8103B	418,000
1809	766021-9	DRILL CHUCK S6.5	ĐẦU KHOAN S6.5	99,000
1810	766022-7	DRILL CHUCK S10/MT80A	ĐẦU KHOAN S10/MT80A	88,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1811	766023-5	DRILL CHUCK S13/MT80B	ĐẦU KHOAN S13/MT80B	88,000
1812	766026-9	KEYLESS DRILL CHUCK 10/MT607	ĐẦU KHOAN S10/MT607	110,000
1813	781006-4	WRENCH 13/MT660	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 13/MT660	33,000
1814	781010-3	WRENCH 19/UT1305	CỖ LỀ 19/UT1305	66,000
1815	781012-9	WRENCH 23/HM1306	CỖ LỀ 23/HM1306	44,000
1816	781019-5	WRENCH 50	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 50	104,500
1817	781028-4	WRENCH 32	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 32	88,000
1818	781030-7	WRENCH 24/3600H	CỖ LỀ 24/3600H	71,500
1819	781034-9	WRENCH 8-24/3612BR	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 8 - 24/3612BR	49,500
1820	781036-5	WRENCH 10/3709	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 10/3709	22,000
1821	781037-3	WRENCH 17/3709	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 17/3709	27,500
1822	781038-1	WRENCH 19	CỖ LỀ 19	82,500
1823	781039-9	WRENCH 13/MT912	CỖ LỀ 13/MT912	33,000
1824	781041-2	WRENCH 22/MT412	CỖ LỀ 22/MT412	22,000
1825	781043-8	WRENCH 22/4100NB	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 22/4100NB	49,500
1826	781044-6	HEX. WRENCH 6/LS1019L	KHÓA LỰC GIÁC 6/LS1019L	22,000
1827	781206-6	WRENCH 19/GD0800C	CỖ LỀ 19/GD0800C	104,500
1828	782016-4	OFFSET WRENCH 13	CỖ LỀ 13	22,000
1829	782017-2	WRENCH 22/4107R	KHÓA MỖ 22/4107R	77,000
1830	782023-7	WRENCH 13-16	CỖ LỀ 13-16	66,000
1831	782024-5	WRENCH 13-22	CỖ LỀ 13-22	82,500
1832	782026-1	UNIVERSAL WRENCH 13/16/EA3503S	CỖ LỀ 13-16/EA3503S	88,000
1833	782028-7	UNIVERSAL WRENCH 13-19/EK8100	CỖ LỀ 13-19/EK8100	60,500
1834	782034-2	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 35	66,000
1835	782203-5	SOCKET WRENCH 9	TAY MỖ 9	137,500
1836	782209-3	BOX WRENCH 9/4100NB	TAY MỖ 9/4100NB	55,000
1837	782210-8	SOCKET WRENCH 17/LC1230	CỖ LỀ 17/LC1230	38,500
1838	782212-4	SOCKET WRENCH 13/4107R	CỖ LỀ 13/4107R	44,000
1839	782229-7	BOX WRENCH 9	TAY MỖ 9	33,000
1840	782238-6	SOCKET WRENCH 17/LC1230	CỖ LỀ 17/LC1230	44,000
1841	782401-1	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 20	44,000
1842	782407-9	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 35	49,500
1843	782412-6	LOCK NUT WRENCH 28	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 28	82,500
1844	782418-4	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 35	57,200
1845	782420-7	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 20	27,500
1846	782423-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 35	38,500
1847	782426-5	LOCK NUT WRENCH 35/PC5000C	CỖ LỀ 35/PC5000C	49,500
1848	783013-3	BOX DRIVER 16-17/EE2650H	ĐẦU MỖ ỐC 16-17/EE2650H	55,000
1849	783019-1	DRIVER/PM7650H	TUA VÍT/PM7650H	38,500
1850	783020-6	DRIVER/EY2650H	CỖ LỀ LỰC GIÁC/EY2650H	49,500
1851	783021-4	HEX. WRENCH 1.5	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC	11,000
1852	783022-2	HEX. WRENCH 5/CA5000X	KHÓA LỰC GIÁC 5/CA5000X	22,000
1853	783023-0	HEX. WRENCH 8/MT243	KHÓA LỰC GIÁC 8/MT243	22,000
1854	783201-2	HEX. WRENCH 3	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 3	11,000
1855	783202-0	HEX. WRENCH 4	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 4	16,500
1856	783203-8	HEX. WRENCH 5/DSP600	KHÓA LỰC GIÁC/DSP600	11,000
1857	783208-8	HEX. WRENCH 2.5	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC 2.5	22,000
1858	783214-3	HEX.SOCKET SCREW KEY 2/DUP361	KHÓA LỰC GIÁC/DUP361	5,500
1859	783217-7	HEX. WRENCH 5/DHS710	CỖ LỀ HẮM ĐAI ỐC/DHS710	11,000
1860	783223-2	HEX. WRENCH 4/EBH340U	KHÓA LỰC GIÁC 4/EBH340U	16,500
1861	783232-1	HEX. WRENCH 5/EBH340U	KHÓA LỰC GIÁC 5/EBH340U	16,500
1862	784202-3	BIT 2-45/DF012D	MŨI VÍT 2-45/DF012D	22,000
1863	784203-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	38,500
1864	784206-5	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X110MM (1 CÁI)	82,500
1865	784221-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X250MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X250MM (1 CÁI)	242,000
1866	784229-3	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X45MM (1 CÁI)	55,000
1867	784230-8	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	60,500
1868	784243-9	BIT 1-45/DF012D	MŨI VÍT 1-45/DF012D	16,500
1869	784244-7	SCREW BIT 2-50/DA333D	MŨI VÍT 2-50/DA333D	16,500
1870	784261-7	BIT 2-25/FS4000	MŨI VÍT 2-25/FS4000	11,000
1871	784402-5	SOCKET BIT 7-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 7-55	236,500
1872	784403-3	SOCKET BIT 8-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 8-55	242,000
1873	784405-9	SOCKET BIT 10-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 10-55	247,500
1874	784406-7	SOCKET BIT 10-70	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 10-70	242,000
1875	784407-5	SOCKET BIT 12-86	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 12-86	236,500
1876	784408-3	SOCKET BIT 13-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 13-55	247,500
1877	784409-1	SOCKET BIT 14-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 14-55	232,200
1878	784416-4	SOCKET BIT 17-55	MŨI TUỖP LỰC GIÁC 17-55	445,500
1879	784614-0	BIT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	MŨI VẠN VÍT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	60,500
1880	784636-0	BIT 2-65/DF347D	MŨI VÍT 2-65/DF347D	22,000
1881	784801-1	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-76	GIỮ MŨI BĂNG TỬ TÍNH 6.35-76	137,500
1882	784802-9	MAGNETIC SOCKET BIT 3/8-65/6802BV	ĐẦU CHUYỂN 3/802BV	500,500
1883	784811-8	MAGNETIC CONNECT BIT 6.35-60/6821	CHUỐI GÁI KẾT NỐI 6.35-60/6821	82,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1884	784813-4	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-60	ĐẦU GIỮ MŨI CỎ NAM CHÂM 6.35-60	154,000
1885	791121-6	T.C.T. HAMMER BIT 18-380	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 18-380	1,504,800
1886	791133-9	T.C.T. HAMMER BIT 20-525	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 20-525	2,292,400
1887	792077-6	MITER SAW BLADE 255	LƯỖI CỬA ĐA GÓC 255	3,916,000
1888	792078-4	MITER SAW BLADE 255	LƯỖI CỬA ĐA GÓC 255	4,840,000
1889	792114-6	RIP SAW BLADE 415	LƯỖI CỬA CHO GỖ 415	2,433,200
1890	792115-4	CROSS-CUT SAW BLADE 415	LƯỖI CỬA CHO GỖ 415	2,626,800
1891	792146-3	RECIPRO SAW BLADE 125MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 125MM	627,000
1892	792147-1	RECIPRO SAW BLADE 165MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 165MM	814,000
1893	792148-9	RECIPRO SAW BLADE 165MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 165MM	374,000
1894	792149-7	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.24	814,000
1895	792191-8	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	4,576,000
1896	792264-7	DIE	KHUÔN ĐẬP	2,147,200
1897	792265-5	PUNCH	MŨI ĐỘT	866,800
1898	792287-5	SHEAR BLADES SET	BỘ LƯỖI CẮT TÔN	1,078,000
1899	792292-2	DIE	KHUÔN ĐẬP	863,500
1900	792392-8	CHISEL T. COMBI. SAW BLADE 210/	LƯỖI CỬA 210	814,000
1901	792443-7	DIAMOND WHEEL 80/9803	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 80 325M/9803	3,278,000
1902	792518-2	JIG SAW BLADE B-17	LƯỖI CỬA LÔNG B-17	148,500
1903	792533-6	SIDE BLADE SET	LƯỖI CẮT CẠNH	1,562,000
1904	792534-4	CENTER BLADE	LƯỖI CẮT THẲNG	1,936,000
1905	792536-0	SIDE BLADE SET	LƯỖI CẮT CẠNH	1,337,600
1906	792537-8	CENTER BLADE	LƯỖI CẮT THẲNG	2,530,000
1907	792556-4	BAND SAW BLADE 18 (H.S.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 18 (H.S.STEEL)	836,000
1908	792557-2	BAND SAW BLADE 14 (H.S. STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 14 (H.S. STEEL)	836,000
1909	792558-0	BAND SAW BLADE 24 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 24 (C.STEEL)	1,089,000
1910	792559-8	BAND SAW BLADE 18 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 18 (C.STEEL)	1,056,000
1911	792560-3	BAND SAW BLADE 14 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 14 (C.STEEL)	1,089,000
1912	792567-9	BAND SAW BLADE 6 (C.S.) F/WOOD	LƯỖI CỬA VÒNG 6 CHO GỖ	1,089,000
1913	792691-8	JIG SAW BLADE NO.B-10S	LƯỖI CỬA LÔNG HỢP KIM NO.B-10S	247,500
1914	792695-0	T.C.T. SAW BLADE 260	LƯỖI CỬA HỢP KIM 260	4,378,000
1915	792707-9	RECIPRO SAW BLADE 23B	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 23B	346,500
1916	792728-1	PUNCH	MŨI ĐỘT	979,000
1917	792731-2	DIAMOND WHEEL 80-325N/9803	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 80-325N/9803	3,273,600
1918	793008-8	PLANER BLADE 110	BỘ LƯỖI BẢO 110 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	434,500
1919	793009-6	T.C.T. PLANER BLADE 110	BỘ LƯỖI BẢO 110 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	4,576,000
1920	793018-5	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 306 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	2,024,000
1921	793019-3	PLANER BLADE 400	BỘ LƯỖI BẢO 410 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	3,432,000
1922	793126-2	STRAIGHT BIT 8	MŨI PHAY THẲNG 8	407,000
1923	793346-8	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 360 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	1,254,000
1924	794050-2	WHEEL POINT 1- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 5-60	583,000
1925	794051-0	WHEEL POINT 1- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 6-60	418,000
1926	794052-8	WHEEL POINT 1- 8-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 8-60	522,500
1927	794053-6	WHEEL POINT 1-10-60	MŨI MÀI THẲNG 1-10-60	523,800
1928	794054-4	WHEEL POINT 2- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 5-60	781,000
1929	794055-2	WHEEL POINT 2- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 6-60	781,000
1930	794057-8	WHEEL POINT 2-10-60	MŨI MÀI THẲNG 2-10-60	704,000
1931	794059-4	WHEEL POINT 3-10-60	MŨI MÀI THẲNG 3-10-60	822,800
1932	794060-9	DRESSING STONE 180-1200	ĐÁ MÀI 180-1200	351,000
1933	794061-7	DRESSING STONE 150-1200	ĐÁ MÀI 150-1200	297,000
1934	794065-9	ABRASIVE DISC 100 #24	ĐĨA NHẮM 100 #24	513,000
1935	794066-7	ABRASIVE DISC 100 #30	ĐĨA NHẮM 100 #30	464,400
1936	794067-5	ABRASIVE DISC 100 #50	ĐĨA NHẮM 100 #50	480,600
1937	794068-3	ABRASIVE DISC 100 #80	ĐĨA NHẮM 100 #80	459,000
1938	794069-1	ABRASIVE DISC 100 #120	ĐĨA NHẮM 100 #120	432,000
1939	794070-6	ABRASIVE DISC 150 #24	ĐĨA NHẮM 150 #24	793,800
1940	794071-4	ABRASIVE DISC 150 #30	ĐĨA NHẮM 150 #30	793,800
1941	794072-2	ABRASIVE DISC 150 #50	ĐĨA NHẮM 150 #50	761,400
1942	794073-0	ABRASIVE DISC 150 #80	ĐĨA NHẮM 150 #80	696,600
1943	794074-8	ABRASIVE DISC 150 #120	ĐĨA NHẮM 150 #120	675,000
1944	794091-8	ABRASIVE DISC 180 #16	ĐĨA NHẮM 180 #16	955,800
1945	794092-6	ABRASIVE DISC 180 #20	ĐĨA NHẮM 180 #20	880,200
1946	794093-4	ABRASIVE DISC 180 #24	ĐĨA NHẮM 180 #24	842,400
1947	794094-2	ABRASIVE DISC 180 #50	ĐĨA NHẮM 180 #50	826,200
1948	794095-0	ABRASIVE DISC 180 #80	ĐĨA NHẮM 180 #80	745,200
1949	794096-8	ABRASIVE DISC 125 #24	ĐĨA NHẮM 125 #24	653,400
1950	794097-6	ABRASIVE DISC 125 #30	ĐĨA NHẮM 125 #30	583,200
1951	794098-4	ABRASIVE DISC 125 #50	ĐĨA NHẮM 125 #50	599,400
1952	794099-2	ABRASIVE DISC 125 #80	ĐĨA NHẮM 125 #80	556,200
1953	794100-3	ABRASIVE DISC 125 #120	ĐĨA NHẮM 125 #120	572,400
1954	794104-5	ABRASIVE DISC 115 #24	ĐĨA NHẮM 115 #24	507,600
1955	794105-3	ABRASIVE DISC 115 #30	ĐĨA NHẮM 115 #30	518,400
1956	794106-1	ABRASIVE DISC 115 #50	ĐĨA NHẮM 115 #50	432,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
1957	794107-9	ABRASIVE DISC 115 #80	Đĩa nhám 115 #80	421,200
1958	794108-7	ABRASIVE DISC 115 #120	Đĩa nhám 115 #120	426,600
1959	794156-6	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	Giấy chà nhám 93X228 #60	73,440
1960	794157-4	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	Giấy chà nhám 93X228 #100	69,120
1961	794159-0	FOAM POLISHING PAD FOR DRILL 125MM	Tấm để đánh bóng dùng cho máy khoan 125MM	405,000
1962	794173-6	WOOL BONNET FOR DRILL 100MM	Đệm lông cừu dùng cho máy khoan 100MM	286,200
1963	794176-0	WOOL BONNET 180	Mũ đánh bóng 180	702,000
1964	794180-9	GRINDING WHEEL 100-46	Đá mài 100-46	799,200
1965	794195-6	ABRASIVE PAPER SET 114X100 FOR BO4510	Giấy chà nhám 114X100 FOR BO4510	37,800
1966	794214-8	ABRASIVE PAPER 114X140 #150	Giấy chà nhám 114X140 #150	64,800
1967	794218-0	ABRASIVE DISC 180 #30	Đĩa nhám 180 #30	891,000
1968	794219-8	ABRASIVE DISC 150 #100	Đĩa nhám 150 #100	702,000
1969	794220-3	ABRASIVE DISC 180 #100	Đĩa nhám 180 #100	772,200
1970	794221-1	ABRASIVE DISC 180 #120	Đĩa nhám 180 #120	723,600
1971	794227-9	ABRASIVE DISC 100 #100	Đĩa nhám 100 #100	432,000
1972	794229-5	FLEX. GRINDING WHEEL 100-60	Đá mài mềm 100-60	529,200
1973	794274-0	ABRASIVE DISC 150 #60	Đĩa nhám 150 #60	280,800
1974	794277-4	ABRASIVE DISC 150 #150	Đĩa nhám 150 #150	237,600
1975	794324-1	WIRE CUP BRUSH 90 M16X2	Chổi kim loại 90 M16X2	1,352,160
1976	794325-9	WIRE CUP BRUSH 110 M16X2	Chổi kim loại 110 M16X2	1,766,880
1977	794329-1	STRAIGHT CUP WHEEL 125-20/24	Đá mài thẳng 125-20/24	1,308,960
1978	794330-6	STRAIGHT CUP WHEEL 125-46/60	Đá mài thẳng 125-46/60	1,308,960
1979	794372-0	WIRE CUP BRUSH 110 M14X2	Chổi kim loại 110 M14X2	1,749,600
1980	794379-6	NYLON BRUSH WHEEL 120-100	Chổi nylon 120-100	5,443,200
1981	794380-1	SLIT PAPER WHEEL 120-40 (FOR RUST AND PAINT REMOVAL)	Đĩa nhám (đánh gỉ và sơn)	5,875,200
1982	794381-9	COTTON BUFF WHEEL 120 (FOR POLISHING)	Đĩa đánh bóng 120	5,724,000
1983	794382-7	WIRE BRUSH WHEEL 120 (FOR RUST REMOVAL)	Đĩa đánh gỉ 120	4,406,400
1984	794383-5	NYLON BRUSH WHEEL 120-240	Chổi nylon 120-240	5,313,600
1985	794384-3	NYLON BRUSH WHEEL 120-80	Chổi nylon 120-80	5,875,200
1986	794471-8	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	Giấy chà nhám 93X228 #80	77,760
1987	794542-1	SANDING PAPER 60/DBO180	Giấy chà nhám 60/DBO180	302,400
1988	794543-9	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 125MM-A80-8 HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 125MM-A80-8 Lỗ(10 cái/hộp)	302,400
1989	794544-7	ABRASIVE DISC WA120 125X120	Giấy chà nhám WA120 125X120	275,400
1990	794545-5	ABRASIVE DISC 125 #180	Đĩa nhám 125 #180	372,600
1991	794546-3	ABRASIVE DISC 125 #240	Đĩa nhám 125 #240	345,600
1992	794558-6	SPONGE PAD	Tấm để bọt biển	464,400
1993	794560-9	WOOL PAD	Mũ đánh bóng	410,400
1994	794562-5	ABRASIVE PAPER 93X228 # 80	Giấy chà nhám bằng 93X228 # 80	140,400
1995	794608-7	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A60-9 HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A60-9 Lỗ(10 cái/hộp)	464,400
1996	794609-5	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A80-9 HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A80-9 Lỗ(10 cái/hộp)	432,000
1997	794610-0	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A120-9HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A120- 9 Lỗ(10 cái/hộp)	432,000
1998	794611-8	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A180-9HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A180- 9 Lỗ(10 cái/hộp)	432,000
1999	794612-6	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A240-9 HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A240- 9 Lỗ(10 cái/hộp)	432,000
2000	794613-4	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A400-9 HOLES(10PCS/SET)	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150MM-A400- 9 Lỗ(10 cái/hộp)	432,000
2001	798299-6	SLOTTED BIT (SL1.0X6.35)X45MM	Vít (SL1.0X6.35)X45MM	269,500
2002	798300-7	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X45MM	Vít (SL1.2X8.0)X45MM	308,000
2003	798301-5	SLOTTED BIT (SL 0.6X5.0)X45MM	Vít (SL 0.6X5.0)X45MM	297,000
2004	798302-3	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X70MM	Vít (SL1.2X8.0)X70MM	346,500
2005	798303-1	SLOTTED BIT (SL1.2X10.0)X52MM	Vít (SL1.2X10.0)X52MM	368,500
2006	798308-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM	Vít (PH 2)X45MM	93,500
2007	798309-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM	Vít (PH 2)X65MM	126,500
2008	798310-4	PHILLIPS BIT (PH 3)X45MM	Vít (PH 3)X45MM	242,000
2009	798311-2	PHILLIPS BIT (PH 3)X65MM	Vít (PH 3)X65MM	225,500
2010	798337-4	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM	Vít (PH 2)X110MM	368,500
2011	798338-2	PHILLIPS BIT (PH 2)X150MM	Vít (PH 2)X150MM	434,500
2012	798339-0	PHILLIPS BIT (PH 3)X110MM	Vít (PH 3)X110MM	506,000
2013	798383-7	COLD CHISEL 28-410/HM1812	Mũi đục dẹp 28-410/HM1812	1,430,000
2014	798385-3	RAMMER 200/HM1812	Đảm nện 200/HM1812	7,062,000
2015	821080-1	WOODEN CARRYING CASE/1804N	Thùng máy/1804N	2,721,600
2016	821524-1	PLASTIC CARRYING CASE/DHP486	Hộp nhựa bảo vệ/DHP486	766,800
2017	821549-5	MAKPAC CASE 1 (396X296X105MM)	Thùng MAKPAC (396X296X105MM)	858,600
2018	821550-0	MAKPAC CASE 2 (395X295X155MM)	Thùng MAKPAC (395X295X155MM)	1,047,600
2019	821551-8	MAKPAC CASE 3 (406X305X229MM)	Thùng MAKPAC (395X295X210MM)	1,209,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2020	821552-6	MAKPAC CASE 4 (395X295X315MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X315MM)	1,490,400
2021	821645-9	PLASTIC CARRYING CASE/DFS251	HỘP ĐỰNG MÁY/DFS251	550,800
2022	821709-9	PLASTIC CARRYING CASE/TL064D	HỘP NHỰA BẢO VỆ/TL064D	567,000
2023	821723-5	PLASTIC CARRYING CASE/DA333D	THÙNG MÁY/DA333D	432,000
2024	821746-3	PLASTIC CASE/DHR400	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/DHR400	1,101,600
2025	821817-6	PLASTIC CASE/GA403D	THÙNG MÁY/GA403D	702,000
2026	821822-3	CARRY CASE/DVP181	THÙNG MÁY/DVP181	1,009,800
2027	821857-4	PLASTIC CARRYING CASE/DTD172	HỘP NHỰA BẢO VỆ/DTD172	734,400
2028	824789-4	PLASTIC CARRYING CASE/HR2810	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/HR2810	399,600
2029	824913-9	PLASTIC CARRYING CASE/HR2601	THÙNG MÁY BẰNG NHỰA/HR2601	513,000
2030	831253-8	TOOL BAG(350*220*270)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(350*220*270)	831,600
2031	831284-7	TOOL BAG/DUP361	TÚI DỤNG CỤ/DUP361	993,600
2032	831304-7	ACCESSORY BAG/EBH340R	TÚI DỤNG/EBH340R	43,200
2033	831340-3	TOOL BAG/EK8100	TÚI DỤNG CỤ/EK8100	118,800
2034	832319-7	TOOL BAG(350x220x270)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(350x220x270)	777,600
2035	832393-5	TOOL BAG/BTC04	TÚI ĐỰNG MÁY/BTC04	351,000
2036	832411-9	TOOL BAG(500*300*300)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(500*300*300)	842,400
2037	832599-5	TOOL BAG(500*230*250)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(500*230*250)	864,000
2038	839725-7	INNER TRAY	KHAY ĐỰNG TRONG THÙNG MAKPAC	81,000
2039	839726-5	INNER TRAY	KHAY NHỰA	75,600
2040	839742-7	INNER TRAY	KHAY NHỰA	75,600
2041	952010640	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	178,200
2042	952020650	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	242,000
2043	952020660	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	199,800
2044	956372	PLEXIGLAS BLOCK	MIẾNG KÍNH THỦ MỖI KHOAN	1,122,000
2045	988000009	Safety Helmet	Nón Bảo Hộ	2,116,800
2046	988000103	Working Gloves	Găng Tay Bảo Hộ	1,533,600
2047	A-00387	FIBER SANDING DISC 100MM #16	Đĩa Nhám 100MM #16	426,600
2048	A-00393	FIBER SANDING DISC 100MM #20	Đĩa Nhám 100MM #20	399,600
2049	A-00418	FIBER SANDING DISC 100MM #14	Đĩa Nhám 100MM #14	453,600
2050	A-00424	FIBER SANDING DISC 100MM #14	Đĩa Nhám 100MM #14	583,200
2051	A-01236	DIAMOND WHEEL 125 (DRY)	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125 (KHÔ)	4,136,000
2052	A-01292	DIAMOND WHEEL 110 (WET)	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110 (ƯỚT)	2,354,000
2053	A-01351	CUT-OFF WHEEL 355x3x25.4MM	Đĩa Cắt 355X3X25.4MM	1,166,400
2054	A-02200	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	3,225,200
2055	A-02216	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	8,060,800
2056	A-02303	RECIPRO SAW BLADE 150-4T	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM 150-4T	280,500
2057	A-02319	RECIPRO SAW BLADE 150-10T	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM 150-10T	280,500
2058	A-02478	DIAMOND WHEEL 305MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 305MM	16,434,000
2059	A-02484	DIAMOND WHEEL 305MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 305MM	16,786,000
2060	A-02490	DIAMOND WHEEL 305MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 305MM	14,894,000
2061	A-02593	T.C.T. SAW BLADE 255	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255	4,026,000
2062	A-02624	UNIVERSAL SAW BLADE 160	LƯỠI CỬA ĐA NĂNG 160	3,102,000
2063	A-02680	DIAMOND WHEEL 7" US 185MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 7" US 185MM	2,442,000
2064	A-02705	DIAMOND BLADE 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	7,194,000
2065	A-02761	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	4,488,000
2066	A-02777	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	7,405,200
2067	A-02808	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	2,046,000
2068	A-02814	DIAMOND WHEEL 180MM (SEGMENTED)	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN 180MM	3,335,200
2069	A-02820	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	4,510,000
2070	A-02842	DIAMOND WHEEL 110MM US	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110MM US	1,738,000
2071	A-05022	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110MM	1,342,000
2072	A-05044	CUT-OFF WHEEL 355x3x25.4MM	Đĩa Cắt 355X3X25.4MM	5,551,200
2073	A-05050	CUT-OFF WHEEL 405x3x25.4MM	Đĩa Cắt 405X3X25.4MM	7,344,000
2074	A-07179	DIAMOND WHEEL 85MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 85MM	1,122,000
2075	A-07185	DIAMOND WHEEL 110MM (WET)	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110MM (ƯỚT)	528,000
2076	A-07331	DIAMOND WHEEL 5" US 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 5" US 125MM	2,662,000
2077	A-07381	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	4,624,400
2078	A-07397	PLANER BLADE 80MM	BỘ LƯỠI BÀO 80MM (2 LƯỠI/1 BỘ)	321,200
2079	A-14065	ABRASIVE PAPER 115-60/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-60/STD	172,800
2080	A-14071	ABRASIVE PAPER 115-80/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-80/STD	167,400
2081	A-14087	ABRASIVE PAPER 115-100/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-100/STD	167,400
2082	A-14093	ABRASIVE PAPER 115-120/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-120/STD	167,400
2083	A-14102	ABRASIVE PAPER 115-150/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-150/STD	162,000
2084	A-14118	ABRASIVE PAPER 115-180/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-180/STD	162,000
2085	A-14124	ABRASIVE PAPER 115-240/STD	GIẤY CHÀ NHÁM 115-240/STD	162,000
2086	A-14130	ABRASIVE PAPER 115-60/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-60 (KHÓA DÁN)	351,000
2087	A-14146	ABRASIVE PAPER 115-80/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-80 (KHÓA DÁN)	324,000
2088	A-14152	ABRASIVE PAPER 115-100/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-100 (KHÓA DÁN)	313,200
2089	A-14168	ABRASIVE PAPER 115-120/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-120 (KHÓA DÁN)	297,000
2090	A-14174	ABRASIVE PAPER 115-150/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-150 (KHÓA DÁN)	297,000
2091	A-14180	ABRASIVE PAPER 115-180/VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-180 (KHÓA DÁN)	297,000
2092	A-14196	ABRASIVE PAPER 115-240 /VELCRO	GIẤY CHÀ NHÁM 115-240 (KHÓA DÁN)	297,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2093	A-15051	DIE	KHUÔN DẬP	555,500
2094	A-16922	BISCUIT NO.0	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.0	275,000
2095	A-16938	BISCUIT NO.10	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.10	275,000
2096	A-16944	BISCUIT NO.20	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.20	275,000
2097	A-17457	SDS-MAX HAMMER BIT 14.3X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.3X305MM	1,034,000
2098	A-17463	SDS-MAX HAMMER BIT 14.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.5X305MM	1,050,500
2099	A-17479	SDS-MAX HAMMER BIT 16X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X305MM	1,144,000
2100	A-17491	SDS-MAX HAMMER BIT 17.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 17.5X305MM	1,144,000
2101	A-17500	SDS-MAX HAMMER BIT 18X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X305MM	1,144,000
2102	A-17522	SDS-MAX HAMMER BIT 20X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X305MM	1,276,000
2103	A-17566	SDS-MAX HAMMER BIT 28×370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28×370	2,090,000
2104	A-17653	SDS-MAX HAMMER BIT 105X400MM	MŨI XẼNG 105X400MM FOR SDS-MAX	2,398,000
2105	A-19417	SDS-MAX HAMMER BIT 18×520MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18×520	2,002,000
2106	A-19451	SDS-MAX HAMMER BIT 22×520	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22×520	2,112,000
2107	A-19467	SDS-MAX HAMMER BIT 24×520	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24×520	2,442,000
2108	A-19489	SDS-MAX HAMMER BIT 26×540	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 26×540	2,728,000
2109	A-19495	SDS-MAX HAMMER BIT 28×570	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28×570	2,904,000
2110	A-19504	SDS-MAX HAMMER BIT 30×570	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30×570	3,300,000
2111	A-19526	SDS-MAX HAMMER BIT 35×570	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35×570	3,867,600
2112	A-19532	SDS-MAX HAMMER BIT 38×570	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38×570	4,686,000
2113	A-19875	RAMMER FOR SDS-MAX 140MM	MŨI ĐÀM SDS-MAX 140MM	2,684,000
2114	A-19881	BUSHING TOOL FOR SDS-MAX 60X60MM	MŨI ĐÀM SDS-MAX 60X60MM	1,320,000
2115	A-19897	SDS-MAX SHANK(A-19881/A-19875)	THANH NỐI CHUỐI SDS-MAX(A-19881/A-19875)	918,500
2116	A-21428	RAMMER 17-140	MŨI ĐÀM 17-140	2,970,000
2117	A-21434	RAMMER 21-140	MŨI ĐÀM 21-140	3,058,000
2118	A-21484	BUSHING TOOL 17HEX	MŨI ĐÀM BÊ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 17MM	3,080,000
2119	A-21490	BUSHING TOOL 21 HEX	MŨI ĐÀM BÊ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 21MM	3,146,000
2120	A-23313	BRUSH WHEEL/GRIT 100	CUỘN ĐÁNH CUỐC/HẠT 100	4,730,400
2121	A-23357	BRUSH WHEEL/GRIT 240	CUỘN ĐÁNH CUỐC/HẠT 240	4,622,400
2122	A-23363	BRUSH WHEEL/GRIT 80	CUỘN ĐÁNH CUỐC/HẠT 80	5,097,600
2123	A-24234	SANDING BELT 100X610 CC40 5PCS/SET	GIẤY NHÁM BĂNG CỎ HẠT 100X610 CC40 5 CÁI/BỘ	1,209,600
2124	A-24309	ABRASIVE BELT 100X610MM(5PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHÁM BĂNG 100X610MM(5 CÁI/BỘ)	729,000
2125	A-24620	GRINDING WHEEL 200-60/9820	ĐÁ MÀI 200-60/9820	1,101,600
2126	A-25214	CLAY SPADE 105-400	MŨI XẼNG 105-400	2,310,000
2127	A-30075	GROOVING CHISEL 8-170	MŨI ĐỤC 8-170	605,000
2128	A-30106	SCRAPER ASSY 100MM	LƯỚI NAO 100MM	2,200,000
2129	A-30617	RUBBER SLEEVE 36-38/SJ401	ỐNG CAO SU 36-38/SJ401	16,200
2130	A-31099	SCROLL SAW BLADE 0.46MM(5PCS/SET)/SJ401	BỘ LƯỚI CỬA LỌNG BÀN 0.46MM(5 CÁI/BỘ)/SJ401	176,000
2131	A-31108	SCROLL SAW BLADE 0.25MM(5PCS/SET)/SJ401	BỘ LƯỚI CỬA LỌNG BÀN 0.25MM(5 CÁI/BỘ)/SJ401	176,000
2132	A-31245	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #60	118,800
2133	A-31251	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #80	113,400
2134	A-31267	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #120	113,400
2135	A-31273	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #180	108,000
2136	A-31289	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHÁM 93X228 #240	108,000
2137	A-31485	RAMMER 30-200	MŨI ĐÀM 30-200	4,114,000
2138	A-32415	SOCKET ADAPTER	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG ADAPTER(NZ 1/2")	382,800
2139	A-33065	MIXING BLADE INOX 190MM	LƯỚI TRỘN SƠN INOX 190MM	1,320,000
2140	A-33071	MIXING BLADE INOX 201MM	LƯỚI TRỘN SƠN INOX 201MM	1,826,000
2141	A-34229	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC 22/38	1,684,800
2142	A-34235	HOSE COMP 28-1.5	VỎI HÚT BỤI	896,400
2143	A-34447	ABRASIVE BELT 9X533-A40(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A40(10 CÁI/BỘ)/9032	491,400
2144	A-34453	ABRASIVE BELT 9X533-A60(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A60(10 CÁI/BỘ)/9032	464,400
2145	A-34469	ABRASIVE BELT 9X533-A80(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A80(10 CÁI/BỘ)/9032	453,600
2146	A-34475	ABRASIVE BELT 9X533-A100(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A100(10 CÁI/BỘ)/9032	442,800
2147	A-34481	ABRASIVE BELT 9X533-A120(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 9X533-A120(10 CÁI/BỘ)/9032	442,800
2148	A-34512	ABRASIVE BELT 6X533-A40(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A40(10 CÁI/BỘ)/9032	469,800
2149	A-34528	ABRASIVE BELT 6X533-AA60(10 PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A60(10 CÁI/BỘ)/9032	432,000
2150	A-34534	ABRASIVE BELT 6X533-A80(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A80(10 CÁI/BỘ)/9032	426,600
2151	A-34540	ABRASIVE BELT 6X533-A100(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A100(10 CÁI/BỘ)/9032	410,400
2152	A-34556	ABRASIVE BELT 6X533-A120(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 6X533-A120(10 CÁI/BỘ)/9032	410,400
2153	A-34562	ABRASIVE BELT 13X533-A40(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A40(10 CÁI/BỘ)/9032	513,000
2154	A-34578	ABRASIVE BELT 13X533-A60(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A60(10 CÁI/BỘ)/9032	491,400
2155	A-34584	ABRASIVE BELT 13X533-A80(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A80(10 CÁI/BỘ)/9032	475,200
2156	A-34590	ABRASIVE BELT 13X533-A100(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A100(10 CÁI/BỘ)/9032	453,600
2157	A-34609	ABRASIVE BELT 13X533-A120(10PCS/SET)/9032	GIẤY NHÁM VÒNG 13X533-A120(10 CÁI/BỘ)/9032	453,600
2158	A-34827	ABRASIVE BELT 6X533-AA150(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 6X533-AA150 (10 CÁI/BỘ)/9032	351,000
2159	A-34833	ABRASIVE BELT 6X533-AA240(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHÁM VÒNG 6X533-AA240 (10 CÁI/BỘ)/9032	351,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2160	A-34849	ABRASIVE BELT 9X533-AA150(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 9X533-AA150 (10CÁI/BỘ)/9032	378,000
2161	A-34855	ABRASIVE BELT 9X533-AA240(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 9X533-AA240 (10CÁI/BỘ)/9032	378,000
2162	A-34861	ABRASIVE BELT 13X533-AA150(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 13X533-AA150 (10CÁI/B)/9032	394,200
2163	A-34877	ABRASIVE BELT 13X533-AA240(10PCS/SET)/9032	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 13X533-AA240 (10CÁI/B)/9032	388,800
2164	A-35726	AUTO REFRESH ADAPTOR	BỘ XẢ PIN	6,048,000
2165	A-36712	TYPE 43 DRILL STAND	BÀN KHOAN 43	5,698,000
2166	A-42248	SHEAR BLADE	LƯỖI CẮT TỖN	1,183,600
2167	A-43670	MIXING BLADE 130	LƯỖI TRỘN SƠN 130	319,000
2168	A-43686	MIXING BLADE 150	LƯỖI TRỘN SƠN 150	830,500
2169	A-43692	MIXING BLADE 165	LƯỖI TRỘN SƠN 165	363,000
2170	A-43701	MIXING BLADE ALUMINIUM 175MM	LƯỖI TRỘN SƠN NHÔM 175MM	445,500
2171	A-43717	MIXING BLADE	LƯỖI TRỘN SƠN	913,000
2172	A-43723	MIXING BLADE ALUMINIUM 135MM	LƯỖI TRỘN SƠN NHÔM 135MM	401,500
2173	A-43739	MIXING BLADE ALUMINIUM 183MM	LƯỖI TRỘN SƠN NHÔM 183MM	709,500
2174	A-43773	SHAFT COMPLETE / UT2204	THANH TRỤC / UT2204	1,072,500
2175	A-44644	CLAY SPADE 140-546/HM1812	MŨI XẼNG 140-546/HM1812	5,412,000
2176	A-45412	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 16X280MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 16X280MM	783,200
2177	A-45456	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 19X280MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 19X280MM	1,188,000
2178	A-45462	TUNGSTEN CERBIDE TIPPED BIT 20X280MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 20X280MM	1,364,000
2179	A-45587	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 16X505MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 16X505MM	1,500,400
2180	A-47195	GRINDING WHEEL (150 X 6.4 X 12.7MM) A60M	ĐÁ MÀI (150 X 6.4 X 12.7MM) A60M	507,600
2181	A-47276	GROUND ROD ADAPTER	MŨI ĐÓNG CỌC	379,500
2182	A-47391	CLAY SPADE 130-460	MŨI XẼNG 130-460	3,212,000
2183	A-47846	WIDE TYPE	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI RỘNG ĐẦU	939,600
2184	A-48430	PAPER FILTER SET FOR DRY DUST EXCEPT POWDER (5PCS)	TÚI BỤI GIẤY DÀNH CHO HÚT BỤI KHÔ (5 CÁI)	356,400
2185	A-48555	GROOVING CHISEL 22-280	MŨI ĐỤC 22-280	957,000
2186	A-48957	ROTARY BLADE 160/DLM160	LƯỖI CẮT XOAY 160/DLM160	500,500
2187	A-49541	DUST PAPER FILTER 7L	TÚI GIẤY LỌC BỤI 7L	367,200
2188	A-49563	TORSION BIT (PH 2)X65MM 3 PCS/SET	VÍT TORSION (PH 2)X65MM 3CÁI/BỘ	258,500
2189	A-49579	TOSION BIT (PH 2)X65MM 6PCS/SETS	VÍT TOSION (PH 2)X65MM 6CÁI/BỘ	511,500
2190	A-49585	TORSION SCREW BIT (PH 2)X85MM	VÍT TORSION (PH 2)X85MM	275,000
2191	A-49600	TORSION BIT (PH 2)X110MM 3PCS/SET	VÍT TORSION (PH 2)X110MM 3CÁI/BỘ	330,000
2192	A-49915	SHEAR BLADE 350MM	LƯỖI TỈA HÀNG RAO 350MM	1,067,000
2193	A-50120	TORSION BIT (PH 2)X150MM 3PCS/SET	VÍT TORSION (PH 2)X150MM 3CÁI/BỘ	462,000
2194	A-50924	DOUBLE ENDED SILVER TORSION SCREW BIT(PH 2)X65MM(NZ)	MŨI VÍT TORSION BẠC 2 ĐẦU (PH 2)X65MM(NZ)	209,000
2195	A-50952	DOUBLE ENDED SLIVER TORSION SCREW BIT (PH 2)X85MM	MŨI VÍT TORSION 2 ĐẦU (PH 2)X85MM	220,000
2196	A-50980	DOUBLE ENDED SLIVER TORSION SCREW BIT (PH 2)X110MM	MŨI VÍT TORSION 2 ĐẦU (PH 2)X110MM	258,500
2197	A-52881	DOUBLE ENDED TORSION SCREW BIT (PH 1)X65MM (SLIM)	VÍT TORSION 2 ĐẦU (PH 1)X65MM (MỎNG)	258,500
2198	A-52897	TORSION SCREW BIT (PH 1)X110MM 3PC.	VÍT TORSION (PH 1)X110MM 3PC	264,000
2199	A-52912	TORSION SCREW BIT (PH 3)X110MM 3PC.	MŨI VÍT 2 ĐẦU TORSION BẠC (PH3)X110MM 3CÁI/BỘ (NZ)	264,000
2200	A-54368	SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	291,500
2201	A-54617	SDS-PLUS BIT 21.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 21.5X165MM	1,078,000
2202	A-55924	RECEIVER SET	BỘ NHẬN TÍN HIỆU	24,904,000
2203	A-56889	ATTACHMENT SET	TÚI CHỨA BỤI	259,200
2204	A-57473	TORSION SCREW BIT (PH 2)X65MM 3PCS	MŨI VÍT TORSION (PH 2)X65 3PCS	181,500
2205	A-57489	TORSION SCREW BIT (PH 2)X85MM 3PCS	MŨI VÍT TORSION (PH 2)X85MM 3PCS	192,500
2206	A-57495	TORSION SCREW BIT (PH 2)X100MM 3PCS	MŨI VÍT TORSION (PH 2)X100MM 3PCS	209,000
2207	A-57504	TORSION SCREW BIT (PH 2)X120MM 3PCS	MŨI VÍT TORSION (PH 2)X120MM 3PCS	242,000
2208	A-58154	ANTI-GLARE FILM/DML805	MÀN CHỐNG CHÓI/DML805	99,000
2209	A-58914	SEMI LONG SOCKET BIT 8MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 8MM	176,000
2210	A-58920	SEMI LONG SOCKET BIT 10MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 10MM	192,500
2211	A-58936	SEMI LONG SOCKET BIT 12MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 12MM	203,500
2212	A-58942	SEMI LONG SOCKET BIT 13MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 13MM	209,000
2213	A-58958	SEMI LONG SOCKET BIT 14MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 14MM	214,500
2214	A-58964	SEMI LONG SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 17MM	231,000
2215	A-58970	SEMI LONG SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 19MM	231,000
2216	A-58986	SEMI LONG SOCKET 21MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 21MM	231,000
2217	A-58992	SEMI LONG SOCKET BIT 24MM	ĐẦU TUÝP CHUỖI LỰC GIÁC 24MM	363,000
2218	A-59570	TWIST TORSION BIT (PH 2)X90MM 3PCS	MŨI VÍT XOẮN (PH 2)X90MM BỘ 3 CÁI	247,500
2219	A-59586	TWIST TORSION BIT (PH 2)X120MM 3PCS	MŨI VÍT XOẮN (PH 2)X120MM BỘ 3 CÁI	286,000
2220	A-59592	TWIST TORSION BIT (PH 2)X150MM 3PCS	MŨI VÍT XOẮN (PH 2)X150MM BỘ 3 CÁI	357,500
2221	A-59617	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW BIT (PH2 SLIM)X120MM	ĐẦU VÍT TORSION XOẮN KÉP (PH2 SLIM)X120MM	302,500
2222	A-59623	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW BIT (PH2 SLIM)X150MM	ĐẦU VÍT TORSION XOẮN KÉP (PH2 SLIM)X150MM	357,500
2223	A-60551	ACCESSORY TRAY	KHAY NHỰA CHỨA PHỤ KIỆN	1,814,400
2224	A-62066	DUST COLLECTION PAD 38	MIẾNG ĐỆM THU BỤI 38	1,857,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2225	A-67315	DC WHITE TIP SAW BLADE(230MMX32T)	LƯỖI CỬA TCT(230MMX32T)	550,000
2226	A-67321	DC WHITE TIP SAW BLADE(255MMX36T)	LƯỖI CỬA TCT(255MMX36T)	660,000
2227	A-67402	TCT SAW BLADE 150MM FOR DRYWALL 150X20X48T/DCS551,DCS553	LƯỖI CỬA TCT CHO THẠCH CAO 150X20X48T/DCS551,DCS553	1,672,000
2228	A-67424	TCT SAW BLADE FOR THICK METAL 150×20×32T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 150×20×32T	1,017,500
2229	A-68161	SCRAPER ASSEMBLY FOR SDS-PLUS HAMMERS 100X160MM	MŨI LỐC SDS-PLUS 100X160MM	2,178,000
2230	A-68666	WORK GROVE M	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE M	907,200
2231	A-68672	WORK GROVE L	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE L	907,200
2232	A-68921	LONG JOINT 150MM	ĐẦU VÍT NỘI DÀI 150MM	379,500
2233	A-68937	LONG JOINT 200MM	ĐẦU VÍT NỘI DÀI 200MM	467,500
2234	A-68943	LONG JOINT 300MM	ĐẦU VÍT NỘI DÀI 300MM	737,000
2235	A-68959	LONG JOINT 600MM	ĐẦU VÍT NỘI DÀI 600MM	770,000
2236	A-69272	MALE DIE 38-70MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 38-70MM/TC300DRG	2,816,000
2237	A-69288	MALE DIE 80-150MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 80-150MM/TC300DRG	2,816,000
2238	A-69319	FEMALE DIE 14-38MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 14-38MM/TC300DRG	3,278,000
2239	A-69325	FEMALE DIE 60-70MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 60-70MM/TC300DRG	3,278,000
2240	A-69331	FEMALE DIE 80-100MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 80-100MM/TC300DRG	3,278,000
2241	A-69347	FEMALE DIE 150MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 150MM/TC300DRG	3,278,000
2242	A-69397	YOKE FOR COMPRESSION DIE/TC300DRG	KHUÔN BẮM COS/TC300DRG	12,166,000
2243	A-69440	T DIE 27-44MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 27-44MM/TC300DRG	4,818,000
2244	A-69456	T DIE 45-60MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 45-60MM/TC300DRG	4,818,000
2245	A-69462	T DIE 61-76MM /TC300DRG	MŨI BẮM COS 61-76MM /TC300DRG	4,818,000
2246	A-69478	T DIE 77-98MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 77-98MM/TC300DRG	4,818,000
2247	A-69484	T DIE 99-122MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 99-122MM/TC300DRG	4,818,000
2248	A-69490	T DIE 123-154MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 123-154MM/TC300DRG	4,818,000
2249	A-69509	T DIE 155-190MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 155-190MM/TC300DRG	4,818,000
2250	A-69515	T DIE 191-240MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 191-240MM/TC300DRG	4,818,000
2251	A-69593	CABLE CUTTER/TC300DRG	ĐẦU CẮT DÂY ĐIỆN/TC300DRG	28,336,000
2252	A-70334	FIXED BLADE 160/DLM160	LƯỖI CẮT CỐ ĐỊNH 160/DLM160	528,000
2253	A-70459	SHEAR BLADE 500MM/DUH504S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	2,398,000
2254	A-71093	SHOULDER BELT/CW001G	ĐÂY ĐEO VAI/CW001G/CW001G	108,000
2255	A-71205	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHỔI	313,200
2256	A-71211	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	302,400
2257	A-71227	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	302,400
2258	A-80117	DIAMOND WHEEL 180 (WET)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180 (ƯỚT)	3,344,000
2259	A-80173	DIAMOND WHEEL 230	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 230	3,432,000
2260	A-80391	JIG SAW BLADE NO.B-28	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B-28	297,000
2261	A-80400	JIG SAW BLADE NO.B-29	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B-29	269,500
2262	A-80416	JIG SAW BLADE NO.B-K	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B-K	511,500
2263	A-80438	D.WHEEL 125X22.23	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23	1,518,000
2264	A-80450	BULL POINT 17X280	MŨI ĐỤC NHỌN 17X280	231,000
2265	A-80466	BULL POINT 30X410	BULL POINT 30X410	819,500
2266	A-80472	DIAMOND CORE BIT 80	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 80	5,847,600
2267	A-80488	DIAMOND CORE BIT 105	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 105	7,590,000
2268	A-80494	DIAMOND CORE BIT 120	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 120	7,554,800
2269	A-80569	COLD CHISEL 17X280	MŨI ĐỤC DÈP 17X280	236,500
2270	A-80656	DC GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	54,000
2271	A-80678	T.C.T. SAW BLADE 235X20TX30	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X20TX30	918,500
2272	A-80690	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2,794,000
2273	A-80709	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	4,180,000
2274	A-80715	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	4,730,000
2275	A-80787	BULL POINT 280MM SDS-MAX	MŨI ĐỤC NHỌN 280MM SDS-MAX	412,500
2276	A-80793	BULL POINT 400MM SDS-MAX	MŨI ĐỤC NHỌN 400MM SDS-MAX	475,200
2277	A-80830	TILE CHISEL 50X300 SDS-MAX	MŨI ĐỤC GẠCH 50X300 SDS-MAX	621,500
2278	A-80852	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	32,400
2279	A-80880	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	86,400
2280	A-80911	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM/A36P	ĐÁ MÀI SẮT 100X6.0X16MM/A36P	21,600
2281	A-80933	GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	37,800
2282	A-80949	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	48,600
2283	A-80961	T.C.T.SAW BLADE 255X32X30	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X32X30	1,650,000
2284	A-80983	T.C.T.SAW BLADE 260X64X30	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X64X30	2,816,000
2285	A-81131	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	566,500
2286	A-81365	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 110X20X30T	511,500
2287	A-81418	T.C.T. SAW BLADE 180X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 18X20X40T	742,500
2288	A-81424	T.C.T. SAW BLADE 180X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 180TX20X60T	770,000
2289	A-81468	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X40T	1,232,000
2290	A-81474	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X60T	1,562,000
2291	A-81480	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X80T	1,738,000
2292	A-81496	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	1,298,000
2293	A-81505	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X60T	1,672,000
2294	A-81511	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255TX25.4X80T	1,914,000
2295	A-81549	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X100T	3,498,000
2296	A-81577	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	5,016,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2297	A-81583	T.C.T SAW BLADE 510X25.4X52T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 510X25.4X52T	5,808,000
2298	A-81642	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X120T	4,334,000
2299	A-81723	T.C.T. SAW BLADE 110X20X12T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 110X20X12T	528,000
2300	A-81795	T.C.T.SAW BLADE 235X30X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X30X48T	1,562,000
2301	A-81804	T.C.T.SAW BLADE 270X30X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 270X30X24T	1,914,000
2302	A-81816	T.C.T.SAW BLADE 270X30X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 270X30X40T	2,178,000
2303	A-81826	T.C.T.SAW BLADE 270X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 270X30X60T	2,486,000
2304	A-81860	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC1230	3,146,000
2305	A-81898	T.C.T. SAW BLADE 160X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 160X20X40T	620,400
2306	A-81963	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 203X25.4X36T	990,000
2307	A-81985	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X24T	940,500
2308	A-81991	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X30T	1,034,000
2309	A-82002	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X36T	1,232,000
2310	A-82018	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X48T	1,452,000
2311	A-82024	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	1,122,000
2312	A-82030	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X30T	1,210,000
2313	A-82046	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X36T	1,386,000
2314	A-82052	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X48T	1,628,000
2315	A-82105	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	2,244,000
2316	A-82111	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X30T	2,178,000
2317	A-82149	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X60T	2,772,000
2318	A-82286	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	1,760,000
2319	A-82292	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X100T	1,914,000
2320	A-82301	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X120T	2,310,000
2321	A-82317	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	2,596,000
2322	A-82323	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X100T	2,860,000
2323	A-82345	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X80T	2,886,400
2324	A-82367	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X120T	3,845,600
2325	A-82395	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X100T	4,804,800
2326	A-82404	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	5,588,000
2327	A-82454	T.C.T. SAW BLADE 165X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X40T	599,500
2328	A-82460	T.C.T. SAW BLADE 165X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X60T	918,500
2329	A-82476	T.C.T. SAW BLADE 185X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X40T	627,000
2330	A-82482	T.C.T. SAW BLADE 185X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X60T	902,000
2331	A-82507	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 203X25.4X60T	1,342,000
2332	A-82513	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	891,000
2333	A-82529	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	1,188,000
2334	A-82535	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	2,332,000
2335	A-82541	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	2,838,000
2336	A-82557	T.C.T. SAW BLADE 305TX25.4X100	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X100T	3,146,000
2337	A-82563	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X120T	3,542,000
2338	A-82579	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X80T	3,344,000
2339	A-82585	T.C.T. SAW BLADE 380X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 380X25.4X100T	5,346,000
2340	A-82600	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X100T	5,566,000
2341	A-82616	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	5,874,000
2342	A-82719	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25.4X60T	1,562,000
2343	A-82725	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	1,474,000
2344	A-82921	T.C.T. MINI PLANER BLADE 82MM	BỘ LƯỖI BẢO MINI HỘP KIM 82MM	374,000
2345	A-83618	CUT OFF WHEEL 180X3X22	ĐÁ CẮT 180X3X22	43,200
2346	A-83814	T.C.T. SAW BLADE 185X20X20T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X20T	671,000
2347	A-83842	DIAMOND WHEEL 180X22.23(DRY)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180X22.23(KHÔ)	3,608,000
2348	A-83951	PUNCH	MŨI ĐỘT JN1601	924,000
2349	A-83967	T.C.T.SAW BLADE 185X20X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X48T	1,672,000
2350	A-84012	DIAMOND WHEEL SEGMENTED125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN 125MM	1,298,000
2351	A-84028	DIAMOND WHEEL SEGMENTED180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN 180MM	1,958,000
2352	A-84040	105MM WAVE/GRANITE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105 MM	258,500
2353	A-84062	125MM WAVE/GRANITE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 125 MM	357,500
2354	A-84078	180MM WAVE/GRANITE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	638,000
2355	A-84084	230MM WAVE/GRANITE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	869,000
2356	A-84090	DIAMOND WHEEL SEGMENTED105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM	709,500
2357	A-84159	125MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG125MM	330,000
2358	A-84165	180MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG180MM	550,000
2359	A-84171	230MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG230MM	803,000
2360	A-84187	105MM SEG/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG105MM	198,000
2361	A-84193	105MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG105MM	220,000
2362	A-84408	DIAMOND WHEEL SEGMENTED230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN 230MM	2,200,000
2363	A-84981	DC GRINDING WHEEL 150X6X22.23	ĐÁ MÀI 150X6X22.23	43,200
2364	A-85014	T.C.T.SAW BLADE 260X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X30X60T	2,310,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2365	A-85036	DIAMOND CORE BIT 32	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 32	4,862,000
2366	A-85086	DIAMOND CORE BIT 90	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 90	6,204,000
2367	A-85092	T.C.T.SAW BLADE 165X15.88X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X15.88X24T	583,000
2368	A-85101	T.C.T.SAW BLADE 165X20X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X24T	720,500
2369	A-85117	T.C.T.SAW BLADE 165X20X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X24T	720,500
2370	A-85123	CUT OFF WHEEL 100X2X16	ĐÁ CẮT 100X2X16	21,600
2371	A-85139	FLEXIBLE WHEEL 100X2X16	ĐÁ MÀI MỀM 100X2X16	27,000
2372	A-85189	T.C.T.SAW BLADE 165X20X52T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X52T	891,000
2373	A-85195	T.C.T.SAW BLADE 165X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X40T	737,000
2374	A-85204	T.C.T.SAW BLADE 165X20X52T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X52T	891,000
2375	A-85210	DIAMOND WHEEL 110(WET)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110 (UỐT)	1,089,000
2376	A-85226	T.C.T.SAW BLADE 165X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X40T	775,500
2377	A-85232	JIGSAW BLADE NO.B-8	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B-8	170,500
2378	A-85248	RING 20 (THICKNESS:2.0MM)	VÒNG ĐỆM 20 (MÔNG: 2.0MM)	231,000
2379	A-85313	CUT OFF WHEEL 125X2.5X22	ĐÁ CẮT 125X2.5X22	43,200
2380	A-85329	CUT OFF WHEEL 180X2.5X22	ĐÁ CẮT 180X2.5X22	48,600
2381	A-85438	T.C.T. SAW BLADE 185X20X38T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X38T	1,474,000
2382	A-85472	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	2,288,000
2383	A-85494	SOCKET 17-50	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-50	247,500
2384	A-85503	SOCKET 17-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-95	550,000
2385	A-85519	SOCKET 19-50	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-50	247,500
2386	A-85525	SOCKET 19-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-95	506,000
2387	A-85531	SOCKET 21-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-52	264,000
2388	A-85547	SOCKET 21-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-95	511,500
2389	A-85553	SOCKET 22-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-52	247,500
2390	A-85569	SOCKET 22-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-95	511,500
2391	A-85575	SOCKET 24-52	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24-52	247,500
2392	A-85581	SOCKET 24-95	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24-95	511,500
2393	A-85597	DIAMOND CORE BIT 152	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 152	9,310,400
2394	A-85606	DIAMOND CORE BIT 127	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 127	9,266,400
2395	A-85612	DIAMOND CORE BIT 162	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 162	11,690,800
2396	A-85628	JIGSAW BLADE NO.B10	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B10	148,500
2397	A-85634	JIGSAW BLADE NO.B11	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B11	165,000
2398	A-85640	JIGSAW BLADE NO.B12	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B12	170,500
2399	A-85656	JIGSAW BLADE NO.B13	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B13	110,000
2400	A-85662	JIGSAW BLADE NO.B14	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B14	115,500
2401	A-85678	JIGSAW BLADE NO.B15	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B15	115,500
2402	A-85684	JIGSAW BLADE NO.B16	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B16	143,000
2403	A-85690	JIGSAW BLADE NO.B17	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B17	148,500
2404	A-85709	JIGSAW BLADE NO.B18	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B18	121,000
2405	A-85715	JIGSAW BLADE NO.B19	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B19	159,500
2406	A-85721	JIGSAW BLADE NO.B21	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B21	264,000
2407	A-85737	JIGSAW BLADE NO.B22	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B22	148,500
2408	A-85743	JIGSAW BLADE NO.B23	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B23	148,500
2409	A-85759	JIGSAW BLADE NO.B24	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B24	148,500
2410	A-85765	JIGSAW BLADE NO.B25	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B25	165,000
2411	A-85771	JIGSAW BLADE NO.B26	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B26	198,000
2412	A-85787	JIGSAW BLADE NO.B27	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.B27	159,500
2413	A-85793	JIGSAW BLADE NO.BR13	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.BR13	126,500
2414	A-85802	JIGSAW BLADE NO.1	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.1	165,000
2415	A-85818	JIGSAW BLADE NO.10	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.10	176,000
2416	A-85824	JIGSAW BLADE NO.10S	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.10S	198,000
2417	A-85830	JIGSAW BLADE NO.16	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.16	143,000
2418	A-85846	JIGSAW BLADE NO.17	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.17	165,000
2419	A-85852	JIGSAW BLADE NO.2	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.2	165,000
2420	A-85868	JIGSAW BLADE NO.3	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.3	121,000
2421	A-85874	JIGSAW BLADE NO.4	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.4	165,000
2422	A-85880	JIGSAW BLADE NO.41	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.41	159,500
2423	A-85896	JIGSAW BLADE NO.42	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.42	269,500
2424	A-85905	JIGSAW BLADE NO.5	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.5	154,000
2425	A-85911	JIGSAW BLADE NO.8	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.8	143,000
2426	A-85927	JIGSAW BLADE NO.9	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.9	192,500
2427	A-85933	JIGSAW BLADE NO.BR3	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.BR3	132,000
2428	A-85999	T.C.T.SAW BLADE 185X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X40T	808,500
2429	A-86022	T.C.T.SAW BLADE 165X20X16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X16T	803,000
2430	A-86038	T.C.T.SAW BLADE 165X20X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X24T	973,500
2431	A-86044	T.C.T.SAW BLADE 165X20X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X40T	1,100,000
2432	A-86050	T.C.T.SAW BLADE 185X30X16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X30X16T	610,500
2433	A-86066	T.C.T.SAW BLADE 185X30X20T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X30X20T	715,000
2434	A-86072	T.C.T.SAW BLADE 185X30X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X30X40T	946,000
2435	A-86088	T.C.T.SAW BLADE FOR FIBRE CEMENT BOARD 185X20X28T	LƯỖI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO BẢNG XI MĂNG SỢI 185X20X28T	1,408,000
2436	A-86153	T.C.T. SAW BLADE 216X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 216X25.4X40T	1,540,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2437	A-86290	JIG SAW BLADE L1	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG L1	297,000
2438	A-86309	JIG SAW BLADE L2	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG L2	220,000
2439	A-86315	JIG SAW BLADE L-10 (B-TYPE)	LƯỖI CỬA LỌNG HỢP KIM L-10	264,000
2440	A-86359	T.C.T. SAW BLADE 190X20X72T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 190X20X72T	1,364,000
2441	A-86446	T.C.T.SAW BLADE 185X20X70T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185X20X70T	1,804,000
2442	A-86561	JIG SAW BLADE NO.51	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.51	165,000
2443	A-86577	JIG SAW BLADE NO.58	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.58	159,500
2444	A-86583	JIG SAW BLADE NO.59	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG NO.59	203,500
2445	A-86664	SHEAR BLADE(L)	LƯỖI CẮT TỖN(L)	1,518,000
2446	A-86670	SHEAR BLADE(U)	LƯỖI CẮT TỖN(U)	1,006,500
2447	A-86723	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T/LC1230	5,214,000
2448	A-86751	T.C.T.SAW BLADE 190X20X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 190X20X40T	1,111,000
2449	A-86767	T.C.T.SAW BLADE 190X20X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 190X20X60T	1,342,000
2450	A-86826	DIAMOND WHEEL 230X22.23	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 230X22.23	3,080,000
2451	A-86860	RING 16MM FOR DIAMOND WHEEL	VÒNG ĐỆM LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 16MM	124,200
2452	A-86898	JIG SAW BLADE ASSORTMENT	BỘ LƯỖI CỬA LỌNG (5 LOẠI)	148,500
2453	A-87127	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X78T/LC1230	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X78T/LC1230	4,136,000
2454	A-87149	DIAMOND WHEEL(DRY) 105X20	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG(KHÔ) 105X20	511,500
2455	A-87155	DIAMOND WHEEL(DRY) 180X25.4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG(KHÔ) 180X25.4	1,672,000
2456	A-87161	DIAMOND WHEEL(WET) 180X25.4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG(WET) 180X25.4	1,210,000
2457	A-87242	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T/LC1230	2,706,000
2458	A-87317	DIAMOND WHEEL 14"(350MM)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 14"(350MM)	6,820,000
2459	A-87482	COLD CHISEL 600MMX24MM	MŨI ĐỤC ĐẸP 600MMX24MM	693,000
2460	A-87535	DIAMOND CORE BIT 38X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯỜNG 38X175 (KHÔ)	6,446,000
2461	A-87541	DIAMOND CORE BIT 54X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯỜNG 54X175 (KHÔ)	6,798,000
2462	A-87557	DIAMOND CORE BIT 65X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯỜNG 65X175 (KHÔ)	7,348,000
2463	A-87563	CENTER BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	1,738,000
2464	A-87579	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X76T/LC1230	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X76T/LC1230	6,204,000
2465	A-87694-25	CUT OFF WHEEL 405X3X25.4 (25PCS/ SET)	ĐÁ CẮT 405X3X25.4 (25CÁI/BỘ)	2,916,000
2466	A-87719	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	21,600
2467	A-87834	OFF SET DIAMOND WHEEL 115MM	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 115MM	4,210,800
2468	A-87884	OFF SET DIAMOND WHEEL 115MM	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 115MM	4,134,240
2469	A-87921	ROUTER BIT SET 6MM SHANK (12PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỐI 6MM (12CÁI)	3,168,000
2470	A-88054	ROUTER BIT SET 8MMSHANK (12PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỐI 8MM (12CÁI)	3,278,000
2471	A-88490	FLEXIBLE WHEEL 180X3X22	ĐÁ MÀI MỀM 180X3X22	81,000
2472	A-88808	305MM RESCUE DIAMOND BLADE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 305MM	16,566,000
2473	A-88842	105MM(4") DIAMOND WHEEL(DRY)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM(4") (KHÔ)	621,500
2474	A-88864	T.C.T.SAW BLADE 110X20X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 110X20X24T	429,000
2475	A-89523	HEDGE TRIMER ATTACHMENT	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO	9,372,000
2476	A-89539	POLE SAW ATTACHMENT	LƯỖI CỬA CÀNH	9,460,000
2477	A-89545-5	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4 (5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4 (5CÁI/BỘ)	426,600
2478	A-89735	CUT-OFF WHEEL 305x3.5x25.4MM	ĐÁ CẮT 305X3.5X25.4	5,853,600
2479	A-89894	RESCUE DIAMOND BLADE 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	10,450,000
2480	A-89931	SOCKET 12-38 ASSEMBLY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 12-38	88,000
2481	A-89947	TCT SAW BLADE 235X25X20T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25X20T	720,500
2482	A-90314	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 165MMX15.88MMX40T	748,000
2483	A-90320	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX52T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 165MMX15.88MMX52T	880,000
2484	A-90473	DIAMOND WHEEL 180MM(CORRUGATE)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG MƏP LIÊN TỤC 180MM	1,914,000
2485	A-90532	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T	3,146,000
2486	A-90722	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T	5,676,000
2487	A-90788	T.C.T.SAW BLADE 216X15.88X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 216X15.88X40T	1,166,000
2488	A-90875	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X78T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X78T	4,136,000
2489	A-90897	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T	2,882,000
2490	A-90956	T.C.T.SAW BLADE 415X25X32T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 415X25X32T	3,168,000
2491	A-91051	ROUTER BIT SET 1/4" SHANK (12 PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỐI 1/4" 12 PC	3,168,000
2492	A-91431	T.C.T.SAW BLADE 185MMX15.88MMX60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185MMX15.88MMX60T	1,386,000
2493	A-93550	TCT SAW BLADE 255MMX15.88MMX70T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255MMX15.88MMX70T	1,804,000
2494	A-93815	CERMET SAW BLADE 185X15.88X36T	LƯỖI CỬA KIM LOẠI 185X15.88X36T	1,518,000
2495	A-93821	T.C.T SAW BLADE 185X15.88X38T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185X15.88X38T	1,364,000
2496	A-93837	T.C.T SAW BLADE 185X15.88X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185X15.88X48T	1,540,000
2497	A-93843	T.C.T SAW BLADE 185X15.88X70T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185X15.88X70T	1,584,000
2498	A-94443	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X70T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X70T	2,156,000
2499	A-94524	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX50T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 136MMX15.88MMX50T	1,144,000
2500	A-94904	T.C.T.SAW BLADE 136MMX15.88MMX16T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 136MMX15.88MMX16T	467,500
2501	A-94910	T.C.T.SAW BLADE 10"X5/8"X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM10"X5/8"X24T	852,500
2502	A-94998	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 125	7,018,000
2503	A-95009	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 125	3,498,000
2504	A-95037	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 136MMX15.88MMX30T	643,500
2505	A-95794	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX15.88MMX56T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO SUS 136MMX15.88MMX56T	1,254,000
2506	A-95803	TCT SAW BLADE FOR SUS 305MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO SUS 305MMX25.4MMX100T	5,742,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2507	A-95819	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX15.88MMX48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX15.88MMX48T	2,046,000
2508	A-95825	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX15.88MMX56T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX15.88MMX56T	2,310,000
2509	A-95875	TCT SAW BLADE 185X15.88X64T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185X15.88X64T	2,024,000
2510	ADP001G	USB ADAPTER(40V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI USB(40V MAX)	1,100,000
2511	ADP05	USB ADAPTER/ADP05(18V)	BỘ CHUYỂN ĐỔI CÔNG USB/ADP05(18V)	715,000
2512	ADP08	USB ADAPTER(12V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN CÔNG USB(12V MAX)	627,000
2513	AL00000004	OUTER FLANGE/GB602	MẶT BÍT NGOÀI/GB602	22,000
2514	AL00000005	INNER FLANGE/GB602	MẶT BÍT TRONG/GB602	16,500
2515	AL00000044	WRENCH 10-13/GB602	CỖ LÊ 10-13/GB602	33,000
2516	AL00000045	WRENCH 8-19/GB602	CỖ LÊ 8-19/GB602	38,500
2517	AL00000062	OUTER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH NGOÀI/GB801	38,500
2518	AL00000063	INNER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH TRONG/GB801	38,500
2519	AS0VP007MK	ALUMINUM CASE/DVP180	HỘP ĐỰNG/DVP180	2,160,000
2520	B-00767	RECIPRO SAW BLADE NO.3023	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM NO.3023	572,000
2521	B-00795	DIAMOND WHEEL 110	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110	3,014,000
2522	B-00804	RECIPRO SAW BLADE NO.21	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM NO.21	242,000
2523	B-00810	RECIPRO SAW BLASE NO.22	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM NO.22	220,000
2524	B-00826	RECIPRO SAW BLADE NO.23	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM NO.23	148,500
2525	B-00832	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỠI CỬA KIỂM NO.24	308,000
2526	B-00898	T.C.T. HOLE SAW #278 16MM	MŨI KHOÉT #278 16MM	1,584,000
2527	B-00907	T.C.T. HOLE SAW #278 18MM	MŨI KHOÉT #278 18MM	1,584,000
2528	B-00913	T.C.T. HOLE SAW #278 20MM	MŨI KHOÉT #278 20MM	1,584,000
2529	B-00929	T.C.T. HOLE SAW #278 21MM	MŨI KHOÉT #278 21MM	1,584,000
2530	B-00935	T.C.T. HOLE SAW #278 22MM	MŨI KHOÉT #278 22MM	1,584,000
2531	B-00941	T.C.T. HOLE SAW #278 25MM	MŨI KHOÉT #278 25MM	1,584,000
2532	B-00957	T.C.T. HOLE SAW #278 27MM	MŨI KHOÉT #278 27MM	1,826,000
2533	B-00963	T.C.T. HOLE SAW #278 28MM	MŨI KHOÉT #278 28MM	1,826,000
2534	B-00979	T.C.T. HOLE SAW #278 30MM	MŨI KHOÉT #278 30MM	1,826,000
2535	B-00985	T.C.T. HOLE SAW #278 32MM	MŨI KHOÉT #278 32MM	2,112,000
2536	B-00991	T.C.T. HOLE SAW #278 35MM	MŨI KHOÉT #278 35MM	2,112,000
2537	B-01002	T.C.T. HOLE SAW #278 38MM	MŨI KHOÉT #278 38MM	2,442,000
2538	B-01018	T.C.T. HOLE SAW #278 40MM	MŨI KHOÉT #278 40MM	2,442,000
2539	B-01024	T.C.T. HOLE SAW #278 45MM	MŨI KHOÉT #278 45MM	2,838,000
2540	B-01030	T.C.T. HOLE SAW #278 48MM	MŨI KHOÉT #278 48MM	3,190,000
2541	B-01046	T.C.T. HOLE SAW #278 50MM	MŨI KHOÉT #278 50MM	3,190,000
2542	B-01052	T.C.T. HOLE SAW #278 55MM	MŨI KHOÉT #278 55MM	3,586,000
2543	B-01068	T.C.T. HOLE SAW #278 60MM	MŨI KHOÉT #278 60MM	4,466,000
2544	B-01074	T.C.T. HOLE SAW #278 65MM	MŨI KHOÉT #278 65MM	5,368,000
2545	B-01080	T.C.T. HOLE SAW #278 70MM	MŨI KHOÉT #278 70MM	6,204,000
2546	B-01096	T.C.T. HOLE SAW #278 75MM	MŨI KHOÉT #278 75MM	6,688,000
2547	B-01105	T.C.T. HOLE SAW #278 80MM	MŨI KHOÉT #278 80MM	7,194,000
2548	B-01111	T.C.T. HOLE SAW #278 85MM	MŨI KHOÉT #278 85MM	7,964,000
2549	B-01127	T.C.T. HOLE SAW #278 90MM	MŨI KHOÉT #278 90MM	8,756,000
2550	B-01133	T.C.T. HOLE SAW #278 95MM	MŨI KHOÉT #278 95MM	9,108,000
2551	B-01149	T.C.T. HOLE SAW #278 100MM	MŨI KHOÉT #278 100MM	9,702,000
2552	B-01155	T.C.T. HOLE SAW #278 110MM	MŨI KHOÉT #278 110MM	11,814,000
2553	B-01161	T.C.T. HOLE SAW #278 120MM	MŨI KHOÉT #278 120MM	14,300,000
2554	B-01177	CENTER DRILL C-6	MŨI KHOAN TRUNG TÂM C-6	258,500
2555	B-01183	CENTER DRILL C-8	MŨI KHOAN TRUNG TÂM C-8	313,500
2556	B-01199	CENTER DRILL T-6	MŨI KHOAN TRUNG TÂM T-6	319,000
2557	B-01208	CENTER DRILL T-8	MŨI KHOAN TRUNG TÂM T-8	429,000
2558	B-01270	JIG SAW BLADE NO.B-11	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-11	104,500
2559	B-01286	JIG SAW BLADE NO.B-13	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-13	66,000
2560	B-01301	JIG SAW BLADE NO.B-17	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-17	99,000
2561	B-01339	JIG SAW BLADE NO.B-23	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-23	88,000
2562	B-01345	JIG SAW BLADE NO.B-25	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-25	104,500
2563	B-01351	JIG SAW BLADE NO.B-26	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-26	115,500
2564	B-01367	JIG SAW BLADE NO.B-27	BỘ LƯỠI CỬA LỘNG NO.B-27	104,500
2565	B-01806	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	3,916,000
2566	B-01971	NYLON CORD 2.4X5M	LƯỠI CẮT CỎ NYLON 2.4X5M	82,080
2567	B-02004	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	4,796,000
2568	B-02054	DIAMOND WHEEL 125	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125	2,860,000
2569	B-02060	DIAMOND WHEEL 180	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 180	4,268,000
2570	B-02652	T.C.T. HOLE SAW 68MM	MŨI KHOÉT HỘP KIM 68MM	6,204,000
2571	B-02808	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX60T	4,664,000
2572	B-02814	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX96T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX96T	4,950,000
2573	B-02820	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX100T	5,082,000
2574	B-02836	DIAMOND WHEEL 110 (WET)	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 110 (UỐT)	605,000
2575	B-02917	T.C.T. SAW BLADE 165MMX20MMX10T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX10T	583,000
2576	B-02939	T.C.T. SAW BLADE 190MMX30MMX12T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 190MMX30MMX12T	676,500
2577	B-02973	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG 125MM	2,178,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2578	B-02989	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	3,520,000
2579	B-03028	DIAMOND WHEEL 105MM (DRY)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM (KHÔ)	687,500
2580	B-03030	RECIPRO SAW BLADE NO.3030	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.3030	594,000
2581	B-03822	T.C.T.SAW BLADE 305X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X30X60T	2,200,000
2582	B-03844	TC.T. SAW BLADE 305X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X30X60T	2,486,000
2583	B-03850	T.C.T.SAW BLADE 190X20X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X24T	676,500
2584	B-03866	T.C.T.SAW BLADE 190X20X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X24T	698,500
2585	B-03981	T.C.T. SAW BLADE 190X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X60T	1,210,000
2586	B-03997	T.C.T. SAW BLADE 190X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X60T	1,562,000
2587	B-04008	T.C.T.SAW BLADE 190X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X60T	1,210,000
2588	B-04014	T.C.T. SAW BLADE 305X30X96T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X30X96T	2,882,000
2589	B-04307	BRAD NAIL 15(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 15MM (5000 ĐINH/HỘP)	220,000
2590	B-04313	BRAD NAIL 20(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 20MM (5000 ĐINH/HỘP)	269,500
2591	B-04329	BRAD NAIL 25(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM (5000 ĐINH/HỘP)	319,000
2592	B-04335	BRAD NAIL 30(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 30MM (5000 ĐINH/HỘP)	363,000
2593	B-04357	BRAD NAIL 35(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 35MM (5000 ĐINH/HỘP)	396,000
2594	B-04379	BRAD NAIL 40(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 40MM (5000 ĐINH/HỘP)	440,000
2595	B-04385	BRAD NAIL 45(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (5000 ĐINH/HỘP)	484,000
2596	B-04391	BRAD NAIL 50(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (5000 ĐINH/HỘP)	533,500
2597	B-04400	STAPLE 10(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 10(5000 GHIM/HỘP)	203,500
2598	B-04416	STAPLE 13(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 13(5000 GHIM/HỘP)	236,500
2599	B-04422	STAPLE 16(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 16(5000 GHIM/HỘP)	269,500
2600	B-04438	STAPLE 19(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 19(5000 GHIM/HỘP)	308,000
2601	B-04444	STAPLE 22(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 22(5000 GHIM/HỘP)	335,500
2602	B-04450	STAPLE 4X25 5000PCS	ĐINH U 4X25 5000PCS	374,000
2603	B-04466	STAPLE 10X10 5000PCS	ĐINH U 10X10 5000PCS	236,500
2604	B-04472	STAPLE 10X13 5000PCS	ĐINH U 10X13 5000PCS	280,500
2605	B-04488	STAPLE 10X16 5000PCS	ĐINH U 10X16 5000PCS	308,000
2606	B-04494	STAPLE 10X19 5000PCS	ĐINH U 10X19 5000PCS	341,000
2607	B-04503	STAPLE 10X22 5000PCS	ĐINH U 10X22 5000PCS	363,000
2608	B-04519	STAPLE 10X25 5000PCS	ĐINH U 10X25 5000PCS	396,000
2609	B-04628	CERMET SAW BLADE 185X20X36T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X36T	1,760,000
2610	B-04977	SANDING PAPER 95X22 A60	GIẤY CHÀ NHẢM 95X22 A60	103,680
2611	B-04999	T.C.T. SAW BLADE 260X30X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X30X24T	1,006,500
2612	B-05000	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	781,000
2613	B-05038	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	445,500
2614	B-05044	RECIPRO SAW BLADE FOR PLYWO 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO VÁN 152MM	555,500
2615	B-05050	CUT-OFF WHEEL 150X3X22	ĐÁ CẮT 150X3X22	43,200
2616	B-05072	T.C.T. SAW BLADE 260X30X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X30X40T	1,017,500
2617	B-05088	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	962,500
2618	B-05131	BUMP & FEED Z5 M BRAND MHI	TÀNG GIAM DÂY CƯỚC	723,600
2619	B-05153	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD 203MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 203MM	467,500
2620	B-05169	RECIPROSAWBLADE GOT METAL 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	418,000
2621	B-05175	RECIPROSAWBLADE FOR WOOD 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 152MM	473,000
2622	B-05810	DELTAGON TCT HAMMER BIT 4X116MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 4X116MM	209,000
2623	B-05826	DELTAGON TCT HAMMER BIT 5X116MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 5X116MM	206,800
2624	B-05848	DELTAGON TCT HAMMER BIT 5X216MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 5X216MM	347,600
2625	B-05882	DELTAGON TCT HAMMER BIT 6X266MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 6X266MM	435,600
2626	B-05898	DELTAGON TCT HAMMER BIT 7X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 7X166MM	228,800
2627	B-05941	DELTAGON TCT HAMMER BIT 8X316MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 8X316MM	598,400
2628	B-06105	DELTAGON TCT HAMMER BIT 14X216MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 14X216MM	720,500
2629	B-06149	DELTAGON TCT HAMMER BIT 16X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 16X166MM	610,500
2630	B-06183	DELTAGON TCT HAMMER BIT 16X466MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 16X466MM	1,324,400
2631	B-06236	DELTAGON TCT HAMMER BIT 18X466MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 18X466MM	1,518,000
2632	B-06242	DELTAGON TCT HAMMER BIT 20X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 20X166MM	891,000
2633	B-06292	JIGSAW BLADE ASSORT	BỘ LƯỖI CỬA LÔNG ASSORT	176,000
2634	B-06432	150MM SEG/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO BÊ TÔNG150mm	495,000
2635	B-06460	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B-51	231,000
2636	B-06476	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B-51	258,500
2637	B-06482	JIGSAW BLADE B-52	BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B-52	269,500
2638	B-06890	HM JIGSAW BLADE B60	HM BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B60	803,000
2639	B-06909	HM JIGSAW BLADE B61	HM BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B61	1,166,000
2640	B-06921	BULL POINT 12-220/HK1810	MŨI ĐỤC NHỌN 12-220/HK1810	324,500
2641	B-07250	RECIPROSAW BLADE FOR STAINL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO INOX 152MM	1,166,000
2642	B-07319	T.C.T.SAW BLADE 136X20X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 136X20X30T	929,500
2643	B-07325	T.C.T.SAW BLADE 136X20X50T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 136X20X50T	1,061,500
2644	B-07353	TCT SAW BLADE 165X20X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X48T	1,320,000
2645	B-07375	NYLON CORD 3.0X4M	LƯỖI CẮT CỎ NYLON 3.0X4M	108,000
2646	B-07434	TCT SAW BLADE 165X20X28T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X28T	1,122,000
2647	B-07440	TCT SAW BLADE 165X20X56T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X56T	1,870,000
2648	B-07456	DELTAGON TCT HAMMER BIT 15x166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 15x166MM	554,400
2649	B-07571	DELTAGON TCT HAMMER BIT 15X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 15X166MM	228,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2650	B-07593	DELTAGON TCTHAMMER BIT 6.5X316MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 6.5X316MM	577,500
2651	B-10126	DELTAGON TCT HAMMER BIT 13X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X166MM	382,800
2652	B-10148	DELTAGON TCTHAMMER BIT 13X316MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X316MM	913,000
2653	B-10154	DELTAGON TCTHAMMER BIT 13X466MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X466MM	1,001,000
2654	B-10300	CLAY SPADE 120-500	MŨI XÈNG 120-500	3,476,000
2655	B-10322	T.C.T. SAW BLADE 255MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX40T	726,000
2656	B-10338	T.C.T.SAW BLADE 255MMX30MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255MMX30MMX40T	781,000
2657	B-10344	T.C.T.SAW BLADE 165X20X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X48T	1,826,000
2658	B-10350	BAND SAW BLADE 18 BIMETAL	LƯỖI CỬA VÒNG 18 BIMETAL	390,500
2659	B-10388	SELF SHARPENING BULL POINT (30MM HEX SHANK)	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI (CHUỖI LỤC GIÁC 30MM)	1,050,500
2660	B-10394	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHẹ MAKITA 305MM	1,078,000
2661	B-10403	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 455MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHẹ MAKITA 455	1,518,000
2662	B-10431	JIGSAW BLADE B-32	BỘ LƯỖI CỬA LÔNG B-32	231,000
2663	B-10497	SOCKET 10-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 10-38	88,000
2664	B-10506	SOCKET 16-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 16-38	88,000
2665	B-10584	T.C.T. SAW BLADE 260X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X25.4X24T	973,500
2666	B-10609	RECIPRO SAW BLADE ICE 3T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 3T305MM	269,500
2667	B-10621	SELF SHARPENING BULL POINT SDS-MAX 400MM	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-MAX 400	536,800
2668	B-10637	305MM LONG RECIPROSAW BLADE	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM DÀI 305MM	665,500
2669	B-10730-25	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4	ĐÁ CẮT 355X3X25.4	2,138,400
2670	B-10730-5	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4(5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4(5CÁI/BỘ)	426,600
2671	B-11019	TCT SAW BALDE 260X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X30X60T	1,232,000
2672	B-11265	BIM HOLES AW 16X40MM	MŨI KHOẾT 16X40MM	180,400
2673	B-11271	BIM HOLES AW 19X40MM	MŨI KHOẾT 19X40MM	180,400
2674	B-11287	BIM HOLES AW 20X40MM	MŨI KHOẾT 20X40MM	180,400
2675	B-11293	BIM HOLES AW 22X40MM	MŨI KHOẾT 22X40MM	184,800
2676	B-11302	BIM HOLES AW 24X40MM	MŨI KHOẾT 24X40MM	189,200
2677	B-11318	BIM HOLES AW 25X40MM	MŨI KHOẾT 25X40MM	189,200
2678	B-11324	BIM HOLES AW 29X40MM	MŨI KHOẾT 29X40MM	220,000
2679	B-11330	BIM HOLES AW 30X40MM	MŨI KHOẾT 30X40MM	220,000
2680	B-11346	BIM HOLES AW 32X40MM	MŨI KHOẾT 32X40MM	220,000
2681	B-11352	BIM HOLES AW 35X40MM	MŨI KHOẾT 35X40MM	246,400
2682	B-11368	BIM HOLES AW 38X40MM	MŨI KHOẾT 38X40MM	246,400
2683	B-11374	BIM HOLES AW 41X40MM	MŨI KHOẾT 41X40MM	259,600
2684	B-11380	BIM HOLES AW 44X40MM	MŨI KHOẾT 44X40MM	272,800
2685	B-11396	BIM HOLES AW 48X40MM	MŨI KHOẾT 48X40MM	277,200
2686	B-11405	BIM HOLES AW 51X40MM	MŨI KHOẾT 51X40MM	290,400
2687	B-11411	BIM HOLES AW 57X40MM	MŨI KHOẾT 57X40MM	325,600
2688	B-11427	BIM HOLES AW 60X40MM	MŨI KHOẾT 60X40MM	325,600
2689	B-11433	BIM HOLES AW 64X40MM	MŨI KHOẾT 64X40MM	338,800
2690	B-11455	BIM HOLES AW 70X40MM	MŨI KHOẾT 70X40MM	360,800
2691	B-11477	BIM HOLES AW 83X40MM	MŨI KHOẾT 83X40MM	453,200
2692	B-11483	BIM HOLES AW 92X40MM	MŨI KHOẾT 92X40MM	497,200
2693	B-11499	BIM HOLES AW 102X40MM	MŨI KHOẾT 102X40MM	572,000
2694	B-11514	BIM HOLES AW 127X40MM	MŨI KHOẾT 127X40MM	830,500
2695	B-11542	HSS-G PILOT DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G CHO MŨI KHOẾT/HP1630	145,200
2696	B-11645	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 5.5X110MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 5.5X110MM	132,000
2697	B-11710	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X160MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X160MM	184,800
2698	B-11726	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X210MM	246,400
2699	B-11732	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X260MM	312,400
2700	B-11748	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X310MM	369,600
2701	B-11754	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 7X110MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 7X110MM	171,600
2702	B-11900	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 12X310MM	369,600
2703	B-11938	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 14X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 14X210MM	369,600
2704	B-11950	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 14X450MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 14X450MM	572,000
2705	B-11966	HOLES AW PLUMBER SET 19,22,29,38,44,57MM	MŨI KHOẾT CHO THI CÔNG ỒNG NƯỚC 19,22,29,38,44,57MM	2,970,000
2706	B-11972	HOLES AW ELECTRICIANS SET 16,20,25,32,40,51MM	MŨI KHOẾT CHO THI CÔNG ĐIỆN 16,20,25,32,40,51MM	2,886,400
2707	B-12120	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 25X250MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMESIS 25X250MM	1,104,400
2708	B-12158	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 28X450MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMESIS 28X450MM	1,592,800
2709	B-12201	THIN CUT OFF WHEEL 100X1.0X16	ĐÁ CẮT MÒNG 100X1.0X16	32,400
2710	B-12239	THIN CUT OFF WHEEL 125X1.0X22	ĐÁ CẮT MÒNG 125X1.0X22	37,800
2711	B-12251	THIN CUT OFF WHEEL 150X1.6X22	ĐÁ CẮT MÒNG 150X1.6X22	43,200
2712	B-12267	THIN CUT OFF WHEEL 180X1.6X22	ĐÁ CẮT MÒNG 180X1.6X22	48,600
2713	B-12273	THIN CUT OFF WHEEL 230X1.9X22	ĐÁ CẮT MÒNG 230X1.9X22	81,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2714	B-12289	OFFSET DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI KIM CƯƠNG BẢO BỆ TỔNG 125MM	7,819,200
2715	B-12295	OFFSET DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG KIM CƯƠNG 125MM	3,866,400
2716	B-12603	TCT SAW BLADE 335X25X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 335X25X60T	1,892,000
2717	B-12843	TCT SAW BLADE 270X25.4X18T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 270X25.4X18T	1,122,000
2718	B-12859	TCT SAW BLADE 270X30X18T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 270X30X18T	1,122,000
2719	B-12865	TCT SAW BLADE 235X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X60T	1,232,000
2720	B-13275	DIAMOND WHEEL 350, ASPHALT / COMET	ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG COMET PHẦN ĐOẠN 350MM	5,400,000
2721	B-13297	DIAMOND WHEEL 350, SEG, DIAMAK PL	ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG DIAMAK PHẦN ĐOẠN 350MM	2,116,800
2722	B-13378	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 16X210MM	MŨI KHOAN BỀ TỔNG SDS-PLUS NEMESIS 16X210MM	440,000
2723	B-14146	BRUSH CUTTER BLADE(255X25.4X8T)	LƯỖI CẮT CỎ(255X25.4X8T)	357,500
2724	B-14168	SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X80T	550,000
2725	B-14607	T.C.T. SAW BLADE 85X15X20T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 85X15X20T	242,000
2726	B-14613	SDS-MAX 32X570MM FOR MINING	MŨI KHOAN KHAI THÁC KHOÁNG SÀN SDS-MAX 32X570MM	2,640,000
2727	B-15045	SDS MAX 32X920MM ZENTRO MINING BI	MŨI KHOAN KHAI THÁC KHOÁNG SÀN SDS-MAX 32X920MM	3,938,000
2728	B-16667	BAND SAW BLADE 2240-16MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-16MM/GỖ/LB1200F	1,562,000
2729	B-16673	BAND SAW BLADE 2240-13MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-13MM/GỖ/LB1200F	1,298,000
2730	B-16689	BAND SAW BLADE 2240-6MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-6MM/GỖ/LB1200F	1,298,000
2731	B-16695	BAND SAW BLADE 2240-16MM/NONFE/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-16MM/KIM LOẠI(TRỪ SẮT)/LB1200F	1,716,000
2732	B-16754	EZYCHANGE BIM HOLES AW 40X40MM	MŨI KHOẾT EZYCHANGE 40X40MM	259,600
2733	B-16760	EZYCHANGE BIM HOLES AW 22X40MM	MŨI KHOẾT EZYCHANGE 22X40MM	347,600
2734	B-16776	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 225MM(2PCS/SET)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 14T 225MM (2CÁI/BỘ)	495,000
2735	B-16776-25	RECIPRO SAW BLADE 228MM 25PCS	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 228MM 25 PCS	2,728,000
2736	B-16944	T.C.T. SAW BLADE 110X20X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 110X20X24T	253,000
2737	B-16950	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 110X20X30T	275,000
2738	B-16966	T.C.T. SAW BLADE 160X20X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 160X20X24T	225,500
2739	B-17005	T.C.T. SAW BLADE 160X20X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 160X20X48T	286,000
2740	B-17011	T.C.T. SAW BLADE 160X20X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 160X20X60T	319,000
2741	B-17027	T.C.T. SAW BLADE 165X20X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 165X20X40T	253,000
2742	B-17033	T.C.T. SAW BLADE 180X20X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 180X20X24T	264,000
2743	B-17049	T.C.T. SAW BLADE 180X20X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 180X20X30T	275,000
2744	B-17055	T.C.T. SAW BLADE 180X20X36T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 180X20X36T	291,500
2745	B-17061	T.C.T. SAW BLADE 180X20X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 180X20X40T	297,000
2746	B-17077	T.C.T. SAW BLADE 180X20X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 180X20X48T	363,000
2747	B-17083	T.C.T. SAW BLADE 185X20TX40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 185X20TX40T	297,000
2748	B-17099	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 203X25.4X24T	445,500
2749	B-17108	T.C.T. SAW BLADE 203X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 203X25.4X30T	467,500
2750	B-17164	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X24T	434,500
2751	B-17170	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X30T	429,000
2752	B-17186	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X36T	445,500
2753	B-17192	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X40T	456,500
2754	B-17201	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X48T	495,000
2755	B-17217	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X60T	544,500
2756	B-17223	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 235X25.4X80T	654,500
2757	B-17239	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X24T	517,000
2758	B-17245	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X30T	544,500
2759	B-17251	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X36T	577,500
2760	B-17267	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X40T	621,500
2761	B-17273	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X48T	665,500
2762	B-17289	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X60T	709,500
2763	B-17295	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X80T	814,000
2764	B-17304	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X100T CHO NHÔM	1,254,000
2765	B-17310	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X100TV FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X100T CHO NHÔM	1,584,000
2766	B-17326	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X120T CHO NHÔM	1,760,000
2767	B-17332	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X30T	770,000
2768	B-17348	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X36T	841,500
2769	B-17354	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X40T	951,500
2770	B-17360	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X48T	929,500
2771	B-17376	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X60T	1,001,000
2772	B-17382	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305X25.4X80T	1,166,000
2773	B-17398	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X100T FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X100T CHO NHÔM	2,002,000
2774	B-17407	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X120T CHO NHÔM	2,156,000
2775	B-17413	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X30T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X30T	1,122,000
2776	B-17429	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X36T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X36T	1,254,000
2777	B-17435	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X40T	1,232,000
2778	B-17441	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X48T	1,298,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2779	B-17457	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X60T	1,364,000
2780	B-17463	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 355X25.4X80T	1,474,000
2781	B-17734	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255X25.4X24T	803,000
2782	B-18203	GRINDING WHEEL 4"(100X2X16 MM) AC46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X2X16 MM) AC46, 1G ĐEN	27,000
2783	B-18219	4" (100X2X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC80, 1G ĐEN	21,600
2784	B-18225	4" (100X2X16 MM) AC120, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC120, 1G ĐEN	21,600
2785	B-18231	4" (100X3X16 MM) AC36, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC36, 1G ĐEN	27,000
2786	B-18247	GRINDING WHEEL 4"(100X3X16 MM) AC46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC46, 1G ĐEN	37,800
2787	B-18253	4"(100X3X16 MM) AC60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC60, 1G ĐEN	27,000
2788	B-18269	4" (100X3X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC80, 1G ĐEN	27,000
2789	B-18328	5" (125X3X22 MM) AC46, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC46, 2G ĐEN	37,800
2790	B-18340	5" (125X3X22 MM) AC80, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC80, 2G ĐEN	37,800
2791	B-18421	4" (10X2X16 MM) WA46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (10X2X16 MM) WA46, 1G ĐEN	32,400
2792	B-18437	4" (100X2X16 MM) WA60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) WA60, 1G ĐEN	27,000
2793	B-18443	GRINDING WHEEL 4" (100X2X16 MM) WA80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) WA80, 1G ĐEN	27,000
2794	B-18459	4" (100X2X16 MM) WA36,1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) WA36,1G ĐEN	27,000
2795	B-18465	GRINDING WHEEL 4" (100X3X16 MM) WA36, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) WA36, 1G ĐEN	32,400
2796	B-18471	4" (100X3X16) WA46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16) WA46, 1G ĐEN	37,800
2797	B-18487	4" (100X3X16 MM) WA60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) WA60, 1G ĐEN	32,400
2798	B-18493	GRINDING WHEEL 4" (100X3X16 MM) WA80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) WA80, 1G ĐEN	32,400
2799	B-18552	5" (125X3X22 MM) WA46, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) WA46, 2G ĐEN	43,200
2800	B-18574	5" (125X3X22 MM) WA80, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) WA80, 2G ĐEN	43,200
2801	B-19897	SDS-MAX NEMESIS DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 12X340MM	753,500
2802	B-19928	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 14X340MM	808,500
2803	B-19934	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 14X540MM	935,000
2804	B-19962	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 16X340MM	863,500
2805	B-19978	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 16X540MM	1,122,000
2806	B-19990	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 18X340MM	946,000
2807	B-20002	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 18X540MM	1,188,000
2808	B-20024	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 20X320MM	1,039,500
2809	B-20030	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 20X520MM	1,298,000
2810	B-20052	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 22X320MM	1,122,000
2811	B-20068	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 22X520MM	1,342,000
2812	B-20080	SDS-MAX NEMESIS DRILL 24X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 24X320MM	1,188,000
2813	B-20096	DRILLS BIT FOR SDS MAX NEMESIS 24X520MM	MŨI KHOAN SDS MAX NEMESIS 24X520MM	1,430,000
2814	B-20105	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 25X320MM	1,254,000
2815	B-20111	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 25X520MM	1,518,000
2816	B-20149	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 28X370MM	1,386,000
2817	B-20155	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 28X570MM	1,650,000
2818	B-20183	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 30X370MM	1,606,000
2819	B-20199	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 30X570MM	1,892,000
2820	B-20208	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 32X370MM	1,804,000
2821	B-20214	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 32X570MM	2,112,000
2822	B-20236	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 35X370MM	2,112,000
2823	B-20242	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 35X570MM	2,354,000
2824	B-20270	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 38X370MM	2,398,000
2825	B-20286	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 38X570MM	2,772,000
2826	B-20292	SDS-MAX NEMESIS DRILL 40X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 40X370MM	2,948,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2827	B-20301	SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	MŨI KHOAN SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	3,234,000
2828	B-20395	RECIPRO SAW BLADE 100MM/24TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/24TPI	330,000
2829	B-20404	RECIPRO SAW BLADE 100MM/18TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/18TPI	319,000
2830	B-20410	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/14TPI	319,000
2831	B-20426	RECIPRO SAW BLADE 100MM/10TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/10TPI	319,000
2832	B-20432	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	363,000
2833	B-20448	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	363,000
2834	B-20454	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14-18TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/14-18TPI	363,000
2835	B-20476	BACK UP PAD 100MM	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 100MM	27,500
2836	B-20482	BACK UP PAD 115/125 MM	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 115/125MM	38,500
2837	B-20644	CUTTER 100X6T/DPJ180	LƯỖI CẮT 100X6T/DPJ180	654,500
2838	B-20753-25	CUT-OFF WHELL 355X3X25.4(25PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4 (25 CÁI/BỘ)	2,484,000
2839	B-20769-25	CUT-OFF WHEEL 355x2.4x25.4MM (25PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X2.4X25.4MM (25PCS/SET)	2,138,400
2840	B-20775-25	CUT-OFF WHELL 355X3X25.4(25PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4 (25 CÁI/BỘ)	2,484,000
2841	B-21082	DIAOMOND WHEEL 85MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 85MM	649,000
2842	B-21107	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (100 X 6 X 16MM) A24R	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (100 X 6 X 16MM) A24R	27,000
2843	B-21129	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (125 X 6 X 22.23MM) A24R	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (125 X 6 X 22.23MM) A24R	43,200
2844	B-21135	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (180 X 6 X 22.23MM) A24R	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (180 X 6 X 22.23MM) A24R	64,800
2845	B-21141	GRINDING WHEEL FOR HEAVY DUTY (230 X 6 X 22.23MM) A24R	ĐÁ MÀI CHO CÔNG VIỆC NẶNG (230 X 6 X 22.23MM) A24R	97,200
2846	B-21222	GRINDING WHEEL 2 IN 1/100X3.2X16	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 100X3.2X16	27,000
2847	B-21434	PLUNGE CUT SAW BLADE 10/TMA017	LƯỖI CỬA 10/TMA017	277,200
2848	B-21559	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG 60,80,100,120,180	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ) 60,80,100,120,180	97,200
2849	B-21565	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	97,200
2850	B-21571	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	97,200
2851	B-21587	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	97,200
2852	B-21593	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	97,200
2853	B-21602	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG180	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	97,200
2854	B-21618	ABRASIVEPAPER DELTA RED SET (60,80,120,180,240)	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ) (60,80,120,180,240)	91,800
2855	B-21624	ABRASIVEPAPER DELTA RED 60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	91,800
2856	B-21630	ABRASIVEPAPER DELTA RED 80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	91,800
2857	B-21646	ABRASIVEPAPER DELTA RED 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	86,400
2858	B-21652	ABRASIVEPAPER DELTA RED 180	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	86,400
2859	B-21668	ABRASIVEPAPER DELTA RED 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	86,400
2860	B-21674	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE SET 60,80,100,240,320	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (TRẮNG) 60,80,100,240,320	97,200
2861	B-21680	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (TRẮNG)	97,200
2862	B-21696	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (TRẮNG)	97,200
2863	B-21705	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (TRẮNG)	102,600
2864	B-21711	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (TRẮNG)	97,200
2865	B-21727	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 320	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 320 (TRẮNG)	97,200
2866	B-21733	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK SET (120,240,400,600,1200)	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (ĐEN) (120,240,400,600,1200)	97,200
2867	B-21749	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (ĐEN)	97,200
2868	B-21755	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (ĐEN)	97,200
2869	B-21761	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 400	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 400 (ĐEN)	97,200
2870	B-21777	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 600	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 600 (ĐEN)	97,200
2871	B-21783	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 1200	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 1200 (ĐEN)	97,200
2872	B-21799	FLEECE DELTA MEDIUM 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC (MỊN) 94MM	59,400
2873	B-21808	FLEECE DELTA COARSE 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC (THỎ) 94MM	59,400
2874	B-21814	FLEECE DELTA WITHOUT GRIT 94MM	ĐÁNH BÓNG LÔNG CỪU TAM GIÁC 94MM	59,400
2875	B-21820	POLISHING FELT DELTA 94MM	GIẤY NHÂM TAM GIÁC 94MM	59,400
2876	B-21842	TORSION SCREW BIT (PH 1)X85MM 3PC.	VÍT TORSION (PH 1)X85MM 3PC	269,500
2877	B-22931	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	97,200
2878	B-22947	ABRASIVEPAPER DELTA RED 100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	86,400
2879	B-22953	ABRASIVEPAPER DELTA RED 150	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 150 (MÀU ĐỎ)	86,400
2880	B-22969	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU TRẮNG)	97,200
2881	B-23117	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX20MMX56T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO SUS 136MMX20MMX56T	1,166,000
2882	B-23151	TCT SAW BLADE FOR SUS 305MMX25.4MMX100T/LC1230	LƯỖI CỬA HỢP KIM305MMX25.4MMX100T/LC1230	5,852,000
2883	B-23248	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T305MM	550,000
2884	B-23254	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 10T305MM	550,000
2885	B-23357	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20MMX48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX20MMX48T	1,826,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2886	B-23391	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20MMX56T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX20MMX56T	2,068,000
2887	B-23450	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	33,000
2888	B-23466	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	33,000
2889	B-23472	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	33,000
2890	B-23488	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 1-25MM	33,000
2891	B-23494	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	33,000
2892	B-23503	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 3-25MM	33,000
2893	B-23519	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.5X4.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.5X4.0-25MM	33,000
2894	B-23525	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.6X4.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.6X4.5-25MM	33,000
2895	B-23531	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.8X5.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.8X5.5-25MM	33,000
2896	B-23581	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 8-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 8-25MM	33,000
2897	B-23597	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 10-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 10-25MM	33,000
2898	B-23606	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 15-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 15-25MM	33,000
2899	B-23612	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 20-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 20-25MM	33,000
2900	B-23628	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 25-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 25-25MM	33,000
2901	B-23634	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 27-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 27-25MM	33,000
2902	B-23640	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 30-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 30-25MM	33,000
2903	B-23656	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 40-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 40-25MM	33,000
2904	B-23662	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 1.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 1.5-25MM	33,000
2905	B-23678	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.0-25MM	33,000
2906	B-23684	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.5-25MM	33,000
2907	B-23690	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 3.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 3.0-25MM	33,000
2908	B-23709	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 4.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 4.0-25MM	33,000
2909	B-23715	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 5.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 5.0-25MM	33,000
2910	B-23721	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 6.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 6.0-25MM	33,000
2911	B-23737	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 8.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 8.0-25MM	44,000
2912	B-24119	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	33,000
2913	B-24125	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	33,000
2914	B-24131	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	33,000
2915	B-24511	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH1,2,3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH1,2,3-25MM	33,000
2916	B-24527	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ1,2,3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ1,2,3-25MM	33,000
2917	B-24533	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T20,T25,T30-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T20,T25,T30-25MM	33,000
2918	B-24876	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (100CÁI/BỘ),PH 2-25MM	572,000
2919	B-24882	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (100CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	572,000
2920	B-24957	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (100CÁI/BỘ),PH 2-25MM	517,000
2921	B-24963	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (100CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	517,000
2922	B-25018	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (100CÁI/BỘ),PH 2-25MM	517,000
2923	B-25177	SCREW BIT SET (50PCS./SET),PH 2-50MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (50CÁI/BỘ),PH 2-50MM	550,000
2924	B-26652	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2X38MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 2X38MM	66,000
2925	B-26668	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3X46MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3X46MM	99,000
2926	B-26674	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.1X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.1X49MM	115,500
2927	B-26680	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.2X49MM	121,000
2928	B-26696	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.3X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.3X49MM	126,500
2929	B-26705	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.5X52MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.5X52MM	132,000
2930	B-26711	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.8X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.8X55MM	154,000
2931	B-26727	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4X55MM	154,000
2932	B-26733	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.1X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.1X55MM	165,000
2933	B-26749	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.2X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.2X55MM	170,500
2934	B-26755	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.3X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.3X55MM	170,500
2935	B-26761	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.5X58MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.5X58MM	192,500
2936	B-26777	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.8X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.8X62MM	209,000
2937	B-26783	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.9X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.9X62MM	225,500
2938	B-26799	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5X62MM	225,500
2939	B-26808	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.1X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.1X62MM	264,000
2940	B-26814	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.2X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.2X62MM	264,000
2941	B-26820	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.5X66MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.5X66MM	264,000
2942	B-26836	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6X66MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 6X66MM	308,000
2943	B-26842	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 8X79MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 8X79MM	550,000
2944	B-26858	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 10X89MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 10X89MM	847,000
2945	B-28167	TORSION SCREW BIT PH1-50 2PC	VÍT TORSION PH1-50 2PC	126,500
2946	B-28189	TORSION SCREW BIT PH3-50 2PC	VÍT TORSION PH3-50 2PC	126,500
2947	B-28204	TORSION SCREW BIT SQ2-50 2PC	VÍT TORSION SQ2-50 2PC	136,400
2948	B-28210	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	136,400
2949	B-28226	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	136,400
2950	B-28232	TORSION SCREW BIT T15-50 2PC	VÍT TORSION T15-50 2PC	137,500
2951	B-28254	TORSION SCREW BIT T25-50 2PC	VÍT TORSION T25-50 2PC	136,400
2952	B-28313	TORSION ENDURO BIT METAL 2PC	VÍT TORSION ENDURO CHO KIM LOẠI 2PC	148,500
2953	B-28329	TORSION INSERT BIT PH1-25 2PC	VÍT TORSION PH1-25 2PC	66,000
2954	B-28391	TORSION INSERT BIT T10-25 2PC	VÍT TORSION T10-25 2PC	61,600
2955	B-28416	TORSION INSERT BIT T20-25 2PC	VÍT TORSION T20-25 2PC	66,000
2956	B-28488	TORSION GRIP INSERT BIT WOOD (PH 2)X25MM	VÍT TORSION CHO GỖ (PH 2)X25MM	93,500
2957	B-29072	FLEXIBLE BIT HOLDER 200MM	ĐẦU VÍT ĐEO 200M	126,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
2958	B-29094	FLEXIBLE BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẪO 300MM	154,000
2959	B-30128	BAND SAW BLADE 1140MM X 10TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 1140MM X 10TPI	528,000
2960	B-30564	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 228MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T228MM	506,000
2961	B-30570	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 228MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 10T228MM	506,000
2962	B-30586	MULTI TOOL SET/TILE SET 1	BỘ CẮT GẠCH 1 CHO MÁY ĐA NĂNG	1,724,800
2963	B-33772	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2.5X43(10)	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 2.5X43(10)	99,000
2964	B-33788	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6.5X70(21)	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 6.5X70(21)	423,500
2965	B-36762	FLAP WHEEL 25.4X25.4X6MM	NHÂM XẾP CUỘN 25.4X25.4X6MM	70,200
2966	B-36784	FLAP WHEEL/DIA.25.4MM, GRIT 80	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 25.4MM, HẠT:80	81,000
2967	B-36809	FLAP WHEEL/DIA.25.4MM, GRIT 120	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 25.4MM,HẠT 120	64,800
2968	B-36821	FLAP WHEEL 38.1X25.4X6MM	NHÂM XẾP CUỘN 38.1X25.4X6MM	124,200
2969	B-36887	FLAP WHEEL 50.8X25.4X6MM	NHÂM XẾP CUỘN 50.8X25.4X6MM	137,500
2970	B-36902	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM. GRIT 120	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM,HẠT:120	129,600
2971	B-36980	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 80	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM,HẠT:80	194,400
2972	B-37007	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 120	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM,HẠT:120	194,400
2973	B-37041	FLAP WHEEL 63.5X25.4X6MM	NHÂM XẾP CUỘN 63.5X25.4X6MM	221,400
2974	B-37085	FLAP WHEEL/DIA 63.5MM, GRIT 80	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 63.5MM,HẠT:80	259,200
2975	B-37100	FLAP WHEEL 76.0X25.4X6MM	NHÂM XẾP CUỘN 76.0X25.4X6MM	286,200
2976	B-37138	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 80	CUỘN NHÂM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM,HẠT:80	529,200
2977	B-37150	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 120	CUỘN NHÂM XẾP / ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM,HẠT:120	529,200
2978	B-38912	MAGNET NUTSETTER 1PC 6X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 6X50MM	44,000
2979	B-38928	MAGNET NUTSETTER 1PC 7X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 7X50MM	44,000
2980	B-38934	MAGNET NUTSETTER 1PC 8X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 8X50MM	44,000
2981	B-38940	MAGNET NUTSETTER 1PC 10X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 10X50MM	44,000
2982	B-38956	MAGNET NUTSETTER 1PC 12X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 12X50MM	49,500
2983	B-38962	MAGNET NUTSETTER 1PC 13X50MM	ĐẦU TUÝP DÀI VẠN ỐC 1PC 13X50MM	49,500
2984	B-39198	DIAMOND WHEEL SEGMENTED FOR CONCRETE 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG KIỂU PHÂN ĐOẠN DỪNG CẮT BÊ TÔNG 105MM	158,400
2985	B-39497	TCT SAW BLADE 216X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 216X25.4X48T	874,500
2986	B-39883	IMPACT SOCKET 3/8" 6X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 6X28MM	60,500
2987	B-39899	IMPACT SOCKET 3/8" 7X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 7X28MM	60,500
2988	B-39908	IMPACT SOCKET 3/8" 8X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 8X28MM	60,500
2989	B-39914	IMPACT SOCKET 3/8" 18X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 18X28MM	60,500
2990	B-39920	IMPACT SOCKET 3/8" 10X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 10X28MM	60,500
2991	B-39936	IMPACT SOCKET 3/8" 11X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 11X28MM	60,500
2992	B-39942	IMPACT SOCKET 3/8" 12X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 12X28MM	66,000
2993	B-39958	IMPACT SOCKET 3/8" 13X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 13X28MM	71,500
2994	B-39964	IMPACT SOCKET 3/8" 14X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 14X28MM	71,500
2995	B-39970	IMPACT SOCKET 3/8" 15X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 15X28MM	77,000
2996	B-39986	IMPACT SOCKET 3/8" 16X28MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 16X28MM	77,000
2997	B-39992	IMPACT SOCKET 3/8" 17X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 17X30MM	77,000
2998	B-40004	IMPACT SOCKET 3/8" 18X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 18X30MM	88,000
2999	B-40010	IMPACT SOCKET 3/8" 19X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 19X30MM	88,000
3000	B-40026	IMPACT SOCKET 3/8" 20X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 20X30MM	88,000
3001	B-40032	IMPACT SOCKET 3/8" 21X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 21X30MM	88,000
3002	B-40048	IMPACT SOCKET 3/8" 22X30MM	ĐẦU TUÝP 3/8" 22X30MM	99,000
3003	B-40054	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")8X38MM	66,000
3004	B-40060	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 9X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")9X38MM	66,000
3005	B-40076	SOCKET 1/2" 10X38MM ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" 10X38MM	66,000
3006	B-40082	IMPACT SOCKET 38MM(1/2")	ĐẦU TUÝP 38MM(1/2")	71,500
3007	B-40098	SOCKET 1/2" 12X38 ASSEMBLY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" 12X38MM	71,500
3008	B-40107	SOCKET 13-38 ASSY 127MM/1/2"	ĐẦU NỐI SOCKET 13 -38 127MM/1/2"	71,500
3009	B-40113	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2")14X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")14X38MM	71,500
3010	B-40129	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 15X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")15X38MM	71,500
3011	B-40135	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")16X38MM	82,500
3012	B-40141	SOCKET 17-38/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 17-38/12.7MM(1/2")	82,500
3013	B-40157	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")18X38MM	88,000
3014	B-40163	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 19X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")19X38MM	88,000
3015	B-40179	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 20X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")20X38MM	88,000
3016	B-40185	SOCKET 21-52/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 21-52/12.7MM(1/2")	88,000
3017	B-40191	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")22X38MM	99,000
3018	B-40200	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 23X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")23X38MM	126,500
3019	B-40216	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 24X38MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")24X38MM	132,000
3020	B-40222	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X42MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2") 27X42MM	137,500
3021	B-40238	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X44MM	ĐẦU TUÝP 12,7MM (1/2")30X44MM	154,000
3022	B-40244	SOCKET 32-50/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-50/12.7MM(1/2")	220,000
3023	B-40331	T.C.T SAW BLADE FOR ALUMINUM 136X20X50T	LƯỖI CẮT NHÔM 136X20X50T	1,072,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3024	B-40543	PORTABLE BAND SAW BLADE 14TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 14TPI	1,298,000
3025	B-40559	PORTABLE BAND SAW BLADE 18TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 18TPI	1,320,000
3026	B-40565	PORTABLE BAND SAW BLADE 24TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 24TPI	1,298,000
3027	B-42438	SHOCK DRIVER PH2 X125	VÍT ĐÓNG PH2 X125	550,000
3028	B-42444	SHOCK DRIVER PH3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PH3X150	605,000
3029	B-42450	SHOCK DRIVER PZ2 X125	TUA VÍT 4 CẠNH PZ2X125	533,500
3030	B-42466	SHOCK DRIVER PZ3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PZ3X150	605,000
3031	B-42983	THREADED ROD SOCKET BIT (M10)	ĐẦU VẶN VÍT REN(M10)	387,200
3032	B-43147	RECIPRO SAW FOR BI-METAL 152X25X1.1MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 152X25X1.1MM(5CÁI/BỘ)	462,000
3033	B-43212	RECIPRO SAW BLADE 305X25X1.1MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 305X25X1.1MM(5CÁI/BỘ)	676,500
3034	B-43228	RECIPRO SAW BLADE METAL 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM KIM LOẠI 305MM	676,500
3035	B-43256	RECIPRO SAW BLADE 225X22X1.6MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 225X22X1.6MM(5 CÁI/BỘ)	775,500
3036	B-43278	RECIPRO SAW BLADE 305X22X1.6MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 305X22X1.6MM(5 CÁI/BỘ)	902,000
3037	B-44884	COMBINATION 21PCS/SET(WOOD, METAL, MASONRY)	BỘ MŨI KHOAN 21CÁI/BỘ(GỖ, KIM LOẠI, TƯỜNG)	664,400
3038	B-45711	THIN CUT-OFF WHEEL 100X0.8X16	ĐÁ CẮT MÔNG 100X0.8X16	37,800
3039	B-45870	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 16X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 16X40MM	654,500
3040	B-45886	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 19X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 19X40MM	726,000
3041	B-45892	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 25X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 25X40MM	869,000
3042	B-45901	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 30X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 30X40MM	990,000
3043	B-45917	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 32X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 32X40MM	1,034,000
3044	B-45923	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 35X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 35X40MM	1,122,000
3045	B-45939	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 38X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 38X40MM	1,188,000
3046	B-45945	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 45X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 45X40MM	1,342,000
3047	B-45951	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 50X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 50X40MM	1,496,000
3048	B-45967	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 53X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 53X40MM	1,540,000
3049	B-45973	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 57X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 57X40MM	1,628,000
3050	B-45989	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 64X40MM	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 64X40MM	1,804,000
3051	B-45995	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 16X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 16X40MM	396,000
3052	B-46006	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 19X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 19X40MM	467,500
3053	B-46012	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 25X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 25X40MM	616,000
3054	B-46028	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 30X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 30X40MM	731,500
3055	B-46034	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 32X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 32X40MM	781,000
3056	B-46040	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 35X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 35X40MM	852,500
3057	B-46056	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 38X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 38X40MM	924,000
3058	B-46062	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 45X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 45X40MM	1,089,000
3059	B-46078	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 50X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 50X40MM	1,232,000
3060	B-46084	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 53X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 53X40MM	1,298,000
3061	B-46090	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 57X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 57X40MM	1,386,000
3062	B-46109	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 64X40MM	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 64X40MM	1,540,000
3063	B-46115	SHANK WITH PILOT DRILL FOR 13MM	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM 13MM	269,500
3064	B-46121	PILOT DRILL FOR 13MM DRILL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM 13MM	110,000
3065	B-46137	SHANK FOR 13MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG 13MM	181,500
3066	B-46296	T.C.T SAW BLADE FOR METAL 150X20X32T	LƯỖI CỬA T.C.T CHO KIM LOẠI 150X20X32T	929,500
3067	B-47008	T.C.T SAW BLADE FOR THIN SHEET METAL 150X20X52T	LƯỖI CỬA CHO TẤM KIM LOẠI MÔNG 150X20X52T 150X20X52T	1,122,000
3068	B-47014	T.C.T SAW BLADE FOR STAINLESS / METAL 150X20X52T	LƯỖI CỬA CHO INOX/KIM LOẠI 150X20X52T	1,276,000
3069	B-47020	T.C.T SAW BLADE FOR ALUMINUM 150X20X60T	LƯỖI CỬA CHO NHÔM 150X20X52T	1,122,000
3070	B-48767	SCREW GUIDE BIT HOLDER 120MM	THANH GIỮ ĐẦU VÍT 120MM	83,600
3071	B-48832	GROOVING TCT SAW BLADE 118MM (90 DEGREES)118X20MMX6T	LƯỖI CỬA RÃNH TCT 118MM (90°)118X20MMX6T	4,136,000
3072	B-48860	GROOVING TCT SAW BLADE 118X20MMX6T 135°	LƯỖI CỬA RÃNH TCT 118X20MMX6T 135°	4,664,000
3073	B-49448-5	THICKNESS DOUBLE REINFORCED ABRASIVE CUT OFF WHEEL 355X2.5X25.4	ĐÁ CẮT SẮT MÔNG TRIỆT TIỂU ĐỘ RUNG 2 LẦN 355X2.5X25.4	556,200
3074	B-49703	BOARD CUTTER BLADE	LƯỖI CẮT THẠCH CAO	467,500
3075	B-49703-10	BOARD CUTTER BLADE FOR PLASTERBOARD(10PCS/SET)/DSD180	LƯỖI CẮT THẠCH CAO(10CÁI/BỘ)/DSD180	2,222,000
3076	B-49719	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD	LƯỖI CẮT GỖ TÂM (CHO MÁY CẮT THẠCH CAO)	621,500
3077	B-49719-10	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD(10PCS/SET)/DSD180	LƯỖI CẮT GỖ(10CÁI/BỘ)/DSD180	2,860,000
3078	B-49834	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 152MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 152MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	429,000
3079	B-49840	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 228MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 228MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	588,500
3080	B-49856	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 305MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 305MM X 1.25MM 6-8TPI(TC)	737,000
3081	B-51356	FLEXIBLE GRINDING WHEEL FOR STONE GC60P 100x3x16MM	ĐÁ MÀI CHO ĐÁ GC60P 100X3X16MM	37,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3082	B-51362	FLEXIBLE GRINDING WHEEL FOR STONE GC80P 100x3x16MM	ĐÁ MÀI CHO ĐÁ GC80P 100X3X16MM	37,800
3083	B-51378	FLEXIBLE GRINDING WHEEL FOR STONE GC120P 100x3x16MM	ĐÁ MÀI CHO ĐÁ GC120P 100X3X16MM	37,800
3084	B-51493	ABRASIVE DISC 150MM A400	GIẤY NHẪM TRÒN 150MM A400	167,400
3085	B-51649	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC GRINDER 100X2.2X16	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 CHO MÁY MÀI DC 100X2.2X16	32,400
3086	B-51823	DIAMOND PIN DRILL 6MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 6MM	847,000
3087	B-51839	DIAMOND PIN DRILL 8MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 8MM	918,500
3088	B-51845	DIAMOND PIN DRILL 10MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 10MM	918,500
3089	B-51851	FLEXIBLE TOUGH BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẸO 300MM	737,000
3090	B-51904	GRINDING WHEEL 150MM FOR BENCH GRINDER(A36)	ĐÁ MÀI 150MM (A36)	324,000
3091	B-51910	GRINDING WHEEL (BENCH,150)	ĐÁ MÀI (MÁY MÀI HAI ĐÁ, 150)	270,000
3092	B-51932	GRINDING WHEEL (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	ĐÁ MÀI (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	399,600
3093	B-51948	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI 205MM	464,400
3094	B-51960	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI CHO MÁY MÀI 2 ĐÁ 205MM	491,400
3095	B-51976	GRINDING WHEEL (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	ĐÁ MÀI (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	691,200
3096	B-52043	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 152MM	LƯỚI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T152MM	473,000
3097	B-52146	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 8X81,5MM	88,000
3098	B-52152	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 10X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 10X81,5MM	88,000
3099	B-52168	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 11X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 11X81,5MM	88,000
3100	B-52174	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 12X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 12X81,5MM	88,000
3101	B-52180	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 13X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 13X81,5MM	88,000
3102	B-52196	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 14X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 14X81,5MM	93,500
3103	B-52205	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 16X81,5MM	93,500
3104	B-52211	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 17X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 17X81,5MM	110,000
3105	B-52227	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 18X81,5MM	115,500
3106	B-52233	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 19X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 19X81,5MM	121,000
3107	B-52249	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 21X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 21X81,5MM	143,000
3108	B-52255	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 22X81,5MM	154,000
3109	B-52261	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 24X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 24X81,5MM	170,500
3110	B-52277	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 27X81,5MM	187,000
3111	B-52283	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 30X81,5MM	209,000
3112	B-52299	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 32X81,5MM	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 32X81,5MM	231,000
3113	B-52308	IMPACT DEEP SOCKET 14PCS SET/1/2"/10-32MM	BỘ ĐẦU TUÝP DÀI 14 CÁI/1/2"/10-32MM	2,288,000
3114	B-52576	HOLLOW SOCKET 13MMX75MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 13MMX75MM (MZ)	544,500
3115	B-52582	HOLLOW SOCKET 13MMX150MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 13MMX150MM (MZ)	599,500
3116	B-52598	HOLLOW SOCKET 13MMX300MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 13MMX300MM (MZ)	649,000
3117	B-52613	HOLLOW SOCKET 13MMX700MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 13MMX700MM (MZ)	1,170,400
3118	B-52629	HOLLOW SOCKET 17MMX75MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 17MMX75MM (MZ)	555,500
3119	B-52635	HOLLOW SOCKET 17MMX150MM(MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 17MMX150MM(MZ)	638,000
3120	B-52641	HOLLOW SOCKET 17MMX300MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 17MMX300MM (MZ)	642,400
3121	B-52657	HOLLOW SOCKET 17MMX500MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 17MMX500MM (MZ)	1,034,000
3122	B-52663	HOLLOW SOCKET 17MMX700MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẬN ỚC SẮT REN 17MMX700MM (Mz)	1,342,000
3123	B-52716	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	357,500
3124	B-52722	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	357,500
3125	B-52738	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	357,500
3126	B-52744	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	357,500
3127	B-52750	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	357,500
3128	B-52766	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	357,500
3129	B-52772	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	357,500
3130	B-52788	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	357,500
3131	B-52794	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF10X20X6MM)	357,500
3132	B-52803	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	357,500
3133	B-52819	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	357,500
3134	B-52825	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	357,500
3135	B-52831	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	357,500
3136	B-52847	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	357,500
3137	B-52853	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	357,500
3138	B-52934	SCREW GUIDE BIT HOLDER CLEAR TYPE	THANH GIỮ ĐẦU VÍT LOẠI TRONG SUỐT	88,000
3139	B-53160	PCD OFFSET DIAMOND 125 X 22.23MM	LƯỚI BẢO SƠN 125X22.23MM	3,146,000
3140	B-53279	TCT SAW BLADE 165MMX20MM X44T FOR MDF & WOOD	LƯỚI CỬA HỢP KIM CHO MDF VÀ GỖ 165X20X44T	924,000
3141	B-53671	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 100MM	LƯỚI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN ĐA NĂNG 100MM	825,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3142	B-53693	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN ĐA NĂNG 125MM	973,500
3143	B-53702	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN ĐA NĂNG 180MM	1,540,000
3144	B-53718	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN ĐA NĂNG 230MM	2,442,000
3145	B-54081	RACHET SCREW BIT SET MINI RATCHET WRENCH 21PCS	BỘ MŨI VẶN VÍT CỔ CẦN SIẾT 21PCS	693,000
3146	B-54128	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X110MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X110MM	44,000
3147	B-54134	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X160MM	44,000
3148	B-54140	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X110MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X110MM	44,000
3149	B-54156	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X160MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X160MM	49,500
3150	B-54162	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X210MM	49,500
3151	B-54178	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X110MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X110MM	49,500
3152	B-54184	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X160MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X160MM	49,500
3153	B-54190	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X160MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X160MM	60,500
3154	B-54209	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X210MM	66,000
3155	B-54215	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X160MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X160MM	71,500
3156	B-54221	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X210MM	77,000
3157	B-54302	EARTH AUGER DRILL SET 20MM(13/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 20MM(13/16")	5,214,000
3158	B-54318	EARTH AUGER DRILL SET 25MM(1")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 25MM(1")	5,258,000
3159	B-54324	EARTH AUGER DRILL SET 30MM(1-3/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 30MM(1-3/16")	5,830,000
3160	B-54330	EARTH AUGER DRILL SET 35MM(1-3/8")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 35MM(1-3/8")	6,710,000
3161	B-54380	SOCKET SET 3/4 " FOR EARTH AUGER DRILL	ĐẦU TUÝP 3/4" CHO MŨI KHOAN ĐẤT	1,111,000
3162	B-54396	PIN FOR 3/4" SQ. SOCKET	CHÓT 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	132,000
3163	B-54405	O-RING FOR 3/4" SQ. SOCKET	VÒNG CAO SU 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	27,000
3164	B-54542	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 8MM-16MM 3PCS/SET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 8MM ĐẾN 16MM 3 CÁI/BỘ	21,600
3165	B-54558	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 17MM 3PCS/SET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 17MM 3 CÁI/BỘ	21,600
3166	B-54564	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 18MM AND 19MM 3PCS/SET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 18MM ĐẾN 19MM 3 CÁI/BỘ	21,600
3167	B-54570	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 20MM-32MM 3PCS/SET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 20MM ĐẾN 32MM 3 CÁI/BỘ	21,600
3168	B-54586	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 8MM-16MM 3 PSC/SET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 8MM ĐẾN 16MM 3 CÁI/BỘ	22,000
3169	B-54592	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 17MM 3PCS/SET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 17MM 3 CÁI/BỘ	22,000
3170	B-54601	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 18MM AND 19MM 3 PCS/SET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 18MM ĐẾN 19MM 3 CÁI/BỘ	27,500
3171	B-54617	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 20MM-32MM 3 PCS/SET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 20MM ĐẾN 32MM 3 CÁI/BỘ	27,500
3172	B-54689	3/8" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ)	CHUYỂN ĐỔI TỪ CHUÔI VẶN VÍT (NZ 3/8")	44,000
3173	B-54695	1/2" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ)	CHUYỂN ĐỔI TỪ CHUÔI VẶN VÍT (NZ 1/2")	60,500
3174	B-55310	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 125MM	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỨU HỘ 125MM	1,122,000
3175	B-55326	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 230X3.1X22.23MM	LƯỖI KIM CƯỜNG CỨU HỘ 230X3.1X22.23MM	2,904,000
3176	B-55332	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 300MM	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỨU HỘ 300MM	3,388,000
3177	B-55348	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 350MM	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỨU HỘ 350MM	4,246,000
3178	B-55398	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 7MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 7MM CỐT 3/8"	77,000
3179	B-55407	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 8MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 8MM CỐT 3/8"	77,000
3180	B-55413	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 9MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 9MM CỐT 3/8"	77,000
3181	B-55429	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 10MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 10MM CỐT 3/8"	77,000
3182	B-55435	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 11MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 11MM CỐT 3/8"	77,000
3183	B-55441	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 12MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 12MM CỐT 3/8"	77,000
3184	B-55457	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 13MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 13MM CỐT 3/8"	77,000
3185	B-55463	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 14MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 14MM CỐT 3/8"	77,000
3186	B-55479	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 15MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 15MM CỐT 3/8"	93,500
3187	B-55485	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 16MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 16MM CỐT 3/8"	93,500
3188	B-55491	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 17MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 17MM CỐT 3/8"	99,000
3189	B-55500	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 18MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 18MM CỐT 3/8"	110,000
3190	B-55516	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 19MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 19MM CỐT 3/8"	110,000
3191	B-55522	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 20MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 20MM CỐT 3/8"	115,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3192	B-55538	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 21MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 21MM CỐT 3/8"	132,000
3193	B-55544	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 22MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 22MM CỐT 3/8"	137,500
3194	B-55550	IMPACT DEEP SOCKET 14PCS SET/3/8"/8-22MM	BỘ ĐẦU TUÝP DÀI 14 CÁI/3/8"/8-22MM	1,529,000
3195	B-55697	COLOR SCREW BIT SET 43PCS	BỘ MŨI VÍT MÀU 43CÁI	803,000
3196	B-55706	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 250MM (WITH O-RING&PIN)	ĐẦU NỔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 250MM(KÈM CHỐT VÀ VÒNG ĐỆM)	198,000
3197	B-55712	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 150MM(WITH O-RING&PIN)	ĐẦU NỔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 150MM(KÈM CHỐT VÀ VÒNG ĐỆM)	148,500
3198	B-55728	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 75MM (WITH O-RING&PIN)	ĐẦU NỔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 75MM (KÈM CHỐT VÀ VÒNG ĐỆM)	110,000
3199	B-55762	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 1/2" ADAPTER SET 9PCS/NZ/8-18MM	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" CÓ ĐẦU CHUYỂN/NZ/8-18MM	577,500
3200	B-55778	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 3/8" ADAPTER SET 9PCS/NZ/8-10MM	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/8" CÓ ĐẦU CHUYỂN/NZ/8-10MM	495,000
3201	B-55859	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS4X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 4X110MM	44,000
3202	B-55865	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS5.5X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X110MM	44,000
3203	B-55871	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS5.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X160MM	49,500
3204	B-55887	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS6.5X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X110MM	49,500
3205	B-55893	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS6.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X160MM	49,500
3206	B-55902	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS6.5X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X210MM	60,500
3207	B-55918	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS6.5X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X260MM	66,000
3208	B-55924	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 7X110MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 7X110MM	49,500
3209	B-55930	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 7X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 7X160MM	49,500
3210	B-55946	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS7X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 7X210MM	60,500
3211	B-55952	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 8X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 8X210MM	60,500
3212	B-55968	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 8X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 8X260MM	71,500
3213	B-55974	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS9X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 9X160MM	60,500
3214	B-55980	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X110MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 10X110MM	60,500
3215	B-55996	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 10X260MM	82,500
3216	B-56007	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X310MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 10X310MM	88,000
3217	B-56013	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 10X460MM	148,500
3218	B-56029	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 12X260MM	99,000
3219	B-56035	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 12X350MM	115,500
3220	B-56041	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 12X460MM	165,000
3221	B-56057	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS13X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X160MM	99,000
3222	B-56063	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 14X160MM	115,500
3223	B-56079	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 14X210MM	126,500
3224	B-56085	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 14X260MM	137,500
3225	B-56091	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 14X350MM	148,500
3226	B-56100	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 14X460MM	187,000
3227	B-56116	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 16X160MM	121,000
3228	B-56122	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 16X210MM	143,000
3229	B-56138	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X310MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 16X310MM	170,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3230	B-56144	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 16X350MM	187,000
3231	B-56150	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM 16X460MM	214,500
3232	B-56166	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX48T FOR FOR WOOD (CLEAN CUT)	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO GỖ 165MMX20MMX48T	1,100,000
3233	B-56384	GRINDING WHEEL FOR HEAVY INDUSTRIES A24S 125X7.2X22.23	ĐÁ MÀI CHO CÔNG NGHIỆP NẶNG A24S 125X7.2X22.23	59,400
3234	B-56390	GRINDING WHEEL FOR HEAVY INDUSTRIES AZ24N 125X7.2X22.23	ĐÁ MÀI CHO CÔNG NGHIỆP NẶNG AZ24N 125X7.2X22.23	64,800
3235	B-56465	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS17X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 17X210MM	170,500
3236	B-56471	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS17X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 17X350MM	214,500
3237	B-56487	TCT SAW BLADE 165X20X64T WOOD/DLS600	LƯỖI CỬA GỖ T.C.T 165X20X64T/DLS600	962,500
3238	B-56530	TIP SAW 165X20X60T. FOR ALUMINIUM	LƯỖI CẮT HỢP KIM CHO NHÔM 165X20X60T	1,045,000
3239	B-56580	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 190X0.6X8.5MM	LƯỖI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 190X0.6X8.5MM	198,000
3240	B-56596	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 190MM X 0.6MM X 15TPI(HCS)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO TRE, GỖ 190MM X 0.6MMX 15TPI(HCS)	209,000
3241	B-56649	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX28T FOR WOOD (ROUGH CUT) SP600D	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO GỖ 165MMX20MMX28T	951,500
3242	B-56655	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX56T FOR ALUMIUM SP600D	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO NHÔM 165MMX20MMX56T	1,540,000
3243	B-56661	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FOR MDF (HI-ATB: FINE FINISH) SP600D	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM 165MMX20MMX60T	1,320,000
3244	B-56677	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FOR MDF (TCG: LONG LIFE)	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO MDF 165MMX20MX60T	1,320,000
3245	B-56683	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX48T FOR ARTIFICIAL STONE CORIAN SP600D	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM ĐÁ NHÂN TẠO 165MM20MMX48T	1,518,000
3246	B-57059	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX55T FOR WOOD/MDF/LAMINATE	T.C.T LƯỖI CỬA HỢP KIM 165MMX20MMX55T	885,500
3247	B-57130	TAPE MEASURE 3.5M	THƯỚC KÉO 3.5M	237,600
3248	B-57146	TAPE MEASURE 5.5M	THƯỚC KÉO 5.5M	518,400
3249	B-57152	TAPE MEASURE 7.5M	THƯỚC KÉO 7.5M	631,800
3250	B-57168	TAPE MEASURE 10M	THƯỚC KÉO 10M	739,800
3251	B-57174	TAPE MEASURE WITH HOLDER & SAFETY CORD	THƯỚC KÉO 7.5M (CÓ MÓC TREO)	1,101,600
3252	B-57364	TCT BLADE 165X20X56T WOOD/MDF	LƯỖI CẮT GỖ/MDF TCT 165X20X56T	1,067,000
3253	B-57386	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 225X0.9X8.5MM	LƯỖI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 225X0.9X8.5MM	308,000
3254	B-57392	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD, PVC 225MM X 0.9MM X 15TPI(HCS)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO TRE,GỖ 225MMX0.9MMX15TPI(HCS)	341,000
3255	B-57401	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3X90 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3X90MM 1CÁI (SDS-PLUS)	44,000
3256	B-57417	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3.5X100 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3.5X100MM 1CÁI (SDS-PLUS)	55,000
3257	B-57423	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4X105 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4X105MM 1CÁI(SDS-PLUS)	55,000
3258	B-57439	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4.5X110 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4.5X110MM 1CÁI (SDS-PLUS)	60,500
3259	B-57445	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5X116 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5X116MM 1CÁI(SDS-PLUS)	71,500
3260	B-57451	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5.5X123 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5.5X123MM 1CÁI (SDS-PLUS)	77,000
3261	B-57467	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6X123 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6X123MM 1CÁI(SDS-PLUS)	77,000
3262	B-57473	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6.5X131 1PC (SDS-PLUS SHANK)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6.5X131MM 1CÁI (SDS-PLUS)	88,000
3263	B-57489	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 4X105 1PC (SDS-PLUS SHANK)	MŨI KHOAN GỖ 4X105 1CÁI (CHUÔI SDS-PLUS)	55,000
3264	B-57495	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 5X116 1PC (SDS-PLUS SHANK)	MŨI KHOAN GỖ 5X116 1CÁI (CHUÔI SDS-PLUS)	55,000
3265	B-57504	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 6X123 1PC (SDS-PLUS SHANK)	MŨI KHOAN GỖ 6X123 1CÁI (CHUÔI SDS-PLUS)	60,500
3266	B-57510	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 8X147 1PC (SDS-PLUS SHANK)	MŨI KHOAN GỖ 8X147 1CÁI (CHUÔI SDS-PLUS)	66,000
3267	B-57526	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 10X163 1PC (SDS-PLUS SHANK)	MŨI KHOAN GỖ 10X163 1CÁI (CHUÔI SDS-PLUS)	71,500
3268	B-57532	SDS-PLUS SHANK DRILL BITS SET 3,4,5,6,MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN CHUÔI SDS-PLUS 3,4,5,6,MM(5CÁI)	253,000
3269	B-57548	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER WITH SDS-PLUS SHANK	ĐẦU CHUYÊN ĐỔI VẶN VÍT CHUÔI SDS-PLUS	115,500
3270	B-57554	MAGNET NUTSETTER 4PCS(8,10,12,13)X48MM SDS-PLUS SHANK	ĐẦU TUÝP VẶN ỐC 4CÁI(8,10,12,13)X48M(CHUÔI SDS-PLUS)	121,000
3271	B-57576	EARTH AUGER DRILL SET 40MM(1-9/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 40MM (1-9/16")	8,448,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3272	B-57897	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5X110MM	121,000
3273	B-57906	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5X160MM	126,500
3274	B-57912	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5X215MM	176,000
3275	B-57928	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5X265MM	192,500
3276	B-57934	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5X315MM	313,500
3277	B-57940	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5.5X115MM	121,000
3278	B-57956	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 5.5X165MM	126,500
3279	B-57962	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6X115MM	121,000
3280	B-57978	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6X165MM	126,500
3281	B-57984	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X215	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6X215MM	176,000
3282	B-57990	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X265	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6X265MM	192,500
3283	B-58001	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6X315MM	313,500
3284	B-58023	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6.5X165MM	143,000
3285	B-58045	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6.5X265MM	247,500
3286	B-58051	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X315	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 6.5X315MM	313,500
3287	B-58067	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 7X115MM	148,500
3288	B-58073	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 7X165MM	148,500
3289	B-58089	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 7X215MM	192,500
3290	B-58095	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X115MM	154,000
3291	B-58104	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X165MM	148,500
3292	B-58110	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X215MM	192,500
3293	B-58126	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X265MM	247,500
3294	B-58132	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X315MM	319,000
3295	B-58154	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X465MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 8X465MM	462,000
3296	B-58176	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 9X165MM	148,500
3297	B-58182	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 9X265MM	253,000
3298	B-58198	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X115MM	154,000
3299	B-58207	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X165MM	159,500
3300	B-58213	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X215MM	198,000
3301	B-58229	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X265MM	258,500
3302	B-58235	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X315MM	324,500
3303	B-58257	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X455MM	429,000
3304	B-58263	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 10X600MM	654,500
3305	B-58285	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 11X160MM	165,000
3306	B-58322	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X160MM	165,000
3307	B-58338	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X210MM	198,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3308	B-58344	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X260MM	242,000
3309	B-58350	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X310MM	308,000
3310	B-58366	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X450MM	445,500
3311	B-58394	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X160MM	209,000
3312	B-58425	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X310MM	418,000
3313	B-58431	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X160MM	231,000
3314	B-58447	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X210MM	308,000
3315	B-58453	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X260	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X260MM	357,500
3316	B-58475	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X450MM	462,000
3317	B-58506	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 15X160MM	302,500
3318	B-58540	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X160MM	352,000
3319	B-58556	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X210MM	396,000
3320	B-58562	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X260MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X260MM	440,000
3321	B-58578	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X310MM	467,500
3322	B-58584	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X450MM	577,500
3323	B-58615	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 18X250MM	632,500
3324	B-58621	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 18X450MM	698,500
3325	B-58637	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 20x250MM	687,500
3326	B-58659	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 20X450MM	797,500
3327	B-58665	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 22X250MM	753,500
3328	B-58687	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X450	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 22X450MM	979,000
3329	B-58693	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 24X250MM	1,067,000
3330	B-58702	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 24X450MM	1,072,500
3331	B-58718	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 25X250MM	962,500
3332	B-58724	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 25X450MM	1,232,000
3333	B-58746	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 28X250MM	1,298,000
3334	B-58752	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 28X450MM	1,452,000
3335	B-58768	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 30X250MM	1,452,000
3336	B-58774	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 30X450MM	1,518,000
3337	B-58780	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 32X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 32X455MM	1,914,000
3338	B-62022	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 24T	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 185MM x 20 x 24T	451,000
3339	B-62125	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X210MM18X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X210MM	187,000
3340	B-62131	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X350MM18X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X350MM	225,500
3341	B-62147	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X210MM19X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 19X210MM	225,500
3342	B-62153	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X350MM19X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 19X350MM	269,500
3343	B-62169	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X210MM20X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X210MM	236,500
3344	B-62175	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X350MM20X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X350MM	275,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3345	B-62181	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X210MM22X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X210MM	352,000
3346	B-62197	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X350MM22X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X350MM	352,000
3347	B-62206	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X210MM24X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X210MM	396,000
3348	B-62212	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X350MM24X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X350MM	429,000
3349	B-62228	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X210MM25X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X210MM	401,500
3350	B-62234	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X350MM25X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X350MM	434,500
3351	B-62240	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X210MM28X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 28X210MM	511,500
3352	B-62256	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X350MM28X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 28X350MM	544,500
3353	B-62262	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X210MM30X210MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 30X210MM	638,000
3354	B-62278	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X350MM30X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 30X350MM	676,500
3355	B-62284	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ32X350MM32X350MM	MŨI KHOAN BÊ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 32X350MM	819,500
3356	B-62496	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 6X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X110MM	55,000
3357	B-62505	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 6X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X160MM	55,000
3358	B-62511	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X210MM	60,500
3359	B-62527	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X260MM	71,500
3360	B-62533	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X110MM	60,500
3361	B-62549	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X160MM	60,500
3362	B-62555	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X210MM	66,000
3363	B-62561	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6.5X260MM	77,000
3364	B-62577	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X110MM	66,000
3365	B-62583	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X160MM	66,000
3366	B-62599	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 7X210MM	71,500
3367	B-62608	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X110MM	71,500
3368	B-62614	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X160MM	71,500
3369	B-62620	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X210MM	82,500
3370	B-62636	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X260MM	82,500
3371	B-62642	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X310MM	88,000
3372	B-62658	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 8X460MM	148,500
3373	B-62664	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 10X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X110MM	93,500
3374	B-62670	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 10X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X160MM	88,000
3375	B-62686	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 10X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X210MM	104,500
3376	B-62692	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 10X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X260MM	121,000
3377	B-62701	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X310MM	115,500
3378	B-62717	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X350MM	121,000
3379	B-62723	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 10X460MM	176,000
3380	B-62739	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 12X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X160MM	132,000
3381	B-62745	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X210MM	137,500
3382	B-62751	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X260MM	148,500
3383	B-62767	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X310MM	154,000
3384	B-62773	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X350MM	159,500
3385	B-62789	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 12X460MM	214,500
3386	B-62795	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X160MM	192,500
3387	B-62804	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X210MM	198,000
3388	B-62810	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 14X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X260MM	214,500
3389	B-62826	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 14X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X310MM	214,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3390	B-62832	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 14X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X350MM	220,000
3391	B-62848	4CUTTER FOR SDS-PLUS 14X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 14X460MM	247,500
3392	B-62854	4CUTTER FOR SDS-PLUS 16X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X160MM	220,000
3393	B-62860	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X210MM	242,000
3394	B-62876	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 16X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X260MM	253,000
3395	B-62882	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X310MM	269,500
3396	B-62898	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 16X350MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X350MM	275,000
3397	B-62907	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 16X460MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 16X460MM	313,500
3398	B-63018	TCT SAW BLADE EFFICUT SPECIALIZED FOR DC CIRCULAR SAW 165MM×20MM×25T	LƯỠI CỬA HỢP KIM EFFICUT CHO MÁY PIN 165MMX20MMX25T	693,000
3399	B-63096	BIT CATCHER NZ(MAKITA BLUE)	MỐC TREO MŨI VÍT (MÀU XANH)	259,600
3400	B-63111	KEY ADAPTER NZ	MỐC TREO CHÌA KHÓA NZ	93,500
3401	B-63161	T.C.T SAW BALDE 165MM×20MM×42T	LƯỠI CẮT HỢP KIM 165MM×20MM×42T	1,342,000
3402	B-63585	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 305MM X 1.5MM X 3TPI	LƯỠI CỬA KIỂM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ 305MM X	808,500
3403	B-63591	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 400MM X 1.5MM X 2TPI	LƯỠI CỬA KIỂM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ 400MM X	1,067,000
3404	B-64200	TCT SAW BLADE IDEAL FOR DC CIRCULAR SAW 190MM×20MM×24T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO MÁY PIN 190MMX20MMX24T	676,500
3405	B-64238	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-PLUS 250	214,500
3406	B-64244	PREMIUM COLD CHISEL FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC ĐẸP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	214,500
3407	B-64250	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC ĐẸP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	346,500
3408	B-64266	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-MAX 400	MŨI ĐỤC NHỌN TỰ MÀI SDS-MAX 400	379,500
3409	B-64272	PREMIUM COLD CHISEL FORSDS-MAX 400	MŨI ĐỤC ĐẸP TỰ MÀI SDS-MAX 400	379,500
3410	B-64288	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-MAX 380	MŨI ĐỤC ĐẸP TỰ MÀI SDS-MAX 380	478,500
3411	B-64353-5	14" CUT-OFF WHEEL FAST CUT TYPE 355x3.0x25.4	ĐÁ CẮT NHANH 14" 355x3.0x25.4	507,600
3412	B-64381	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 12X325MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD12X325MM	1,628,000
3413	B-64397	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 14X360MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD14X360MM	1,716,000
3414	B-64406	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 16X360MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD16X360MM	1,804,000
3415	B-64412	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 18X360MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD18X360MM	2,156,000
3416	B-64440	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 20X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD20X600MM	3,960,000
3417	B-64456	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 22X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD22X600MM	4,048,000
3418	B-64478	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 25X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD25X600MM	4,202,000
3419	B-64484	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 28X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD28X600MM	4,708,000
3420	B-64509	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 30X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD30X600MM	4,862,000
3421	B-64521	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 32X600MM	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỐNG HÚT BỤI, CHUỖI SD32X600MM	5,082,000
3422	B-64565-5	CUT OFF WHEEL 355X2.8X25.4	ĐÁ CẮT 355X2.8X25.4	691,200
3423	B-64668	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MM X 25.4MM×45T	LƯỠI CỬA HỢP KIM EFFICUT 260MMX25.4MMX45	1,232,000
3424	B-64696-5	CUT-OFF WHEEL 14" IDEAL FOR CORDLESS TOOLS 355x 2.5x25.4	ĐÁ CẮT 14" DÙNG CHO MÁY PIN 355x 2.5x25.4	702,000
3425	B-64799	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA045	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 85/TMA045	528,000
3426	B-64808	SEGMENT SAW BLADE 100/TMA046	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 100/TMA046	720,500
3427	B-64814	PLUNGE CUT SAW BLADE 28/TMA047	LƯỠI CỬA 28/TMA047	363,000
3428	B-64820	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA048	LƯỠI CỬA 65/TMA048	478,500
3429	B-64836	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA049	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 85/TMA049	423,500
3430	B-64842	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA050	LƯỠI CỬA 20/TMA050	264,000
3431	B-64858	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA051	LƯỠI CỬA 32/TMA051	291,500
3432	B-64864	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA052	LƯỠI CỬA 65/TMA052	330,000
3433	B-64870	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA053	LƯỠI CỬA 32/TMA053	418,000
3434	B-64886	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA054	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẰNG 32/TMA054	286,000
3435	B-64892	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA055	LƯỠI CỬA 65/TMA055	478,500
3436	B-64901	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA056	LƯỠI CỬA 65/TMA056	352,000
3437	B-64917	PLUNGE CUT SAW BLADE 10/TMA057	LƯỠI CỬA 10/TMA057	225,500
3438	B-64923	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA058	LƯỠI CỬA 20/TMA058	247,500
3439	B-64939	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA059	LƯỠI CỬA 32/TMA059	418,000
3440	B-64945	HM BAR PLUNGE BLADE 20/TMA060	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẰNG 20/TMA060	528,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3441	B-64951	HM BAR PLUNGE BLADE 32/TMA061	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA061	720,500
3442	B-64967	SEGMENT KNIFE BLADE/TMA063	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA063	682,000
3443	B-64973	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA064	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 85/TMA064	742,500
3444	B-64989	SCRAPER 52 RIGID/TMA065	LƯỠI LỐC 52X26 CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA065	247,500
3445	B-64995	SCRAPER 52 FLEXIBLE/TMA066	LƯỠI LỐC 52X45 CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA066	231,000
3446	B-65006	GENERAL JOINT CUTTER/TMA067	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA067	429,000
3447	B-65012	UNIVERSAL PURPOSE KNIFE/TMA068	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/TMA068	495,000
3448	B-65028	HM SEG SAW BLADE 85/TMA069	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 85/TMA069	819,500
3449	B-65034	DIAMOND SEG SAWBLADE 85/TMA070	LƯỠI CỬA KIM CƯƠNG 85/TMA070	1,342,000
3450	B-65040	HM SEG SAW BLADE 65/TMA071	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 65/TMA071	654,500
3451	B-65056	HM SEG SAW BLADE 85/TMA072	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 85/TMA072	599,500
3452	B-65062	HM SANDING PLATE 78/TMA073	HM SANDING PLATE 78/TMA073	680,400
3453	B-65078	TC REMOVER/TMA074	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA074	1,166,000
3454	B-65084	HM PLUNGE BLADE 32/TMA075	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA075	654,500
3455	B-65090	TC REMOVER/TMA076	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA076	555,500
3456	B-65109	TC REMOVER/TMA077	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA077	550,000
3457	B-65115	SANDING PAD FOR MULTI TOOL/TMA078	ĐỆ CHẢ NHÁM CHO MÁY ĐA NĂNG/TMA078	340,200
3458	B-65414	ADJUSTABLE WRENCH 150MM	CỖ LÊ 150MM	330,000
3459	B-65420	ADJUSTABLE WRENCH 200MM	CỖ LÊ 200MM	418,000
3460	B-65436	ADJUSTABLE WRENCH 250MM	CỖ LÊ 250MM	533,500
3461	B-65486	WATER PUMP PLIER 250MM	KIỂM MÓ QUA 250MM	616,000
3462	B-65492	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỂM MÓ QUA 300MM	759,000
3463	B-65539	COMBINATION WRENCH 9 PCS/SET	BỘ CỖ LÊ VÒNG MIỆNG 9 CÁI/BỘ	1,001,000
3464	B-65545	FLARE NUT WRENCH 5 PCS/SET	BỘ CỖ LÊ MỖ ĐAI ỐC 5 CÁI/BỘ	511,500
3465	B-65551	DOUBLE BOX WRENCH 5 PCS/SET	BỘ CỖ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 5 CÁI/BỘ	825,000
3466	B-65567	RATCHET & SOCKET 1/4" SET 34PCS	BỘ CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG & ĐẦU TUÝP 1/4" 34CÁI	1,298,000
3467	B-65573	RATCHET & SOCKET 3/8" SET 23PCS	BỘ CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG & ĐẦU TUÝP 3/8" 23CÁI	1,518,000
3468	B-65589	RATCHET & SOCKET SET 23PCS	BỘ CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG & ĐẦU TUÝP 23 CÁI	2,486,000
3469	B-65595	PASS THRU SOCKET SET 14PCS	BỘ ĐẦU TUÝP VÀ CÁN SIẾT XUYỀN TÂM 14 CÁI	1,012,000
3470	B-65604	PASS THRU SOCKET SET 21PCS	BỘ ĐẦU TUÝP VÀ CÁN SIẾT XUYỀN TÂM 21 CÁI	1,232,000
3471	B-65610	PASS THRU HANDLE STRAIGHT	CÁN SIẾT XUYỀN TÂM	423,500
3472	B-65626	LOCKING FLEX PASS THRU HANDLE	CÁN SIẾT XUYỀN TÂM LOẠI ĐẦU XOAY CỎ KHÓA	984,500
3473	B-65632	PASS THRU EXTENSION BAR	ĐẦU NỐI TUÝP XUYỀN TÂM	121,000
3474	B-65648	PASS THRU SOCKET 10MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 10MM	60,500
3475	B-65654	PASS THRU SOCKET 11MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 11MM	49,500
3476	B-65660	PASS THRU SOCKET 12MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 12MM	49,500
3477	B-65676	PASS THRU SOCKET 13MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 13MM	49,500
3478	B-65682	PASS THRU SOCKET 14MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 14MM	49,500
3479	B-65698	PASS THRU SOCKET 15MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 15MM	60,500
3480	B-65707	PASS THRU SOCKET 16MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 16MM	60,500
3481	B-65713	PASS THRU SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 17MM	60,500
3482	B-65729	PASS THRU SOCKET 18MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 18MM	66,000
3483	B-65735	PASS THRU SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP XUYỀN TÂM 19MM	66,000
3484	B-65741	WATER PUMP PLIER 180MM	KIỂM MÓ QUA 180MM	990,000
3485	B-65757	WATER PUMP PLIER 240MM	KIỂM MÓ QUA 240MM	1,094,500
3486	B-65763	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỂM MÓ QUA 300MM	1,540,000
3487	B-65785	RETRACTABLE UTILITY KNIFE	DAO RỌC	440,000
3488	B-65816	AVIATION SNIP CUTS RIGHT	KÉO CẮT TỎN MŨI CẮT BÊN PHẢI	506,000
3489	B-65822	AVIATION SNIP BULLDOG	KÉO CẮT TỎN MŨI BULLDOG	528,000
3490	B-65844	SOCKET ADAPTER 1/4"	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CỐT 1/4"	121,000
3491	B-65850	SOCKET ADAPTER 3/8"	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CỐT 3/8"	121,000
3492	B-65866	RATCHETING TAP & DIE HANDLE	TAY QUAY TARO TỰ ĐỘNG	621,500
3493	B-65872	TAP ADAPTER	ĐẦU CHUYỂN TARO	891,000
3494	B-65888	TWIST LOCK DIE ADAPTER	ĐẦU CHUYỂN BÀN REN	412,500
3495	B-65894	HEX KEY WRENCH 9 PCS/SET	BỘ LỤC GIÁC ĐẦU BÍ 9 CÁI/BỘ	236,500
3496	B-65903	SCREW DRIVER PH1x100MM	TUA-VÍT PH1x100MM	115,500
3497	B-65919	SCREW DRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT PH2x100MM	137,500
3498	B-65931	SCREW DRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT PH3x150MM	192,500
3499	B-65953	SCREW DRIVER PZ2x100MM	TUA-VÍT PZ2x100MM	137,500
3500	B-65981	SCREW DRIVER T15x100MM	TUA-VÍT T15x100MM	121,000
3501	B-66020	SCREW DRIVER SL4x100MM	TUA-VÍT SL4x100MM	88,000
3502	B-66036	SCREW DRIVER SL5.5x100MM	TUA-VÍT SL5.5x100MM	115,500
3503	B-66042	SCREW DRIVER SL6.5x125MM	TUA-VÍT SL6.5x125MM	137,500
3504	B-66058	SCREW DRIVER SL8x150MM	TUA-VÍT SL8x150MM	192,500
3505	B-66064	GO THROUGH SCREWDRIVER PH1x75	TUA-VÍT ĐỒNG PH1x75	137,500
3506	B-66070	GO THROUGH SCREWDRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT ĐỒNG PH2x100MM	159,500
3507	B-66086	GO THROUGH SCREWDRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT ĐỒNG PH3x150MM	220,000
3508	B-66092	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ1x75MM	TUA-VÍT ĐỒNG PZ1x75MM	137,500
3509	B-66101	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ2x100MM	TUA-VÍT ĐỒNG PZ2x100MM	159,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3510	B-66123	INSULATED SCREW DRIVER PH1X80MM	TUA VÍT CÁCH ĐIỆN PH1X80MM	148,500
3511	B-66232	IMPACT SOCKET SET WITH O RING&PIN FOR 1/2"/DRIVE 9PCS/8-21MM	BỘ ĐẦU TUÝP CỎ CHỐT VÀ VÒNG CAO SU9 CÁI/1/2"/8-21MM	918,500
3512	B-66329	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X60MM/WOOD AND METAL/STARLOCK PLUS/MAP001	LƯỖI CẮT SÂU 32X60MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK PLUS/MAP001	363,000
3513	B-66335	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 65X50MM/WOOD AND METAL/STARLOCK PLUS/MAP002	LƯỖI CẮT SÂU 65X50MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK PLUS/MAP002	451,000
3514	B-66341	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X60MM/WOOD/STARLOCK PLUS/MAP003	LƯỖI CẮT SÂU 32X60MM/GỖ/STARLOCK PLUS/MAP003	280,500
3515	B-66357	TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/METAL/STARLOCK PLUS/MAP004	LƯỖI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐA NĂNG 32X50MM/KIM LOẠI/STARLOCK PLUS/MAP004	621,500
3516	B-66363	TC BAR PLUNGE BLADE 45X50MM/METAL/STARLOCK PLUS/MAP005	LƯỖI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐA NĂNG 45X50MM/KIM LOẠI/STARLOCK PLUS/MAP005	660,000
3517	B-66379	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/MULTI MATERIAL/STARLOCK PLUS/MAP006	LƯỖI CẮT SÂU ĐA NĂNG 32X50MM/STARLOCK PLUS/MAP006	660,000
3518	B-66385	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 52X50MM/MULTI MATERIAL/STARLOCK PLUS/MAP007	LƯỖI CẮT SÂU ĐA NĂNG 52X50MM/STARLOCK PLUS/MAP007	687,500
3519	B-66391	TC SEGMENT SAW BLADE 53X40MM/FRP AND AERATED CONCRETE/STARLOCK PLUS/MAP008	LƯỖI CẮT SÂU 53X40MM/STARLOCK PLUS/MAP008	495,000
3520	B-66400	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X80MM/WOOD AND METAL/STARLOCK MAX/MAM001	LƯỖI CẮT SÂU 32X80MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK MAX/MAM001	379,500
3521	B-66416	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 52X70MM/WOOD AND METAL/STARLOCK MAX/MAM002	LƯỖI CẮT SÂU 52X70MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK MAX/MAM002	407,000
3522	B-66422	SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/WOOD AND METAL/STARLOCK MAX/MAM003	LƯỖI CỬA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK MAX/MAM003	660,000
3523	B-66438	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X80MM/WOOD/STARLOCK MAX/MAM004	LƯỖI CẮT SÂU 32X80MM/GỖ/STARLOCK MAX/MAM4	297,000
3524	B-66444	TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/METAL/STARLOCK MAX/MAM005	LƯỖI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐA NĂNG 32X70MM/KIM LOẠI/STARLOCK MAX/MAM005	649,000
3525	B-66450	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/MULTI MATERIAL/STARLOCK MAX/MAM006	LƯỖI CẮT SÂU ĐA NĂNG 32X70MM/STARLOCK MAX/MAM006	693,000
3526	B-66466	JOINT CUTTER BLADE 70MM/SEALING COMPOUND/STARLOCK MAX/MAM007	LƯỖI CẮT KHỚP NỐI 70MM/STARLOCK MAX/MAM07	379,500
3527	B-66472	JOINT CUTTER BLADE 60MM/SEALING COMPOUND/STARLOCK MAX/MAM008	LƯỖI CẮT KHỚP NỐI 60MM/STARLOCK MAX/MAM08	187,000
3528	B-66494	TC SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/ROUTING JOINTS ON WALL TILE/STARLOCK MAX/MAM009	LƯỖI CỬA PHÂN ĐOẠN 68X10MM/CẮT CÁC ĐƯỜNGCHỈ TRÊN GẠCH/STARLOCK MAX/MAM009	808,500
3529	B-66503	TC SEGMENT SAW BLADE 69X30MM/ROUTING JOINTS ON WALL TILE/STARLOCK MAX/MAM010	LƯỖI CỬA PHÂN ĐOẠN 69X30MM/CẮT CÁC ĐƯỜNGCHỈ TRÊN GẠCH/STARLOCK MAX/MAM010	808,500
3530	B-66519	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/SOFT TILE/STARLOCK MAX/MAM011	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 68X30MM/STARLOCK MAX/MAM011	1,089,000
3531	B-66525	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/SOFT TILE/STARLOCK MAX/MAM012	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 68X10MM/STARLOCK MAX/MAM012	1,089,000
3532	B-66531	TC SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/ROUTING JOINTS ON WALL TILE/STARLOCK MAX/MAM013	LƯỖI CỬA PHÂN ĐOẠN 68X30MM/CẮT CÁC ĐƯỜNGCHỈ TRÊN GẠCH/STARLOCK MAX/MAM013	643,500
3533	B-66547	TC SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/ROUTING JOINTS ON WALL TILE/STARLOCK MAX/MAM014	LƯỖI CỬA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/CẮT CÁC ĐƯỜNG CHỈ TRÊN GẠCH/STARLOCK MAX/MAM014	775,500
3534	B-66553	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR TILE ADHESIVE/STARLOCK MAX/MAM015	TẤM NHẮM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM015	621,000
3535	B-66569	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR TILE ADHESIVE/STARLOCK MAX/MAM016	TẤM NHẮM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM016	621,000
3536	B-66575	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHESIVE/STARLOCK MAX/MAM017	TẤM NHẮM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM017	621,000
3537	B-66581	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHESIVE/STARLOCK MAX/MAM018	TẤM NHẮM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM018	621,000
3538	B-66927	GRINDING WHEEL 125MM WITH CERAMIC GRAIN (125 X 7 X 22.23MM) A24P	ĐÁ MÀI HẠT CERAMIC (125 X 7 X 22.23MM) A24P	367,200
3539	B-66933	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 100 x 2.7 x 16MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 100 X 2.7X 16MM	957,000
3540	B-66949	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 180 x 3.1 x 22.23MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN180 X 3.1 X22.23MM	2,178,000
3541	B-66955	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 405 x 3.6 x 25.4MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 405 X 3.6X 25.4MM	5,830,000
3542	B-67430	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X60T	LƯỖI CẮT HỘP KIM 260X25.4X60T	1,408,000
3543	B-67446	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X80T	LƯỖI CẮT HỘP KIM 260X25.4X80T	1,650,000
3544	B-67452	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X60T	LƯỖI CẮT HỘP KIM 305X25.4X60T	1,672,000
3545	B-67468	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X80T	LƯỖI CẮT HỘP KIM 305X25.4X80T	1,980,000
3546	B-67474	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X100T	LƯỖI CẮT HỘP KIM 305X25.4X100T	2,288,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3547	B-67480	MULTI TOOL SET/PLUNGE CUT SET	BỘ CẮT XUYỀN TÂM CHO MÁY ĐA NĂNG	1,496,000
3548	B-67496	MULTI TOOL SET/TILE SET2	BỘ CẮT GẠCH 2 CHO MÁY ĐA NĂNG	1,804,000
3549	B-67505	MULTI TOOL SET/FLOOR SET 2	BỘ CẮT GỖ 2 CHO MÁY ĐA NĂNG	1,386,000
3550	B-67511	MULTI TOOL SET/CARPENTRY SET	BỘ LƯỚI DÀNH CHO NGÀNH MỘC	1,760,000
3551	B-67795	HSS-TIN DRILL BIT SET 1.5MM-10MM(19PCS/BOX)	BỘ MŨI KHOAN HSS-TIN 1.5MM-10MM(19CÁI/HỘP)	572,000
3552	B-67804	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS4X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 4X160MM	49,500
3553	B-67810	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS5X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X210MM	55,000
3554	B-67826	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS5.5X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X210MM	55,000
3555	B-67832	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS6X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X260MM	60,500
3556	B-67848	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS8X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X310MM	77,000
3557	B-67854	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS8X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X400MM	99,000
3558	B-67860	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS9X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 9X210MM	66,000
3559	B-67876	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS10X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X350MM	93,500
3560	B-67882	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS11X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X160MM	71,500
3561	B-67898	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS11X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X210MM	77,000
3562	B-67907	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS11X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X260MM	99,000
3563	B-67913	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS12X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X310MM	104,500
3564	B-67929	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS13X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X210MM	104,500
3565	B-67935	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS13X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X260MM	121,000
3566	B-67941	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS14X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 14X310MM	148,500
3567	B-67957	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS15X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X160MM	126,500
3568	B-67963	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS15X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X260MM	148,500
3569	B-67979	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS16X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 16X260MM	148,500
3570	B-67985	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS18X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X310MM	203,500
3571	B-67991	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS20X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X310MM	275,000
3572	B-68002	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X260MM	313,500
3573	B-68018	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X260MM	407,000
3574	B-68024	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS25X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X260MM	407,000
3575	B-68030	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS26X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 26X260MM	412,500
3576	B-68046	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS8X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X460MM	126,500
3577	B-68052	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS15X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X460MM	203,500
3578	B-68068	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS18X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X460MM	269,500
3579	B-68074	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS20X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X460MM	330,000
3580	B-68080	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS22X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X460MM	423,500
3581	B-68096	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS24X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X460MM	467,500
3582	B-68105	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS25X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X460MM	473,000
3583	B-68111	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS26X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 26X460MM	528,000
3584	B-68127	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X110MM	49,500
3585	B-68133	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X160MM	49,500
3586	B-68149	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X210MM	60,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3587	B-68155	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 5X260MM	60,500
3588	B-68161	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X310MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 6X310MM	77,000
3589	B-68177	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X260	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 18X260MM	385,000
3590	B-68183	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X260	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 20X260MM	473,000
3591	B-68199	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X260	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 22X260MM	566,500
3592	B-68208	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X260	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 25X260MM	704,000
3593	B-68236	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X460	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 18X460MM	445,500
3594	B-68242	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X460	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 20X460MM	539,000
3595	B-68258	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X460	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 22X460MM	698,500
3596	B-68264	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X460	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-PLUS 25X460MM	792,000
3597	B-68301	TCT SAW BLADE 150MM FOR THICK METAL 150X20X32T/3-12MM/DCS551,DCS553	LƯỠI CỬA TCT CHO KIM LOẠI 150X20X32T/3-12MM/DCS551,DCS553	962,500
3598	B-68345	MAGNET NUTSETTER IN CANDY JAR, 50PCS, 8MM	ĐẦU TUÝP VẮN ỐC 50 CÁI 8MM	1,232,000
3599	B-68389	ABRASIVE PAPER DISC 40x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 40x225MM(25PCS)/DSL800	1,026,000
3600	B-68395	ABRASIVE PAPER DISC 80x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 80x225MM(25PCS)/DSL800	972,000
3601	B-68404	ABRASIVE PAPER DISC 120x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 120x225MM(25PCS)/DSL800	842,400
3602	B-68410	ABRASIVE PAPER DISC 180x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 180x225MM(25PCS)/DSL800	842,400
3603	B-68426	ABRASIVE PAPER DISC 320x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 320x225MM(25PCS)/DSL800	842,400
3604	B-68476	BIT ADAPTER FOR 1/2"SQ TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG	324,500
3605	B-68482	BIT ADAPTER FOR 3/8"SP TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG SANG CHUỖILỤC GIÁC(3/8"-1/4")	330,000
3606	B-68616	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 45T	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 185MM x 20 x 45T	863,500
3607	B-68644	TCT SAW BLADE EFFICUT 190MM x 20 x 45T	LƯỠI CẮT HỢP KIM EFFICUT 190MM x 20 x 45T	841,500
3608	B-69428	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 136X20X30T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 136X20X30T	1,100,000
3609	B-69434	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 136X20X45T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 136X20X45T	1,342,000
3610	B-69440	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X20X33T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X33T	1,122,000
3611	B-69456	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X20X48T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X48T	1,364,000
3612	B-69755	TC BAR PLUNGE BLADE/ METAL/TMA079	LƯỠI CẮT SẤU/ KIM LOẠI TMA079	929,500
3613	B-69761	TC PLUNGE BLADE/ MULTIMATERIAL/TMA080	LƯỠI CẮT SẤU HÌNH THANG/NHIỀU VẬT LIỆU TMA080	616,000
3614	B-69777	PLUNGE CUT SAW BLADE/ DRYWALL/TMA081	LƯỠI VÁCH THẠCH CAO/TMA081	390,500
3615	B-69783	JOINT CUTTER BLADE/ SEALING/TMA082	LƯỠI CẮT LẤY Rãnh CHO THUỖYEN/TMA082	506,000
3616	B-69799	TC SANDING PLATE/ MORTAR #20/TM083	TẤM CHÀ NHẮM CHO VỮA #20/TM083	550,800
3617	B-69808	TC SANDING PLATE/ MORTAR #40/TM084	TẤM CHÀ NHẮM CHO VỮA #40/TM084	550,800
3618	B-69814	TC SANDING PLATE/ MORTAR #60/TMA085	TẤM CHÀ NHẮM CHO VỮA #60/TMA085	550,800
3619	B-69820	TC SANDING PLATE/ MORTAR #86/TMA086	TẤM CHÀ NHẮM CHO VỮA #86/TMA086	550,800
3620	B-69892	TCT SAW BLADE EFFICUT 165X20X60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM EFFICUT 165X20X60T	1,144,000
3621	B-69901	SCREW BIT 31 PCS SET IN BATTERY TYPE CASE	BỘ MŨI VÍT 31 CÁI KIỂU VỎ PIN	423,500
3622	B-69917	BATTERY TYPE CASE	HỘP ĐỰNG MŨI VÍT HÌNH PIN	113,400
3623	B-80226	PORTABLE COFFEE HARVESTER	PHỤ KIỆN THU HOẠCH CÀ PHÊ	8,536,000
3624	B-90009	SLIM PHILLIPS BIT 45MM(10PCS/SETS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 45MM(10 CÁI/HỘP)	110,000
3625	B-90015	SLIM PHILLIPS BIT 65MM(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI/HỘP)	132,000
3626	B-90059	SLIM PHILLIPS BIT 82MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 82MM(6 CÁI/HỘP)	115,500
3627	B-90065	SLIM PHILLIPS BIT 110MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(6 CÁI/HỘP)	170,500
3628	B-90071	SLIM PHILLIPS BIT 150MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 150MM(6 CÁI/HỘP)	203,500
3629	BL1055B	BATTERY/BL1055B	PIN SẠC DỰ PHÒNG/BL1055B	4,320,000
3630	CP00000001	ADP09 AA BATTERY PACK/SK700GD	ADP09 BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN AA/SK700GD	815,400
3631	D-00016	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 4X110MM	33,000
3632	D-00022	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 5x110MM	33,000
3633	D-00038	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 5x160MM	33,000
3634	D-00044	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 5.5x110MM	33,000
3635	D-00050	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 6X110MM	33,000
3636	D-00066	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 6X160MM	38,500
3637	D-00072	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x210MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 6X210MM	44,000
3638	D-00088	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 6.5X110MM	38,500
3639	D-00094	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 6.5X160MM	38,500
3640	D-00103	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 7X110MM	38,500
3641	D-00119	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 7X160MM	38,500
3642	D-00125	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x110MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 8X110MM	38,500
3643	D-00131	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 8X160MM	38,500
3644	D-00147	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x210MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 8X210MM	44,000
3645	D-00153	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x260MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 8X260MM	49,500
3646	D-00169	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9x210MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 9X210MM	44,000
3647	D-00175	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 10X160MM	38,500
3648	D-00181	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x210MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 10X210MM	44,000
3649	D-00197	SDS-PLUS HAMMERS 10X260MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 10x260MM	49,500
3650	D-00206	SDS-PLUS HAMMERS 10X310MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 10x310MM	60,500
3651	D-00212	SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 11x160MM	38,500
3652	D-00228	SDS-PLUS HAMMERS 12X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 12x160MM	44,000
3653	D-00234	SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 12x210MM	55,000
3654	D-00240	SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 12x260MM	60,500
3655	D-00256	SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 13x160MM	44,000
3656	D-00262	SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS 14x160MM	55,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3657	D-00278	SDS-PLUS HAMMERS 14X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14×260MM	71,500
3658	D-00284	SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15×160MM	66,000
3659	D-00290	SDS-PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16×210MM	82,500
3660	D-00309	SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16×310MM	93,500
3661	D-00315	SDS-PLUS HAMMERS 17X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17×210MM	93,500
3662	D-00321	SDS-PLUS HAMMERS 18X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18×210MM	93,500
3663	D-00337	SDS-PLUS HAMMERS 18X300MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18×300MM	126,500
3664	D-00343	SDS-PLUS HAMMERS 19X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19×210MM	115,500
3665	D-00359	SDS-PLUS HAMMERS 20X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×210MM	121,000
3666	D-00365	SDS-PLUS HAMMERS 20X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×310MM	154,000
3667	D-00371	SDS-PLUS HAMMERS 22X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22×260MM	159,500
3668	D-00387	SDS-PLUS HAMMERS 25X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25×260MM	198,000
3669	D-00393	SDS-PLUS HAMMERS 26X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26×260MM	220,000
3670	D-00795	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 5,6,8X110MM, 6,8X160MM	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 5CÁI/BỘ 5,6,8X110MM, 6,8X160MM	154,000
3671	D-01096	SDS-PLUS DRILL 4.3X110	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 4.3×110MM	33,000
3672	D-01105	SDS-PLUS DRILL 6.4X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG 6.4X160MM	38,500
3673	D-01149	SDS-PLUS DRILL 14.5X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.5×160MM	66,000
3674	D-01199-25	SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X210MM	BỘ MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25 CÁI/BỘ8x210MM	774,400
3675	D-03268	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.8X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.8X110MM	33,000
3676	D-03274	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9.5X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9.5X210MM	44,000
3677	D-03280	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X160MM	44,000
3678	D-03296	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X350MM	77,000
3679	D-03305	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17.5X160MM	88,000
3680	D-03311	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X350MM	225,500
3681	D-03327	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX10T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 165MMX20MMX10T	187,000
3682	D-03333	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 165MMX20MMX24T	236,500
3683	D-03349	TCT SAW BLADE FOR WOOD 165MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO GỖ 165MMX20MMX40T	346,500
3684	D-03355	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 185MMX20MMX24T	269,500
3685	D-03361	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 185MMX20MMX40T	319,000
3686	D-03377	SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 235MMX25.4MMX40T	566,500
3687	D-03408	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX70T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 260MMX25.4MMX70T	1,023,000
3688	D-03414	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 260MMX25.4MMX100T	1,210,000
3689	D-03903	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX16T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 185MMX30MMX16T	231,000
3690	D-03919	SAW BLADE 185MMX30MMX40T FOR MGF	LƯỠI CỬA HỢP KIM 185MMX30MMX40T CHO MGF	308,000
3691	D-03925	TCT SAW BLADE 235X30X207	LƯỠI CỬA HỢP KIM 235X30X207	440,000
3692	D-03931	SAW BLADE 235MMX30MMX48T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 235MMX30MMX48T	610,500
3693	D-03969	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX70T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 260MMX30MMX70T	968,000
3694	D-03975	TCT SAW BLADE FOR ALUMINIUM FOR MGF 260MMX30MMX100T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO NHÔM/MGF 260MMX30MMX100T	1,210,000
3695	D-03981	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16×160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X160MM	71,500
3696	D-03997	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14.3X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.3X160MM	55,000
3697	D-04313	FLUSH TRIM BIT 3/8E 10MM	MŨI PHAY 3/8E 10MM	319,000
3698	D-05175	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 4X70, 5X85, 6-8-10X110	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5 CÁI/BỘ4X70, 5X85, 6-8-10X110	110,000
3699	D-05181	CHISEL ASSORTMENT 20x250MM, 40x250MM 3PCS/SET	BỘ MŨI ĐỤC DẸP 20x250MM, 40x250MM 3CÁI/BỘ	651,200
3700	D-05197	DIA.WHL.SEGMENTED 105X20	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 105X20	143,000
3701	D-05206	DIA.WHL.CORRUGATED 105X20	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG PHÂN ĐOẠN 105X20	154,000
3702	D-05212	DIA.WHL.CONTINUOUSRIM 110X20	LƯỠI CẮT KIM CƯỜNG DẠNG MÉP LIÊN TỤC 110X20	104,500
3703	D-05228	MASONRY DRILL BIT 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 3X60MM	22,000
3704	D-05234	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 4X70	22,000
3705	D-05240	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5X85	22,000
3706	D-05256	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 6X100	22,000
3707	D-05262	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 6X150	22,000
3708	D-05278	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 7X100	27,500
3709	D-05284	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 7X150	22,000
3710	D-05290	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 8X110	27,500
3711	D-05309	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 8X150	27,500
3712	D-05315	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 9X150	27,500
3713	D-05321	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 10X150	33,000
3714	D-05337	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 11X150	33,000
3715	D-05343	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 12X150	38,500
3716	D-05359	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 13X150	49,500
3717	D-05365	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 14X150	49,500
3718	D-05371	MASONRY BRILL BIT 15X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 15X150MM	55,000
3719	D-05387	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 16X150	60,500
3720	D-06161-25	BIT SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X260MM	BỘ MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25 CÁI/BỘ8X260MM	888,800
3721	D-06236	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.5X40(10 CÁI)	66,000
3722	D-06242	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.75X46(10 CÁI)	71,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3723	D-06258	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 2X49(10 Cái)	71,500
3724	D-06264	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 2.25X53(10 Cái)	88,000
3725	D-06270	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 2.5X57(10 Cái)	88,000
3726	D-06286	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 2.75X61(10 Cái)	110,000
3727	D-06292	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 3X61(10 Cái)	110,000
3728	D-06301	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 3.25X65(10 Cái)	132,000
3729	D-06317	HSS METAL DRILL BIT(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 3.5X70(10 Cái)	137,500
3730	D-06323	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 3.75X70MM	Mũi khoan kim loại HSS(10PCS) 3.75X70MM	170,500
3731	D-06339	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 4X75(10 Cái)	176,000
3732	D-06345	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 4.25X75MM	Mũi khoan kim loại HSS(10PCS) 4.25X75MM	198,000
3733	D-06351	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 4.5X80(10 Cái)	198,000
3734	D-06367	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 4.75X80(10 Cái)	242,000
3735	D-06373	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 5X86(10 Cái)	242,000
3736	D-06389	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 5.25X86(10 Cái)	286,000
3737	D-06395	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 5.5X93(10 Cái)	286,000
3738	D-06404	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 5.75X93MM	Mũi khoan kim loại HSS(10PCS) 5.75X93MM	330,000
3739	D-06410	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6X93(10 Cái)	330,000
3740	D-06426	HSS-G METAL DRILL BITS 6.25X101(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6.25X101(10 Cái)	412,500
3741	D-06432	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6.5X101(10 Cái)	412,500
3742	D-06448	HSS METAL DRILL BIT 6.75X109(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6.75X109(10 Cái)	489,500
3743	D-06454	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 7X109(10 Cái)	489,500
3744	D-06460	HSS-G METAL DRILL BITS 7.25X109(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 7.25X109(10 Cái)	539,000
3745	D-06476	HSS METAL DRILL BIT(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 7.5X109(10 Cái)	539,000
3746	D-06482	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 7.75X117MM	Mũi khoan kim loại HSS(10PCS) 7.75X117MM	643,500
3747	D-06498	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 8X117(10 Cái)	643,500
3748	D-06507	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 8.25X117(5 Cái)	363,000
3749	D-06513	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 8.25X117(5 Cái)	363,000
3750	D-06529	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 8.75X125MM	Mũi khoan kim loại HSS(5PCS) 8.75X125MM	440,000
3751	D-06535	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 9X125(5 Cái)	440,000
3752	D-06541	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.25X125MM	Mũi khoan kim loại HSS(5PCS) 9.25X125MM	484,000
3753	D-06557	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 9.5X125(5 Cái)	484,000
3754	D-06563	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.75X133MM	Mũi khoan kim loại HSS(5PCS) 9.75X133MM	572,000
3755	D-06579	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 10X133(5 Cái)	572,000
3756	D-06585	HSS METAL DRILL BITS 10.25X133(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 10.25X133(5 Cái)	616,000
3757	D-06591	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 10.5X133(5 Cái)	616,000
3758	D-06600	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 11X142(5 Cái)	687,500
3759	D-06616	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 11.5X142(5 Cái)	753,500
3760	D-06622	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 12X151(5 Cái)	858,000
3761	D-06638	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 12.5X151MM	Mũi khoan kim loại HSS(5PCS) 12.5X151MM	924,000
3762	D-06644	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 13X151(5 Cái)	1,012,000
3763	D-07026	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 3X60(1 Cái)	22,000
3764	D-07032	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 4X75(1 Cái)	22,000
3765	D-07048	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 5X85(1 Cái)	22,000
3766	D-07054	WOOD DRILL BITS (1PCS) 6X95MM	Mũi khoan gỗ (1 Cái) 6X95MM	22,000
3767	D-07060	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 7X110(1 Cái)	27,500
3768	D-07076	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 8X115(1 Cái)	27,500
3769	D-07082	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 9X125(1 Cái)	27,500
3770	D-07098	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 10X135(1 Cái)	33,000
3771	D-07107	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 12X155(1 Cái)	44,000
3772	D-07113	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 14X170(1 Cái)	55,000
3773	D-07129	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 16X180(1 Cái)	66,000
3774	D-07135	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 18X200(1 Cái)	104,500
3775	D-07141	WOOD DRILL BITS (1PCS)	Mũi khoan gỗ 20X200(1 Cái)	110,000
3776	D-07157	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 6X315(1 Cái)	77,000
3777	D-07163	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 8X315(1 Cái)	82,500
3778	D-07179	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 10X315(1 Cái)	93,500
3779	D-07185	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 12X315(1 Cái)	121,000
3780	D-07191	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 14X315(1 Cái)	148,500
3781	D-07200	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 16X315(1 Cái)	176,000
3782	D-07216	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 18X335(1 Cái)	225,500
3783	D-07222	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	Mũi khoan gỗ dài 20X335(1 Cái)	275,000
3784	D-07238	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 6X200(1 Cái)	60,500
3785	D-07244	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 8X200(1 Cái)	66,000
3786	D-07250	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 10X200(1 Cái)	77,000
3787	D-07266	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 12X200(1 Cái)	82,500
3788	D-07272	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 14X200(1 Cái)	88,000
3789	D-07288	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 16X200(1 Cái)	99,000
3790	D-07294	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 18X200(1 Cái)	110,000
3791	D-07303	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 20X200(1 Cái)	115,500
3792	D-07319	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 22X200(1 Cái)	143,000
3793	D-07325	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 24X200(1 Cái)	154,000
3794	D-07331	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 6X250(1 Cái)	66,000
3795	D-07347	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 8X250(1 Cái)	66,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3796	D-07353	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 10X250(1 CÁI)	82,500
3797	D-07369	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 12X250(1 CÁI)	88,000
3798	D-07375	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 14X250(1 CÁI)	104,500
3799	D-07381	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 16X250(1 CÁI)	110,000
3800	D-07397	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 18X250(1 CÁI)	126,500
3801	D-07406	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 20X250(1 CÁI)	132,000
3802	D-07412	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 22X250(1 CÁI)	154,000
3803	D-07428	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 24X250(1 CÁI)	176,000
3804	D-07434	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 8X400(1 CÁI)	126,500
3805	D-07440	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 10X400(1 CÁI)	132,000
3806	D-07456	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 12X400(1 CÁI)	154,000
3807	D-07462	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 14X400(1 CÁI)	170,500
3808	D-07478	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 16X400(1 CÁI)	187,000
3809	D-07484	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 18X400(1 CÁI)	220,000
3810	D-07490	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 20X400(1 CÁI)	242,000
3811	D-07509	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 22X400(1 CÁI)	269,500
3812	D-07515	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 24X400(1 CÁI)	341,000
3813	D-07521	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 26X400(1 CÁI)	368,500
3814	D-07537	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 28X400(1 CÁI)	440,000
3815	D-07543	AUGER BITS(1PCS)	Mũi khoan xoắn ốc 30X400(1 CÁI)	495,000
3816	D-07559	AUGER BITS(1PCS) 8X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 8X450MM(1 CÁI)	159,500
3817	D-07565	AUGER BITS(1PCS) 10X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 10X450MM(1 CÁI)	165,000
3818	D-07571	AUGER BITS(1PCS) 12X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 12X450MM(1 CÁI)	192,500
3819	D-07587	AUGER BITS(1PCS) 14X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 14X450(1 CÁI)	203,500
3820	D-07593	AUGER BITS(1PCS) 16X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 16X450(1 CÁI)	247,500
3821	D-07602	AUGER BITS(1PCS) 18X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 18X450(1 CÁI)	269,500
3822	D-07618	AUGER BITS(1PCS) 20X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 20X450(1 CÁI)	302,500
3823	D-07624	AUGER BITS(1PCS) 22X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 22X450MM(1CÁI)	335,500
3824	D-07630	AUGER BITS(1PCS) 24X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 24X450(1 CÁI)	390,500
3825	D-07646	AUGER BITS(1PCS) 26X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 26X450MM(1CÁI)	429,000
3826	D-07652	AUGER BITS(1PCS) 28X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 28X450MM(1CÁI)	500,500
3827	D-07668	AUGER BITS(1PCS) 30X450MM	Mũi khoan xoắn ốc 30X450MM(1CÁI)	577,500
3828	D-07674	FLAT BITS 6X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 6X150(1 CÁI)	33,000
3829	D-07680	FLAT BITS 8X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 8X150(1 CÁI)	33,000
3830	D-07696	FLAT BITS 10X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 10X150(1 CÁI)	38,500
3831	D-07705	FLAT BITS 12X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 12X150(1 CÁI)	38,500
3832	D-07711	FLAT BITS 14X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 14X150(1 CÁI)	38,500
3833	D-07727	FLAT BITS 15X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 15X150(1 CÁI)	38,500
3834	D-07733	FLAT BITS 16X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 16X150(1 CÁI)	38,500
3835	D-07749	FLAT BITS 18X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 18X150(1 CÁI)	44,000
3836	D-07755	FLAT BITS 20X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 20X150(1 CÁI)	49,500
3837	D-07761	FLAT BITS 22X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 22X150(1 CÁI)	49,500
3838	D-07777	FLAT BITS 24X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 24X150(1 CÁI)	49,500
3839	D-07783	FLAT BITS 25X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 25X150MM(1 CÁI)	49,500
3840	D-07799	FLAT BITS 26X150MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 26X150(1 CÁI)	55,000
3841	D-07808	FLAT BITS 28X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 28X160(1 CÁI)	60,500
3842	D-07814	FLAT BITS 30X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 30X160(1 CÁI)	66,000
3843	D-07820	FLAT BITS 32X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 32X160(1 CÁI)	71,500
3844	D-07836	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 34X160(1 CÁI)	77,000
3845	D-07842	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 35X160(1 CÁI)	77,000
3846	D-07858	FLAT BITS 36X160MM(1PCS)	Mũi khoan dẹt 36X160(1 CÁI)	77,000
3847	D-07892	STRAIGHT BIT 12MM	Mũi phay thẳng 12MM	255,200
3848	D-07901	STRAIGHT BIT 12.7MM	Mũi phay thẳng 12.7MM	286,000
3849	D-07967	PLANER BLADE TC 82MM(2PCS/SET)	Bộ lưỡi bào 82MM TC(2CÁI/HỘP)	330,000
3850	D-08034	BULL POINT 160	Mũi đục nhọn 160	38,500
3851	D-08040	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 9X110MM	38,500
3852	D-08056	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 9X160MM	38,500
3853	D-08062	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X310MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 22X310MM	176,000
3854	D-08078	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X310MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 26X310MM	242,000
3855	D-08218	FLASH BIT/DCO181	Mũi khoét thạch cao/DCO181	319,000
3856	D-08517	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X310MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 25X310MM	214,500
3857	D-08682	BULL POINT 280	Mũi đục nhọn 280	88,000
3858	D-08707	COLD CHISEL 19*280	Mũi đục dẹt 19*280	104,500
3859	D-08713	BULL POINT 250	Mũi đục nhọn 250	77,000
3860	D-08729	COLD CHISEL 20*250	Mũi đục dẹt 20*250	88,000
3861	D-08735	SCALING CHISEL 40*250	Mũi đục dẹt 40*250	121,000
3862	D-08822	110MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	Bộ lưỡi bào110MM HSS (2CÁI/GÓI)MT11	533,500
3863	D-09117	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 10X110MM	38,500
3864	D-09173	STRAIGHT BITS 1/4"X6MM	Mũi phay thẳng 1/4"X6MM	220,000
3865	D-09329	ROUND NOSE BITS 6MM	Mũi phay tròn 6MM	316,800
3866	D-09341	DOUBLE PANEL POINT BITS 6MM	Mũi phay thẳng lưỡi 2 phần 6MM	686,400
3867	D-09379	V GROOVE BITS 30 23MM	Mũi vát góc 30 23MM	572,000
3868	D-09385	V GROOVE BITS 45 20MM	Mũi vát góc 45 20MM	541,200



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3869	D-09400	COVE BITS 4R 20MM	Mũi phay rãnh tròn 4R 20MM	583,000
3870	D-09422	ROUNDING OVER BITS 3R 15MM	Mũi doa tròn góc 3R 15MM	444,400
3871	D-09444	ROUNDING OVER BITS 6R 21MM	Mũi phay tròn 6R 21MM	550,000
3872	D-09472	FLUSH TRIM BITS 10MM	Mũi cắt mép thẳng ô bi 10MM	330,000
3873	D-09488	CHAMFER BITS 45 26MM	Mũi phay cạnh 45 26MM	532,400
3874	D-09494	CHAMFER BITS 60 20MM	Mũi phay cạnh 60 20MM	545,600
3875	D-09525	BEADING BITS 4R 20MM	Mũi gấn mép ô bi 20MM	484,000
3876	D-09547	BEADING BITS 8R 26MM	Mũi gấn mép ô bi 26MM	589,600
3877	D-09553	CAVETTO BITS 20MM	Mũi phay tròn 20MM	730,400
3878	D-09569	CAVETTO BITS 26MM	Mũi phay tròn 26MM	840,400
3879	D-09581	WAVY MOLD BITS 3/6R 26MM	Mũi phay gợn sóng 3/6R 26MM	717,200
3880	D-09628	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	Lưỡi cửa hộp kim 165MMX20MMX16T	209,000
3881	D-09634	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX20T	Lưỡi cửa hộp kim 185MMX30MMX20T	269,500
3882	D-09640	TCT SAW BLADE 235X30X60T	Lưỡi cửa hộp kim 235X30X60T	610,500
3883	D-09656	HSS METAL DRILL BITS 1.5X40MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS(1CÁI)	16,500
3884	D-09662	HSS METAL DRILL BITS 2X40MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 1.5X40(1 CÁI)	22,000
3885	D-09678	HSS METAL DRILL BITS 2.5X57MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS 2.5X57(1CÁI)	22,000
3886	D-09684	HSS METAL DRILL BIT 3X61MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 3X61(1 CÁI)	22,000
3887	D-09690	HSS METAL DRILL BITS 3.5X70MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 3.5X70(1 CÁI)	22,000
3888	D-09709	HSS METAL DRILL BITS 4X75MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 4X75(1 CÁI)	27,500
3889	D-09715	HSS METAL DRILL BITS 4.5X80MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 4.5X80(1 CÁI)	33,000
3890	D-09721	HSS METAL DRILL BITS 5X86MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 5X86(1 CÁI)	33,000
3891	D-09737	HSS METAL DRILL BITS 5.5X93MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS 5.5X93(1 CÁI)	44,000
3892	D-09743	HSS METAL DRILL BITS 6X93MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6X93(1 CÁI)	44,000
3893	D-09759	HSS METAL DRILL BITS 6.5X101MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 6.5X101(1 CÁI)	49,500
3894	D-09765	HSS METAL DRILL BITS 7X109MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 7X109(1 CÁI)	55,000
3895	D-09771	HSS METAL DRILL BITS 7.5X109MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS 7.5X109(1 CÁI)	66,000
3896	D-09787	HSS METAL DRILL BITS 8X117MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 8X117(1 CÁI)	77,000
3897	D-09793	HSS METAL DRILL BITS 8.5X117MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 8.5X117(1 CÁI)	77,000
3898	D-09802	HSS METAL DRILL BITS 9X125MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 9X125(1 CÁI)	93,500
3899	D-09818	HSS METAL DRILL BITS 9.5X125MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS 9.5X125(1 CÁI)	104,500
3900	D-09824	HSS METAL DRILL BITS 10X133MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 10X133(1 CÁI)	121,000
3901	D-09830	HSS METAL DRILL BIST 10.4X133MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 10.4X133(1 CÁI)	132,000
3902	D-09846	HSS METAL DRILL BITS 11X142MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 11X142(1 CÁI)	148,500
3903	D-09852	HSS METAL DRILL BITS 11.5X142MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS 11.5X142(1 CÁI)	154,000
3904	D-09868	HSS METAL DRILL BITS 12X151MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 12X151(1 CÁI)	176,000
3905	D-09874	HSS METAL DRILL BITS 12.5X151MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 12.5X151(1 CÁI)	187,000
3906	D-09880	HSS METAL DRILL BITS 13X151MM(1PCS)	Mũi khoan kim loại HSS-G 13X151(1 CÁI)	209,000
3907	D-10182	STRAIGHT BIT 2FLUTE 10MM	Mũi phay thẳng 2 Lưỡi 10MM	264,000
3908	D-14093	CHUCK ADADTER WITH SCREW	Đầu nối mũi vít	49,500
3909	D-14102	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.5X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 12.5X160MM	44,000
3910	D-15235	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X460MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 20X460MM	198,000
3911	D-15241	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X460MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 22X460MM	220,000
3912	D-15257	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X460MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 25X460MM	264,000
3913	D-15263	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X460MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 26X460MM	308,000
3914	D-15285	BULL POINT 400	Mũi đục nhọn 400	484,000
3915	D-15300	COLD CHISEL 30*400	Mũi đục dẹp 30*400	484,000
3916	D-15453	90 VEE GROVING BIT 20MM	Mũi phay 90 20MM	418,000
3917	D-15475	4.8MM ROUNDING OVER BIT 21MM	Mũi phay tròn 21MM	484,000
3918	D-15562	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX12T FOR WOOD	Lưỡi cửa hộp kim 110MMX20MMX12T CHO GỖ	110,000
3919	D-15578	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX24T	Lưỡi cửa hộp kim 110MMX20MMX24T	132,000
3920	D-15590	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #100 100MM	Miếng kim cương đánh bóng cỡ hạt #100100MM	303,600
3921	D-15609	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #200 100MM	Miếng kim cương đánh bóng cỡ hạt #200100MM	303,600
3922	D-15615	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #400 100MM	Miếng kim cương đánh bóng cỡ hạt#400100MM	303,600
3923	D-15637	DIAMOND POLISHING PAD GRIT #1500 100MM	Miếng kim cương đánh bóng cỡ hạt #1500100MM	303,600
3924	D-15665	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 3.5X110MM	33,000
3925	D-15811	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MMX20T	Lưỡi cửa hộp kim cho MBR 235MMX25MMX20T	456,500
3926	D-16106	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 5.5X160MM	38,500
3927	D-16112	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 12X350MM	66,000
3928	D-16128	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 13X350MM	77,000
3929	D-16134	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 14X350MM	88,000
3930	D-16140	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 15X350MM	110,000
3931	D-16156	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X260MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 16X260MM	88,000
3932	D-16162	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 16X350MM	110,000
3933	D-16178	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 17X160MM	88,000
3934	D-16184	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X260MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 17X260MM	110,000
3935	D-16190	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X350MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 17X350MM	132,000
3936	D-16209	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 18X160MM	88,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3937	D-16215	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X260MM	110,000
3938	D-16221	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X350MM	132,000
3939	D-16243	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X350MM	165,000
3940	D-16259	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X260MM	132,000
3941	D-16265	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X350MM	165,000
3942	D-16271	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12X460MM	126,500
3943	D-16287	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X460MM	154,000
3944	D-16293	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X460MM	198,000
3945	D-16302	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X460MM	236,500
3946	D-16318	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 28X460MM	352,000
3947	D-16346	82MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỖI BẢO 82MM HSS (2CÁI/GÓI)MT110	148,500
3948	D-16374	HEX SHANK BULL POINT 17X210	MŨI ĐỤC NHỌN CHUỐI LỤC GIÁC 17X210	77,000
3949	D-16427	CRACK CHASER 105MM	LƯỖI CẮT CỎ RÀNH 105MM	1,474,000
3950	D-16477	CRACK CHASER 125MM	LƯỖI CẮT CỎ RÀNH 125MM	2,002,000
3951	D-16499	HEX SHANK BULL POINT 21X320	MŨI ĐỤC NHỌN CHUỐI LỤC GIÁC 21X320	143,000
3952	D-16508	MASONRY DRILL BIT ASSY5PCS/SET 7X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5CÁI/BỘ 7X100MM	114,400
3953	D-16520	TCT SAWBLADE TRING15.88 FOR MGF 305MMX30MMX80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM TRING15.88 CHO NHÔM 305MMX30MMX80T	1,364,000
3954	D-16570	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM CHO MBR 235MMX25MMX40T	566,500
3955	D-16617	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1.5×40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 1.5×40MM	88,000
3956	D-16623	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)2×49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 2X49MM	104,500
3957	D-16639	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 2.5X57	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%) 2.5X57MM	104,500
3958	D-16645	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 3X61	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%) 3X61MM	143,000
3959	D-16651	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.2×65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3.2×65MM	148,500
3960	D-16667	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.5×70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3.5×70MM	154,000
3961	D-16673	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4×75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4X75MM	165,000
3962	D-16689	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4.5×80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4.5X80MM	220,000
3963	D-16695	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 5×86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 5X86MM	220,000
3964	D-16704	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 5.5X93	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5CÁI/BỘ 5.5X93MM	253,000
3965	D-16710	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 6X93	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5CÁI/BỘ 6X93MM	280,500
3966	D-16726	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 6.5×101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)6.5×101MM	319,000
3967	D-16732	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7×109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7×109MM	363,000
3968	D-16748	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7.5×109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7.5×109MM	440,000
3969	D-16754	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8×117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)8×117MM	550,000
3970	D-16760	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8.5×117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)8.5×117MM	616,000
3971	D-16776	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 9×125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI) 9×125MM	693,000
3972	D-16782	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9.5×125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9.5×125MM	836,000
3973	D-16798	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10×133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)10×133MM	946,000
3974	D-16807	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10.5×133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)10.5×133MM	1,006,500
3975	D-16813	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11×142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11×142MM	1,188,000
3976	D-16829	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11.5×142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11.5×142MM	1,342,000
3977	D-16835	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)12×151MM	1,430,000
3978	D-16841	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12.5×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)12.5×151MM	1,518,000
3979	D-16857	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13×151MM	1,650,000
3980	D-16863	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHỌN 450	159,500
3981	D-16879	COLD CHISEL 19*450	MŨI ĐỤC ĐẸP 19*450	159,500
3982	D-16950	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X90MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 3.5X90MM	33,000
3983	D-16994	BIM HOLE SAW 16X38MM	MŨI KHOẾT BIM 16X38MM	77,000
3984	D-17005	BIM HOLE SAW 19X38MM	MŨI KHOẾT BIM 19X38MM	88,000
3985	D-17011	BIM HOLE SAW 22X38MM	MŨI KHOẾT BIM 22X38MM	93,500
3986	D-17027	BIM HOLE SAW 24X38MM	MŨI KHOẾT BIM 24X38MM	99,000
3987	D-17033	BIM HOLE SAW 25X38MM	MŨI KHOẾT BIM 25X38MM	99,000
3988	D-17049	BIM HOLE SAW 32X38MM	MŨI KHOẾT BIM 32X38MM	126,500
3989	D-17055	BIM HOLE SAW 35X38MM	MŨI KHOẾT BIM 35X38MM	132,000
3990	D-17061	BIM HOLE SAW 38X38MM	MŨI KHOẾT BIM 38X38MM	137,500
3991	D-17077	BIM HOLE SAW 44X38MM	MŨI KHOẾT BIM 44X38MM	154,000
3992	D-17083	BIM HOLE SAW 51X38MM	MŨI KHOẾT BIM 51X38MM	170,500
3993	D-17099	BIM HOLE SAW 57X38MM	MŨI KHOẾT BIM 57X38MM	187,000
3994	D-17108	BIM HOLE SAW 68X38MM	MŨI KHOẾT BIM 68X38MM	220,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
3995	D-17114	BIM HOLE SAW 76X38MM	MŨI KHOẾT BIM 76X38MM	242,000
3996	D-17120	BIM HOLE SAW 83X38MM	MŨI KHOẾT BIM 83X38MM	253,000
3997	D-17136	BIM HOLE SAW 92X38MM	MŨI KHOẾT BIM 92X38MM	286,000
3998	D-17142	BIM HOLE SAW 105X38MM	MŨI KHOẾT BIM 105X38MM	324,500
3999	D-17158	BIM HOLE SAW 127X38MM	MŨI KHOẾT BIM 127X38MM	401,500
4000	D-17164	BIM HOLE SAW 152X38MM	MŨI KHOẾT BIM 152X38MM	467,500
4001	D-17170	9.5MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 9.5MM	93,500
4002	D-17186	11MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 11MM	170,500
4003	D-17192	71MM PILOT DRILL	KHOAN ĐỊNH TÂM 71MM	66,000
4004	D-17251	BIM HOLE SAW 20X38MM	MŨI KHOẾT BIM 20X38MM	88,000
4005	D-17267	BIM HOLE SAW 29X38MM	MŨI KHOẾT BIM 29X38MM	110,000
4006	D-17273	BIM HOLE SAW 40X38MM	MŨI KHOẾT BIM 40X38MM	143,000
4007	D-17289	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 1.5X40(1 CÁI)	22,000
4008	D-17295	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2X49(1 CÁI)	22,000
4009	D-17304	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2.5X57(1 CÁI)	22,000
4010	D-17310	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3X61(1 CÁI)	33,000
4011	D-17326	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.2X65(1 CÁI)	33,000
4012	D-17332	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.5X70(1 CÁI)	33,000
4013	D-17348	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4X75(1 CÁI)	38,500
4014	D-17354	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4.5X80(1 CÁI)	44,000
4015	D-17360	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5X86(1 CÁI)	49,500
4016	D-17376	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5.5X93(1 CÁI)	55,000
4017	D-17382	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6X93(1 CÁI)	60,500
4018	D-17398	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6.5X101(1 CÁI)	66,000
4019	D-17407	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7X109(1 CÁI)	82,500
4020	D-17413	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7.5X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7.5X109(1 CÁI)	99,000
4021	D-17429	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8X117(1 CÁI)	121,000
4022	D-17435	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8.5X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8.5X117(1 CÁI)	137,500
4023	D-17441	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9X125(1 CÁI)	143,000
4024	D-17457	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9.5X125(1 CÁI)	170,500
4025	D-17463	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 10×133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10X133(1 CÁI)	192,500
4026	D-17479	HSS-CO METAL DRILL BITS 10.5X133(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10.5X133(1 CÁI)	214,500
4027	D-17485	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 11×142	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11X142(1 CÁI)	242,000
4028	D-17491	HSS-CO METAL DRILL BITS 11.5X142(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11.5X142(1 CÁI)	275,000
4029	D-17500	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 12×151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12X151(1 CÁI)	297,000
4030	D-17516	HSS-CO METAL DRILL BITS 12.5X151(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12.5X151(1 CÁI)	319,000
4031	D-17522	HSS-CO METAL DRILL BITS 13X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 13X151(1 CÁI)	352,000
4032	D-17538	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X460MM	121,000
4033	D-17544	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS14X460MM	132,000
4034	D-17550	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X460MM	165,000
4035	D-17566	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X460MM	181,500
4036	D-17572	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 30X460MM	456,500
4037	D-17588	21MM HEX SHANK COLD CHISEL 26*320	MŨI ĐỤC DẸP CHUỐI LỰC GIÁC 21MM 26*320	143,000
4038	D-17594	COLD CHISEL 26*450	MŨI ĐỤC DẸP 26*450	203,500
4039	D-17603	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 14 - 29MM	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ SDS-PLUS 14 - 29MM	121,000
4040	D-17619	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 32 - 76MM	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ SDS-PLUS 32 - 76MM	214,500
4041	D-17625	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1.75×46MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1.75X46MM	104,500
4042	D-17631	BULL POINT 410/HM1812	MŨI ĐỤC NHỌN 410/HM1812	484,000
4043	D-17647	COLD CHISEL 28*410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*410/HM1812	484,000
4044	D-17675	BULL POINT 520/HM1812	MŨI ĐỤC NHỌN 520/HM1812	539,000
4045	D-17681	COLD CHISEL 28*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*520/HM1812	539,000
4046	D-17697	MASONRY BRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 12X400	93,500
4047	D-17706	MASONRY BRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 16X400MM	132,000
4048	D-17712	MASONRY BRILL BIT 20X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 20X400MM	159,500
4049	D-17728	MASONRY BRILL BIT 12X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 12X600MM	126,500
4050	D-17734	MASONRY BRILL BIT 16X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 16X600MM	176,000
4051	D-17740	MASONRY BRILL BIT 20X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 20X600MM	220,000
4052	D-17756	DRESSING STONE 150-1200 SET	ĐÁ MÀI 150-1200 SET	145,800
4053	D-17762	HSS METAL DRILL BIT 10PC/SET 4.2×75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 10CÁI/BỘ 4.2×75MM	198,000
4054	D-17784	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 6,6.5X110MM, 8,10,12X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/BỘ 6,6.5X110MM, 8,10,12X160MM	170,500
4055	D-17902	TCT SAW BLADE FOR MDF 185MMX30MM60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO MDF 185MMX30MM60T	704,000
4056	D-17918	TCT SAW BLADE FOR MDF 235MMX30X80T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO MDF 235MMX30X80T	1,078,000
4057	D-18443	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (100 X 6 X 16MM)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (100 X 6 X 16MM)	27,000
4058	D-18465	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (125 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (125 X 6 X 22.23MM)	37,800
4059	D-18471	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (180 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (180 X 6 X 22.23MM)	54,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4060	D-18487	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (230 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (230 X 6 X 22.23MM)	81,000
4061	D-18493	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (100 X 6 X 16MM)	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI (100 X 6 X 16MM)	32,400
4062	D-18518	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (125X6X22.23 MM)	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI (125X6X22.23 MM)	43,200
4063	D-18524	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (150 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X 22.23MM)	54,000
4064	D-18530	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (180 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI ((180 X 6 X 22.23MM))	64,800
4065	D-18546	GRINDING WHEEL C24R FOR METAL (230 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI C24R CHO KIM LOẠI (230 X 6 X 22.23MM)	108,000
4066	D-18552	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 100X3X16	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X3X16	21,600
4067	D-18574	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 125X3X22.2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X3X22.2X3X22.2	21,600
4068	D-18580	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 180X3X22.2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X3X22.2X3X22.2	32,400
4069	D-18596	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 230X3X22.2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X3X22.2X3X22.2	43,200
4070	D-18605	CUTTING WHEEL C30S FOR MAS 100x3x16MM	ĐÁ CẮT C30S CHO GẠCH 100X3X16MM	21,600
4071	D-18627	CUTTING WHEEL 125MM C30S FOR MAS 125x3x22.23MM	ĐÁ CẮT 125MM C30S CHO GẠCH 125X3X22.23MM	21,600
4072	D-18633	CUTTING WHEEL C30S FOR MAS 180x3x22.23MM	ĐÁ CẮT C30S CHO GẠCH 180X3X22.23MM	43,200
4073	D-18649	CUTTING WHEEL 230MM C30S FOR MAS 230x3x22.23MM	ĐÁ CẮT 230MM C30S CHO GẠCH 230X3X22.23MM	54,000
4074	D-18655	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 100x2.5x16MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X2.5X16MM	16,200
4075	D-18677	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 125x2.5x22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X2.5X22.23MM	21,600
4076	D-18683	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 180x2.5x22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X2.5X22.23MM	32,400
4077	D-18699	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 230x2.5x22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X2.5X22.23MM	48,600
4078	D-18708	CUTTING WHEEL C30S FOR MAS 100x3x16MM	ĐÁ CẮT C30S CHO GẠCH 100X3X16MM	21,600
4079	D-18720	CUTTING WHEEL C30S FOR MAS 125x3x22.23MM	ĐÁ CẮT C30S CHO GẠCH 125X3X22.23MM	27,000
4080	D-18736	CUTTING WHEEL 180MM C30S FOR MAS 180x3x22.23MM	ĐÁ CẮT 180MM C30S CHO GẠCH 180X3X22.23MM	43,200
4081	D-18742	CUTTING WHEEL 230MM C30S FOR MAS 230x3x22.23MM	ĐÁ CẮT 230MM C30S CHO GẠCH 230X3X22.23MM	54,000
4082	D-18758	THIN CUTTING WA60T FOR STA 100x1.0x16MM	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T 100X1.0X16MM	21,600
4083	D-18758-100	CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/THIN THICKNESS 100X1.0X16MM WA60T(100 PCS/SET)	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP 100X1.0X16MM(100 CÁI/BỘ)	1,360,800
4084	D-18770	THIN CUTTING FLAT WA60T FOR STAINLESS/STEEL 125X1.2X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉPWA60TEEL 125X1.2X22.2MM	27,000
4085	D-18786	THIN CUTTING WA36R FOR STA 180x2x22.23MM	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX WA36R FOR 180X2X22.23MM	43,200
4086	D-18792	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINLESS/STEEL 230X2X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36REEL 230X2X22.2	70,200
4087	D-18801	THIN CUTTING OFF SET WA60T FOR STAINLESS/STEEL100X1.2X16	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T 100X1.2X16MM	21,600
4088	D-18823	THIN CUTTING OFF SET WA46S FOR STAINLESS/STEEL 125X1.6X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA46S 125X1.6X22.2MM	27,000
4089	D-18839	THIN CUTTINF OFF SET WA36R FOR STAINLESS/STEEL 180X2X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R 180X2X22.2MM	43,200
4090	D-18845	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR STAINLESS/STEEL 230X2X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉPT WA36R 230X2X22.2MM	70,200
4091	D-18960	MASONRY BRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KÉP 10X400MM	88,000
4092	D-18976	MASONRY BRILL BIT 14X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KÉP 14X400	110,000
4093	D-18982	MASONRY BRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KÉP 18X400MM	154,000
4094	D-19015	BULL POINT 400MM	MŨI ĐỤC NHỌN 400MM	88,000
4095	D-19021	COLD CHISEL 20x400MM	MŨI ĐỤC DẸP 20X400MM	93,500
4096	D-19037	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX24T	247,500
4097	D-19043	SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX20MMX24/40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX20MMX24/40T	500,500
4098	D-19152	BULL POINT 140	MŨI ĐỤC NHỌN 140	49,500
4099	D-19168	COLD CHISEL 20*140	MŨI ĐỤC DẸP 20*140	49,500
4100	D-20052	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX30MMX16/20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX30MMX16/20T	407,000
4101	D-20068	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 235MMX30MMX20/48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 235MMX30MMX20/48T	957,000
4102	D-20127	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X280	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 16X280MM	176,000
4103	D-20133	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X505	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 16X505MM	247,500
4104	D-20149	17MM HEX SHANK DRILL BIT 18X280	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 18X280MM	192,500
4105	D-20155	TCT DRILL BIT 18X505MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 18X505MM	280,500
4106	D-20161	17MM HEX SHANK DRILL BIT 19X280	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 19X280MM	214,500
4107	D-20177	17MM HEX SHANK DRILL 19X505	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM DRILL 19X505	330,000
4108	D-20183	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X280	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 20X280MM	220,000
4109	D-20199	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X505	CHUỐI LỰC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 20X505MM	330,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4110	D-20208	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X 280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 22X280MM	242,000
4111	D-20214	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 22X505MM	363,000
4112	D-20220	17MM HEX SHANK DRILL BIT 26X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 26X280MM	264,000
4113	D-20236	17MM HEX SHANK DRILL BIT 25.5X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 25.5X505MM	374,000
4114	D-20242	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 28X280MM	308,000
4115	D-20258	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 28X505MM	467,500
4116	D-20264	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 32X280MM	484,000
4117	D-20270	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 32X505MM	665,500
4118	D-20286	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X280	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 35X280MM	594,000
4119	D-20292	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X505	CHUÔI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ TÔNG 35X505MM	726,000
4120	D-20672	SCALING CHISEL 70*320	MŨI ĐỤC DẬP 70*320	264,000
4121	D-20694	SCALING CHISEL 50*280	MŨI ĐỤC DẬP 50*280	132,000
4122	D-20703	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT5PC/SET 5,6,7,8,10X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/BỘ 5,6,7,8,10X160MM	171,600
4123	D-20719	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAIGHT SHANK	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI THẲNG 5 CÁI /BỘ	110,000
4124	D-20725	SCALING CHISEL 75*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẬP 75*520/HM1812	621,500
4125	D-20937	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MASONRY 100X3X16	ĐÁ CẮT 100X3X160X3X16	21,600
4126	D-20959	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MASONRY 125X3X22.2	ĐÁ CẮT 125X3X22.25X3X22.2	27,000
4127	D-21032	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 100X3X16	ĐÁ CẮT 100X3X16100X3X16	21,600
4128	D-21048	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 115X3X22.2	ĐÁ CẮT 115X3X22.2115X3X22.2	27,000
4129	D-21054	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 125X3X22.2	ĐÁ CẮT 125X3X22.2125X3X22.2	21,600
4130	D-21060	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 180X3X22.2	ĐÁ CẮT 180X3X22.2180X3X22.2	43,200
4131	D-21076	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 230X3X22.2	ĐÁ CẮT 230X3X22.2230X3X22.2	48,600
4132	D-21319	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 235MMX25MMX24/40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 235MMX25MMX24/40T	935,000
4133	D-21331	BIT FOR SDS PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X210MM	66,000
4134	D-21397	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 185MMX20MMX24/40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 185MMX20MMX24/40T	506,000
4135	D-21406	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 185MMX20MMX24/60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 185MMX20MMX24/60T	874,500
4136	D-21593	TCT SAW BLADE 2PC/SET (2PCS/SET)185MMX30MMX20/40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 2PC/SET (2CÁI/BỘ)185MMX30MMX20/40T	382,800
4137	D-22816	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1/16"X1'-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/16"X1'-7/8"	92,400
4138	D-22822	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/64"X2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/64"X2"	110,000
4139	D-22838	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/32"X2'-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/32"X2'-1/4"	110,000
4140	D-22844	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/64"X2'-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/64"X2'-5/8"	154,000
4141	D-22850	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/8"X2'-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/8"X2'-3/4"	158,400
4142	D-22866	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/64"X2'-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/64"X2'-7/8"	159,500
4143	D-22872	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/32"X3'-1/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/32"X3'-1/8"	171,600
4144	D-22888	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11/64"X3'-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11/64"X3'-1/4"	220,000
4145	D-22894	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/16"X3'-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/16"X3'-1/2"	224,400
4146	D-22903	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/64"X3'-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/64"X3'-5/8"	259,600
4147	D-22919	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/32"X3'-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/32"X3'-3/4"	259,600
4148	D-22925	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)15/64"X3'-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)15/64"X3'-7/8"	294,800
4149	D-22931	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/4"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/4"X4"	338,800
4150	D-22947	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)17/64"X4'-1/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)17/64"X4'-1/8"	387,200
4151	D-22953	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/32"X4'-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/32"X4'-1/4"	466,400
4152	D-22969	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)19/64"X4'-3/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)19/64"X4'-3/8"	466,400



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4153	D-22975	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/16"X4-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/16"X4-1/2"	585,200
4154	D-22981	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)21/64"X4-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)21/64"X4-5/8"	660,000
4155	D-22997	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11/32"X4-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11/32"X4-3/4"	739,200
4156	D-23008	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)23/64"X4-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)23/64"X4-7/8"	897,600
4157	D-23014	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/8"X5"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/8"X5"	897,600
4158	D-23020	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)25/64"X5-1/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)25/64"X5-1/8"	1,012,000
4159	D-23036	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/32"X5-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/32"X5-1/4"	1,069,200
4160	D-23042	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)27/64"X5-3/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)27/64"X5-3/8"	1,258,400
4161	D-23058	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/16"X5-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/16"X5-1/2"	1,421,200
4162	D-23064	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)29/64"X5-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)29/64"X5-5/8"	1,421,200
4163	D-23070	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)15/32"X5-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)15/32"X5-3/4"	1,518,000
4164	D-23086	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)31/64"X5-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)31/64"X5-7/8"	1,619,200
4165	D-23092	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/2"X6"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/2"X6"	1,764,400
4166	D-23466	AUGER BITS (1PCS.) 5/8"X10"	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1PC.) 5/8"X10"	114,400
4167	D-23824	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHỌN 450	203,500
4168	D-23868	SCALING CHISEL 75*310	MŨI ĐỤC ĐẸP 75*310	539,000
4169	D-24000	FLAT BITS (1/4"HEX SHANK) 7/8"X6"	MŨI KHOAN ĐẸT (CHUỐI LỤC GIÁC 1/4")7/8"X6"	55,000
4170	D-24066	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM10	CHÒI KIM LOẠI 60MMXM10	75,600
4171	D-24072	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM14	CHÒI KIM LOẠI 60MMXM14	75,600
4172	D-24088	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM10	CHÒI KIM LOẠI 75MMXM10	108,000
4173	D-24094	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM14	CHÒI KIM LOẠI 75MMXM14	108,000
4174	D-24103	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM10	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN TRÒN 60MMXM10	113,400
4175	D-24119	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM14	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM14	113,400
4176	D-24125	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM10	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 75MMXM10	124,200
4177	D-24131	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM14	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 75MMXM14	156,600
4178	D-24147	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM10	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM10	162,000
4179	D-24153	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM14	CHÒI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM14	156,600
4180	D-24583	FLAT BIT 3/4"X6"	MŨI KHOẾT GỖ 3/4"X6"	35,200
4181	D-24876	BIM HOLE SAW 54X38MM	MŨI KHOẾT 54X38MM	176,000
4182	D-24882	BIM HOLE SAW 65X38MM	MŨI KHOẾT 65X38MM	203,500
4183	D-25111	GLASS DRILL BIT 3X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 3X65MM	44,000
4184	D-25127	GLASS DRILL BIT 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 4X65MM	55,000
4185	D-25133	GLASS DRILL BIT 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 5X65MM	55,000
4186	D-25149	GLASS DRILL BIT 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 6X65MM	60,500
4187	D-25155	GLASS DRILL BIT 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH 8X70MM	66,000
4188	D-25161	GLASS DRILL BIT 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 10X80MM	82,500
4189	D-25177	GLASS DRILL BIT 12X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 12X80MM	99,000
4190	D-25616	SCALING CHISEL 50*215	MŨI ĐỤC ĐẸP 50*215	121,000
4191	D-25638	SDS-PLUS DRILL 15X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X260MM	88,000
4192	D-25644	SDS-PLUS DRILL 24X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X260MM	192,500
4193	D-25666	SDS-PLUS DRILL 6X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X260MM	49,500
4194	D-25688	60MM BIM HOLE SAW	60X38MM MŨI KHOẾT	192,500
4195	D-25694	70MM BIM HOLE SAW	70X38MM MŨI KHOẾT	220,000
4196	D-26163	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (150 X 6 X 22.23MM)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X 22.23MM)	48,600
4197	D-26303	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHỌN 280	99,000
4198	D-26587	COLD CHISEL 19*210	MŨI ĐỤC ĐẸP 19*210	77,000
4199	D-26973	FLAP DISC GE 100MM #A36 ANGLED	Đĩa nhám xếp 100MM #A36 GÓC	70,200
4200	D-29228	SCALING CHISEL 75*410/HM1812	MŨI ĐỤC ĐẸP 75*410/HM1812	566,500
4201	D-29284	CUP BRUSH CRIMPED WIRE 100MMXM14	CHÒI KIM LOẠI 100MMXM14	145,800
4202	D-29290	CUP BRUSH TWISTED WIRE 100MMXM14	CHÒI KIM LOẠI XOĂN TRÒN 100MMXM14	210,600
4203	D-29402	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150x2.5x22.23MM	Đĩa cắt A30S CHO KIM LOẠI 150X2.5X22.23MM	27,000
4204	D-29418	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150x3x22.23MM	Đĩa cắt A30S CHO KIM LOẠI 150X3X22.23MM	32,400
4205	D-29424	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINLESS/STEEL 150X2X22.2	Đĩa cắt mỏng cho INOX/THÉP WA36REEL 150X2X22.2	37,800
4206	D-29555	WHEEL BRUSH TWISTED 100MMXM14	CHÒI XOĂN TRÒN 100MMXM14	135,000
4207	D-29561	WHEEL BRUSH TWISTED 115MMXM14	CHÒI XOĂN TRÒN 115MMXM14	135,000
4208	D-29577	WHEEL BRUSH TWISTED 125MMXM14	CHÒI XOĂN TRÒN 125MMXM14	189,000
4209	D-29614	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2x49MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2X49MM	22,000
4210	D-29620	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2.5x57MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2.5X57MM	22,000
4211	D-29636	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 3X61MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X61MM	27,500
4212	D-29642	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 3,5X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3,5X70MM	33,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4213	D-29658	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 4X75MM	Mũi khoan đa năng 4X75MM	38,500
4214	D-29664	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 4,5X80MM	Mũi khoan đa năng 4,5X80MM	44,000
4215	D-29670	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 5X86MM	Mũi khoan đa năng 5X86MM	49,500
4216	D-29686	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 5,5X93MM	Mũi khoan đa năng 5,5X93MM	60,500
4217	D-29692	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 6X93MM	Mũi khoan đa năng 6X93MM	60,500
4218	D-29701	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 6,5X101MM	Mũi khoan đa năng 6,5X101MM	66,000
4219	D-29717	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7X109MM	Mũi khoan đa năng 7X109MM	82,500
4220	D-29723	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7,5X109MM	Mũi khoan đa năng 7,5X109MM	88,000
4221	D-29739	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8X117MM	Mũi khoan đa năng 8X117MM	110,000
4222	D-29745	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8,5X117MM	Mũi khoan đa năng 8,5X117MM	110,000
4223	D-29751	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9X125MM	Mũi khoan đa năng 9X125MM	137,500
4224	D-29767	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9,5X125MM	Mũi khoan đa năng 9,5X125MM	154,000
4225	D-29773	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10X133MM	Mũi khoan đa năng 10X133MM	176,000
4226	D-29789	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10,5X133MM	Mũi khoan đa năng 10,5X133MM	187,000
4227	D-29795	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11X142MM	Mũi khoan đa năng 11X142MM	209,000
4228	D-29804	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11,5X142MM	Mũi khoan đa năng 11,5X142MM	225,500
4229	D-29810	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12X151MM	Mũi khoan đa năng 12X151MM	258,500
4230	D-29826	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12,5X151MM	Mũi khoan đa năng 12,5X151MM	264,000
4231	D-29832	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 13X151MM	Mũi khoan đa năng 13X151MM	302,500
4232	D-29860	BULL POINT 450	Mũi đục nhọn 450	126,500
4233	D-29882	MUL POINT HSS DRILL BIT 23PCS 1.0-13MM	Mũi khoan đa năng 23PCS 1.0-13MM	2,481,600
4234	D-29985	SELF FEED BIT(1PCS) 38MM	Mũi khoét gỗ chuôi lục giác 38MM	319,000
4235	D-30106	5PCS METER DRILL SETS ASSORT 5MM(1PCS), 6MM (2PCS), 8MM (2PCS)	Bộ mũi khoan 5 cái 5MM(1PCS), 6MM (2PCS), 8MM (2PCS)	154,000
4236	D-30140	64MM BIM HOLE SAW	64X38MM Mũi khoét	198,000
4237	D-30287	OMNIBOHRER 3X60MM	Mũi khoan đa năng 3X60MM	22,000
4238	D-30293	OMNIBOHRER 4X70MM	Mũi khoan đa năng 4X70MM	22,000
4239	D-30302	OMNIBOHRER 5X85MM	Mũi khoan đa năng 5X85MM	22,000
4240	D-30318	MULTI PURPOSE DRILL BIT 6X100MM	Mũi khoan đa năng 6x100MM	22,000
4241	D-30324	OMNIBOHRER 6X150MM	Mũi khoan đa năng 6X150MM	22,000
4242	D-30330	OMNIBOHRER 7X100MM	Mũi khoan đa năng 7X100MM	22,000
4243	D-30346	OMNIBOHRER 7X150MM	Mũi khoan đa năng 7X150MM	27,500
4244	D-30352	OMNIBOHRER 8X110MM	Mũi khoan đa năng 8X110MM	22,000
4245	D-30368	OMNIBOHRER 8X150MM	Mũi khoan đa năng 8X150MM	27,500
4246	D-30374	OMNIBOHRER 9X150MM	Mũi khoan đa năng 9X150MM	38,500
4247	D-30380	OMNIBOHRER 10X150MM	Mũi khoan đa năng 10X150MM	38,500
4248	D-30396	OMNIBOHRER 10X400MM	Mũi khoan đa năng 10X400MM	93,500
4249	D-30405	OMNIBOHRER 11X150MM	Mũi khoan đa năng 11X150MM	44,000
4250	D-30411	OMNIBOHRER 12X150MM	Mũi khoan đa năng 12X150MM	44,000
4251	D-30427	OMNIBOHRER 12X400MM	Mũi khoan đa năng 12X400MM	99,000
4252	D-30433	OMNIBOHRER 12X600MM	Mũi khoan đa năng 12X600MM	132,000
4253	D-30449	OMNIBOHRER 13X150MM	Mũi khoan đa năng 13X150MM	55,000
4254	D-30455	OMNIBOHRER 14X150MM	Mũi khoan đa năng 14X150MM	60,500
4255	D-30461	OMNIBOHRER 14X400MM	Mũi khoan đa năng 14X400MM	132,000
4256	D-30477	OMNIBOHRER ASSORTMENT 5 PCS SET	Bộ mũi khoan đa năng 5 cái/Bộ	154,000
4257	D-30564	HSS DRILL BITS 170PCS/SET (1.0-8.0MM)X0.5X10PCS	Bộ mũi khoan kim loại HSS 170CÁI/BỘ(1.0-8.0MM)X0.5X10CÁI	5,491,200
4258	D-31011-12	SCREW BIT IN COUNTER DISPLAY 12 SET	Hộp mũi vặn vít 12 bộ	1,861,200
4259	D-31027	OMNIBOHRER 5.5X85	Mũi khoan đa năng 5.5X85	22,000
4260	D-31033	OMNIBOHRER 5.5X100	Mũi khoan đa năng 5.5X100	22,000
4261	D-31049	OMNIBOHRER 5.5X150	Mũi khoan đa năng 5.5X150	22,000
4262	D-31055	OMNIBOHRER 6.5X85	Mũi khoan đa năng 6.5X85	22,000
4263	D-31061	OMNIBOHRER 6.5X100	Mũi khoan đa năng 6.5X100	22,000
4264	D-31077	OMNIBOHRER 6.5X150	Mũi khoan đa năng 6.5X150	27,500
4265	D-31114	HSS-TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 3X81MM	Mũi khoan kim loại HSS-TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 3X81MM	27,500
4266	D-31120	HSS METAL DRILL BITS (1PCS,HEX SHANK) 3.2X85MM	Mũi khoan kim loại HSS(1CÁI, CHUÔI LỤC GIÁC) 3.2X85MM	33,000
4267	D-31136	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 3.3X85MM	Mũi khoan kim loại HSS(1CÁI, CHUÔI LỤC GIÁC) 3.3X85MM	33,000
4268	D-31142	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 4X95MM	Mũi khoan kim loại HSS-TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 4X95MM	38,500
4269	D-31158	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK,) 4.1X95MM	Mũi khoan kim loại HSS-TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 4.1X95MM	38,500
4270	D-31164	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 4.2X95MM	Mũi khoan kim loại HSS(1CÁI,CHUÔI LỤC GIÁC) 4.2X95MM	38,500
4271	D-31170	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 5X106MM	Mũi khoan kim loại HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 5X106MM	44,000
4272	D-31186	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 6X113MM	Mũi khoan kim loại HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 6X113MM	55,000
4273	D-31192	HSS- TIN METAL DRILL BITS(HEX SHANK) 6.5X121MM	Mũi khoan kim loại HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 6.5X121MM	71,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4274	D-31201	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 8X117MM	115,500
4275	D-31217	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 10X133MM	159,500
4276	D-31223	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 12X151MM	242,000
4277	D-31239	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUÔI LỤC GIÁC) 13X151MM	280,500
4278	D-31245	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 3X78MM	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁI) 3X78MM	27,500
4279	D-31251	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 4X92	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4") 4X924X92	33,000
4280	D-31267	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 5X103	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4") 5X1035X103	33,000
4281	D-31273	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 6X110MM	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁI) 6X110MM	38,500
4282	D-31289	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 8X117	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC (1/4") 8X1178X117	44,000
4283	D-31295	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 10X133MM	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁI) 10X133MM	49,500
4284	D-31304	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 12X151MM	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁI) 12X151MM	60,500
4285	D-31310	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 15X162MM	MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC(1 CÁI) 15X162MM	77,000
4286	d-31326	AUGER BITS (1PCS)6MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC(1CÁI) 6MM	82,500
4287	D-31332	AUGER BITS(1PCS) 8MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 8MM	88,000
4288	D-31348	AUGER BITS(1PCS) 10MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 10MM	99,000
4289	D-31354	AUGER BITS(1PCS) 12MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 12MM	110,000
4290	D-31360	AUGER BITS(1PCS) 14MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 14MM	115,500
4291	D-31376	AUGER BITS(1PCS) 16MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 16MM	115,500
4292	D-31382	AUGER BITS(1PCS) 18MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 18MM	137,500
4293	D-31398	AUGER BITS(1PCS) 20MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1CÁI) 20MM	148,500
4294	D-31407	AUGER BITS (1/4" HEX SHANK) 21X200MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC(CHUÔI LỤC GIÁC) 1/4",21X200MM	154,000
4295	D-31413	GLASS BITS(1PCS) 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 4X65MM	66,000
4296	D-31429	GLASS BITS(1PCS) 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 5X65MM	66,000
4297	D-31435	GLASS BITS(1PCS) 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 6X65MM	66,000
4298	D-31441	GLASS BITS(1PCS) 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 8X70MM	71,500
4299	D-31457	GLASS BITS(1PCS) 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 10X80MM	88,000
4300	D-31463	MASONRY DRILL BITS (1/4"3X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁC) 1/4",3X80 MM	38,500
4301	D-31479	MASONRY DRILL BITS (1/4" 4X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁC) 1/4", 4X80MM	44,000
4302	D-31485	MASONRY DRILL BITS (1/4" 5*90)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁC) 1/4", 5X90MM	44,000
4303	D-31491	TCT DRILL BIT 6X100	MŨI KHOAN TƯỜNG (CHUÔI LỤC GIÁC) 6X100MM	44,000
4304	D-31500	MASONRY DRILL BITS (1/4" HEX SHANK,) 8X100	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUÔI LỤC GIÁC) 8X100MM	55,000
4305	D-31516	DRILL BIT ASSORTMENT 5,6,8MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUÔI LỤC GIÁC) 5,6,8MM	286,000
4306	D-31522	DRILL BIT ASSORTMENT M/S 5,6,8MM(5PCS)	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUÔI LỤC GIÁC) 5,6,8MMMM (5PCS)	220,000
4307	D-31653	DOUBLE HEAD SCREW BIT WITH MAGNET (NZ) 100PCS X PH2-65	MŨI VÍT 2 ĐẦU CÓ NAM CHÂM (NZ) 100CÁI XPH2-65	1,232,000
4308	D-33679	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 65MM(10PCS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI)	192,500
4309	D-33691	MACCESS 71PCS	BỘ MŨI KHOAN MACCESS 71PCS	1,474,000
4310	D-33869	BIM HOLE SAW 80MM	MŨI KHOÉT 80X38MM	247,500
4311	D-33875	SDS-MAX TCT DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X340MM	236,500
4312	D-33881	SDS-MAX TCT DRILL 12X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X540MM	341,000
4313	D-33897	SDS-MAX TCT DRILL 14X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X340MM	264,000
4314	D-33906	SDS-MAX TCT DRILL 14X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X540MM	363,000
4315	D-33912	SDS-MAX TCT DRILL 15X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X340MM	291,500
4316	D-33928	SDS-MAX TCT DRILL 15X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X540MM	390,500
4317	D-33934	SDS-MAX TCT DRILL 16X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X340MM	291,500
4318	D-33940	SDS-MAX TCT DRILL 16X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X540MM	390,500
4319	D-33956	SDS-MAX TCT DRILL 18X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X340MM	319,000
4320	D-33962	SDS-MAX TCT DRILL 18X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X540MM	418,000
4321	D-33978	SDS-MAX TCT DRILL 20X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X340MM	352,000
4322	D-33984	SDS-MAX TCT DRILL 20X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X540MM	484,000
4323	D-33990	SDS-MAX TCT DRILL 22X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X340MM	390,500
4324	D-34001	SDS-MAX TCT DRILL 22X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X540MM	528,000
4325	D-34017	SDS-MAX TCT DRILL 24X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X340MM	412,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4326	D-34023	SDS-MAX TCT DRILL 24X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X540MM	550,000
4327	D-34039	SDS-MAX TCT DRILL 25X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X340MM	412,500
4328	D-34045	SDS-MAX TCT DRILL 25X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X540MM	550,000
4329	D-34051	SDS-MAX TCT DRILL 28X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X370MM	484,000
4330	D-34067	SDS-MAX TCT DRILL 28X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X570MM	742,500
4331	D-34073	SDS-MAX TCT DRILL 30X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X370MM	566,500
4332	D-34089	SDS-MAX TCT DRILL 30X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X570MM	913,000
4333	D-34095	SDS-MAX TCT DRILL 32X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X370MM	792,000
4334	D-34104	SDS-MAX TCT DRILL 32X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X570MM	1,012,000
4335	D-34110	SDS-MAX TCT DRILL 35X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X370MM	957,000
4336	D-34126	SDS-MAX TCT DRILL 35X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X570MM	1,122,000
4337	D-34132	SDS-MAX TCT DRILL 38X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X370MM	1,188,000
4338	D-34148	SDS-MAX TCT DRILL 38X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X570MM	1,430,000
4339	D-34154	SDS-MAX TCT DRILL 40X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X370MM	1,320,000
4340	D-34160	SDS-MAX TCT DRILL 40X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X570MM	1,496,000
4341	D-34176	SDS-MAX BULL POINT 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 300MM	143,000
4342	D-34182	SDS-MAX BULL POINT 400MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 400MM	165,000
4343	D-34182-10	SDS MAX BULL POINT 10PCS/SET 400MM	MŨI ĐỤC NHỌN SDS MAX 10PCS/SET 400MM	1,534,500
4344	D-34198	SDS-MAX BULL POINT 600MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 600MM	242,000
4345	D-34207	SDS-MAX COLD CHISEL 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 300MM	143,000
4346	D-34213	SDS-MAX COLD CHISEL 400MM	MŨI ĐỤC DẸP 400MM	165,000
4347	D-34213-10	SDS MAX COLO CHISEL 10PCS/SET 25X300MM	MŨI ĐỤC NHỌN CHUỖI SDS-MAX 10CÁI/BỘ 25X300MM	1,531,200
4348	D-34229	SDS-MAX COLD CHISEL 600MM/HM1812	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 600MM	242,000
4349	D-34235	SDS-MAX SCALING CHISEL 50MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 50MM	198,000
4350	D-34241	SDS-MAX SCALING CHISEL 80MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC DẸP 80MM	324,500
4351	D-34279	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 185MMX20MMX24/24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO GỖ 185MMX20MMX24/24T	451,000
4352	D-34285	TCT SAW BLADE (3PC/SET) 185MMX20MMX16/24/40T	LƯỖI CỬA HỢP KIM (3 CÁI/BỘ) 185MMX20MMX16/24/40T	720,500
4353	D-34316	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 235MMX25MMX24/24T	LƯỖI CỬA HỢP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 235MMX25MMX24/24T	797,500
4354	D-34388	TCT SAW BLADE 255MMX30MMX80T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 255MMX30MMX80T	913,000
4355	D-34394	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 260MMX25.4MMX100T	1,320,000
4356	D-34419	TCT SAW BLADE 305MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỢP KIM 305MMX25.4MMX100T	1,408,000
4357	D-34497	SDS-MAX SCALING CHISEL 80MM	MŨI ĐỤC DẸP SDS-MAX 80MM	264,000
4358	D-34811	30MM HEX SHANK SCALING CHISEL	MŨI ĐỤC DẸP CHUỖI LỰC GIÁC 30MM	440,000
4359	D-34827	DOUBLE HEAD SCREW BIT (NZ) 10 X PH2-45 BIT HOLDER	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU (NZ) 10 X PH2-45 BIT HOLDER	181,500
4360	D-34833	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 110MM(10PCS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(10 CÁI)	302,500
4361	D-34877	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/BASIC(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA LỌNG GỖ/CƠ BẢN(5 CÁI/BỘ)	38,500
4362	D-34883	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/FAST(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA LỌNG GỖ/NHANH(5 CÁI/BỘ)	55,000
4363	D-34899	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/FAST/CURRED(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA LỌNG GỖ/NHANH/CÁT CONG(5 CÁI/BỘ)	55,000
4364	D-34908	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE METAL/BASIC(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA LỌNG KIM LOẠI/CƠ BẢN(5CÁI/BỘ)	77,000
4365	D-34942	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 3.2X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠIHSS (10 CÁI/HỘP) 3.2X65MM	132,000
4366	D-34958	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 4.2X75	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%) 5CÁI/HỘP 4.2X75MM	220,000
4367	D-34986	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP) 5.2X86MM	286,000
4368	D-34992	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 5.2X86	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%) 5.2X86MM	253,000
4369	D-35003	ELECTROPLATED CORE DRILL 35MM	MŨI KHOAN LỖI MẠ ĐIỆN 35MM	665,500
4370	D-35019	ELECTROPLATED CORE DRILL 30MM	MŨI KHOAN LỖI MẠ ĐIỆN 30MM	610,500
4371	D-35025	ELECTROPLATED CORE DRILL 25MM	MŨI KHOAN LỖI MẠ ĐIỆN 25MM	528,000
4372	D-35053	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	22,000
4373	D-35069	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	22,000
4374	D-35075	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	22,000
4375	D-35081	OMNIBOHRER 5.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85MM	22,000
4376	D-35097	OMNIBOHRER 5.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100MM	22,000
4377	D-35106	OMNIBOHRER 5.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150MM	22,000
4378	D-35112	OMNIBOHRER 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X100MM	22,000
4379	D-35128	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	22,000
4380	D-35134	OMNIBOHRER 6.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85MM	22,000
4381	D-35140	OMNIBOHRER 6.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100MM	22,000
4382	D-35156	OMNIBOHRER 6.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150MM	22,000
4383	D-35162	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	22,000
4384	D-35178	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	22,000
4385	D-35184	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	22,000
4386	D-35209	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	27,500
4387	D-35215	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	27,500
4388	D-35221	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	71,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4389	D-35237	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	33,000
4390	D-35243	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	38,500
4391	D-35259	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	71,500
4392	D-35265	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	99,000
4393	D-35271	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	44,000
4394	D-35287	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	44,000
4395	D-35293	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	93,500
4396	D-35368	BIM HOLE SAW 14X38MM	MŨI KHOẾT 14X38MM	77,000
4397	D-35374	BIM HOLE SAW 17X38MM	MŨI KHOẾT 17X38MM	82,500
4398	D-35380	BIM HOLE SAW 21X38MM	MŨI KHOẾT 21X38MM	88,000
4399	D-35396	BIM HOLE SAW 27X38MM	MŨI KHOẾT 27X38MM	110,000
4400	D-35405	BIM HOLE SAW 30X38MM	MŨI KHOẾT 30X38MM	115,500
4401	D-35411	BIM HOLE SAW 33X38MM	MŨI KHOẾT 33X38MM	126,500
4402	D-35427	BIM HOLE SAW 37X38MM	MŨI KHOẾT 37X38MM	132,000
4403	D-35433	BIM HOLE SAW 41X38MM	MŨI KHOẾT 41X38MM	143,000
4404	D-35449	BIM HOLE SAW 43X38MM	MŨI KHOẾT 43X38MM	154,000
4405	D-35455	BIM HOLE SAW 46X38MM	MŨI KHOẾT 46X38MM	159,500
4406	D-35461	BIM HOLE SAW 48X38MM	MŨI KHOẾT 48X38MM	165,000
4407	D-35477	BIM HOLE SAW 52X38MM	MŨI KHOẾT 52X38MM	176,000
4408	D-35483	BIM HOLE SAW 56X38MM	MŨI KHOẾT 56X38MM	181,500
4409	D-35499	BIM HOLE SAW 59X38MM	MŨI KHOẾT 59X38MM	187,000
4410	D-35508	BIM HOLE SAW 67X38MM	MŨI KHOẾT 67X38MM	214,500
4411	D-35514	BIM HOLE SAW 73X38MM	MŨI KHOẾT 73X38MM	236,500
4412	D-35520	BIM HOLE SAW 79X38MM	MŨI KHOẾT 79X38MM	242,000
4413	D-35536	BIM HOLE SAW 86X38MM	MŨI KHOẾT 86X38MM	258,500
4414	D-35542	BIM HOLE SAW 89X38MM	MŨI KHOẾT 89X38MM	275,000
4415	D-35558	BIM HOLE SAW 95X38MM	MŨI KHOẾT 95X38MM	297,000
4416	D-35564	BIM HOLE SAW 98X38MM	MŨI KHOẾT 98X38MM	297,000
4417	D-35570	BIM HOLE SAW 102X38MM	MŨI KHOẾT 102X38MM	308,000
4418	D-35586	BIM HOLE SAW 108X38MM	MŨI KHOẾT 108X38MM	341,000
4419	D-35592	BIM HOLE SAW 111X38MM	MŨI KHOẾT 111X38MM	352,000
4420	D-35601	BIM HOLE SAW 114X38MM	MŨI KHOẾT 114X38MM	363,000
4421	D-35617	BIM HOLE SAW 121X38MM	MŨI KHOẾT 121X38MM	379,500
4422	D-35623	BIM HOLE SAW 140X38MM	MŨI KHOẾT 140X38MM	429,000
4423	D-36049	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4PCS) 6,8,10,12X160MM	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4CÁI) 6,8,10,12X160MM	170,500
4424	D-36055	SHIP AUGER BIT 10X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 10X165MM	214,500
4425	D-36061	SHIP AUGER BIT 12X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 12X165MM	242,000
4426	D-36077	SHIP AUGER BIT 14X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 14X165MM	258,500
4427	D-36083	SHIP AUGER BIT 16X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 16X165MM	269,500
4428	D-36099	SHIP AUGER BIT 18X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 18X165MM	291,500
4429	D-36108	SHIP AUGER BIT 20X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 20X165MM	308,000
4430	D-36114	SHIP AUGER BIT 22X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 22X165MM	346,500
4431	D-36120	SHIP AUGER BIT 24X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 24X165MM	374,000
4432	D-36136	SHIP AUGER BIT 26X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 26X165MM	396,000
4433	D-36142	SHIP AUGER BIT 28X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 28X165MM	434,500
4434	D-36158	SHIP AUGER BIT 30X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 30X165MM	484,000
4435	D-36164	SHIP AUGER BIT 32X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 32X165MM	522,500
4436	D-36170	SHIP AUGER BIT 35X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 35X165MM	638,000
4437	D-36186	SHIP AUGER BIT 38X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 38X165MM	731,500
4438	D-36192	SHIP AUGER BIT 10X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 10X470MM	324,500
4439	D-36201	SHIP AUGER BIT 12X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 12X470MM	363,000
4440	D-36217	SHIP AUGER BIT 14X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 14X470MM	434,500
4441	D-36223	SHIP AUGER BIT 16X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 16X470MM	451,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4442	D-36239	SHIP AUGER BIT 18X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 18X470MM	500,500
4443	D-36245	SHIP AUGER BIT 20X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 20X470MM	539,000
4444	D-36251	SHIP AUGER BIT 22X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 22X470MM	566,500
4445	D-36267	SHIP AUGER BIT 24X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 24X470MM	649,000
4446	D-36273	SHIP AUGER BIT 26X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 26X470MM	698,500
4447	D-36289	SHIP AUGER BIT 28X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 28X470MM	803,000
4448	D-36295	SHIP AUGER BIT 30X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 30X470MM	841,500
4449	D-36304	SHIP AUGER BIT 32X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 32X470MM	968,000
4450	D-36310	SHIP AUGER BIT 35X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 35X470MM	1,083,500
4451	D-36326	SHIP AUGER BIT 38X470MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC CHUÔI LỰC GIÁC 38X470MM	1,320,000
4452	D-36712	OMNIBOHRER ASSORTMENT (5PC.)	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI THẲNG 5 CÁI/BỘ	132,000
4453	D-36728	MASONRY DRILL BIT 5.5X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KÉP 5.5X100MM	22,000
4454	D-36734	MASONRY DRILL BIT 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KÉP 5.5X150MM	22,000
4455	D-36740	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KÉP 6.5X150MM	22,000
4456	D-36756	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KÉP 6.5X150MM	22,000
4457	D-36762	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAIGHT SHANK	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI THẲNG 5 CÁI /BỘ	121,000
4458	D-36974	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAIGHT SHANK/ OMNIBOHRER	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI THẲNG 5 CÁI/BỘ	148,500
4459	D-37306	COUNTERSINK 7CUTTING EDGES 13.0MM 120X60X14	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 7LƯỖI CẮT 13X50MM0X14	88,000
4460	D-37312	COUNTERSINK 6.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X31MM	99,000
4461	D-37328	COUNTERSINK 8.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X31MM	121,000
4462	D-37334	COUNTERSINK 10.4X34MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X34MM	143,000
4463	D-37340	COUNTERSINK 12.4X35MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X35MM	165,000
4464	D-37356	COUNTERSINK 16.5X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X40MM	236,500
4465	D-37362	COUNTERSINK 20.5X41MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X41MM	313,500
4466	D-37378	COUNTERSINK 6X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6X48MM	93,500
4467	D-37384	COUNTERSINK 8X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8X48MM	110,000
4468	D-37390	COUNTERSINK 10X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10X40MM	132,000
4469	D-37409	COUNTERSINKC 12X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12X40MM	176,000
4470	D-37415	COUNTERSINK 16X43MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16X43MM	198,000
4471	D-37421	COUNTERSINK 20X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20X45MM	280,500
4472	D-37437	COUNTERSINK 6.3X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X45MM	99,000
4473	D-37443	COUNTERSINK 8.3X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X50MM	126,500
4474	D-37459	COUNTERSINK 10.4X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X50MM	154,000
4475	D-37465	COUNTERSINK 12.4X56MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X56MM	170,500
4476	D-37471	COUNTERSINK 16.5X60MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X60MM	231,000
4477	D-37487	COUNTERSINK 20.5X63MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X63MM	308,000
4478	D-37493	COUNTERSINK 25X67MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 25X67MM	401,500
4479	D-37502	COUNTERSINK (2-5)X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (2-5)X45MM	192,500
4480	D-37518	COUNTERSINK (5-10)X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (5-10)X48MM	385,000
4481	D-37524	COUNTERSINK (10-15)X65MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (10-15)X65MM	594,000
4482	D-37530	COUNTERSINK (15-20)X85MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (15-20)X85MM	1,166,000
4483	D-37568	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 125MM	203,500
4484	D-37574	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 180MM	368,500
4485	D-37580	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 230MM	500,500
4486	D-37605	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 125MM	220,000
4487	D-37611	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 180MM	335,500
4488	D-37627	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 230MM	500,500
4489	D-37633	MULT POINT HSS DRILL BIT 3,5X65	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3,5X65MM	38,500
4490	D-37649	MULT.POINT HSS DRILL BIT 1PCS 4,2X75MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4,2X75MM	44,000
4491	D-37655	MULT POINT HSS DRILL BIT 5,2X86	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5,2X86MM	60,500
4492	D-37661	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2,453,760
4493	D-37677	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2,795,040
4494	D-37683	DRILL BITS	MŨI KHOAN	1,474,000
4495	D-38283	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ1MM	22,000
4496	D-38299	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 1.5MM	22,000
4497	D-38308	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2MM	22,000
4498	D-38314	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.5MM	22,000
4499	D-38320	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.6MM	22,000
4500	D-38336	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3MM	22,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4501	D-38342	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.2MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 2CÁI/BỘ 3.2MM	22,000
4502	D-38358	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 2CÁI/BỘ 3.5MM	22,000
4503	D-38364	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 4MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 2CÁI/BỘ 4MM	22,000
4504	D-38370	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.2MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 4.2MM	22,000
4505	D-38386	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 4.5MM	22,000
4506	D-38392	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.8MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 4.8MM	22,000
4507	D-38401	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 5MM	22,000
4508	D-38417	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 5.5MM	22,000
4509	D-38423	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 6MM	22,000
4510	D-38439	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 6.5MM	22,000
4511	D-38445	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 7MM	22,000
4512	D-38451	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 7.5MM	27,500
4513	D-38467	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 8MM	33,000
4514	D-38473	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 8.5MM	33,000
4515	D-38489	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 9MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 9MM	38,500
4516	D-38495	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 10MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 10MM	44,000
4517	D-38504	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 11MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 11MM	49,500
4518	D-38510	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 12MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 12MM	60,500
4519	D-38526	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 13MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 1CÁI/GÓI 13MM	60,500
4520	D-38532	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 1MM	33,000
4521	D-38548	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 1.5MM	38,500
4522	D-38554	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 2MM	38,500
4523	D-38560	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 2.5MM	44,000
4524	D-38576	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 3MM	55,000
4525	D-38582	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.2MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 3.2MM	60,500
4526	D-38598	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 3.5MM	60,500
4527	D-38607	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 4MM	66,000
4528	D-38613	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.2MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 4.2MM	71,500
4529	D-38629	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 4.5MM	71,500
4530	D-38635	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.8MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 4.8MM	77,000
4531	D-38641	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 5MM	77,000
4532	D-38657	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 5.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 5.5MM	82,500
4533	D-38663	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 6MM	99,000
4534	D-38679	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 6.5MM	110,000
4535	D-38685	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 7MM	126,500
4536	D-38691	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 7.5MM	137,500
4537	D-38700	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 8MM	170,500
4538	D-38716	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 8.5MM	209,000
4539	D-38722	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 9MM	225,500
4540	D-38738	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 9.5MM	242,000
4541	D-38744	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 10MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 10CÁI/BỘ 10MM	313,500
4542	D-38750	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 10.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘT 10.5MM	176,000
4543	D-38766	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘ 11MM	192,500
4544	D-38772	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘ 11.5MM	203,500
4545	D-38788	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘ 12MM	242,000
4546	D-38794	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12.5MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘ 12.5MM	253,000
4547	D-38803	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 13MM	Mũi khoan kim loại HSS-R 5CÁI/BỘ 13MM	269,500
4548	D-39746	CUP BRUSH CRIMPED 60MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG CỐC) 60MM X M14	75,600
4549	D-39768	CUP BRUSH CRIMPED 75MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG CỐC) 75MM X M14	86,400
4550	D-39780	CUP BRUSH CRIMPED 90MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG CỐC) 90MM X M14	108,000
4551	D-39805	CUP BRUSH CRIMPED 100MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG CỐC) 100MM X M14	162,000
4552	D-39827	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG VÁT MÉP) 100MM X M14	97,200
4553	D-39849	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG VÁT MÉP) 115MM X M14	108,000
4554	D-39861	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG VÁT MÉP) 100MM X M14	108,000
4555	D-39883	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	Chổi đánh gỉ (DẠNG VÁT MÉP) 115MM X M14	118,800
4556	D-39908	CUP BRUSH SHANK 38MM X(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRỤ) 38MMX(CHUÔI 6MM)	43,200
4557	D-39914	CUP BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRỤ) 50MMX(6MM CHUÔI)	48,600
4558	D-39920	CUP BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRỤ) 63MMX(CHUÔI 6MM)	48,600
4559	D-39936	CUP BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRỤ) 75MMX(CHUÔI 6MM)	54,000
4560	D-39942	CUP BRUSH SHANK 80MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRỤ) 80MMX(CHUÔI 6MM)	59,400
4561	D-39958	WHEEL BRUSH SHANK 38MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRÒN) 38MMX(CHUÔI 6MM)	43,200
4562	D-39964	WHEEL BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRÒN) 50MMX(CHUÔI 6MM)	43,200
4563	D-39970	WHEEL BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRÒN) 63MMX(CHUÔI 6MM)	43,200
4564	D-39986	WHEEL BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHANK)	Chổi đánh gỉ (DẠNG TRÒN) 75MMX(CHUÔI 6MM)	48,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4565	D-39992	WHEEL BRUSH SHANK 100MMX(6MM SHANK)	CHÓI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRÒN) 100MMX(CHUÔI 6MM)	54,000
4566	D-40004	END BRUSH SHANK 12MMX(6MM SHANK)	CHÓI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 12MMX(CHUÔI 6MM)	32,400
4567	D-40010	END BRUSH SHANK 19MMX(6MM SHANK)	CHÓI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 19MMX(CHUÔI 6MM)	43,200
4568	D-40026	END BRUSH SHANK 25MMX(6MM SHANK)	CHÓI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 25MMX(CHUÔI 6MM)	48,600
4569	D-40032	END BRUSH SHANK 30MMX(6MM SHANK)	CHÓI ĐÁNH GỈ (DẠNG TRỤ) 30MMX(CHUÔI 6MM)	54,000
4570	D-40048	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	357,500
4571	D-40054	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	594,000
4572	D-40060	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	1,210,000
4573	D-40076	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	2,134,000
4574	D-40107	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẠC	1,540,000
4575	D-40135	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẠC	1,606,000
4576	D-40163	STEP DIRLL BIT	MŨI KHOAN BẠC	1,342,000
4577	D-40191	STEP DRILL BIT 4-32MM	MŨI KHOAN BẠC 4-32MM	1,408,000
4578	D-40412	CONE DRILL BIT (24~40)X89(64)	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP (24~40)X89(64)	2,002,000
4579	D-40587	SDS-MAX TCT DRILL 3PC ASSORTMENT (F16, F18, F20)	BỘ MŨI KHOAN SDS-MAX TCT (Φ16, Φ18, Φ20)	1,038,400
4580	D-40593	SDS-PLUS DRILL 5,6,8X110,X160MM (10PC/SET)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG 5,6,8X110,X160MM SDS-PLUS (10CÁI/BỘ)	308,000
4581	D-40602	SDS-PLUS DRILL 5,6,8X110,X160MM (25PC/SET)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG 5,6,8X110,X160MM SDS-PLUS (25CÁI/BỘ)	726,000
4582	D-40674	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (10PC.)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS (10PC.)(10pc.)	242,000
4583	D-40680	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (25PC.)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS (25PC.)(25pc.)	572,000
4584	D-40727	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 3X60MM	16,500
4585	D-40733	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3.5X75MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 3.5X75MM	22,000
4586	D-40749	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4X75MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 4X75MM	16,500
4587	D-40755	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4.5X85MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 4.5X85MM	16,500
4588	D-40761	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X85MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 5X85MM	16,500
4589	D-40777	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 5X150MM	22,000
4590	D-40783	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X85MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 5.5X85MM	16,500
4591	D-40799	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 5.5X150MM	22,000
4592	D-40808	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6X100MM	22,000
4593	D-40814	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6X150MM	22,000
4594	D-40820	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X200MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6X200MM	27,500
4595	D-40836	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6X400MM	44,000
4596	D-40842	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6.5X100MM	22,000
4597	D-40858	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6.5X150MM	22,000
4598	D-40864	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 6.5X400MM	60,500
4599	D-40870	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 7X100MM	22,000
4600	D-40886	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 7X150MM	22,000
4601	D-40892	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 7X400MM	60,500
4602	D-40901	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X120MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 8X120MM	22,000
4603	D-40917	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 8X150MM	22,000
4604	D-40923	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X200MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 8X200MM	33,000
4605	D-40939	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 8X400MM	60,500
4606	D-40945	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 9X120MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 9X120MM	22,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4607	D-40951	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X120MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 10X120MM	27,500
4608	D-40967	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 10X150MM	27,500
4609	D-40973	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X200MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 10X200MM	44,000
4610	D-40989	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 10X400MM	66,000
4611	D-40995	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 11X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 11X150MM	38,500
4612	D-41006	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 12X150MM	38,500
4613	D-41012	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X200MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 12X200MM	49,500
4614	D-41028	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 12X400MM	77,000
4615	D-41034	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3PCS/SET 5,6,8MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP CHO GẠCH 3CÁI/BỘ 5,6,8MM	49,500
4616	D-41517	IMPACT SOCKET SET 9PCS/1/2"/8-24MM	BỘ ĐẦU TUÝP 9 CÁI/1/2"/8-24MM	1,034,000
4617	D-41791	MASONRY DRILL BIT 8PCS/SET 3->10MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUÔI KẸP 8CÁI/BỘ 3->10MM	180,400
4618	D-42204	COUTERSHINK BIT WITH TREE 90OC CUTTING EDGES 6PCS 6.3,8.3,10.4,12.4,16.5,20.5MM	BỘ MŨI KHOAN SẮT RỘNG LỖ 6 CÁI/BỘ 6.3,8.3,10.4,12.4,16.5,20.5MM	1,179,200
4619	D-42531	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	82,500
4620	D-42553	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	99,000
4621	D-42581	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	99,000
4622	D-42606	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	99,000
4623	D-42612	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	82,500
4624	D-42628	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	104,500
4625	D-42634	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	82,500
4626	D-42640	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	115,500
4627	D-42955	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1X34MM	38,500
4628	D-42961	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1.5X40MM	38,500
4629	D-42977	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2X49MM	44,000
4630	D-42983	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2.5X57MM	44,000
4631	D-43000	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3X61MM	44,000
4632	D-43016	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.2X65MM	55,000
4633	D-43038	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.5X70MM	55,000
4634	D-43044	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 4X75MM	66,000
4635	D-43066	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.2X75MM	44,000
4636	D-43072	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.5X80MM	44,000
4637	D-43094	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5X86MM	44,000
4638	D-43119	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5.5X93MM	49,500
4639	D-43125	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6X93MM	55,000
4640	D-43131	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6.5X101MM	60,500
4641	D-43147	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 7X109MM	66,000
4642	D-43169	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 8X117MM	88,000
4643	D-43181	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 9X125MM	110,000
4644	D-43206	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 10X133MM	137,500
4645	D-43212	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 11X142MM	170,500
4646	D-43228	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 12X151MM	203,500
4647	D-43234	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 13X151MM	236,500
4648	D-43240	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1X34MM	88,000
4649	D-43256	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1.5X40MM	88,000
4650	D-43290	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 3.2X65MM	165,000
4651	D-43321	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4X75MM	209,000
4652	D-43343	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4.2X75MM	242,000
4653	D-43359	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4.5X80MM	242,000
4654	D-43387	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 5.2X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 5.2X86MM	338,800
4655	D-43393	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 5.5X93MM	341,000
4656	D-43418	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 6.5X101MM	497,200
4657	D-43424	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 7X109MM	594,000
4658	D-43430	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 7.5X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 7.5X109MM	642,400
4659	D-43452	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 8.5X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 8.5X117MM	853,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4660	D-43468	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9X125MM	1,045,000
4661	D-43474	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9.5X125MM	1,144,000
4662	D-43480	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 10X133MM	1,337,600
4663	D-43496	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10.5X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 10.5X133MM	731,500
4664	D-43505	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11X142MM	819,500
4665	D-43511	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11.5X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11.5X142MM	896,500
4666	D-43533	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 12.5X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 12.5X151MM	1,083,500
4667	D-43549	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 13X151MM	1,188,000
4668	D-43555	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6PCS 2,3,4,5,6,8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6CÁI 2,3,4,5,6,8	275,000
4669	D-44258	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 110MM	110,000
4670	D-44264	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	209,000
4671	D-44270	DIAMOND WHEEL 115MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 115MM	93,500
4672	D-44286	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	231,000
4673	D-44292	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	363,000
4674	D-44317	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 180MM	308,000
4675	D-44323	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 230MM	429,000
4676	D-44351	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM	82,500
4677	D-44367	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM	82,500
4678	D-44373	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG 105MM	435,600
4679	D-44971	SDS-PLUS DRILL&CHISEL10PC/SET	MŨI KHOAN VÀ ĐỤC BÊ TỔNG CHUỖI SDS-PLUS10CÁI/BỘ	363,000
4680	D-45004	ECTROPLATED DIAMOND WHEEL FOR MARBLE 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG CẮT ĐÁ CẨM THẠCH 110MM	352,000
4681	D-45509	NYLON CUP BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #80)	86,400
4682	D-45515	NYLON CUP BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #80)	118,800
4683	D-45521	NYLON CUP BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #80)	135,000
4684	D-45537	NYLON CUP BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #240)	86,400
4685	D-45543	NYLON CUP BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #240)	118,800
4686	D-45559	NYLON CUP BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #240)	135,000
4687	D-45565	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (38MM, #80)	64,800
4688	D-45571	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (50MM, #80)	81,000
4689	D-45587	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (63MM, #80)	91,800
4690	D-45593	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (75MM, #80)	118,800
4691	D-45602	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (100MM, #80)	135,000
4692	D-45618	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (38MM, #240)	64,800
4693	D-45624	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (50MM, #240)	81,000
4694	D-45630	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (63MM, #240)	91,800
4695	D-45646	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (75MM, #240)	118,800
4696	D-45652	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÁNH XE (100MM, #240)	135,000
4697	D-45668	NYLON END BRUSH (12MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM, #80)	54,000
4698	D-45674	NYLON END BRUSH (19MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM, #80)	64,800
4699	D-45680	NYLON END BRUSH (25MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM, #80)	75,600
4700	D-45696	NYLON END BRUSH (30MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM, #80)	108,000
4701	D-45705	NYLON END BRUSH (12MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM, #240)	54,000
4702	D-45711	NYLON END BRUSH (19MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM, #240)	64,800
4703	D-45727	NYLON END BRUSH (25MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM, #240)	75,600
4704	D-45733	NYLON END BRUSH (30MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM, #240)	108,000
4705	D-45749	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #80)	CHỔI NYLON ĐỂ VÀNH (100MM, #80)	140,400
4706	D-45755	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #240)	CHỔI NYLON ĐỂ VÀNH (100MM, #240)	140,400
4707	D-45761	WIRE WHEEL BRUSH 150MMXM14	CHỔI KIM LOẠI 150MMXM14	205,200
4708	D-45777	WIRE WHEEL BRUSH 175MMXM14	CHỔI KIM LOẠI 175MMXM14	302,400
4709	D-46202	DRILL BIT 18PCS SET IN METAL CASE	BỘ MŨI KHOAN 18 CÁI/BỘ(CHỨA TRONG HỘP KIM LOẠI)	445,500
4710	D-46414	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẠC NZ	385,000
4711	D-46420	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẠC NZ	660,000
4712	D-46436	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẠC NZ	401,500
4713	D-46442	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẠC NZ	687,500
4714	D-46458	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẠC NZ	495,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4715	D-46464	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	665,500
4716	D-46470	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	506,000
4717	D-46486	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	698,500
4718	D-46492	DISPLAY FOR MULTI TOOL BLADE	KỆ TRƯNG BÀY CHO LƯỚI MÁY ĐA NĂNG	2,204,400
4719	D-46539	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK) 2.5X78(30)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUÔI LỰC GIÁC) 2.5X78(30)MM	27,500
4720	D-46545	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK) 5.2X102(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUÔI LỰC GIÁC) 5.2X102(52)MM	49,500
4721	D-46567	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10CÁI/HỘP) 3.3X65(36)	132,000
4722	D-46589	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.2X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.2X65(36)3.2X65(36)	22,000
4723	D-46595	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.3X65(36)3.3X65(36)	22,000
4724	D-46604	HSS METAL DRILL BITS 1PC 4.2X75(43)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC4.2X75(43)4.2X75(43)	33,000
4725	D-46610	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.2X86(52)5.2X86(52)	38,500
4726	D-46626	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT (1PC./PKG) 3.3X65	MŨI KHOAN ĐA NĂNG (1PC./HỘP)3.3X653.3X65	33,000
4727	D-46632	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 3.3X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)5CÁI/HỘP 3.3X65	148,500
4728	D-46648	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)2.9X61(33)	110,000
4729	D-46654	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)5.3X86(52)	286,000
4730	D-46660	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 3.3X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)1PC3.3X65	33,000
4731	D-46676	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 4.2X75	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)1PC4.2X75	44,000
4732	D-46682	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)1PC5.2X86(52)	55,000
4733	D-46698	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP3.3X65'-36	60,500
4734	D-46707	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP5.2X86'-52	82,500
4735	D-46713	HSS-R METAL DRILL BIT 2PCS/PKG 3.3X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/HỘP3.3X65	22,000
4736	D-46729	HSS-R METAL DRILL BIT 5.2X86MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5.2X86MM(1CÁI/HỘP)	22,000
4737	D-46779	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)6.8X109(69)	489,500
4738	D-46785	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)8.8X125(81)	440,000
4739	D-46791	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10.3X133(87)	616,000
4740	D-46800	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10.8X142(94)	687,500
4741	D-46816	HSS METAL DRILL BITS 1PC 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC2.9X61(33)2.9×61(33)	22,000
4742	D-46822	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.3X86(52)5.3X86(52)	38,500
4743	D-46838	HSS METAL DRILL BITS 1PC 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC6.8X109(69)6.8×109(69)	55,000
4744	D-46844	HSS METAL DRILL BITS 1PC 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC8.8X125(81)8.8×125(81)	93,500
4745	D-46850	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.3X133(87)10.3×133(87)	132,000
4746	D-46866	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.8X142(94)10.8×142(94)	148,500
4747	D-46872	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 2.9X61'-33	55,000
4748	D-46888	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 5.3X86'-52	82,500
4749	D-46894	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 6.8X109(69)	121,000
4750	D-46903	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 8.8X125(81)	220,000
4751	D-46919	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10.3X133(87)	176,000
4752	D-46925	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10.8X142(94)	187,000
4753	D-46931	HSS-R METAL DRILL BIT 2.9×61MM(2PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2.9X61MM(2CÁI/HỘP)	22,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4754	D-46947	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 5.3X86(52)	22,000
4755	D-46953	HSS-R METAL DRILL BIT 6.8×109MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 6.8X109MM(1CÁI/HỘP)	22,000
4756	D-46969	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 8.8X125'-81	38,500
4757	D-46975	HSS-R METAL DRILL BIT 10.3×133MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10.3X133MM(1CÁI/HỘP)	44,000
4758	D-46981	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 10.8X142(94)	49,500
4759	D-47117	HOLE SAW KIT 6PC/SET 19,22,29,38,44,57MM	BỘ MŨI KHOẾT 6 CÁI/BỘ 19,22,29,38,44,57MM	1,082,400
4760	D-47123	HOLE SAW KIT 9PCS/SET 16,20,25,32,40,51MM	BỘ MŨI KHOẾT 9 CÁI/BỘ 16,20,25,32,40,51MM	1,003,200
4761	D-49264	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 RĂNG 3/8"	181,500
4762	D-49317	TCT ROUTER BIT 1/4"	MŨI PHAY 1/4"	159,500
4763	D-49426	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	308,000
4764	D-49507	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	253,000
4765	D-49535	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY 3/8"	170,500
4766	D-49638	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	308,000
4767	D-49666	TCT ROUTER BIT 1-15/64"	MŨI PHAY 1-15/64"	374,000
4768	D-49694	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	335,500
4769	D-49797	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	335,500
4770	D-49909	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	313,500
4771	D-50033	TCT ROUTER BIT 1-5/8"	MŨI PHAY 1-5/8"	555,500
4772	D-50061	TCT ROUTER BIT 1-1/4"	MŨI PHAY 1-1/4"	368,500
4773	D-50099	TCT ROUTER BIT 1-1/2"	MŨI PHAY 1-1/2"	484,000
4774	D-50457	HSS-G METAL DRILL BIT 25PC INDEX SET 1.0-13MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25 CÁI/BỘ 1.0-13MM	1,632,400
4775	D-50463	HSS-CO METAL DRILL BIT 19PC INDEX SET 1.0-10MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 19 CÁI/BỘ 1.0-10MM	1,174,800
4776	D-50479	HSS-CO METAL DRILL BIT 25PC INDEX SET 1.0-13MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 25 CÁI/BỘ 1.0-13MM	2,534,400
4777	D-50485	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX16T	137,500
4778	D-50491	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX24T	159,500
4779	D-50500	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX40T	198,000
4780	D-50516	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX16T	181,500
4781	D-50522	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX24T	198,000
4782	D-50522-10	TCT SAW BLADE (10PCS/SET) 185MMX25.4MMX24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM (10CÁI/BỘ) 185MMX25.4MMX24T	1,738,000
4783	D-50538	TCT SAW BLADE 185mmx25.4mmx40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185mmx25.4mmx40T	231,000
4784	D-50544	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX20T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX20T	319,000
4785	D-50550	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	357,500
4786	D-50566	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX60T	412,500
4787	D-51188	TC GRIT HOLES AW 33MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 33MM	192,500
4788	D-51194	TC GRIT HOLES AW 43MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 43MM	231,000
4789	D-51203	TC GRIT HOLES AW 53MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 53MM	280,500
4790	D-51219	TC GRIT HOLES AW 63MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 63MM	324,500
4791	D-51225	TC GRIT HOLES AW 67MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 67MM	341,000
4792	D-51231	TC GRIT HOLES AW 73MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 73MM	374,000
4793	D-51247	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW 83X64MM	MŨI KHOẾT GẠCH 83X64MM	467,500
4794	D-51253	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	BỘ CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	220,000
4795	D-51269	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	104,500
4796	D-51655	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 225MM(2PCS/SET)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 14T 225MM(2CÁI/BỘ)	132,000
4797	D-51683	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 40)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 40)	232,200
4798	D-51699	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 60)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 60)	232,200
4799	D-51708	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 80)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 80)	221,400
4800	D-51714	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 100)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 100)	221,400
4801	D-51720	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 120)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 120)	221,400
4802	D-51736	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 150)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 150)	189,000
4803	D-51742	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 180)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 180)	189,000
4804	D-51758	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 240)	GIẤY CHÀ NHẪM 50CÁI/BỘ (CỔ HẠT 240)	189,000
4805	D-53017	COMBINATION SET (NZ) 103 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 103 CÁI (NZ)	2,310,000
4806	D-53453	WOOD DRILL BITS 13×151MM	MŨI KHOAN GỖ 13X151MM	49,500
4807	D-53469	WOOD DRILL BITS 15×160MM	MŨI KHOAN GỖ 15X160MM	60,500
4808	D-53475	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẪN ỐC CHUÔI THẲNG 13X250MM	93,500
4809	D-53481	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẪN ỐC CHUÔI THẲNG 15X250MM	104,500
4810	D-53497	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẪN ỐC CHUÔI THẲNG 13X450MM	198,000
4811	D-53506	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẪN ỐC CHUÔI THẲNG 15X450MM	220,000
4812	D-53687	COMBINATION SET (NZ) 50 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 50 CÁI (NZ)	995,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4813	D-53693	COMBINATION SET (NZ) 17 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 17 CÁI (NZ)	286,000
4814	D-53702	COMBINATION SET (NZ) 30 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 30 CÁI (NZ)	473,000
4815	D-54019	HSS-G METAL DRILL BIT 13PC METAL BOX SET 1.0-6.5MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13 CÁI/BỘ 1.0-6.5MM	308,000
4816	D-54025	HSS-G METAL DRILL BIT 19PC METAL BOX SET 1.0-10MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 19 CÁI/BỘ 1.0-10MM	770,000
4817	D-54031	HSS-G METAL DRILL BIT 25PC METAL BOX SET 1.0-13MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25 CÁI/BỘ 1.0-13MM	1,562,000
4818	D-54075	HSS-R METAL DRILL BIT 13PC METAL BOX SET 1.0-6.5MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13 CÁI/BỘ 1.0-6.5MM	137,500
4819	D-54081	HSS-R METAL DRILL BIT 19PC METAL BOX SET 1.0-10MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 19 CÁI/BỘ 1.0-10MM	308,000
4820	D-54097	HSS-R METAL DRILL BIT 25PC METAL BOX SET 1.0-13MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 25 CÁI/BỘ 1.0-13MM	621,500
4821	D-54134	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A40 -8 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A40-8 LỖ(10 CÁI/HỘP)	81,000
4822	D-54140	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A60 -8 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A60-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4823	D-54156	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A80 -8 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A80-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4824	D-54162	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A100 -8 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A100-8 LỖ(10 CÁI/HỘP)	81,000
4825	D-54178	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A120 -8 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A120-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4826	D-54184	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A150 -8 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A150-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4827	D-54190	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A180 -8 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A180-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4828	D-54209	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A240 -8 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A240-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4829	D-54215	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A320 -8 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A320-8 LỖ(10CÁI/HỘP)	81,000
4830	D-54570	ABRASIVE DISC 125-320(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM DẦN 125-320(10CÁI/BỘ)	91,800
4831	D-54586	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-140-15 HOLES(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-140-15 LỖ (10 CÁI/HỘP)	129,600
4832	D-54592	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A60-15 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A60-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4833	D-54601	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A80 -15 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A80-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4834	D-54617	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A100-15 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A100-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4835	D-54623	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A120 -15 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A120-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4836	D-54639	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A150-15 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A150-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4837	D-54645	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A180-15 HOLES (10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A180-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4838	D-54651	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A240 -15 HOLES(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A240-15 LỖ(10CÁI/HỘP)	129,600
4839	D-54667	ABRASIVE DISC 150-320(10PCS/SET)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A320-15 LỖ (10 CÁI / HỘP)	129,600
4840	D-55061	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(MM,NZ) 6.5X100MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI LỰC GIÁC 1/4" (MM,NZ) 6.5X100MM	49,500
4841	D-56530	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #60 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	205,200
4842	D-56546	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #80 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80)	189,000
4843	D-56552	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #100 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	189,000
4844	D-56568	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #120 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	189,000
4845	D-56574	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #150 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	189,000
4846	D-56580	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #180 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	189,000
4847	D-56596	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #240 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO VỮA 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 240)	189,000
4848	D-56677	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #36 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 36)	464,400
4849	D-56683	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 40)	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 40)	464,400
4850	D-56699	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #60 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	367,200



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4851	D-56708	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 80)	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖHẠT 80)	367,200
4852	D-56714	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #100 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	367,200
4853	D-56720	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 120)	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖHẠT 120)	367,200
4854	D-56736	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #150 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	367,200
4855	D-56742	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 180)	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ(CỖ HẠT 180)	367,200
4856	D-56758	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 240)	GIẤY CHÀ NHẪM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ(CỖ HẠT 240)	367,200
4857	D-56873	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM GRIT 320	GIẤY NHẪM GỖ 230X280 CỖ HẠT 320	189,000
4858	D-56889	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM GRIT 400	GIẤY NHẪM GỖ 230X280 CỖ HẠT 400	189,000
4859	D-56960	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE SIDE	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐỆM LÔNG CỪUDẠNG CHỤP 2 MẶT	44,000
4860	D-56998	LASER WELDING DIAMOND WHEEL 350MMX25.4MMX7.5MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 350MMX25.4X7.5MM	1,782,000
4861	D-57009	DIAMOND WHEEL 400MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 400MM	1,919,500
4862	D-57043	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE SIDE M16	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐỆM LÔNG CỪU 2 MẶT M16	33,000
4863	D-57093	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-120MM	MŨI KHOẾT LỖ TRÒN 30-120MM	258,500
4864	D-57102	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-200MM	MŨI KHOẾT LỖ TRÒN 30-200MM	313,500
4865	D-57118	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER BLADE 2PCS/SET	LƯỖI CUA MŨI KHOẾT LỖ TRÒN 2 CÁI/BỘ	49,500
4866	D-57146	WOOL BONNET DOUBLE SIDE YELLOW 230MM	TÀM ĐỆM ĐANH BÓNG HAI MẶT 230MM	572,400
4867	D-57196	HSS-G METAL DRILL ASSORTMENT 6 PCS (STRAIGHT SHANK) 2,3,4,5,6,8MM	HSS-G BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI 6PCS 2,3,4,5,6,8MM	198,000
4868	D-57211	WOOD DRILL DRILL BIT ASSORT(5PCS/BOX)	BỘ MŨI KHOAN GỖ(5 CÁI/HỘP)	115,500
4869	D-57227	WOOD DRILL BIT 8PC ASSORTMENT 3-10MM	BỘ MŨI KHOAN GỖ 8 CÁI/BỘ 3-10MM	170,500
4870	D-58578	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #40/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #40/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4871	D-58584	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #60/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #60/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4872	D-58590	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #80/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #80/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4873	D-58609	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #100/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #100/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4874	D-58615	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #120/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #120/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4875	D-58621	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #150/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #150/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4876	D-58637	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #180/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #180/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4877	D-58643	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #240/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #240/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4878	D-58659	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #320/94MM (10 PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM TAM GIÁC CHO GỖ #320/94MM(10 CÁI/BỘ)	48,600
4879	D-58665	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES40#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 40)	54,000
4880	D-58671	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES60#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 60)	54,000
4881	D-58687	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES80#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 80)	54,000
4882	D-58693	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES100#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 100)	54,000
4883	D-58702	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES120#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 120)	54,000
4884	D-58718	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES150#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 150)	54,000
4885	D-58724	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES180#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 180)	54,000
4886	D-58730	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES240#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 240)	54,000
4887	D-58746	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102MM WITH 6 HOLES320#	GIẤY CHÀ NHẪM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 320)	54,000
4888	D-58752	LED PEN LIGHT	ĐÈN PIN MINI	154,000
4889	D-58833	RATCHET SCREWDRIVER	MŨI VẶN VÍT ĐA NĂNG	126,500
4890	D-58899	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(180MM)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG(180MM)	687,500
4891	D-58908	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(230MM)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG(230MM)	770,000
4892	D-58964	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #120 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	464,400
4893	D-58986	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #180 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	453,600



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4894	D-58992	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #220 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 220)	453,600
4895	D-59003	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #280 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 280)	453,600
4896	D-59019	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #320 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 320)	453,600
4897	D-59025	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #400 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 400)	453,600
4898	D-59031	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #600 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 600)	453,600
4899	D-59047	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #800 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 800)	453,600
4900	D-59053	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #1000 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 1000)	453,600
4901	D-59069	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #1500 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 1500)	453,600
4902	D-59075	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #2000 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 50 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 2000)	453,600
4903	D-59162	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 260X25.4X100T	671,000
4904	D-59190	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 60)	54,000
4905	D-59221	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 120)	54,000
4906	D-59243	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 180)	54,000
4907	D-59259	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 240)	54,000
4908	D-59346	SANDING BELT 100X610 A40 3PCS/SET	GIẤY NHÂM BĂNG CỖ HẠT 100X610 A40 3CÁI/BỘ	124,200
4909	D-59352	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 60)	91,800
4910	D-59380	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 120)	91,800
4911	D-59405	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 180)	91,800
4912	D-59411	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHÂM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 240)	91,800
4913	D-60682	OFFSET DIAMOND WHEEL(125MM)	ĐÁ MÀI KIM CƯƠNG CHO BỀ TÔNG(125MM)	405,000
4914	D-60698	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #80 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 80)	1,101,600
4915	D-60707	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #100 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 100)	1,101,600
4916	D-60713	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #120 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 120)	1,101,600
4917	D-60729	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #150 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 150)	1,101,600
4918	D-60735	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #180 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 180)	972,000
4919	D-60741	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #220 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 220)	972,000
4920	D-60757	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #240 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 240)	972,000
4921	D-60791	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #400 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 400)	972,000
4922	D-60800	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #500 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 500)	972,000
4923	D-60816	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #600 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 600)	972,000
4924	D-60822	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #800 100PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO SƠN 230X280MM 100 CÁI/HỘP (CỖ HẠT 800)	1,080,000
4925	D-61020	SDS-PLUS SCALING CHISEL 40X250MM	MŨI ĐỤC DỆP 80X250MM	319,000
4926	D-61058	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X25.4X120T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 260X25.4X120T	715,000
4927	D-61064	DIAMOND CORE BIT/DDF484	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG/DDF484	313,500
4928	D-61101	DIAMOND CORE BIT	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG	418,000
4929	D-61466	TCT SAW BLADE 185MM X 20MM X 60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM 185MM X 20MM X 60T	335,500
4930	D-62088-5	CUT-OFF WHEEL 14 INCH 355x3x25.4 (5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 14 INCH 355X3X25.4 (5PCS/SET)	415,800
4931	D-62119	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X20X40T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 185X20X40T	247,500
4932	D-62234	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX100T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX100T	731,500
4933	D-62240	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX120T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX120T	786,500
4934	D-62284	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG CỰC THỎ(100MMX22.23MM)	363,000
4935	D-62290	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYPE(180MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG CỰC THỎ(180MMX22.23MM)	885,500
4936	D-62309	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG THỎ(100MMX22.23MM)	462,000
4937	D-62321	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(180MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG THỎ(180MMX22.23MM)	1,078,000
4938	D-62337	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG MỊN(100MMX22.23MM)	495,000
4939	D-62343	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(115MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG MỊN(115MMX22.23MM)	550,000
4940	D-62359	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(180MMX22.23MM)	LƯỠI BẢO BỆ TÔNG MỊN(180MMX22.23MM)	1,210,000
4941	D-62511	POLISHING SPONGE ORANGE (FLAT TYPE) HARD	BỘT BIẾN ĐÁNH BÓNG MÀU CAM(LOẠI PHẪNG)	135,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4942	D-62549	POLISHING SPONGE BLUE (FLAT TYPE) MIDDLE	BỘT BIÊN ĐÁNH BÓNG MÀU XANH(LOẠI PHẪNG)	135,000
4943	D-62577	POLISHING SPONGE BLACK (FLAT TYPE) SOFT	BỘT BIÊN ĐÁNH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠI PHẪNG)	135,000
4944	D-62608	POLISHING SPONGE ORANGE (WAVE TYPE) HARD	BỘT BIÊN ĐÁNH BÓNG MÀU CAM(LOẠI SÓNG)	135,000
4945	D-62636	POLISHING SPONGE BLUE (WAVE TYPE) MIDLE	BỘT BIÊN ĐÁNH BÓNG MÀU XANH(LOẠI SÓNG)	135,000
4946	D-62664	POLISHING SPONGE BLACK (WAVE TYPE) SOFT	BỘT BIÊN ĐÁNH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠI SÓNG)	135,000
4947	D-63351	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 32MM	MŨI KIM CƯƠNG KHOẾT LỖ 32MM	660,000
4948	D-63395	FLAP DISC A40 100MMX16MM	ĐĨA NHẪM XẾP A40 100MMX16MM	27,000
4949	D-63404	FLAP DISC A60 100MMX16MM	ĐĨA NHẪM XẾP A60 100MMX16MM	27,000
4950	D-63410	FLAP DISC A80 100MMX16MM	ĐĨA NHẪM XẾP A80 100MMX16MM	27,000
4951	D-63426	FLAP DISC A120 100MMX16MM	ĐĨA NHẪM XẾP A120 100MMX16MM	27,000
4952	D-63476	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẪM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	43,200
4953	D-63482	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẪM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	43,200
4954	D-63498	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẪM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	43,200
4955	D-63507	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẪM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	43,200
4956	D-63513	FLAP DISC 180MM A40	NHẪM XẾP 180MM A40	64,800
4957	D-63529	FLAP DISC 180MM A60	NHẪM XẾP 180MM A60	64,800
4958	D-63535	FLAP DISC 180MM A80	NHẪM XẾP 180MM A80	64,800
4959	D-63541	FLAP DISC 180MM A120	NHẪM XẾP 180MM A120	64,800
4960	D-63557	CURCULAR SAW 235MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐĨA 235MMX30MMX60T	500,500
4961	D-63563	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX80T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX80T	693,000
4962	D-63579	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX80T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 305MMX30MMX80T	929,500
4963	D-63585	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX100T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 305MMX30MMX100T	1,078,000
4964	D-63591	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX120T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 305MMX30MMX120	1,210,000
4965	D-63616	TCT SAW BLADE 165MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 165MMX30MMX60T	401,500
4966	D-63622	CURCULAR SAW 185MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐĨA 185MMX30MMX60T	418,000
4967	D-63694	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(MM,NZ) 3.2X80MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI LỰC GIÁC 1/4" (MM.NZ) 3.2X80MM	38,500
4968	D-63703	FLAP DISC 100MM Z40	NHẪM XẾP 100MM Z40	32,400
4969	D-63719	FLAP DISC 100MM Z60	NHẪM XẾP 100MM Z60	32,400
4970	D-63725	FLAP DISC 100MM Z80	NHẪM XẾP 100MM Z80	32,400
4971	D-63731	FLAP DISC 100MM Z120	NHẪM XẾP 100MM Z120	32,400
4972	D-63781	FLAP DISC 125MM Z40	NHẪM XẾP 125MM Z40	48,600
4973	D-63797	FLAP DISC 125MM Z60	NHẪM XẾP 125MM Z60	48,600
4974	D-63806	FLAP DISC 125MM Z80	NHẪM XẾP 125MM Z80	48,600
4975	D-63812	FLAP DISC 125MM Z120	NHẪM XẾP 125MM Z120	48,600
4976	D-63828	FLAP DISC 180MM Z40	NHẪM XẾP 180MM Z40	97,200
4977	D-63834	FLAP DISC 180MM Z60	NHẪM XẾP 180MM Z60	97,200
4978	D-63840	FLAP DISC 180MM Z80	NHẪM XẾP 180MM Z80	97,200
4979	D-63856	FLAP DISC 180MM Z120	NHẪM XẾP 180MM Z120	97,200
4980	D-63862	PLASTIC CASE FOR DIAMOND WHEEL	HỘP ĐỰNG LƯỠI CÁT KIM CƯƠNG	129,600
4981	D-64004	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1X34MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 1X34MM	22,000
4982	D-64010	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ1.5X40MM	22,000
4983	D-64026	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2X49MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 2X49MM	22,000
4984	D-64032	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2.5X57MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 2.5X57MM	22,000
4985	D-64048	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3X61MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 3X61MM	27,500
4986	D-64054	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3.5X70MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 3.5X70MM	27,500
4987	D-64060	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4X75MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 4X75MM	27,500
4988	D-64076	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4.5X80MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 4.5X80MM	27,500
4989	D-64082	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5X86MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 5X86MM	27,500
4990	D-64098	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5.5X93MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 5.5X93MM	27,500
4991	D-64107	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6X93MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 6X93MM	27,500
4992	D-64113	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6.5X101MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 6.5X101MM	33,000
4993	D-64129	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7X109MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 7X109MM	33,000
4994	D-64135	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7.5X109MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 7.5X109MM	38,500
4995	D-64141	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X117MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 8X117MM	44,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
4996	D-64157	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8.5X117MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 8.5X117MM	44,000
4997	D-64163	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9X125MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 9X125MM	44,000
4998	D-64179	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9.5X125MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 9.5X125MM	55,000
4999	D-64185	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10X133MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 10X133MM	60,500
5000	D-64191	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10.5X133MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 10.5X133MM	60,500
5001	D-64200	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11X142MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 11X142MM	60,500
5002	D-64216	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11.5X142MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 11.5X142MM	71,500
5003	D-64222	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 12X151MM	82,500
5004	D-64238	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12.5X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 12.5X151MM	82,500
5005	D-64244	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 13X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 13X151MM	82,500
5006	D-64250	HSS-TIN METAL DRILL 1.0X34X12 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.0X34X12 10PCS	88,000
5007	D-64266	HSS-TIN METAL DRILL 1.5X40X18 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.5X40X18 10PCS	88,000
5008	D-64272	HSS-TIN METAL DRILL BIT (2X49MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(2X49MM) 10PCS/SET	88,000
5009	D-64288	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2.5X57MM	88,000
5010	D-64294	HSS-TIN METAL DRILL 3.0X61X33 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3.0X61X33 10PCS	93,500
5011	D-64303	HSS-TIN METAL DRILL BIT (3.5X70MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(3.5X70MM) 10PCS/SET	93,500
5012	D-64319	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI LỰC GIÁC) 10CÁI/BỘ 4X75MM	93,500
5013	D-64325	HSS-TIN METAL DRILL 4.5X80X47 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 4.5X80X47 10PCS	121,000
5014	D-64331	HSS-TIN METAL DRILL 5.0X86X52 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.0X86X52 10PCS	154,000
5015	D-64347	HSS-TIN METAL DRILL 5.5X93X57 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.5X93X57 10PCS	181,500
5016	D-64353	HSS-TIN METAL DRILL BIT (6X93MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(6X93MM) 10PCS/SET	220,000
5017	D-64369	HSS-TIN METAL DRILL 6.5X101X63 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6.5X101X63 10PCS	220,000
5018	D-64375	HSS-TIN METAL DRILL 7.0X109X69 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.0X109X69 10PCS	231,000
5019	D-64381	HSS-TIN METAL DRILL 7.5X109X69 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.5X109X69 10PCS	231,000
5020	D-64397	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X117MM (10PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8X117MM (LOẠI KINH TẾ) 10PCS	242,000
5021	D-64406	HSS-TIN METAL DRILL 8.5X117X75 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8.5X117X75 5PCS	154,000
5022	D-64412	HSS-TIN METAL DRILL 9.0X125X81 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.0X125X81 5PCS	176,000
5023	D-64428	HSS-TIN METAL DRILL 9.5X125X81 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.5X125X81 5PCS	192,500
5024	D-64434	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI LỰC GIÁC) 10CÁI/BỘ 10X133MM	214,500
5025	D-64440	HSS-TIN METAL DRILL 10.5X133X87 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10.5X133X87 5PCS	253,000
5026	D-64456	HSS-TIN METAL DRILL 11X142X94 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11X142X94 5PCS	275,000
5027	D-64462	HSS-TIN METAL DRILL 11.5X142X94 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11.5X142X94 5PCS	308,000
5028	D-64478	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12X151MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12X151MM(LOẠI KINH TẾ) 5PCS	346,500
5029	D-64484	HSS-TIN METAL DRILL 12.5X151X101 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12.5X151X1015PCS	357,500
5030	D-64490	HSS-TIN METAL DRILL 13X151X101 BIT5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 13X151X101 5PCS	374,000
5031	D-65034	HEX SHANK 350MM BULL POINT 28.6MM/HM1812	MŨI ĐỤC NHỌN 350MM CHUỐI LỰC GIÁC 28.6MM/HM1812	418,000
5032	D-65090	GRINDING WHEEL FOR METAL 100X6.0X16MM/A24P	ĐÁ MÀI/KIM LOẠI 100X6.0X16MM/A24P	27,000
5033	D-65121	SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS	874,500
5034	D-65252	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 60)	43,200
5035	D-65268	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 100)	43,200
5036	D-65274	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 120)	43,200
5037	D-65280	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 180)	43,200
5038	D-65296	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 240)	43,200
5039	D-65305	ABRASIVE PAPER 93X228 #320	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 320)	43,200
5040	D-65311	ABRASIVE PAPER114 X140#80	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT 80)	43,200
5041	D-65327	ABRASIVE PAPER114 X140#100	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT100)	43,200
5042	D-65333	ABRASIVE PAPER114 X140#120	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT120)	43,200
5043	D-65349	ABRASIVE PAPER114 X140#180	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT180)	43,200



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5044	D-65355	ABRASIVE PAPER114 X140#240	GIẤY CHÀ NHẪM 114X140 (CỔ HẠT 240)	43,200
5045	D-65361	ABRASIVE PAPER114 X140#320	GIẤY CHÀ NHẪM 114X140 (CỔ HẠT 320)	43,200
5046	D-65414	TCT SAW BLADE FOR WOOD 260X25.4X40T	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ 260X25.4X40T	341,000
5047	D-65539	DOUBLE-END(C-FORM)	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DẠNG C)	1,232,000
5048	D-65551	"DOUBLE-END(C-FORM)"	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DẠNG C)	297,000
5049	D-65713	SNAP-OFF KNIFE (BLUE)	DAO RỌC (XANH)	126,500
5050	D-65729	SHANK WIRE BRUSH 4PCS. 6MM(1/4INCH) SET FOR DRILL	CHỖI ĐÁNH SỢI KIM LOẠI CHUÔI 6MM CHO MÁY KHOAN	210,600
5051	D-65735	WOOL BONNET 150MM	ĐỆM LÔNG CỪU 150MM	221,400
5052	D-65816	ABRASIVE PAPER DISC10PCS, WITH 8 HOLES 125X40	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A40-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	81,000
5053	D-65822	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 60/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A60-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5054	D-65838	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 80/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn125MM-A80-8 LỖ (10CÁI / BỘ)	64,800
5055	D-65844	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 100/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A100-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5056	D-65850	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 120/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A120-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5057	D-65866	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 150/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A150-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5058	D-65872	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 180/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A180-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5059	D-65888	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 240/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A240-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5060	D-65894	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 320/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A320-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5061	D-65903	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 400/125MM)(10PCS)	Đĩa nhám tròn cho sơn 125MM-A400-8 LỖ (10 CÁI / BỘ)	64,800
5062	D-65947	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 100X1.0X16/WA46R	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16/WA46R	10,800
5063	D-65947-10	THIN CUTTING/FLAT/100X1.0X16MM/WA46R(10PCS/SET)	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16/WA46R(10 CÁI/BỘ)	97,200
5064	D-65969	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 125X1.0X22.23	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.2345076	21,600
5065	D-65969-10	THIN CUTTING/FLAT/125X1.0X22.23MM/WA46R(10PCS/SET)	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.23/WA46R(10CÁI/BỘ)	167,400
5066	D-65975	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 180X2.0X22.23	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 180X2.0X22.23	32,400
5067	D-65981	BRUSH CUTTER BLADE TCT (230MMX25.4X36T)	LƯỠI CẮT CỎ TCT (230MMX25.4X36T)	297,000
5068	D-65997	BRUSH CUTTER BLADE TCT (255MMX25.4X40T)	LƯỠI CẮT CỎ TCT (255MMX25.4X40T)	352,000
5069	D-66008	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X4T)	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X4T)	203,500
5070	D-66014	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X4T)	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X4T)	209,000
5071	D-66020	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X3T)	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X3T)	242,000
5072	D-66036	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X3T)	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X3T)	247,500
5073	D-66042	BRUSH CUTTER BLADE (305MMX25.4X3T)	LƯỠI CẮT CỎ (305MMX25.4X3T)	269,500
5074	D-66058	BRUSH CUTTER BLADE 230X25.4X2T	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4X2T)	165,000
5075	D-66064	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X2T)	LƯỠI CẮT CỎ (255MMX25.4X2T)	176,000
5076	D-66092	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #100 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 100)	129,600
5077	D-66101	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #120 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 120)	129,600
5078	D-66117	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #150 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 150)	129,600
5079	D-66123	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #180 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 180)	113,400
5080	D-66139	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #220 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 220)	113,400
5081	D-66145	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #240 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO SƠN 230X280MM 10 CÁI/HỘP (CỔ HẠT 240)	113,400
5082	D-66189	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #120 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 120)	118,800
5083	D-66204	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #180 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 180)	108,000
5084	D-66210	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #220 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 220)	108,000
5085	D-66226	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #280 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 280)	108,000
5086	D-66232	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #320 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 320)	108,000
5087	D-66248	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #400 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 400)	108,000
5088	D-66254	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #600 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 600)	108,000
5089	D-66260	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #800 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẪM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỔ HẠT 800)	108,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5090	D-66276	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #1000 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 1000)	108,000
5091	D-66298	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #1500 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 1500)	108,000
5092	D-66307	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #2000 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO OTO 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 2000)	108,000
5093	D-66313	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #40 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 40)	59,400
5094	D-66329	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #60 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 60)	59,400
5095	D-66335	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #80 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 80)	48,600
5096	D-66341	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #100 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 100)	48,600
5097	D-66357	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #120 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 120)	48,600
5098	D-66363	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #150 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 150)	43,200
5099	D-66379	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #180 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 180)	43,200
5100	D-66385	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #240 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 240)	43,200
5101	D-66391	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #320 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 320)	43,200
5102	D-66400	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #400 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO GỖ 230X280MM 10 CÁI/BỘ(CỖ HẠT 400)	43,200
5103	D-66416	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #60 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	54,000
5104	D-66422	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #80 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80)	48,600
5105	D-66438	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #100 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	48,600
5106	D-66444	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #120 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	48,600
5107	D-66450	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #150 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	48,600
5108	D-66466	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #180 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	48,600
5109	D-66472	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #240 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO VỮA 230X280MM 10 CÁI/BỘ (CỖ HẠT 240)	48,600
5110	D-66488	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #36 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 36)	108,000
5111	D-66494	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #40 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 40)	108,000
5112	D-66503	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #60 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	86,400
5113	D-66519	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #80 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80)	86,400
5114	D-66525	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #100 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	86,400
5115	D-66531	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #120 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	86,400
5116	D-66547	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #150 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	86,400
5117	D-66553	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #180 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	86,400
5118	D-66569	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #240 10PCS/SET	GIẤY CHÀ NHÂM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÁI/BỘ (CỖ HẠT 240)	86,400
5119	D-66612	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 4X160MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 4X160MM	38,500
5120	D-66628	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 5X210MM	44,000
5121	D-66634	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 6.5X260MM	49,500
5122	D-66640	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 8X310MM	66,000
5123	D-66656	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X350MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 10X350MM	66,000
5124	D-66662	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X210MM	49,500
5125	D-66678	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X260MM	60,500
5126	D-66684	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 12X310MM	66,000
5127	D-66690	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 13X210MM	66,000
5128	D-66709	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 14X310MM	88,000
5129	D-66715	OFFSET DIAMOND WHEEL (125MMX22.23MM)	LƯỚI BẢO BÊ TỔNG THỎ (125MMX22.23MM)	604,800
5130	D-66721	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(125MMX22.23MM)	LƯỚI BẢO BÊ TỔNG MỊN(125MMX22.23MM)	682,000
5131	D-67359	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 2PCS	DỪA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 2 CÁI	93,500
5132	D-67365	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 12PCS	DỪA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 12 CÁI	396,000
5133	D-67371	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 2PCS	DỪA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 2 CÁI	93,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5134	D-67387	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 12PCS	DỮA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 12 CÁI	396,000
5135	D-67452	FLAT FILE 1PC	DỮA ĐẸP 1PC	88,000
5136	D-67468	FLAT FILE 12 PCS/SET	DỮA ĐẸP 12 CÁI/BỘ	643,500
5137	D-67480	LOGGER'S FILING VISE	ÉTỐ DỮA XÍCH	198,000
5138	D-67527	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 19PCS SET IN PLASTIC CASE	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN KINH TẾ 19CÁI/BỘ	423,500
5139	D-67549	HSS METAL DRILL BIT SET(19PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G(19 CÁI)	891,000
5140	D-67555	HSS-G METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25CÁI/BỘ	1,650,000
5141	D-67561	HSS-CO METAL DRILL BIT 19PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 19CÁI/BỘ	1,210,000
5142	D-67577	HSS-CO METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 25CÁI/BỘ	2,552,000
5143	D-67583	M-FORCE METAL DRILL BIT 19PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI M-FORCE 19CÁI/BỘ	1,254,000
5144	D-67599	M-FORCE METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI M-FORCE 25CÁI/BỘ	2,552,000
5145	D-67608	WIRE BRUSH FOR DRILL FOR WOOD 80MMX(6MM SHANK)	CHỔI KIM LOẠI DÀNH CHO GỖ 80MMX(CHUÔI 6MM)	151,200
5146	D-67614	FLAT BIT 13X150MM	MŨI KHOAN ĐẸT 13X150MM	38,500
5147	D-67620	SCREW BIT SET(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT(10 CÁI/BỘ)	159,500
5148	D-68862	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/8"X2"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/8"X2"	121,000
5149	D-68878	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/32"X2"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/32"X2"	126,500
5150	D-68884	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/16"X1-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/16"X1-7/8"	115,500
5151	D-68890	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4X2"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4X2"	115,500
5152	D-68909	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	132,000
5153	D-68915	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/2"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/2"	159,500
5154	D-68921	STRAIGHT BIT 2 FLUTE 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/4"	126,500
5155	D-68937	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"X2-1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/16"X2-1/4"	137,500
5156	D-68943	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/4"	132,000
5157	D-68959	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/2"	187,000
5158	D-68965	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X1-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-7/8"	121,000
5159	D-68971	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2"	126,500
5160	D-68987	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/16"X2"	143,000
5161	D-68993	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2"	143,000
5162	D-69004	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	137,500
5163	D-69010	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 9/16"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 9/16"X2"	165,000
5164	D-69026	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/8"X2"	181,500
5165	D-69032	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 23/32"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 23/32"X2"	209,000
5166	D-69048	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X2"	220,000
5167	D-69054	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	148,500
5168	D-69060	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/16"X2-3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 5/16"X2-3/4"	159,500
5169	D-69076	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-7/8"	159,500
5170	D-69082	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X2-5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-5/8"	192,500
5171	D-69098	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-7/8"	192,500
5172	D-69107	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	264,000
5173	D-69113	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 9/16"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 9/16"X2-7/8"	209,000
5174	D-69129	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/8"-2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 5/8"-2-7/8"	225,500
5175	D-69135	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	280,500
5176	D-69141	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-7/8"	275,000
5177	D-69157	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	412,500
5178	D-69163	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"X2-5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-5/8"	352,000
5179	D-69179	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-7/8"	308,000
5180	D-69185	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1"X2-7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-7/8"	324,500
5181	D-69191	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/2"	467,500
5182	D-69200	STRAIGHT BIT-SUPER1/2" (12.7MM) 1/2"X4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4"	368,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5183	D-69216	STRAIGHT BIT – PATTERN1/2" (12.7MM) 3/4"X2-13/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-13/16"	440,000
5184	D-69222	HINGE MORTISING1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/64"	MŨI PHAY BẰNG LỀ 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/64"	165,000
5185	D-69238	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-5/8"	154,000
5186	D-69244	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-3/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-3/16"	165,000
5187	D-69250	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	170,500
5188	D-69266	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/8"	159,500
5189	D-69272	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/8"	170,500
5190	D-69288	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	220,000
5191	D-69294	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	286,000
5192	D-69303	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/64"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/64"	429,000
5193	D-69319	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	291,500
5194	D-69325	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3-5/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3-5/16"	379,500
5195	D-69331	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	242,000
5196	D-69347	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	302,500
5197	D-69353	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY RÃNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	269,500
5198	D-69369	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2"X2-5/8"	MŨI PHAY RÃNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-5/8"	330,000
5199	D-69375	PANEL PILOT BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16"	MŨI PHAY BÀN 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16"	126,500
5200	D-69381	PANEL PILOT BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	MŨI PHAY BÀN 1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	170,500
5201	D-69397	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	209,000
5202	D-69406	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3/4"	121,000
5203	D-69412	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3/4"	137,500
5204	D-69428	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/4"	154,000
5205	D-69434	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3/8"	236,500
5206	D-69440	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	440,000
5207	D-69456	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	154,000
5208	D-69462	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	181,500
5209	D-69478	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	143,000
5210	D-69484	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	159,500
5211	D-69490	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	148,500
5212	D-69509	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	165,000
5213	D-69515	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	286,000
5214	D-69521	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	275,000
5215	D-69537	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8"	390,500
5216	D-69543	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	115,500
5217	D-69559	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/16"X 1-37/64"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/16"X 1-37/64"	126,500
5218	D-69565	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	132,000
5219	D-69571	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	137,500
5220	D-69587	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	181,500
5221	D-69593	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	214,500
5222	D-69602	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	335,500
5223	D-69618	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8"	528,000
5224	D-69624	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 1/4"X2-1/2"	132,000
5225	D-69630	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-9/16"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 3/8"X1-9/16"	137,500
5226	D-69646	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 1/2"X1-3/4"	143,000
5227	D-69652	DOVETAIL BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	143,000
5228	D-69668	BALL GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	165,000
5229	D-69674	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3/4"	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3/4"	220,000
5230	D-69680	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8"	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8"	269,500
5231	D-69696	OGEE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	MŨI PHAY RÃNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	225,500
5232	D-69705	CLASSIC PANEL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-21/32"	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-21/32"	154,000
5233	D-69711	CLASSIC PANEL BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8"	MŨI PHAY RÃNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8"	297,000
5234	D-69727	CLASSICAL PLUNGE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11/16"	MŨI PHAY RÃNH 1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11/16"	225,500
5235	D-69733	OVOLO BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	154,000
5236	D-69749	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 3/4""X2-1/8""	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 3/4"X2-1/8"	198,000
5237	D-69755	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 7/8""X2-5/32""	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-5/32"	247,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5238	D-69761	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1""X2-1/4""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1"X2-1/4"	275,000
5239	D-69777	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/8""X2-1/4""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2-1/4"	291,500
5240	D-69783	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/4""X2-5/16""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-5/16"	346,500
5241	D-69799	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1.2""X2-7/16""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1.2"X2-7/16"	418,000
5242	D-69808	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/2"" (12.7MM) 1-1/2""X2-11/16""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/2" (12.7MM) 1-1/2"X2-11/16"	445,500
5243	D-69814	"ROUND OVER BIT- WITH BEARING -1/2"" (12.7MM) 2""X2-15/16""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/2" (12.7MM) 2"X2-15/16"	660,000
5244	D-69820	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 3/4""X2-1/32""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 3/4"X2-1/32"	198,000
5245	D-69836	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 7/8""X2-1/8""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-1/8"	247,500
5246	D-69842	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1""X2-5/32""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1"X2-5/32"	275,000
5247	D-69858	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/4""X2-9/32""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-9/32"	346,500
5248	D-69864	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/2""X2-3/8""	Mũi phay tròn góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-3/8"	418,000
5249	D-69870	DOUBLE ROUND OVER BIT1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2"	Mũi phay tròn 2 góc ổ bi 1/4" (6.35MM) 1'-1/8"X2"	280,500
5250	D-69886	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 5/8""X1-15/16""	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-15/16"	247,500
5251	D-69892	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 3/4""X1-13/16""	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-13/16"	214,500
5252	D-69901	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 7/8""X2-3/16"" "	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-3/16"	231,000
5253	D-69917	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/18""X2-3/16""	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 1-1/18"X2-3/16"	297,000
5254	D-69923	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/14""X2-13/64""	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 1-1/14"X2-13/64"	363,000
5255	D-69939	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/12""X2-5/16""	Mũi phay cạnh cong 1/4" (6.35MM) 1-1/12"X2-5/16"	434,500
5256	D-69945	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1""X2""	Mũi phay vát cạnh 1/4" (6.35MM) 1"X2"	264,000
5257	D-69951	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 7/8""X2-3/16""	Mũi phay vát cạnh xiên ổ bi 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-3/16"	225,500
5258	D-69967	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-3/16""X2-1/8""	Mũi phay vát cạnh xiên ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-3/16"X2-1/8"	313,500
5259	D-69973	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-1/4""X2-11/64""	Mũi phay vát cạnh xiên ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-11/64"	335,500
5260	D-69989	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"" (6.35MM) 1-5/8""X2-5/16""	Mũi phay vát cạnh xiên ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-5/8"X2-5/16"	495,000
5261	D-69995	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-1/8"	Mũi ghép ổ bi 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-1/8"	330,000
5262	D-70007	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/16"	Mũi ghép ổ bi 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/16"	335,500
5263	D-70013	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2-11/64"	Mũi phay cạnh hình chữ S 1/4" (6.35MM) 1'-1/8"X2-11/64"	269,500
5264	D-70029	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-3/8"	Mũi phay cạnh hình chữ S 1/4" (6.35MM) 1'-1/2"X2-3/8"	434,500
5265	D-70035	OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-5/16"	Mũi phay cạnh hình chữ S 1/4" (6.35MM) 1'-1/2"X2-5/16"	462,000
5266	D-70041	MULTI EDGE BEADING BIT1/2" (12.7MM) 2-1/4"X4"	Mũi phay cạnh chữ S 1/2" (12.7MM) 2-1/4"X4"	1,067,000
5267	D-70057	REVERSIBLE RAIL & STILE BIT1/2" (12.7MM) 1-5/8"X3-3/32"	Mũi phay ghép mộng 1/2" (12.7MM) 1-5/8"X3-3/32"	913,000
5268	D-70063	KEYHOLE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	Mũi phay lỗ khóa 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	121,000
5269	D-70079	"REVERSIBLE GLUE JOINT BIT- STRAIGHT PROFILE -1/2"" (12.7MM) 1-5/8""X5/16""	Mũi phay ghép mộng 1/2" (12.7MM) 1-5/8"X5/16"	643,500
5270	D-70085	TONGUE & GROOVE ASSEMBLY1/2" (12.7MM) 1-39/64"X11/32"	Mũi phay ghép mộng 1/2" (12.7MM) 1-39/64"X11/32"	720,500
5271	D-70091	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X5/64""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X5/64"	352,000
5272	D-70100	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X3/32""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X3/32"	352,000
5273	D-70116	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X1/8""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X1/8"	352,000
5274	D-70122	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X5/32""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X5/32"	341,000
5275	D-70138	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X3/16""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X3/16"	341,000
5276	D-70144	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4"" (6.35MM) 1-7/8""X7/32""	Mũi phay rãnh 3 cạnh cắt 1/4" (6.35MM) 1'-7/8"X7/32"	363,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5277	D-70150	CLASSICAL BIT1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/16"	MŨI PHAY CANH 1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/16"	401,500
5278	D-70786	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(YELLOW)	TĂM BỌT BIỂN 190MM (MÀU VÀNG)	426,600
5279	D-70792	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(WHITE)	TĂM BỌT BIỂN 190MM (MÀU TRẮNG)	426,600
5280	D-70801	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLACK)	TĂM ĐỀ BỌT BIỂN 190MM(NGĂN/ MÀU ĐEN)	291,600
5281	D-70823	MINI PLANER BLADE TC 82MM	LƯỠI BẢO MINI 82MM	192,500
5282	D-70867	WOOL BONNET 125MM	ĐỆM LÔNG CỬU 125MM	205,200
5283	D-70873	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU TRẮNG)	437,400
5284	D-70889	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU VÀNG)	437,400
5285	D-70904	T.C.T DRILL BIT & CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS(10 PCS/SET)	BỘ MŨI KHOAN VÀ ĐỤC SDS-PLUS(10 CÁI/BỘ)	743,600
5286	D-70910	PLANER BLADE 155MM/1805N	LƯỠI BẢO 155MM/1805N	396,000
5287	D-70948	ROUND FILE & GUIDE SET 4MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4MM	258,500
5288	D-70954	ROUND FILE & GUIDE SET 4.5MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4.5MM	258,500
5289	D-70960	ROUND FILE & GUIDE SET 4.8MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4.8MM	236,500
5290	D-70976	ROUND FILE & GUIDE SET 5.2MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 5.2MM	258,500
5291	D-70982	ROUND FILE & GUIDE SET 5.5MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 5.5MM	236,500
5292	D-70998	FLAT FILE & DEPTH GAUGE TOOLS SET	CÂY GIỮA DÂY XÍCH VÀ THUỐC CANH	192,500
5293	D-71009	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 105X20X9	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105X20X9	55,000
5294	D-71015	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 115X22.23X9	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 115X22.23X9	71,500
5295	D-71021	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 125X22.23X9	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23X9	88,000
5296	D-71093	TCT HINGE CUTTING BIT 15X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 15X77MM	38,500
5297	D-71102	TCT HINGE CUTTING BIT 19X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 19X77MM	44,000
5298	D-71118	TCT HINGE CUTTING BIT 20X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 20X77MM	49,500
5299	D-71124	TCT HINGE CUTTING BIT 25X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 25X77MM	55,000
5300	D-71130	TCT HINGE CUTTING BIT 26X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 26X77MM	60,500
5301	D-71146	TCT HINGE CUTTING BIT 30X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 30X77MM	71,500
5302	D-71152	TCT HINGE CUTTING BIT 32X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 32X77MM	71,500
5303	D-71168	TCT HINGE CUTTING BIT 35X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 35X77MM	77,000
5304	D-71211	HSS PLANER BLADE 110MM/1911B	LƯỠI BẢO 110MM/1911B	302,500
5305	D-71227	HSS PLANER BLADE 136MM/1804N	LƯỠI BẢO 136MM/1804N	374,000
5306	D-71249	BULL POINT FOR SDS-PLUS HAMMERS 230MM	MŨI ĐỤC NHỌN SDS-PLUS 230MM	66,000
5307	D-71255	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X160MM	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X160MM	38,500
5308	D-71261	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X230MM	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X230MM	71,500
5309	D-71277	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 40X230MM	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 40X230MM	93,500
5310	D-71283	BULL POINT FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 255MM	MŨI ĐỤC NHỌN 17MM 255MM	77,000
5311	D-71299	COLD CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 22X255MM	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 22X255MM	88,000
5312	D-71308	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 40X255MM	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 40X255MM	115,500
5313	D-71364	T.C.T. SAW BLADE FOR METAL 305×25.4×60T/LC1230	LƯỠI CỬA T.C.T DỪNG CHO KIM LOẠI 305×25.4×60T/LC1230	1,804,000
5314	D-71788	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 3X60MM	104,500
5315	D-71794	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 4X70MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 4X70MM	104,500
5316	D-71803	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 5X85MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 5X85MM	104,500
5317	D-71819	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 6X100MM	104,500
5318	D-71825	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 6X150MM	104,500
5319	D-71831	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6.5X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 6.5X100MM	104,500
5320	D-71847	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 8X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5 CÁI/BỘ 8X110MM	121,000
5321	D-71853	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 8X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 8X150MM	126,500
5322	D-71869	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 10X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP 5PCS/BỘ 10X150MM	154,000
5323	D-71962	DRILL BIT ASSORTMENT 9PC/SET(WOOD, METAL, MASONRY)	BỘ MŨI KHOAN 9CÁI/BỘ(GỖ, KIM LOẠI, TƯỜNG)	225,500
5324	D-71978	DRILL BITS ASSORTMENT 9PCS/SET	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG/GỖ/KIM LOẠI 9 CÁI/BỘ	247,500
5325	D-71990	T.C.T DRILL BIT & CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 10PCS SET	BỘ MŨI KHOAN VÀ ĐỤC SDS-PLUS (10PCS/SET)	753,500
5326	D-72104	P.C.D. SAW BLADE 165X20X4T	LƯỠI CỬA XI MĂNG SỢI 165X20X4T	753,500
5327	D-72154	TEXTILE SHARPENING SET 4MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4MM	682,000
5328	D-72160	TEXTILE SHARPENING SET 4.5MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4.5MM	682,000
5329	D-72176	TEXTILE SHARPENING SET 4.8MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4.8MM	616,000
5330	D-72182	TEXTILE SHARPENING SET 5.2MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 5.2MM	682,000
5331	D-72198	TEXTILE SHARPENING SET 5.5MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 5.5MM	682,000
5332	D-72207	TC PLANER BLADE 82MM	LƯỠI BẢO 82MM	231,000
5333	D-72241	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM A24P	ĐÁ MÀI KIM LOẠI 100X6.0X16MM	16,200
5334	D-72279	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAMINATE(MELAMINE) 255X25.4X100T	LƯỠI CỬA GỖ VÁN ÉP 255X25.4X100T	825,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5335	D-72285	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAMINATE(MELAMINE) 260X25.4X84T	LƯỠI CỬA GỖ VÁN ÉP 260X25.4X84T	770,000
5336	D-72344	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 210X25X24T	LƯỠI CỬA GỖ 210X25X24T	242,000
5337	D-72366	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X60T	753,500
5338	D-72372	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X80T	836,000
5339	D-72388	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X100T	935,000
5340	D-72718	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE FOR WOOD 5PCS SET	BỘ LƯỠI CỬA LỌNG LOẠI KINH TẾ CHO GỖ 5CÁI/BỘ	88,000
5341	D-72833	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY(6PCS/SET)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(6 CÁI/BỘ)	137,500
5342	D-72849	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY(10PCS/SET)	BỘ MŨI KHOAN HSS-TIN-KINH TẾ (10 CÁI)10 CÁI/BỘ)	242,000
5343	D-72855	HSS-TIN METAL DRILL BIT 13PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(13 CÁI/BỘ)	165,000
5344	D-72861	WOOD DRILL BIT(5PCS/SET)	MŨI KHOAN GỖ(5 CÁI/BỘ)	115,500
5345	D-72877	T.C.T. DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK(5PCS/SET)	MŨI KHOAN T.C.T CHUỐI THANG(5 CÁI/BỘ)	121,000
5346	D-72914	GROUT RAKES FOR TILE	ĐẠO CAO RON GẠCH	143,000
5347	D-73047	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X20X60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 185X20X60T	418,000
5348	D-73053	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 210X25X60T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 210X25X60T	478,500
5349	D-73069	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 235X25X80T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 235X25X80T	621,500
5350	D-73075	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X25.4X70T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 260X25.4X70T	665,500
5351	D-73081	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 305X25.4X80T	946,000
5352	D-73097	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỢP KIM DỪNG CHO NHÔM 305X25.4X100T	1,100,000
5353	D-73209	DRILL & DRIVE BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 2.4MM	203,500
5354	D-73215	DRILL & DRIVE BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 2.8MM	203,500
5355	D-73221	DRILL & DRIVE BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 3.2MM	203,500
5356	D-73237	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 2.4MM	60,500
5357	D-73243	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 2.8MM	60,500
5358	D-73259	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 3.2MM	66,000
5359	D-73324	8-TOOTH CUTTER BLADE 230MMX25.4MMX1.8MM	LƯỠI CẮT CỎ 8 RĂNG 230MMX25.4MMX1.8MM	434,500
5360	D-73330	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (I-NOX)/ X-LOCK	329,400
5361	D-73346	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (I-NOX)/ X-LOCK	243,000
5362	D-73352	WIRE WHEEL BRUSHES (FULL KNOTTED) 115 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI DÀY) 115MM (I-NOX)/X-LOCK	383,400
5363	D-73368	WIRE WHEEL BRUSHES(STRINGER KNOTTED) 115 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (I-NOX)/X-LOCK	448,200
5364	D-73374	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STEEL)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (THÉP)/ X-LOCK	189,000
5365	D-73380	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 80MM (I-NOX)/ X-LOCK	189,000
5366	D-73396	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STEEL)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (THÉP)/ X-LOCK	167,400
5367	D-73405	WIRE WHEEL BRUSHES(FULL KNOTTED) 115 (STEEL)/ X-LOCK	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI DÀY) 115MM (THÉP)/X-LOCK	194,400
5368	D-73411	WIRE WHEEL BRUSHES (STRINGER KNOTTED) 115 (STEEL)/ X-LOCK	CHỔI XOẮN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (THÉP)/X-LOCK	291,600
5369	D-73427	WIRE WHEEL BRUSHES(CRIMPED) 115 (STEEL)/ X-LOCK	CHỔI XOẮN TRÒN 115MM (THÉP)/ X-LOCK	216,000
5370	D-73433	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (BRASS COATED)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOẮN 75MM (MẠ ĐỒNG THAU)/ X-LOCK	167,400
5371	D-73449	WIRE BEVEL BRUSHES (CRIMPED) 100 (STELL)/ X-LOCK	CHỔI KIM LOẠI HÌNH NÓN 100MM (THÉP)/ X-LOCK	162,000
5372	D-73483	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12PCS	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 12 CÁI	264,000
5373	D-73564	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(STEEL WIRE)/9741	BÁNH XE ĐÁNH GI 100X120(DÂY THÉP)/9741	658,800
5374	D-73570	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(BRASS COATED WIRE)/9741	BÁNH XE ĐÁNH GI 100X120(DÂY ĐỒNG THAU)/9741	658,800
5375	D-73586	NYLON WHEEL BRUSH 100X120MM(NYLON #60)/9741	BÁNH XE CHÀ NHẮM 100X120(DÂY NYLON #60)/9741	831,600
5376	D-73592	NYLON WHEEL BRUSH100X120MM (NYLON #80)/9741	BÁNH XE CHÀ NHẮM 100X120(DÂY NYLON #80)/9741	831,600
5377	D-73798	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)63MM(2-1/2")	CHỔI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 63MM(2-1/2")	102,600
5378	D-73807	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHỔI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 75MM(3")	108,000
5379	D-73813	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHỔI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 75MM(3")	97,200
5380	D-73829	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)100MM(4")	CHỔI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 100MM(4")	102,600
5381	D-73835	WIRE END BRUSH (KNOTTED)12MM(1/2")	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUỐI) 12MM(1/2")	48,600
5382	D-73841	WIRE END BRUSH (KNOTTED)19MM(3/4")	CHỔI KIM (LOẠI HÌNH ĐUỐI) 19MM(3/4")	64,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5383	D-73857	WIRE END BRUSH (KNOTTED)24MM(1")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 24MM(1")	75,600
5384	D-73863	WIRE END BRUSH (KNOTTED)28MM(1-1/8")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 28MM(1-1/8")	91,800
5385	D-73879	BRUSHCUTTER BLADE 230X80TX25.4MM	LƯỠI CẮT CỎ 230X80TX25.4MM	291,500
5386	D-73885	BRUSHCUTTER BLADE 255X80TX25.4MM	LƯỠI CẮT CỎ 255X80TX25.4MM	346,500
5387	D-73891	CORE CUTTERΦ30MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ30MM	154,000
5388	D-73900	CORE CUTTERΦ35MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ35MM	165,000
5389	D-73916	CORE CUTTERΦ40MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ40MM	176,000
5390	D-73922	CORE CUTTERΦ50MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ50MM	198,000
5391	D-73938	CORE CUTTERΦ68MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ68MM	264,000
5392	D-73944	CORE CUTTERΦ82MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ82MM	352,000
5393	D-73950	CORE CUTTERΦ90MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ90MM	418,000
5394	D-73966	CORE CUTTERΦ100MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGΦ100MM	478,500
5395	D-73972	PILOT DRILL FOR CORE CUTTER 8X110MM	MŨI ĐỊNH TÂM CHO MŨI KHOẾT TƯỜNG 8X110MM	38,500
5396	D-73988	ADAPTER FOR CORE CUTTER 110MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT TƯỜNG SDS-PLUS110MM	88,000
5397	D-73994	ADAPTER FOR CORE CUTTER 200MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT TƯỜNG 220MM	126,500
5398	D-74005	ADAPTER FOR CORE CUTTER 350MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT TƯỜNG 350MM	170,500
5399	D-74011	CORE CUTTER SETΦ68MM	BỘ MŨI KHOẾT TƯỜNG 68MM	401,500
5400	D-74027	CORE CUTTER SETΦ82MM	BỘ MŨI KHOẾT TƯỜNG 82MM	467,500
5401	D-74083	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 105X12X20(16)	LƯỠI KIM CƯƠNG 105X12X20(16)	143,000
5402	D-74108	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 125X12X22.23(20)	LƯỠI KIM CƯƠNG 125X12X22.23(20)	187,000
5403	D-74114	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 180X12X25.4(22.23)	LƯỠI KIM CƯƠNG 180X12X25.4(22.23)	396,000
5404	D-74120	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 230X12X22.23	LƯỠI KIM CƯƠNG 230X12X22.23	517,000
5405	D-74304	SELF FEEDING BIT 25MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 25MMX127MM	225,500
5406	D-74310	SELF FEEDING BIT 28MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 28MMX127MM	264,000
5407	D-74326	SELF FEEDING BIT 32MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 32MMX127MM	302,500
5408	D-74332	SELF FEEDING BIT 35MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 35MMX127MM	319,000
5409	D-74348	SELF FEEDING BIT 38MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 38MMX127MM	352,000
5410	D-74354	SELF FEEDING BIT 45MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 45MMX127MM	418,000
5411	D-74360	SELF FEEDING BIT 51MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 51MMX127MM	462,000
5412	D-74376	SELF FEEDING BIT 54MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 54MMX127MM	511,500
5413	D-74382	SELF FEEDING BIT 57MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 57MMX127MM	616,000
5414	D-74398	SELF FEEDING BIT 65MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 65MMX127MM	682,000
5415	D-74407	SELF FEEDING BIT 76MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 76MMX127MM	1,023,000
5416	D-74413	SELF FEEDING BIT 92MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 92MMX127MM	1,210,000
5417	D-74429	SELF FEEDING BIT 117MMX127MM	MŨI KHOẾT GỖ 117MMX127MM	1,540,000
5418	D-74435	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FOR 25MM-65MM	ĐẦU ĐỊNH TÂM DỪNG CHO MŨI KHOẾT GỖ TỪ 25'-65MM	27,500
5419	D-74441	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FOR 76MM-117MM	ĐẦU ĐỊNH TÂM DỪNG CHO MŨI KHOẾT GỖ TỪ 76'-117MM	27,500
5420	D-74457	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS140MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOẾT GỖ 140MM	242,000
5421	D-74463	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS305MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOẾT GỖ 305MM	286,000
5422	D-74479	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS457MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOẾT GỖ 457MM	346,500
5423	D-74491	GRINDING WHEEL/METAL/A24P125X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 125X6.0X22.23	32,400
5424	D-74500	GRINDING WHEEL/METAL/A24P150X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 150X6.0X22.23	32,400
5425	D-74516	GRINDING WHEEL/METAL/A24P180X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 180X6.0X22.23	43,200
5426	D-74522	GRINDING WHEEL/METAL/A24P230X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 230X6.0X22.23	70,200
5427	D-74572	SPONGE PAD 190MM(SOFT/ORANGE)	TÀM ĐỂ BỌT BIỂN 190MM(NGÂN/MÀU CAM)	291,600
5428	D-74588	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLUE)	TÀM ĐỂ BỌT BIỂN 190MM(NGÂN/MÀU XANH)	291,600
5429	D-74594	WOOL BONNET 180MM	ĐỆM LÔNG CỬU DẠNG CHỤP 180MM	307,800
5430	D-74625	FELT 180MM	ĐỆ NỈ 180MM	259,200
5431	D-74631	FELT 125MM	ĐỆ NỈ 125MM	156,600
5432	D-74653	SPONGE PAD 125MM(YELLOW)	TÀM ĐỂ BỌT BIỂN 125MM(MÀU VÀNG)	226,800
5433	D-74681	TCT HINGE CUTTING BIT 16X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 16X77MM	44,000
5434	D-74697	TCT HINGE CUTTING BIT 18X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 18X77MM	44,000
5435	D-74706	TCT HINGE CUTTING BIT 22X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 22X77MM	55,000
5436	D-74712	TCT HINGE CUTTING BIT 23X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 23X77MM	60,500
5437	D-74728	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4PCS (6,5,8,10,12X160MM)	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 4 CÁI (6,5,8,10,12X160MM)	154,000
5438	D-74734	SNAP OFF KNIFE BLADWS 100X18X0.5MM 10PCS	LƯỠI DAO RỌC GIẤY 100X18X5MM 10 CÁI	55,000
5439	D-74756	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4PCS (6,8,10,12X160)	BỘ MŨI KHOAN BÊ TỔNG SDS-PLUS 4 CÁI (6,8,10,12X160)	154,000
5440	D-74815-5	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THICKNESS 76X1.0X10MM WA60T(5PCS/SET)/DMC300	ĐÁ CẮT INOX 76X1.0X10MM WA60T(5 CÁI/BỘ)/DMC300	81,000
5441	D-74837	TUNGSTEN CARBIDE GRIT BLADE 76X10MM/DMC300	LƯỠI KIM CƯƠNG ĐA NĂNG 76X10MM/DMC300DMC300	110,000
5442	D-74930	SCREW BIT 50MM H3 3PCS	MŨI VÍT LỰC GIÁC H3-50MM (3 CÁI/BỘ)	44,000
5443	D-74946	SCREW BIT 50MM H4 3PCS	MŨI VÍT LỰC GIÁC H4-50MM (3 CÁI/BỘ)	44,000
5444	D-74952	SCREW BIT 50MM H5 3PCS	MŨI VÍT LỰC GIÁC H5-50MM (3 CÁI/BỘ)	44,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5445	D-74968	SCREW BIT 50MM H6 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-50MM (3 CÁI/BỘ)	44,000
5446	D-74974	SCREW BIT 90MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-90MM (1 CÁI)	33,000
5447	D-74980	SCREW BIT 90MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-90MM (1 CÁI)	33,000
5448	D-74996	SCREW BIT 90MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-90MM (1 CÁI)	33,000
5449	D-75007	SCREW BIT 90MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-90MM (1 CÁI)	33,000
5450	D-75013	SCREW BIT 150MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-150MM (1 CÁI)	49,500
5451	D-75029	SCREW BIT 150MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-150MM (1 CÁI)	49,500
5452	D-75035	SCREW BIT 150MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-150MM (1 CÁI)	49,500
5453	D-75041	SCREW BIT 150MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-150MM (1 CÁI)	49,500
5454	D-75063	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 5MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 5MMX M10	187,000
5455	D-75079	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 6MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 6MMX M10	187,000
5456	D-75085	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 8MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 8MMX M10	192,500
5457	D-75091	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 10MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 10MM X M10	192,500
5458	D-75100	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 12MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 12MM X M10	198,000
5459	D-75116	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 14MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 14MM X M10	203,500
5460	D-75122	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 16MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 16MM X M10	220,000
5461	D-75138	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 19MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 19MM X M10	236,500
5462	D-75144	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 20MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 20MM X M10	242,000
5463	D-75150	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 25MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 25MM X M10	308,000
5464	D-75166	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 26MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 26MM X M10	308,000
5465	D-75172	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 32MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 32MM X M10	385,000
5466	D-75188	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 37MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 37MM X M10	440,000
5467	D-75194	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 40MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 40MM X M10	484,000
5468	D-75203	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 50MM X M10	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY MÀI 50MM X M10	594,000
5469	D-75605	ANGLE PLATE	THƯỚC CANH GÓC	118,800
5470	D-75611	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.0MM 1/4" HEX SHANK(MZ)	THƯỚC CANH GÓC VÀ DŨA XÍCH 1/4"CHUÔI LỤC GIÁC 4.0MM(MZ)	313,500
5471	D-75627	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.5MM 1/4"HEX SHANK(MZ)	THƯỚC CANH GÓC VÀ DŨA XÍCH 1/4"CHUÔI LỤC GIÁC 4.5MM(MZ)	313,500
5472	D-75998	FLAP DISC Z36 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHẮM XẾP 125MM Z36/X-LOCK	135,000
5473	D-76009	FLAP DISC Z40 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHẮM XẾP 125MM Z40/X-LOCK	124,200
5474	D-76015	FLAP DISC Z60 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHẮM XẾP 125MM Z60/X-LOCK	118,800
5475	D-76021	FLAP DISC Z80 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHẮM XẾP 125MM Z80/X-LOCK	118,800
5476	D-76037	FLAP DISC Z120 125MM/X-LOCK	ĐĨA NHẮM XẾP 125MM Z120/X-LOCK	118,800
5477	D-77198	DIAMOND WHEEL FOR CERAMIC TITLE 105MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG CHO SỬ 105MM	104,500
5478	D-77229	ABRASIVE PAPER ASSORMENT SET 125MM-8 HOLES (20PCS)	BỘ ĐĨA NHẮM TRÒN ĐA NĂNG 125MM-8 LỖ(10 CÁI/HỘP)	162,000
5479	D-77235	ABRASIVE PAPER ASSORMENT SET 150MM-15 HOLES (20PCS)	BỘ ĐĨA NHẮM TRÒN ĐA NĂNG 150MM- 15 LỖ(10CÁI/HỘP)	259,200
5480	DA00000169	CUTTER/EM2500U	LƯỚI CẮT/EM2500U	308,000
5481	DA00000454	NYLON CORD SET/EM2500U	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC/EM2500U	401,500
5482	DA00001274	BLADE/PLM4631N2	LƯỚI CẮT/PLM4631N2	423,500
5483	DEAML102	RECHARGEABLE LED LANTERN(10.8V/7.2V)	ĐÈN LED XÁCH TAY DÙNG PIN(10.8V/7.2V)	874,500
5484	DML186	LED FLASH LIGHT(18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V)	506,000
5485	DML801	LED FLASHLIGHT (18V/14.4V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V/14.4V)	1,276,000
5486	DML805	CORDED AND CORDLESS LED WORKLIGHT (18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V/14.4V)(18V, 14.4V)	4,290,000
5487	DML807	CORDLESS LED WORKLIGHT (18V, 14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V, 14.4V)	2,557,500
5488	DML808	LED FLASHLIGHT(14.4V-18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V-18V)	1,672,000
5489	DML809	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V/AC)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG ĐIỆN VÀ PIN(18V/14.4V/AC)	11,242,000
5490	DML810	CORDLESS AREA WORKLIGHT(18V/14.4V/AC)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V/AC)	12,650,000
5491	DML811	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V/AC)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN VÀ ĐIỆN(18V/14.4V/AC)	7,282,000
5492	DML812	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN DÙNG PIN(18V/14.4V)	3,784,000
5493	DML813	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V)	10,604,000
5494	DML814	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V)	10,978,000
5495	DML815	CORDLESS FLASHLIGHT(14.4V/18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V/18V)	957,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5496	DML816X	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN LED DỪNG PIN(18V/14.4V)	2,156,000
5497	DML817	CORDLESS WORKLIGHT(18V)	ĐÈN LED DỪNG PIN(18V)	1,716,000
5498	E-00393	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK/125X6X22.23/A36P)	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK 125X6X22.23/A36P)	64,800
5499	E-00402	GRINDING WHEEL(X-LOCK/125X6X22.23/WA36N)	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK 125X6X22.23/WA36N)	81,000
5500	E-00418	CUTTING WHEEL(X-LOCK/125X1.2X22.23/A60T)	ĐÁ CẮT(X-LOCK 125X1.2X22.23/A60T)	64,800
5501	E-00480	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK/100X6X22.23/A36P)	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK/100X6X22.23/A36P)	32,400
5502	E-00496	GRINDING WHEEL FOR STAINLESS(X-LOCK/100X6X22.23/WA36N)	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK/100X6X22.23/WA36N)	43,200
5503	E-00505	CUTTING WHEEL(X-LOCK/100X1.2X22.23/A60T)	ĐÁ CẮT(X-LOCK 100X1.2X22.23/A60T)	43,200
5504	E-01731	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)1.65MMX15M	97,200
5505	E-01747	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX30M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)1.65MMX30M	183,600
5506	E-01753	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX445M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)1.65MMX445M	1,512,000
5507	E-01769	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX15M	113,400
5508	E-01775	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX30M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX30M	205,200
5509	E-01781	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX310M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX310M	1,274,400
5510	E-01797	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX15M	135,000
5511	E-01806	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX30M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX30M	248,400
5512	E-01812	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX225M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX225M	1,274,400
5513	E-01828	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX15M	135,000
5514	E-01834	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX30M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX30M	280,800
5515	E-01840	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX180M	DÂY CUỐC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX180M	1,274,400
5516	E-01959	TCT SAW BLADE EFFICUT 235X25X24T	LƯỠI CỬA EFFICUT 235X25X24T	935,000
5517	E-02054	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER 100MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG X-LOCK 100MM	748,000
5518	E-02076	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG X-LOCK 125MM	858,000
5519	E-02375	ABRASIVE PAPER DISC 150X225MM(25PCS)/DSL800	Đĩa nhám 150X225MM(25CÁI)/DSL800	988,200
5520	E-02381	ABRASIVE PAPER DISC 220X225MM(25PCS)/DSL800	Đĩa nhám 220X225MM(25CÁI)/DSL800	988,200
5521	E-02705	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0-15M	86,400
5522	E-02711	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-126M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0-126M	378,000
5523	E-02727	ROUND TRIM NYLON CORD(WHITE)1.3-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU TRẮNG)1.3-15M	81,000
5524	E-02733	ROUND TRIM NYLON CORD(BLUE)1.6-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)1.6-15M	81,000
5525	E-02749	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-15M	118,800
5526	E-02761	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-87M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-87M	405,000
5527	E-02783	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-262M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-262M	1,009,800
5528	E-02808	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-15M	124,200
5529	E-02814	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-69M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-69M	378,000
5530	E-02820	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-206M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-206M	1,009,800
5531	E-02836	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-15M	172,800
5532	E-02842	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-56M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-56M	469,800
5533	E-02858	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-168M	DÂY CUỐC CẮT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-168M	1,166,400
5534	E-02870	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-15M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-15M	183,600
5535	E-02886	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-44M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-44M	442,800
5536	E-02892	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-132M	DÂY CUỐC CẮT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-132M	1,166,400
5537	E-02967	DIAMOND WHEEL 230X13X22.23MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230X13X22.23MM	3,036,000
5538	E-02989	SOCKET IN ROLL UP POUCH 8PCS/SET/1/2"/8-21MM	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 8CÁI/BỘ/1/2"/8-21MM	792,000
5539	E-03006	CUTING WHEEL (230X2.0X22.23MM)	ĐÁ CẮT KIM LOẠI (230X2.0X22.23MM)	64,800
5540	E-03006-25	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THICKNESS 230X2.0X22.23MM(25PCS/SET)	BỘ ĐÁ CẮT KIM LOẠI 230X2.0X22.23MM(25 CÁI/BỘ)	1,468,800
5541	E-03274	TORSION SCREW BIT(E-FORM)	MŨI VÍT TORSION PH2	126,500
5542	E-03442	MAG BOOSTER IMPACT PREMIER	NAM CHÂM TĂNG LỰC HÚT IMPACT PREMIER	88,000
5543	E-03632	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 16X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 16X44MM	225,500
5544	E-03648	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 17X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 17X44MM	225,500
5545	E-03654	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 19X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 19X44MM	231,000
5546	E-03660	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 20X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 20X44MM	236,500
5547	E-03676	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 22X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 22X44MM	247,500
5548	E-03682	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 24X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 24X44MM	247,500
5549	E-03698	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 25X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 25X44MM	242,000
5550	E-03707	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 27X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 27X44MM	247,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5551	E-03713	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 29X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 29X44MM	247,500
5552	E-03729	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 30X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 30X44MM	242,000
5553	E-03735	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 32X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 32X44MM	269,500
5554	E-03741	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 35X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 35X44MM	264,000
5555	E-03757	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 37X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 37X44MM	275,000
5556	E-03763	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 38X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 38X44MM	275,000
5557	E-03779	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 40X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 40X44MM	275,000
5558	E-03785	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 41X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 41X44MM	302,500
5559	E-03791	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 44X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 44X44MM	297,000
5560	E-03800	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 46X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 46X44MM	308,000
5561	E-03816	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 48X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 48X44MM	313,500
5562	E-03822	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 51X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 51X44MM	313,500
5563	E-03838	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 52X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 52X44MM	374,000
5564	E-03844	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 54X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 54X44MM	374,000
5565	E-03850	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 56X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 56X44MM	374,000
5566	E-03866	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 57X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 57X44MM	390,500
5567	E-03872	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 60X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 70X44MM	407,000
5568	E-03888	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 64X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 64X44MM	407,000
5569	E-03894	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 65X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 65X44MM	423,500
5570	E-03903	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 68X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 68X44MM	423,500
5571	E-03919	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 70X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 70X44MM	423,500
5572	E-03925	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 73X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 73X44MM	440,000
5573	E-03931	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 76X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 76X44MM	440,000
5574	E-03947	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 79X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 79X44MM	456,500
5575	E-03953	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 83X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 83X44MM	456,500
5576	E-03969	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 86X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 86X44MM	478,500
5577	E-03975	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 92X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 92X44MM	500,500
5578	E-03981	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 95X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 95X44MM	583,000
5579	E-03997	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 102X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 102X44MM	682,000
5580	E-04008	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 105X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 105X44MM	709,500
5581	E-04014	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 111X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 111X44MM	869,000
5582	E-04020	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 114X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 114X44MM	907,500
5583	E-04036	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 121X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 121X44MM	1,028,500
5584	E-04042	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 127X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 127X44MM	1,083,500
5585	E-04058	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 140X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 140X44MM	1,144,000
5586	E-04064	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 152X44MM	MŨI KHOẾT HSS 8%CO 152X44MM	1,188,000
5587	E-04070	ADAPTER+PILOT DRILL BIT 85MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS'-G 85MM	616,000
5588	E-04086	PILOT DRILL HSS-G 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G 85MM	187,000
5589	E-04092	PILOT DRILL HSS-CO 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-CO 85MM	242,000
5590	E-04101	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(14T/1INCH)(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(14T/1INCH)(5CÁI/BỘ)	1,342,000
5591	E-04117	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(18T/1INCH)(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(18T/1INCH)(5CÁI/BỘ)	1,342,000
5592	E-04123	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(24T/1INCH)(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(24T/1INCH)(5CÁI/BỘ)	1,342,000
5593	E-04933	GO THROUGH SCREW DRIVER SL5.5X75	TUA VÍT 2 CẠNH SL 5.5X75	99,000
5594	E-04949	GO THROUGH SCREW DRIVER SL6.5X150	TUA VÍT 2 CẠNH SL 6.5X150	126,500
5595	E-04955	GO THROUGH SCREW DRIVER SL8X200	TUA VÍT 2 CẠNH SL 8X200	176,000
5596	E-05094	DRILL HOLSTER UNIVERSAL L/R HANDED 170x85x290MM	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN ĐA NĂNG 170x85x290MM	729,000
5597	E-05119	IMPACT DRIVER HOLSTER UNIVERSAL L/R HANDED 155X75X235MM	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ MŨI VÍT 155x75x235MM	502,200
5598	E-05125	UNIVERSAL POUCH & DRILL HOLSTER L/R HANDED 260X145X270MM	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ PHỤ KIỆN ĐA NĂNG 260x145x270MM	1,382,400
5599	E-05131	ULTIMATE 2 POCKET FIXING POUCH 260X145X270MM	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 2 NGĂN 260x145x270MM	955,800
5600	E-05147	ULTIMATE 3 POCKET FIXING POUCH 320X145X270MM	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 3 NGĂN 320x145x270MM	1,274,400
5601	E-05181	ULTIMATE ELECTRICIANS POUCH 250X125X310MM	TÚI ĐỰNG DÀNH CHO THỢ ĐIỆN 250x125x310MM	999,000
5602	E-05197	FIXING POUCH & HAMMER HOLDER 180X105X185MM	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ VÀ GIỮ BÚA 180x105x185MM	642,600
5603	E-05206	ZIP TOP POUCH - DUAL BATTERY OR FIXINGS 175X105X185MM	TÚI ĐỰNG PIN ĐA NĂNG CÓ NẮP KHÓA 175x105x185MM	637,200
5604	E-05228	ULTIMATE 3-WAY HAMMER & TOOL HOLDER 185X85X205MM	TÚI GIỮ BÚA VÀ DỤNG CỤ 185x85x205MM	626,400
5605	E-05278	TAPE MEASURE HOLDER 110X80X165MM	TÚI ĐỰNG THUỐC KÉO 110x80x165MM	318,600
5606	E-05290	QUICK RELEASE BELT & SHOULDER STRAP 1300X38MM	ĐAI LƯNG, QUAI ĐEO VAI CÓ CHÓT THÁO NHANH 1300x38MM	302,400
5607	E-05315	BELT LOOP - 6 PACK	ĐĨA DÂY (6 CÁI/BỘ)	275,400
5608	E-05321	ULTIMATE PADDED BELT WITH BELT LOOP 880x100MM	ĐAI LƯNG THÁO NHANH CÓ ĐỆM VÀ ĐĨA DÂY 880x100MM	1,166,400
5609	E-05337	QUICK RELEASE BELT & BELT LOOP 1550X50MM	ĐAI LƯNG THÁO NHANH CÓ ĐĨA DÂY 1550x50MM	415,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5610	E-05359	LEATHER BELT BLACK M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN M 1130x38MM	750,600
5611	E-05365	LEATHER BELT BLACK L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN L 1330x38MM	750,600
5612	E-05371	LEATHER BELT BROWN M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÂU M 1130x38MM	750,600
5613	E-05387	LEATHER BELT BROWN L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÂU L 1330x38MM	750,600
5614	E-05418	ULTIMATE ADJUSTABLE TOOL CASE 510x300x310MM	TÚI Đựng MÁY, PIN SẠC VÀ DỤNG CỤ 510x300x310MM	2,959,200
5615	E-05424	REINFORCED ADJUSTABLE TOOL CASE 505x295x265MM	TÚI Đựng MÁY, PIN SẠC VÀ DỤNG CỤ 505x295x265MM	2,851,200
5616	E-05446	ULTIMATE COVERED TOOL TOTE 510x295x280MM	TÚI Đựng MÁY VÀ DỤNG CỤ CÓ NẮP ĐẬY 510x295x280MM	2,786,400
5617	E-05452	ULTIMATE GATE MOUTH TOOL BAG 510x295x280MM	TÚI XÁCH CỎ KHUNG 510x295x280MM	1,900,800
5618	E-05468	ULTIMATE WIDE MOUTH TOOL BAG 440X240X250MM	TÚI XÁCH CỎ KHUNG 440x240x250MM	1,641,600
5619	E-05496	SEMI-RIGID TOOL BAG 520x250x270MM	TÚI Đựng ĐA NĂNG 520x250x270MM	2,224,800
5620	E-05583	ULTIMATE SMARTPHONE HOLDER 90X40X165MM	TÚI Đựng ĐIỆN THOẠI 90x40x165MM	496,800
5621	E-05599	THERMAL FLASK & HOLDER 90X85X200MM	BÌNH GIỮ NHIỆT 90x85x200MM	912,600
5622	E-05608	THERMAL MUG & HOLDER 125X100X170MM	LY GIỮ NHIỆT 125x100x170MM	475,200
5623	E-05636	WORK VEST - ADJUSTABLE POCKETS 510X640MM	ÁO GILE CÔNG TRÌNH 510x640MM	1,771,200
5624	E-05664	1.4M / 1.5M GUIDE RAIL PROTECTIVE HOLDER 1565x45x220MM	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1.4M / 1.5M(1565x45x220MM)	1,317,600
5625	E-05670	1M GUIDE RAIL BAG 1070X45X220MM	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1M(1070x45x220)	1,188,000
5626	E-06345	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 260MMX 25.4MMX 81T	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 260MMX 25.4MMX 81T	1,958,000
5627	E-06351	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 3X60MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 3X60MM	33,000
5628	E-06367	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 4X70MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 4X70MM	33,000
5629	E-06373	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X85MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 5X85MM	33,000
5630	E-06389	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 5X150MM	33,000
5631	E-06395	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5.5X100MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 5.5X100MM	33,000
5632	E-06404	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5.5X150	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 5.5X150MM	33,000
5633	E-06410	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X100MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 6X100MM	33,000
5634	E-06426	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 6X150MM	33,000
5635	E-06432	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X250	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 6X250MM	49,500
5636	E-06448	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6.5X100	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 6.5X100MM	33,000
5637	E-06454	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6.5X150	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 6.5X150MM	33,000
5638	E-06460	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X100MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 7X100MM	33,000
5639	E-06476	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 7X150MM	33,000
5640	E-06482	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X110MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 8X110MM	33,000
5641	E-06498	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 8X150MM	33,000
5642	E-06507	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X250	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 8X250MM	55,000
5643	E-06513	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 9X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 9X150MM	38,500
5644	E-06529	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 10X150MM	38,500
5645	E-06535	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X250	Mũi khoan tường TCT CHUỐI THẲNG 10X250MM	66,000
5646	E-06541	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 12X150MM	44,000
5647	E-06557	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X250MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 12X250MM	71,500
5648	E-06563	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 14X150MM	60,500
5649	E-06579	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X250MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 14X250MM	88,000
5650	E-06585	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 16X150MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 16X150MM	66,000
5651	E-06591	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 18X200MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 18X200MM	104,500
5652	E-06600	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 20X200MM	Mũi khoan tường CHUỐI KÉP 20X200MM	115,500
5653	E-06622	IMPACT BLACK 33PCS SET	BỘ Mũi VÍT VÀ KHOAN KIM LOẠI IMPACT BLACK (33 CÁI/ BỘ)	814,000
5654	E-06638	IMPACT BLACK 35PCS SET	BỘ Mũi VÍT IMPACT BLACK (35 CÁI/ BỘ)	775,500
5655	E-06644	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 20X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 20X60MM	489,500
5656	E-06650	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 22X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 22X60MM	517,000
5657	E-06666	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 25X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 25X60MM	489,500
5658	E-06672	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 32X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 32X60MM	561,000
5659	E-06688	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 35X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 35X60MM	561,000
5660	E-06694	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 38X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 38X60MM	594,000
5661	E-06703	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 40X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 40X60MM	594,000
5662	E-06719	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 44X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 44X60MM	632,500
5663	E-06725	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 51X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 51X60MM	671,000
5664	E-06731	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 54X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 54X60MM	797,500
5665	E-06747	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 60X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 60X60MM	830,500
5666	E-06753	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 64X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 64X60MM	836,000
5667	E-06769	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 67X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 67X60MM	858,000
5668	E-06775	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 68X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 68X60MM	858,000
5669	E-06781	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 70X60MM	Mũi Khoét ĐA NĂNG T.C.T 70X60MM	880,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5670	E-06797	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 73X60MM	Mũi Khoét Đa Năng T.C.T 73X60MM	902,000
5671	E-06806	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 76X60MM	Mũi Khoét Đa Năng T.C.T 76X60MM	902,000
5672	E-06812	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 83X60MM	Mũi Khoét Đa Năng T.C.T 83X60MM	935,000
5673	E-06828	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 102X60MM	Mũi Khoét Đa Năng T.C.T 102X60MM	1,452,000
5674	E-06834	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 127X60MM	Mũi Khoét Đa Năng T.C.T 127X60MM	3,058,000
5675	E-06840	HSS-G PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi Khoan Định Tâm HSS-G(105MM)	220,000
5676	E-06856	HSS-CO PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi Khoan Định Tâm HSS-CO(105MM)	308,000
5677	E-06862	TCT PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi Khoan Định Tâm TCT(105MM)	286,000
5678	E-06878	EZYCHANGE EXTENSION BAR(150MM)	Bộ Chuyển Đổi Nối Dài(150MM)	654,500
5679	E-06884	EZYCHANGE EXTENSION BAR(300MM)	Bộ Chuyển Đổi Nối Dài (300MM)	698,500
5680	E-06937	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 150MM X 20MM X 25T/DCS551	Lưỡi Cưa Gỗ EFFICUT 150MMX20MMX25T/DCS551	649,000
5681	E-06959	EZYCHANGE ADAPTER 3/8" SHANK+TCT PILOT DRILL BIT(105MM)	Bộ Chuyển Đổi Nhanh 3/8" Và Mũi Khoan Định Tâm TCT (105MM)	737,000
5682	E-07010	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 45T	Lưỡi Cưa T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X45T	1,254,000
5683	E-07082	BIT SET WITH CLEAR CASE(18PCS)	Bộ Mũi Khoan Và Mũi Vít(18 Cái)	616,000
5684	E-07098	BIT SET WITH CLEAR CASE(27PCS)	Bộ Mũi Khoan Và Mũi Vít(27 Cái)	616,000
5685	E-07107	BIT SET WITH CLEAR CASE(28PCS)	Bộ Mũi Vít(28 Cái)	522,500
5686	E-07113	BIT SET WITH CLEAR CASE(29PCS)	Bộ Mũi Khoan Và Mũi Vít(29 Cái)	550,000
5687	E-07129	BIT SET WITH CLEAR CASE(30PCS)	Bộ Mũi Vít(30 Cái)	687,500
5688	E-07135	BIT SET WITH CLEAR CASE(32PCS)	Bộ Mũi Vít(32 Cái)	522,500
5689	E-07294	EARTH AUGER BIT 100X800MM	Mũi Khoan Đất 100X800MM	2,002,000
5690	E-07303	EARTH AUGER BIT 150X800MM	Mũi Khoan Đất 150X800MM	2,354,000
5691	E-07319	EARTH AUGER BIT 200X800MM	Mũi Khoan Đất 200X800MM	2,794,000
5692	E-07325	EXTENSION BAR 540MM	Thanh Nối Dài Mũi Khoan Đất 540MM	704,000
5693	E-07331	PIN FOR EARTH AUGER DRILL BIT	Chốt Gài Mũi Khoan Đất	77,000
5694	E-07412	FIBER SANDING DISC 50MM (A60)	Đĩa Chà Nhám 50MM (A60)	1,090,800
5695	E-07428	FIBER SANDING DISC 50MM (A80)	Đĩa Chà Nhám 50MM (A80)	1,090,800
5696	E-07434	FIBER SANDING DISC 50MM (A120)	Đĩa Chà Nhám 50MM (A120)	1,047,600
5697	E-07440	FIBER SANDING DISC 50MM (Z60)	Đĩa Chà Nhám 50MM (Z60)	1,047,600
5698	E-07456	FIBER SANDING DISC 50MM (Z80)	Đĩa Chà Nhám 50MM (Z80)	1,047,600
5699	E-07462	SURFACE CONDITIONING DISC COARSE/HARD 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Thô/Cứng) 50MM	1,965,600
5700	E-07478	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/HARD 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Vừa/Cứng) 50MM	1,965,600
5701	E-07484	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/HARD 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Mịn/Cứng) 50MM	1,965,600
5702	E-07490	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/ SOFT 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Vừa/Mềm) 50MM	1,706,400
5703	E-07509	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/SOFT 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Mịn/Mềm) 50MM	1,706,400
5704	E-07515	SURFACE CONDITIONING DISC VERY FINE/SOFT 50MM	Đĩa Cước Đánh Gi (Rất Mịn/Mềm) 50MM	1,706,400
5705	E-07630	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 100MM/DDG460	Lưỡi Cho Mũi Khoan Đất 100MM/DDG460	231,000
5706	E-07646	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 150MM/DDG460	Lưỡi Cưa Mũi Khoan Đất 150MM/DDG460	253,000
5707	E-07652	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 200MM/DDG460	Lưỡi Cưa Mũi Khoan Đất 200MM/DDG460	297,000
5708	E-07733	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MMX25MMX24T	Lưỡi Cưa EFFICUT 260MMX25MMX24T	1,254,000
5709	E-07755	3D WOOD LONG DRILL BIT 6X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 6X400MM	715,000
5710	E-07761	3D WOOD LONG DRILL BIT 8X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 8X400MM	715,000
5711	E-07777	3D WOOD LONG DRILL BIT 9X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 9X400MM	715,000
5712	E-07783	3D WOOD LONG DRILL BIT 10X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 10X400MM	715,000
5713	E-07799	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5MMX400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 10.5MMX400MM	649,000
5714	E-07808	3D WOOD LONG DRILL BIT 11X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 11X400MM	715,000
5715	E-07814	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 12X400MM	715,000
5716	E-07820	3D WOOD LONG DRILL BIT 13X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 13X400MM	891,000
5717	E-07836	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 13.5MMX400MM	814,000
5718	E-07842	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 15X400MM	891,000
5719	E-07858	3D WOOD LONG DRILL BIT 16X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 16X400MM	1,067,000
5720	E-07864	3D WOOD LONG DRILL BIT 18X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 18X400MM	1,067,000
5721	E-07870	3D WOOD LONG DRILL BIT 21X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 21X400MM	1,276,000
5722	E-07886	3D WOOD LONG DRILL BIT 22X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 22X400MM	1,540,000
5723	E-07892	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 24X400MM	1,540,000
5724	E-07901	3D WOOD LONG DRILL BIT 27X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 27X400MM	1,716,000
5725	E-07917	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X400MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 30X400MM	1,914,000
5726	E-07923	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5X500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 10.5X500MM	731,500
5727	E-07939	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 12X500MM	731,500
5728	E-07945	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 13.5MMX500MM	874,500
5729	E-07951	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 15X500MM	907,500
5730	E-07967	3D WOOD LONG DRILL BIT 18.0MMX500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 18.0MMX500MM	1,050,500
5731	E-07973	3D WOOD LONG DRILL BIT 21.0MMX500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 21.0MMX500MM	1,254,000
5732	E-07989	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 24X500MM	1,518,000
5733	E-07995	3D WOOD LONG DRILL BIT 27.0MMX500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 27.0MMX500MM	1,716,000
5734	E-08006	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X500MM	Mũi Khoan Gỗ Dài 3D 30X500MM	1,892,000
5735	E-08707	FLAT BIT SET(8PCS)	Mũi Khoan Dẹt(8 Cái)	484,000
5736	E-08763	IMPACT BLACK PH2-50MM,2PCS	Mũi Vít PH2-50MM IMPACT BLACK (2 Cái/ Bộ)	55,000
5737	E-08779	IMPACT BLACK PH3-50MM,2PCS	Mũi Vít PH3-50MM IMPACT BLACK (2 Cái/ Bộ)	55,000
5738	E-08785	IMPACT BLACK MAGNETIC BITHOLDER,1PC	Đầu Giữ Mũi Vít Có Nam Châm IMPACT BLACK (1 Cái)	82,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5739	E-08791	IMPACT BLACK SLEEVE CHUCK BITHOLDER,1PC	ĐẦU GIỮ MŨI VÍT CÓ KHÓA IMPACT BLACK (1CÁI)	104,500
5740	E-08800	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 6MM	ĐẦU TUÝP VẮN ỐC IMPACT BLACK 6MM	49,500
5741	E-08816	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 8MM	ĐẦU TUÝP VẮN ỐC IMPACT BLACK 8MM	49,500
5742	E-08822	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 10MM	ĐẦU TUÝP VẮN ỐC IMPACT BLACK 10MM	55,000
5743	E-08838	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 13MM	ĐẦU TUÝP VẮN ỐC IMPACT BLACK 13MM	55,000
5744	E-08844	IMPACT BLACK 3/8" SOCKET ADAPTER,1PC	ĐẦU CHUYỂN VẮN VÍT SANG BU LÔNG IMPACTBLACK 3/8"	55,000
5745	E-08850	IMPACT BLACK 1/2" SOCKET ADAPTER,1PC	ĐẦU CHUYỂN VẮN VÍT SANG BU LÔNG IMPACTBLACK 1/2"	71,500
5746	E-08969	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 60T	LƯỖI CỬA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X60T	1,496,000
5747	E-08975	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 80T	LƯỖI CỬA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X80T	1,760,000
5748	E-10702	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN THICKNESS 100X1.2X16MM	ĐÁ CẮT MÔNG ĐA NĂNG 100X1.2X16MM	37,800
5749	E-10724	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN THICKNESS 125X1.2X22.23MM	ĐÁ CẮT MÔNG ĐA NĂNG 125X1.2X22.23MM	43,200
5750	E-10855	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INOX/100X0.8X16MM Z60U	ĐÁ CẮT MÔNG INOX 100X0.8X16MM Z60U16MM	37,800
5751	E-10877	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INOX/125X0.8X22.23MM Z60U	ĐÁ CẮT MÔNG INOX 125X0.8X22.23MM Z60U	43,200
5752	E-10958	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 3X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)3X70MM	38,500
5753	E-10964	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 4X75MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)4X75MM	38,500
5754	E-10970	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)5X85MM	38,500
5755	E-10986	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 5.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)5.5X100MM	44,000
5756	E-10992	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)6X100MM	44,000
5757	E-11003	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)6X150MM	49,500
5758	E-11019	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 6.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)6.5X100MM	44,000
5759	E-11025	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 6.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)6.5X150MM	55,000
5760	E-11031	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)7X100MM	49,500
5761	E-11047	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 8X120MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)8X120MM	60,500
5762	E-11053	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 8X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)8X150MM	66,000
5763	E-11069	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)10X150MM	77,000
5764	E-11075	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)12X150MM	88,000
5765	E-11081	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI MATERIAL 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THẲNG)13X150MM	104,500
5766	E-11097	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 110MMX34MMX24T/DSC251	LƯỖI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 110MMX34MMX24T/DSC251	1,342,000
5767	E-11265	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX25T	LƯỖI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX25T	737,000
5768	E-11271	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX45T	LƯỖI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX45T	1,111,000
5769	E-11287	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX60T	LƯỖI CẮT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX60T	1,254,000
5770	E-11324	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 12X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 12X340MM	269,500
5771	E-11330	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 12X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 12X540MM	368,500
5772	E-11346	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 14X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 14X340MM	330,000
5773	E-11352	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 14X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 14X540MM	418,000
5774	E-11368	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 16X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 16X340MM	396,000
5775	E-11374	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 16X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 16X540MM	484,000
5776	E-11380	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 18X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 18X340MM	533,500
5777	E-11396	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 18X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 18X540MM	616,000
5778	E-11405	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 20X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 20X340MM	627,000
5779	E-11411	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 20X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 20X540MM	748,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5780	E-11427	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 22X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 22X340MM	726,000
5781	E-11433	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 22X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 22X540MM	852,500
5782	E-11449	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 24X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 24X340MM	819,500
5783	E-11455	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 24X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 24X540MM	946,000
5784	E-11461	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 25X340MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 25X340MM	852,500
5785	E-11477	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 25X540MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 25X540MM	973,500
5786	E-11483	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 28X370MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 28X370MM	1,056,000
5787	E-11499	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 28X570MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 28X570MM	1,298,000
5788	E-11508	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 30X370MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 30X370MM	1,298,000
5789	E-11514	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 30X570MM	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 30X570MM	1,606,000
5790	E-11558	DRIVE RATCHET HANDLE 1/4"	CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/4"	418,000
5791	E-11564	DRIVE RATCHET HANDLE 3/8"	CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 3/8"	528,000
5792	E-11570	DRIVE RATCHET HANDLE 1/2"	CÁN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/2"	682,000
5793	E-11586	COMBINATION WRENCH 8MM	CỖ LỀ VÒNG 8MM	71,500
5794	E-11592	COMBINATION WRENCH 10MM	CỖ LỀ VÒNG 10MM	88,000
5795	E-11601	COMBINATION WRENCH 12MM	CỖ LỀ VÒNG 12MM	93,500
5796	E-11617	COMBINATION WRENCH 13MM	CỖ LỀ VÒNG 13MM	99,000
5797	E-11623	COMBINATION WRENCH 14MM	CỖ LỀ VÒNG 14MM	121,000
5798	E-11639	COMBINATION WRENCH 15MM	CỖ LỀ VÒNG 15MM	126,500
5799	E-11645	COMBINATION WRENCH 16MM	CỖ LỀ VÒNG 16MM	132,000
5800	E-11651	COMBINATION WRENCH 17MM	CỖ LỀ VÒNG 17MM	143,000
5801	E-11667	COMBINATION WRENCH 18MM	CỖ LỀ VÒNG 18MM	143,000
5802	E-11673	COMBINATION WRENCH 19MM	CỖ LỀ VÒNG 19MM	154,000
5803	E-11972	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DECKING 185MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA185MMX20MMX40T	896,500
5804	E-11988	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DECKING 260MMX25.4MMX75T	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA260MMX25.4MMX75T	1,672,000
5805	E-12083	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL305MMX25.4MMX63T/LC1230/LC1230	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 305X25.4X63T/LC1230	4,202,000
5806	E-12354	IMPACT DEEP SOCKET FOR WHEEL NUT 3PCS SET(17X86,19X86,21X86)	BỘ ĐẦU TUÝP 3 CÁI(17X86,19X86,21X86)	682,000
5807	E-12790-5	CUT-OFF WHEEL METAL FOR DC POWER CUTTER 355X4.3X25.4MM	ĐÁ CẮT KIM LOẠI PHÙ HỢP CHO MÁY DC 355X4.3X25.4MM	1,555,200
5808	E-12918	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MMX20MMX45T	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X45T	1,870,000
5809	E-12924	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MMX20MMX60T	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X60T	2,332,000
5810	E-12974	TCT SAW BLADE EFFICUT 270MMX25.4MMX24T	LƯỠI CỬA GỖ EFFICUT 270X25.4X24T	1,254,000
5811	E-13029	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS13.3MM	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 13.3MM	1,012,000
5812	E-13035	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS16.5MM	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 16.5MM	1,034,000
5813	E-13041	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS22.2MM	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 22.2MM	1,166,000
5814	E-13281	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 305X25.4X81T	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 305X25.4X81T	2,574,000
5815	E-13340	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 305X25.4X96T	LƯỠI CẮT NHÔM EFFICUT 305X25.4X96T	2,882,000
5816	E-13611	EARTH AUGER BIT 50X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 50X800MM	1,848,000
5817	E-13627	EARTH AUGER BIT 60X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 60X800MM	1,958,000
5818	E-13633	EARTH AUGER BIT 80X800MM	MŨI KHOAN ĐẤT 80X800MM	1,980,000
5819	E-13649	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 50MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 50MM	198,000
5820	E-13655	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 60MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 60MM	214,500
5821	E-13661	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 80MM	LƯỠI CHO MŨI KHOAN ĐẤT 80MM	225,500
5822	E-14249	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4CUTTER ASSORTMENT 4PCS (5,6,8,10MM)	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 4 CÁI (5,6,8,10MM)	286,000
5823	E-14255	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK MULTI MATERIAL ASSORTMEN 5PCS (4,5,6,8,10MM)	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI THẲNG 5 CÁI (4,5,6,8,10MM)	242,000
5824	E-14320	TCT SAW BLADE 185MMFOR THICK METAL	LƯỠI CẮT TCT CHO KIM LOẠI 185MM	1,650,000
5825	E-14336	IMPACT SOCKET 1/4" 8PCS WITH SOCKET ADAPTER/NZ/6-13MM	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/4" CỔ ĐẦU CHUYÊN/NZ/6-13MM	302,500
5826	E-14495	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 11X165MM	198,000
5827	E-14504	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 11X215MM	236,500
5828	E-14510	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 11X265MM	275,000
5829	E-14526	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 11X315MM	368,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5830	E-14532	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X165MM	209,000
5831	E-14548	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X215MM	242,000
5832	E-14554	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X265MM	286,000
5833	E-14560	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X315MM	379,500
5834	E-14576	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X455MM	528,000
5835	E-14582	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 12X600MM	676,500
5836	E-14598	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X165MM	253,000
5837	E-14607	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X215MM	412,500
5838	E-14613	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X265MM	467,500
5839	E-14629	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 13X315MM	500,500
5840	E-14635	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X165MM	269,500
5841	E-14641	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X215MM	423,500
5842	E-14657	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X265MM	478,500
5843	E-14663	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X315MM	522,500
5844	E-14679	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X455MM	550,000
5845	E-14685	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 14X600MM	737,000
5846	E-14691	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 15X165MM	412,500
5847	E-14700	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 15X215MM	462,000
5848	E-14716	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 15X265MM	506,000
5849	E-14722	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 15X455MM	676,500
5850	E-14738	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X165MM	429,000
5851	E-14744	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X215MM	478,500
5852	E-14750	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X265MM	533,500
5853	E-14766	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X315MM	566,500
5854	E-14772	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X455MM	693,000
5855	E-14788	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUÔI SDS-PLUS 16X600MM	907,500
5856	E-15110	DRILL&SCREW BIT 75PCS/SET(NZ)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT 75 CÁI/BỘ(NZ)	869,000
5857	E-15827	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-65MM 10PCS/SET	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-65MM 10 CÁI/BỘ	264,000
5858	E-15833	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-110MM 10PCS/SET	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-110MM10 CÁI/BỘ	412,500
5859	E-16966-5	CUT-OFF WHEEL 355 FOR MASONRY	ĐÁ CẮT 355 DÀNH CHO XÂY DỰNG	2,397,600
5860	E-19788	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 305MMX25.4MMX96T/LC1230	LƯỠI CỬA EFICUT 305MMX25.4MMX96T/LC1230	7,645,000
5861	F-01697	BRAD NAIL 32(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 32MM (2021 ĐINH/HỘP)	803,000
5862	F-01703	BRAD NAIL 38(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 38MM (2021 ĐINH/HỘP)	891,000
5863	F-01716	BRAD NAIL 45(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,012,000
5864	F-01729	BRAD NAIL 50(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,094,500
5865	F-01732	BRAD NAIL 57(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 57MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,254,000
5866	F-01745	BRAD NAIL 64(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 64MM (2021 ĐINH/HỘP)	1,342,000
5867	F-30913	PHOSPHATED 3.9X25 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X25 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	396,000
5868	F-30939	PHOSPHATED 3.9X45 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X45 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	528,000
5869	F-31140	PHOSPHATED 3.9X55 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X55 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	605,000
5870	F-31153	PHOSPHATED 3.9X35 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X35 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	462,000
5871	F-31179	PHOSPHATED 3.9X35 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X35 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	462,000
5872	F-31182	PHOSPHATED 3.9X41 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X41 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	500,500
5873	F-31201	ZINC PLATED 4.2X40 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ KẼM 4.2X40 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	605,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5874	F-31748	PHOSPHATED 3.9X30 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ PHỐT PHO 3.9X30 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	451,000
5875	F-31825	PIN NAIL 18MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18MMMM (ĐINH/HỘP)	368,500
5876	F-31838	PIN NAIL 25MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM(10,000 ĐINH/HỘP)	462,000
5877	F-31841	PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH 30MM 10000CÁI/HỘP	517,000
5878	F-31854	PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH 35MM 10000CÁI/HỘP	588,500
5879	F-31867	BRAD NAIL 15MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 15MM 5000CÁI/HỘP	291,500
5880	F-31870	18 GA BRAD NAIL 20MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 20MM(5000 GHIM/HỘP)	368,500
5881	F-31883	BRAD NAIL 25MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 25MM 5000CÁI/HỘP	423,500
5882	F-31896	BRAD NAIL 30MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 30MM 5000CÁI/HỘP	495,000
5883	F-31902	18 GA BRAD NAIL 32MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 32MM(5000 GHIM/HỘP)	528,000
5884	F-31915	BRAD NAIL 35MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 35MM 5000CÁI/HỘP	572,000
5885	F-31928	18 GA BRAD NAIL 38MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 38MM(5000 GHIM/HỘP)	605,000
5886	F-31931	18 GA BRAD NAIL 40MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 40MM(5000 GHIM/HỘP)	638,000
5887	F-31944	18 GA BRAD NAIL 45MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 45MM(5000 GHIM/HỘP)	709,500
5888	F-31957	BRAD NAIL 50MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 50MM 5000CÁI/HỘP	781,000
5889	F-32142	STAINLESS PIN NAIL 18MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 18MM 10000CÁI/HỘP	852,500
5890	F-32155	STAINLESS PIN NAIL 25MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 25MM 10000CÁI/HỘP	1,122,000
5891	F-32168	STAINLESS PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 30MM 10000CÁI/HỘP	1,254,000
5892	F-32171	STAINLESS PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 35MM 10000CÁI/HỘP	1,452,000
5893	F-32245	FLAT TAPE COLLATED SCREWS 3.9X30MM(1000PCS)	VÍT CUỘN 3.9X30MM(1000CÁI)	440,000
5894	F-32483	STAINLESS STEL 4.2X55 PH2 (1000PCS/SET)	ĐINH KHÔNG GỈ 4.2X55 PH2 (1000 CÁI/HỘP)	2,794,000
5895	F-33218	YELLOW ZINC 4.2X50 SQ2 (1000PCS/SET)	ĐINH MẠ KẼM VÀNG 4.2X50 SQ2 (1000 CÁI/HỘP)	550,000
5896	GB00000042	BLADE 330/DLM330	LƯỠI CẮT CỎ 330/DLM330	203,500
5897	GB00000165	WIDE NOZZLE/DUB187	ĐẦU THÓI RỘNG/DUB187	178,200
5898	GB00000198	SHOULDER HARNESS ASSY/DUB187	BỘ DÂY ĐEO/DUB187	151,200
5899	GM00001028	SHOULDER HOOK SET/ML105	DÂY TREO/ML105	37,800
5900	GM00001288	SHOULDER HOOK SETML006G/ML006G	BỘ MÓC TREO/ML006G	32,400
5901	GM00001326	LAMP SHADE/ML006G	CHỤP ĐÈN CHỐNG LỎA/ML006G	159,500
5902	GM00001369	UNDER STAND FOR LED WORKLIGHT	GIÁ ĐỖ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	183,600
5903	GM00001396	WISE FOR LED WORKLIGHT	KẸP CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	484,000
5904	GM00001499	DUST COVER	NẠP TÚI BỤI	462,240
5905	GM00001683	MAGNET ATTACHEMENT/ML105	NAM CHẮM/ML105	352,000
5906	GM00002073	TRIPOD FOR DML809/DML811	GIÁ ĐỖ 3 CHÂN CHO ĐÈN DML809/DML811	5,698,000
5907	GM00002239	STRAP HOOK ASSY/DML812	DÂY ĐEO/DML812	81,000
5908	GM00002283	TRIPOD/DML805	BỘ CHÂN ĐỖ MÁY/DML805	2,046,000
5909	GM00002286	LAMP SHADE/DML809	CHỤP CHỐNG CHÓI MÁT/DML809	522,500
5910	GM00002287	LAMP SHADE/DML811	CHỤP CHỐNG CHÓI MÁT/DML811	330,000
5911	GM00002312	LAMP SHADE/ML003G	TẮM CHỐNG CHÓI/ML003G	154,000
5912	GM00002358	LAMP SHADE/ML005G	CHỤP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML005G	352,000
5913	GM00002359	ANTI-GLARE FILM/ML005G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML005G	203,500
5914	GM00002376	ANTI-GLARE FILM/ML009G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML009G	329,400
5915	GM00002377	LAMP SHADE/ML009G	CHỤP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML009G	523,800
5916	GM00002378	TRIPOD/ML009G	GIÁ ĐỖ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG /ML009G	5,412,000
5917	GM00002379	FLAT BAR/ML005G/ML003G	ĐỂ ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN/ML005G/ML003	1,122,000
5918	HY00000212	WHEEL KITS	BÁNH XE	4,532,000
5919	JM21000300	EXTENSION TABLE SET/LB1200F	BÀN TRƯỢT/LB1200F	1,663,200
5920	JM21000320	CIRCULAR CUTTING ATTACHMENT/LB1200F	KẸP LƯỠI/LB1200F	484,000
5921	JM21000330	BELT SANDING ATTACHMENT SET/LB1200F	THANH THÉP GIỮ CỖ ĐỊNH GIẤY NHÁM/LB1200F	291,500
5922	JM21080230	RIP FENCE ASSY/LB1200F	THANH CỬ/LB1200F	421,200
5923	JM21080293	DUST COLLECTOR PORT A/LB1200F	ỐNG HÚT BỤI A/LB1200F	21,600
5924	JM21080294	SAW BLADE 6/LB1200F	LƯỠI CỬA 6/LB1200F	660,000
5925	JM21080295	SAW BLADE 13/LB1200F	LƯỠI CỬA VÒNG 13/LB1200F	654,500
5926	JM21080296	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CỬA VÒNG 16/LB1200F	654,500
5927	JM21080297	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CỬA 16/LB1200F	660,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5928	JM23000065	FLANGE/MT230	MẶT BÍCH/MT230	66,000
5929	JM23010003	DUST BAG ASSEMBLY/M2300B	TÚI CHỨA BỤI/M2300B	70,200
5930	JM23100124	BLADE FLANGE/LS1018L	MẶT BÍCH LƯỖI CẮT/LS1018L	93,500
5931	JM23500038	BLADE FLANGE/LS0815FL	MẶT BÍCH NGOÀI/LS0815FL	104,500
5932	JM23510009	WISE ASSEMBLY	THANH KÉP VẬT LIỆU	194,400
5933	JM23510010	DUST BAG/LS0815FL	TÚI CHỨA BỤI/LS0815FL	97,200
5934	JM23610050	BRACKET SET/WST06	KHUNG ĐỖ/WST06	1,914,000
5935	JM27000086	PUSH STICK	GẬY ĐÁY	48,600
5936	JM27000087	WRENCH B	CỖ LÊ B	66,000
5937	JM27000090	DUST POINT/MLT100	ĐẦU NỒI HÚT BỤI/MLT100	27,000
5938	JM27000171	INNER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH TRONG/MLT100	38,500
5939	JM27000179	OUTER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH NGOÀI/MLT100	38,500
5940	JM27000300	STAND SET(WST03)/MLT100	GIÁ ĐỖ MÁY CỬA BÀN(WST03)/MLT100	7,040,000
5941	JM27000329	WRENCH	CỖ LÊ	22,000
5942	JPA122194	NOZZLE ASS""Y	VỎI HÚT	318,600
5943	JPA122197	NOZZLE ASS""Y	VỎI HÚT	1,576,800
5944	JPA122275	JOINT 55 ASS""Y	KHỚP NỒI 55	159,840
5945	KF00000020	STAINLESS CUP/DCM501	CỐC ĐỰNG CÀFÊ/DCM501	308,000
5946	KF00000066	FILTER SET/DCM501	PHỄU LỌC/DCM501	64,800
5947	KF00000068	SPOON/DCM501	MUỐNG NHỰA/DCM501	27,000
5948	KF00000069	CUP COVER/DCM501	NÁP ĐẬY CỐC/DCM501	43,200
5949	LE00855702	LASER RECEIVER/LDX1	THIẾT BỊ THU TIA LAZER/LDX1	7,776,000
5950	LE00870137	WALL MOUNT/SK105	GIÁ ĐỖ/SK105	2,860,000
5951	ML001G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(40V MAX)	1,408,000
5952	ML002G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DỪNG PIN(40V MAX)	3,080,000
5953	ML003G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DỪNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)	5,632,000
5954	ML005GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DỪNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)	9,086,000
5955	ML006GX	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(40V MAX)	2,200,000
5956	ML007G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN DỪNG PIN(40V MAX)	4,730,000
5957	ML009GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DỪNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)	14,036,000
5958	ML011G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(40V MAX)	2,068,000
5959	ML103	CORDLESS LED FLASHLIGHT (12V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(12V MAX)	786,500
5960	ML104	CORDLESS LED FLASHLIGHT (12V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(12V MAX)	2,332,000
5961	ML105	CORDLESS LED FLASHLIGHT(12V)	ĐÈN LED PIN(12V)	1,386,000
5962	ML106	CORDLESS LED FLASHLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(12V MAX)	1,672,000
5963	ML107	CORDLESS WORKLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DỪNG PIN(12V MAX)	1,430,000
5964	ML187	RECHARGEABLE FLASH LIGHT(G-BATTERY)(14.4V/18V)	ĐÈN LED DỪNG PIN(PIN TIẾT KIỆM)(14.4V/18V)	1,100,000
5965	P-31893	CRD S/N MM 93X185 8F #80 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185 8F #80 X10SCAT AUTO	108,000
5966	P-31902	CRD S/N MM 93X185 8F #100 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185 8F #100 X10SCAT AUTO	97,200
5967	P-32954	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #100 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 NON FOR #100 X10AUTO MAKITA	64,800
5968	P-32960	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #150 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 NON FOR #150 X10AUTO MAKITA	64,800
5969	P-33102	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #80X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X102 VEL 6F #80X10TO MAKITA	97,200
5970	P-33146	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #180X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X102 VEL 6F #180X10UTO MAKITA	97,200
5971	P-33277	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #80X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC C.94 VEL/FOR #80X10	86,400
5972	P-33320	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #240X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC C.94 VEL/FOR #240X10	86,400
5973	P-35891	CRD S/N MM 93X185 VEL 8F BOSCH #120X10 SCAT AUTO MAKITA	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185 VEL 8F BOSCH #120X10	97,200
5974	P-35988	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #150X50	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185MM 8F #150X50	406,080
5975	P-35994	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #180X50	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185MM 8F #180X50	406,080
5976	P-36005	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #240X50	GIẤY CHÀ NHẢM 93X185MM 8F #240X50	410,400
5977	P-36142	CRD S/N VELL MM 93X228 NON FOR #80 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 #80 X10CAT AUTO	64,800
5978	P-36164	CRD S/N VELL MM 93X228 NON FOR #180 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 #180 X10SCAT AUTO	64,800
5979	P-36239	CRD S/N VELL MM 93X230 #150X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHẢM 93X230 #150X50	205,200
5980	P-36245	CRD S/N VELL MM 93X230 #180X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHẢM 93X230 #180X50	203,040
5981	P-36479	KE5 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #120X50	224,640
5982	P-36485	KE5 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #150X50	224,640
5983	P-36500	KE5 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #240X50	224,640
5984	P-36516	D24 S/N MM 114X140 #40X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #40X10	97,200
5985	P-36522	D24 S/N MM 114X140 #60X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #60X10	91,800
5986	P-36538	D24 S/N MM 114X140 #80X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #80X10	91,800
5987	P-36544	D24 S/N MM 114X140 #100X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #100X10	91,800
5988	P-36550	D24 S/N MM 114X140 #120X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #120X10	91,800
5989	P-36566	D24 S/N MM 114X140 #150X10	GIẤY CHÀ NHẢM MM 114X140 #150X10	91,800



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
5990	P-36572	D24 S/N MM 114X140 #180X10	GIẤY CHÀ NHÂM 114X140/A180X10	91,800
5991	P-36588	D24 S/N MM 114X140 #240X10	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #240X10	91,800
5992	P-36594	D24 S/N MM 114X140 #40X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #40X50	421,200
5993	P-36603	D24 S/N MM 114X140 #60X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #60X50	378,000
5994	P-36619	D24 S/N MM 114X140 #80X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #80X50	313,200
5995	P-36625	D24 S/N MM 114X140 #100X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #100X50	302,400
5996	P-36631	D24 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #120X50	302,400
5997	P-36647	D24 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #150X50	302,400
5998	P-36653	D24 S/N MM 114X140 #180X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #180X50	302,400
5999	P-36669	D24 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 114X140 #240X50	302,400
6000	P-36968	IMX S/N MM 100X610 #60 X25	GIẤY CHÀ NHÂM 100X610 #60 X25	1,166,400
6001	P-36974	IMX S/N MM 100X610 #80 X25	GIẤY CHÀ NHÂM 100X610 #80 X25	1,144,800
6002	P-36980	IMX S/N MM 100X610 #100 X25	GIẤY CHÀ NHÂM 100X610 #100 X25	1,144,800
6003	P-36996	IMX S/N MM 100X610 #120 X25	GIẤY CHÀ NHÂM 100X610 #120 X25	1,144,800
6004	P-42488	KE5 S/N MM 102X114 VEL 6 FORI GR.240X50	GIẤY CHÀ NHÂM MM 102X114 VEL 6 FORI GR.2	371,520
6005	P-42846	D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240X50	GIẤY CHÀ NHÂM D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240X50	275,400
6006	P-67885	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX40T	440,000
6007	P-67957	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	291,500
6008	P-67963	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	302,500
6009	P-67979	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 230MMX25.4MMX60T	572,000
6010	P-67991	T.C.T SAW BLADE 255MM25.4MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255MM25.4MMX60T	522,500



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
6011	P-68002	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX100T	814,000
6012	P-70219	FILTER ELEMENT/VC2000L	BỘ LỌC/VC2000L	826,200
6013	P-70297	DISPOSAL BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỨA BỤI(5CÁI)/VC2000L	977,400
6014	P-70421	ADAPTER 35-38/VC2000L	KHỚP NỐI 35-38/VC2000L	550,800
6015	P-71071	T.C.T SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	462,000
6016	P-71766	3 POCKET FIXINGS POUCH	TÚI ĐỰNG 3 NGĂN	1,507,680
6017	P-71934	HAMMER AND TOOL HOLDER	TÚI GIỮ Búa VÀ CÔNG CỤ	704,160
6018	P-72899	FILTER BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI ĐỰNG BỤI(5CÁI)/VC2000L	642,600
6019	P-72942	SUCTION TUBE 35X520MM 2PCS/VC2000L	ỐNG THẮNG 35X520MM 2CÁI/VC2000L	682,000
6020	P-81739	SUCTION HOSE D32X3500 W/TUBE/VC2000L	ỐNG MỀM 32X3500/VC2000L	912,600
6021	P-81745	TOOL ADAPTER 24/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN 24/VC2000L	496,800
6022	P-83901	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	319,000
6023	P-83917	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	319,000
6024	P-84355	TCT SAW BLADE 255X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X120T(NHÔM)	885,500
6025	PDC1200A02	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TYPE/40V MAX/18Vx2)/PDC1200	BỘ TRỮ PIN ĐEO VAI(BỘ CẤP NGUỒN/40V MAX/18Vx2)/PDC1200	46,461,600
6026	PF400MP	PUMP ATTACHMENT/PF400MP	PHỤ KIỆN BƠM NƯỚC/PF400MP	7,282,000
6027	PILOT L	PILOT L FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 11MM/HB350	198,000
6028	PILOTS	PILOT S FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 11MM/HB350	165,000
6029	PILOTU1A	S/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA FOR TCT BLADE(90MMX6.34MM)/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN ĐẾN 17MM(90MMX6.34MM)/HB350	132,000
6030	PILOTU1B	S/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA FOR TCT BLADE(90MMX7.98MM)/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN TRÊN 17MM(90MMX7.98MM)/HB350	170,500
6031	PILOTU2A	L/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA FOR TCT BLADE(106MMX6.34MM)/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN ĐẾN 17MM(106MMX6.34MM)/HB350	132,000
6032	PILOTU2B	L/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA FOR TCT BLADE(106MMX7.98MM)/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN TRÊN 17MM(106MMX7.98MM)/HB350	170,500
6033	PR00000028	GLASS PROTECTION NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG CHO KÍNH	143,000
6034	PR00000029	WIDE SLOT NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG KHE RỘNG	137,500
6035	PR00000030	REFLECTOR NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG PHẢN XẠ NHIỆT	176,000
6036	PR00000031	REDUCTION NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG HỘ TỤ	154,000
6037	PR00000032	OVERLAP WELDING NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG DẠNG ĐÉP	319,000
6038	PR00000033	SOLDER SLEEVES REFLECTOR	ĐẦU THỔI NÓNG CHO HÀN PHẢN XẠ NHIỆT	379,500
6039	PR00000034	WELDING NOZZLE	ĐẦU THỔI NÓNG CHO HÀN	143,000
6040	PR00000035	PRESSURE ROLLER	CON LẤN ÁP LỰC	231,000
6041	PR00000036	WELDING RODS ABS	QUE HÀN ABS	226,800
6042	PR00000037	WELDING RODS HDPE	QUE HÀN HDPE	205,200
6043	PR00000038	WELDING RODS PP	QUE HÀN PP	205,200
6044	PR00000039	SPEED WELDING NOZZLE	ĐẦU HÀN NHANH CHO MÁY THỔI NÓNG	165,000
6045	PR00000040	SCRAPER	ĐẦU NẠO	225,500
6046	PR00000041	SCRAPER SET	BỘ ĐẦU NẠO	198,000
6047	PR00000042	SCRAPER	ĐẦU NẠO	159,500
6048	PR00000128	SHOULDER STRAP/DUS054	DÂY ĐEO/DUS054	151,200
6049	PR00000142	TOW HEAD NOZZLE/DUS054	ĐẦU VÔI PHUN/DUS054	86,400
6050	PR00000144	HOOK/DUS054	MỐC TREO/DUS054	16,200
6051	PR00000145	SPRAY WAND/DUS054	ỐNG CÁN PHUN/DUS054	275,000
6052	PR00000314	HOOK FOR SPRAY WAND/DUS108/DUS158	GIỮ ĐẦU PHUN/DUS108/DUS158	21,600
6053	PR00000317	MEASURING CUP/DUS158	LY ĐỊNH LƯỢNG/DUS158	75,600
6054	SC00000103	HEX. WRENCH M3/DSC163	ỚC LỰC GIÁC M3/DSC163	27,500
6055	SC00000104	HEX. WRENCH M4/DSC163	ỚC LỰC GIÁC M4/DSC163	27,500
6056	SC00000105	HEX. WRENCH M5/DSC163	ỚC LỰC GIÁC M5/DSC163	38,500
6057	SC00000107	WRENCH 17-14/DSC163	CỔ LÊ 14-17/DSC163	231,000
6058	SC00000130	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỖI CẮT	2,552,000
6059	SC00000203	DIE SB-6(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-6/DPP200	2,728,000
6060	SC00000205	DIE SB-6.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-6.5/DPP200	2,728,000
6061	SC00000207	DIE SB-8(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6062	SC00000209	DIE SB-8.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-8.5/DPP200	2,728,000
6063	SC00000211	DIE SB-10(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6064	SC00000213	DIE SB-11(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-11/DPP200	2,728,000
6065	SC00000215	DIE SB-12(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6066	SC00000217	DIE SB-13(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-13/DPP200	2,728,000
6067	SC00000219	DIE SB-14(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6068	SC00000221	DIE SB-15(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-15/DPP200	2,728,000
6069	SC00000223	DIE SB-18(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-18/DPP200	2,728,000
6070	SC00000244	OBLONG DIE B6.5X10/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẬU DỤC B6.5X10/DPP200	2,728,000
6071	SC00000246	OBLONG DIE B6.5X13/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẬU DỤC B6.5X13/DPP200	2,728,000
6072	SC00000248	OBLONG DIE B8.5X13(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 8.5X13(HÌNH BẬU DỤC)/DPP200	2,508,000
6073	SC00000250	OBLONG DIE B8.5X17/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẬU DỤC B8.5X17/DPP200	2,728,000
6074	SC00000252	OBLONG DIE B9X13.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẬU DỤC B9X13.5/DPP200	2,728,000
6075	SC00000254	OBLONG DIE B9X18/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẬU DỤC B9X18/DPP200	2,728,000
6076	SC00000256	OBLONG DIE B10X15(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 10X15(HÌNH BẬU DỤC)/DPP200	2,508,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
6077	SC00000258	OBLONG DIE B10X20/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B10X20/DPP200	2,728,000
6078	SC00000260	OBLONG DIE B11X16.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B11X16.5/DPP200	2,728,000
6079	SC00000262	OBLONG DIE B12X18(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	2,508,000
6080	SC00000264	OBLONG DIE B13X19.5/DPP200	KHUÔN ĐỘT BẦU DỤC B13X19.5/DPP200	2,728,000
6081	SC00000266	OBLONG DIE B14X21(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	2,508,000
6082	SC00000508	CUTTER 8MM SET	BỘ LƯỖI CẮT 8MM	3,674,000
6083	SC00000510	CUTTER 10MM SET	BỘ LƯỖI CẮT 10MM	3,674,000
6084	SC00000512	CUTTER 12MM SET	BỘ LƯỖI CẮT 12MM	3,674,000
6085	SC00000514	STAINLESS STEEL CUTTRER 8MM	BỘ LƯỖI CẮT KHÔNG GỈ 8MM	3,674,000
6086	SC00000515	STAINLESS STEEL CUTTER 10MM	BỘ LƯỖI CẮT KHÔNG GỈ 10MM	3,674,000
6087	SC00000562	CUTTER 6MM SET	BỘ LƯỖI CẮT 6MM	3,674,000
6088	SC00000580	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỖI CẮT	6,512,000
6089	SC03300790	SLIDE STOPPER/DPP200	THƯỚC CẠNH CHỐNG TRƯỢT/DPP200	1,936,000
6090	SC03801080	WORK STAND/DPP200	GIÁ ĐỖ/DPP200	2,398,000
6091	SC05332710	DIE SB-16(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT TRÒN SB-16/DPP200	2,728,000
6092	SC05332740	DIE SB-19(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,530,000
6093	SC05340040	PUNCH 6MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 6MM/DPP200	2,706,000
6094	SC05340050	PUNCH 6.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 6.5MM/DPP200	2,706,000
6095	SC05340060	PUNCH 8(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6096	SC05340070	PUNCH 8.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 8.5MM/DPP200	2,706,000
6097	SC05340080	PUNCH 10(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6098	SC05340090	PUNCH 11MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 11MM/DPP200	2,706,000
6099	SC05340100	PUNCH 12(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6100	SC05340110	PUNCH 13MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 13MM/DPP200	2,706,000
6101	SC05340120	PUNCH 14(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6102	SC05340130	PUNCH 15MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 15MM/DPP200	2,706,000
6103	SC05340140	PUNCH 16MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 16MM/DPP200	2,706,000
6104	SC05340150	PUNCH 18MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT TRÒN 18MM/DPP200	2,706,000
6105	SC05340160	PUNCH 20(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6106	SC05340170	PUNCH 19(ROUND)/DPP200	MŨI ĐỘT 19(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,530,000
6107	SC05340200	OBLONG PUNCH 6.5X10/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 6.5X10/DPP200	3,696,000
6108	SC05340210	OBLONG PUNCH 6.5X13/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 6.5X13/DPP200	3,696,000
6109	SC05340220	OBLONG PUNCH 8.5X13(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3,410,000
6110	SC05340230	OBLONG PUNCH 8.5X17/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 8.5X17/DPP200	3,696,000
6111	SC05340240	OBLONG PUNCH 9X13.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 9X13.5/DPP200	3,696,000
6112	SC05340250	OBLONG PUNCH 9X18/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 9X18/DPP200	3,696,000
6113	SC05340260	OBLONG PUNCH 10X15(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3,410,000
6114	SC05340270	OBLONG PUNCH 10X20/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 10X20/DPP200	3,696,000
6115	SC05340280	OBLONG PUNCH 11X16.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 11X16.5/DPP200	3,696,000
6116	SC05340290	OBLONG PUNCH 12X18(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3,410,000
6117	SC05340300	OBLONG PUNCH 13X19.5/DPP200	MŨI ĐỘT BẦU DỤC 13X19.5/DPP200	3,696,000
6118	SC05340310	OBLONG PUNCH 14X21(OVAL)/DPP200	MŨI ĐỘT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3,410,000
6119	SC05352510	DIE SB-20(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐỘT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2,508,000
6120	SC09002450	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỖI CẮT	3,674,000
6121	SC09002470	CUTTER BLADE SET/DSC163	LƯỖI CẮT/DSC163	5,808,000
6122	SC09002700	CUTTER M8/DSC121	LƯỖI CẮT M8/DSC121	3,960,000
6123	SC09002710	CUTTER M10/DSC121	LƯỖI CẮT M10/DSC121	3,960,000
6124	SC09002720	CUTTER M12/DSC121	LƯỖI CẮT M12/DSC121	3,960,000
6125	SC09002730	CUTTER W3/8/DSC121	LƯỖI CẮT W3/8 /DSC121	3,625,600
6126	SC09003260	FLANGELESS BLADE/DSC251	LƯỖI CẮT/DSC251	1,306,800
6127	SE00000679	AC ADAPTER/DMR114	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/DMR114	627,000
6128	SE00000792	AC ADAPTER/DMR203	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐIỆN NGUỒN ĐIỆN/DMR203	264,000
6129	SH00000027	CUP FILTER ASSY/DCL500	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL500	816,480
6130	SH00000034	P SUC-HOSE 1ST ASSY	TAY CÀM HÚT BỤI	1,771,200
6131	SH00000042	T CREVICE NOZZLE/DCL501	ĐẦU HÚT KHE/DCL501	275,400
6132	SH00000058	FLOOR NOZZLE ASSY/DCL501	ĐẦU HÚT BỤI/DCL501	669,600
6133	SH00000060	SCREW PIPE ASSY/DCL501	ỐNG HÚT BỤI/DCL501	1,914,000
6134	SH00000063	POWER BRUSH(STANDARD)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI(TIÊU CHUẨN)/DRC200	1,775,520
6135	SH00000064	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐẦY TRỤC LẤN	814,000
6136	SH00000065	SIDE BRUSH 2PCS(STANDARD)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2CÁI(TIÊU CHUẨN)/DRC200	1,166,400
6137	SH00000213	FILTER UNIT'S ASSY/DRC200	LỌC BỤI/DRC200	1,684,800
6138	SH00000231	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẢM ỨNG KHOANH VÙNG 15M/DRC200	1,447,200
6139	SH00000240	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẢM ỨNG KHOANH VÙNG 15M/DRC200	1,386,000
6140	SH00000286	CUP FILTER ASSY/DCL501	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL501	913,000
6141	SH00000313	POWER BRUSH(STANDARD)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI(TIÊU CHUẨN)/DRC200	2,203,200
6142	SH00000314	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐẦY TRỤC LẤN	924,000
6143	SH00000319	POWER BRUSH (COMBINATION)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (KẾT HỢP)/DRC200	3,088,800
6144	SH00000320	POWER BRUSH (SOFT)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (MỀM)/DRC200	2,743,200
6145	SH00000321	SIDE BRUSHES 2 PCS (SOFT)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2 PCS (MỀM)/DRC200	1,749,600
6146	STEX122177	ANGLE ATTACHEMENT/DS4011	PHỤ KIỆN GÓC/DS4011	4,600,800
6147	STEX122198	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	1,804,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
6148	STEX122299	BELT SANDER STAND	BỘ CHÀ NHÁM BĂNG ĐỨNG	3,718,000
6149	STEX122385	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN MÁY ĐÁNH CẠNH	1,078,000
6150	STEX122390	TRIMMER BASE ASSY	ĐỂ MÁY ĐÁNH CẠNH	1,006,500
6151	STEXBML360	RECHAGEABLE FLUORESCENT LIGHT	RECHAGEABLE FLUORESCENT LIGHT	1,188,000
6152	SY00146013	UPPER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỖI CẮT TRÊN/EM407MP	902,000
6153	SY00146014	LOWER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỖI CẮT DƯỚI/EM407MP	819,500
6154	TD00000110	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	1,276,000
6155	TD00000111	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	1,309,000
6156	TD00000112	CABLE UNIT B	DÂY CÁP B	110,000
6157	TE00000173	AC ADAPTOR/DCF203	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN AC/DCF203	511,500
6158	TE00000242	AC ADAPTER/CF100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/CF100D	396,000
6159	TE00000333	SWIM RING ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỔI/MP100D	27,000
6160	TE00000334	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỔI/MP100D	22,000
6161	TE00000335	BALL ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỔI/MP100D	22,000
6162	TE00000440	ADAPTOR(FRA)/DCF203	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN AC/DCF203	528,000
6163	TE00000442	AC ADAPTER/DCF301	BỘ CHUYỂN ĐỔI AC/DCF301	786,500
6164	TE00000594	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỔI ỒNG BƠM HƠI/MP100D	27,500
6165	TK00SB0001	SHOULDER BELT/SK312GD	DÂY ĐEO VAI/SK312GD	194,400
6166	TK02100200	GLASSES LASER VISIBILITY/SK312GD	PHỤ KIỆN KÍNH HIỂN THỊ LAZE/SK312GD	367,200
6167	TK0219UNIM	CD-ROM/SK312GD	Đĩa CD/SK312GD	467,500
6168	TK0LDG301F	LASER RECEIVER LDG-3/SK312GD	THIẾT BỊ THU TIA LAZER LDG-3/SK312GD	8,208,000
6169	TK0LDG501F	LASER RECEIVER LDG-5/SK10GD	PHỤ KIỆN THU TIA LAZER/SK10GD	5,184,000
6170	TK0LM2000F	MINI TRIPOD/SK312GD	GIÁ 3 CHÂN NHỎ/SK312GD	1,320,000
6171	TK0LM4001F	TRIPOD 1800	CHÂN MÁY	3,542,400
6172	TK0LM5030F	TRIPOD 2900/SK312GD	CHÂN MÁY/SK312GD	5,227,200
6173	TK0LVE3062	CABLE GCX(F)/SK312GD	CÁP GCX(F)/SK312GD	313,500
6174	TK219UNQSG	OPERATION GUIDE/SK312GD	SÁCH HƯỚNG DẪN/SK312GD	108,000
6175	TKAK400MUN	STORAGE CASE/SK312GD	THÙNG MÁY/SK312GD	5,214,000
6176	TKERW219UN	LEAD UNIT/SK312GD	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/SK312GD	203,500
6177	TKLM400117	STORAGE BAG/TK0LM4001F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM4001F	729,000
6178	TKLM503023	STORAGE BAG/TK0LM5030F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM5030F	853,200
6179	TL00000023	CHARGER	SẠC PIN/6723DW	143,000
6180	TP00000153	NOZZLE A	VỎI ĐẸP THỔI NÓNG A	43,200
6181	TP00000159	FISHTAIL SPREADER	PHỤ KIỆN MÁY THỔI NÓNG C	22,000
6182	TP00000164	BATTERY 4.8V / 6723DW	PIN 4.8V / 6723DW	345,600
6183	TR00000001	TROLLEY	XE KÉO BẢNG TAY ĐỂ CHỖ HÀNG	4,946,400
6184	UD00UPC14L	CUTTER TCT(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)14X55MM	918,500
6185	UD00UPC14S	CUTTER TCT(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)14X35MM	863,500
6186	UD00UPC15L	CUTTER TCT(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)15X55MM	918,500
6187	UD00UPC15S	CUTTER TCT(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)15X35MM	863,500
6188	UD00UPC16L	CUTTER TCT(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)16X55MM	918,500
6189	UD00UPC16S	CUTTER TCT(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)16X35MM	863,500
6190	UD00UPC17L	CUTTER TCT(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)17X55MM	918,500
6191	UD00UPC17S	CUTTER TCT(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)17X35MM	863,500
6192	UD00UPC18L	CUTTER TCT(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)18X55MM	918,500
6193	UD00UPC18S	CUTTER TCT(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)18X35MM	863,500
6194	UD00UPC19L	CUTTER TCT(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)19X55MM	918,500
6195	UD00UPC19S	CUTTER TCT(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)19X35MM	863,500
6196	UD00UPC20L	CUTTER TCT(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)20X55MM	940,500
6197	UD00UPC20S	CUTTER TCT(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)20X35MM	863,500
6198	UD00UPC21L	CUTTER TCT(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)21X55MM	940,500
6199	UD00UPC21S	CUTTER TCT(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)21X35MM	863,500
6200	UD00UPC22L	CUTTER TCT(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)22X55MM	940,500
6201	UD00UPC22S	CUTTER TCT(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)22X35MM	863,500
6202	UD00UPC23L	CUTTER TCT(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)23X55MM	1,056,000
6203	UD00UPC23S	CUTTER TCT(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)23X35MM	891,000
6204	UD00UPC24L	CUTTER TCT(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)24X55MM	1,056,000
6205	UD00UPC24S	CUTTER TCT(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)24X35MM	891,000
6206	UD00UPC25L	CUTTER TCT(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)25X55MM	1,056,000
6207	UD00UPC25S	CUTTER TCT(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)25X35MM	891,000
6208	UD00UPC26L	CUTTER TCT(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)26X55MM	1,056,000
6209	UD00UPC26S	CUTTER TCT(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)26X35MM	979,000
6210	UD00UPC27L	CUTTER TCT(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)27X55MM	1,056,000
6211	UD00UPC27S	CUTTER TCT(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)27X35MM	979,000
6212	UD00UPC28L	CUTTER TCT(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)28X55MM	1,056,000
6213	UD00UPC28S	CUTTER TCT(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)28X35MM	979,000
6214	UD00UPC29L	CUTTER TCT(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)29X55MM	1,056,000
6215	UD00UPC29S	CUTTER TCT(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)29X35MM	979,000
6216	UD00UPC30L	CUTTER TCT(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)30X55MM	1,056,000
6217	UD00UPC30S	CUTTER TCT(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)30X35MM	979,000
6218	UD00UPC31L	CUTTER TCT(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)31X55MM	1,276,000
6219	UD00UPC31S	CUTTER TCT(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(NGẮN)31X35MM	1,144,000
6220	UD00UPC32L	CUTTER TCT(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỦ TCT(ĐÀI)32X55MM	1,276,000



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MAKTEC

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 03 tháng 07 năm 2023

Áp dụng từ tháng 03/2023 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)
6221	UD00UPC32S	CUTTER TCT(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)32X35MM	1,144,000
6222	UD00UPC33L	CUTTER TCT(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)33X55MM	1,276,000
6223	UD00UPC33S	CUTTER TCT(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)33X35MM	1,144,000
6224	UD00UPC34L	CUTTER TCT(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)34X55MM	1,276,000
6225	UD00UPC34S	CUTTER TCT(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)34X35MM	1,144,000
6226	UD00UPC35L	CUTTER TCT(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(DÀI)35X55MM	1,276,000
6227	UD00UPC35S	CUTTER TCT(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỪ TCT(NGẮN)35X35MM	1,144,000
6228	W000014295	NOZZLE UNIVERSAL/VC2000L	ĐẦU HÚT CHỮ T/VC2000L	75,600
6229	W000029541	CREVICE NOZZLE/VC2000L	ĐẦU HÚT KHE HẸP/VC2000L	86,400
6230	W107402706	FLOOR NOZZLE 36X260MM/VC2000L	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN 36X260MM/VC2000L	329,400
6231	W107409979	TUBE HOLDER KIT/VC2000L	VÒNG GẮI/VC2000L	189,000
6232	W107413340	HAND TUBE WITH REGULATION/VC2000L	ỐNG MỀM CÀM TAY/VC2000L	453,600
6233	W107418661	TOOL ADAPTOR 22MM WITH REGULATION/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỐNG HÚT BỤI 22MM/VC2000L	464,400
6234	W107418680	TOOL ADAPTER 38MM/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỐNG HÚT BỤI 38MM/VC2000L	442,800
6235	WL00000002	CIGAR SOCKET CABLE/CW001G	CÁP CHUYỂN ĐỔI NGUỒN TẮU THUỐC/CW001G	258,500
6236	WL00000058	AC CORD ADAPTER/CW001G	DÂY CHUYỂN ĐỔI AC/CW001G	1,694,000
6237	WL00000313	AC ADAPTOR/CW002G	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN AC/CW002G	2,266,000
6238	WST05	MITERSAW STAND/DEAWST05	ĐỂ MÁY CỬA ĐA GÓC/DEAWST05	6,446,000
6239	WST06	MITERSAW STAND/WST06	ĐỂ MÁY CỬA ĐA GÓC/WST06	7,260,000
6240	WST07	MITERSAW STAND/WST07	ĐỂ MÁY CỬA ĐA GÓC/WST07	7,348,000
6241	XNR0000085	PLUG SOCKET/EBH340R	CẦU CHỈ/EBH340R	165,000
6242	XNR0000126	CORD STRAP/EBH340R	DÂY ĐEO/EBH340R	21,600
6243	XNR0000532	ROTOR L/KR401MP	LƯỠI XỐI ĐẤT L/KR401MP	440,000
6244	XNR0000535	ROTOR R/KR401MP	LƯỠI XỐI ĐẤT R/KR401MP	440,000
6245	XNR0000549	SWEEPER COMPLETE/SW400MP	CHỔI/SW400MP	2,786,400
6246	YA00000747	BLADE 410MM/ELM4120	LƯỠI CẮT 410MM/ELM4120	313,500
6247	YL00000004	LXT 14.4 18V BATTERY HOLDER/DCJ205D	BỘ GIỮ PIN 14.4V/18V/DCJ205D	805,200
6248	Z29704	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	2,484,000
6249	Z87705	ROTARY SCISSORS ATTACHMENT/EM407MP	LƯỠI CẮT CỎ BÁNH XE/EM407M	6,578,000